

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>1</b>
<b>DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT</b> .....	<b>4</b>
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG</b> .....	<b>5</b>
<b>Chương I</b> .....	<b>7</b>
<b>THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b> .....	<b>7</b>
<b>1. Tên chủ dự án đầu tư</b> .....	<b>7</b>
<b>2. Tên dự án đầu tư</b> .....	<b>7</b>
<b>3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư [1]</b> .....	<b>8</b>
<b>3.1. Công suất của dự án đầu tư</b> .....	<b>8</b>
<b>3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:</b> .....	<b>10</b>
3.2.1. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư .....	10
3.2.2 Sản phẩm của dự án đầu tư.....	13
<b>4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư</b> .....	<b>13</b>
4.1. Nguyên, nhiên vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án giai đoạn thi công .....	13
4.1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu .....	13
4.1.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước .....	13
4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước giai đoạn vận hành.....	13
<b>5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư [1]</b> .....	<b>15</b>
5.1. Các hạng mục công trình của Dự án .....	15
5.2. Danh mục máy móc thiết bị.....	18
5.3. Tổng vốn đầu tư.....	20
5.4. Tiến độ thực hiện dự án.....	20
5.5. Hiện trạng chiếm dụng đất khu vực dự án .....	20
5.6. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án .....	20
<b>Chương II</b> .....	<b>22</b>
<b>SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>22</b>
<b>1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường</b> .....	<b>22</b>
<b>2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường</b> .....	<b>23</b>
<b>Chương III</b> .....	<b>24</b>
<b>ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b> ..	<b>24</b>

<b>1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật .....</b>	<b>24</b>
1.1. Dữ liệu hiện trạng môi trường không khí.....	24
1.2. Dữ liệu hiện trạng môi trường nước thải.....	26
1.3. Dữ liệu hiện trạng môi trường nước dưới đất .....	27
1.4. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án .....	28
1.5. Dữ liệu về tài nguyên sinh vật.....	28
<b>2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án .....</b>	<b>29</b>
2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải .....	29
<b>3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án.....</b>	<b>30</b>
<b>Chương IV.....</b>	<b>32</b>
<b>ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>32</b>
<b>1. Đánh giá và dự báo tác động môi trường.....</b>	<b>32</b>
<b>1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn triển khai, thi công xây dựng dự án đầu tư.....</b>	<b>32</b>
1.1.1. Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất.....	32
1.1.2. Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng .....	32
1.1.3. Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị.....	32
1.1.4. Thi công các hạng mục công trình của dự án đối với các dự án có công trình xây dựng.....	36
1.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của Dự án trong giai đoạn thi công .....	41
<b>1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn dự án đi vào vận hành .....</b>	<b>42</b>
1.2.1. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải .....	42
1.2.2. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung) .....	51
1.2.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của Dự án trong giai đoạn vận hành.....	52
<b>2. Đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường.....</b>	<b>54</b>
<b>2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án .....</b>	<b>54</b>
2.1.1. Về nước thải .....	54
2.1.2. Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại .....	55
2.1.3. Về bụi, khí thải .....	56
2.1.4. Về tiếng ồn, độ rung.....	57

2.1.5. Biện pháp giảm thiểu tác động khác.....	57
2.1.5.1. Biện pháp giảm thiểu tác động hoạt động giải phóng mặt bằng .....	57
2.1.5.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	58
<b>2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành .....</b>	<b>59</b>
2.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải .....	59
2.2.2. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí.....	65
2.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn.....	69
2.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường .....	71
2.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	72
<b>3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....</b>	<b>77</b>
<b>4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....</b>	<b>78</b>
<b>Chương V .....</b>	<b>80</b>
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>80</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	80
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	81
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	83
<b>Chương VI.....</b>	<b>84</b>
<b>KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....</b>	<b>84</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư...84	
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	85
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	86
<b>Chương VII .....</b>	<b>87</b>
<b>CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ' .....</b>	<b>87</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO.....</b>	<b>88</b>
<b>CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>89</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>KÝ HIỆU</b>	<b>DIỄN GIẢI</b>
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	BXD	Bộ Xây dựng
4	BYT	Bộ Y tế
5	CP	Chính phủ
6	CTR	Chất thải rắn
7	GPMB	Giải phóng mặt bằng
8	KT-XH	Kinh tế - xã hội
9	ND	Nghị định
10	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
11	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
12	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
13	QĐ	Quyết định
14	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
15	TT	Thông tư
16	UBND	Ủy ban nhân dân
17	WHO	Tổ chức Y tế thế giới (World Health Organization)

**DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1.1. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án .....	8
Sơ đồ 1.1. Quy trình sản xuất tấm Calcium Silicate .....	10
Sơ đồ 1.2. Quy trình công nghệ sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng.....	11
Sơ đồ 1.3. Quy trình công nghệ sản xuất khung vách.....	12
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu trong giai đoạn thi công [2] .....	13
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước .....	14
Bảng 1.4. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng .....	18
Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng trong giai đoạn vận hành .....	19
Bảng 3.1. Dữ liệu môi trường không khí môi trường làm việc.....	24
Bảng 3.2. Dữ liệu môi trường khí thải .....	25
Bảng 3.3. Dữ liệu môi trường nước thải .....	26
Bảng 3.4. Dữ liệu môi trường nước dưới đất .....	27
Bảng 3.5. Mô tả vị trí lấy mẫu khí thải .....	30
Bảng 3.6. Kết quả phân tích khí thải .....	30
Bảng 3.7. Mô tả vị trí lấy mẫu nước thải.....	30
Bảng 3.8. Kết quả phân tích chất lượng nước thải .....	31
Bảng 4.1. Số lượt xe cần thiết để vận chuyển .....	32
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn khí thải của động cơ xe chạy bằng dầu diesel.....	33
Bảng 4.3. Tải lượng các chất ô nhiễm do phương tiện vận chuyển.....	33
Bảng 4.4. Nồng độ khí thải tại các khoảng cách khác nhau.....	34
Bảng 4.5. Nồng độ bụi do lốp xe ma sát với mặt đường từ phương tiện vận chuyển.....	35
Bảng 4.6. Mức ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công [11] .....	39
Bảng 4.7. Mức độ rung của các máy móc thi công [12] .....	40
Bảng 4.8. Nồng độ khí thải tại các khoảng cách khác nhau.....	43
Bảng 4.9. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm không khí do đốt dầu DO .....	45
Bảng 4.10. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm khí đốt dầu DO .....	45
Bảng 4.11. Tải lượng ô nhiễm tính theo đầu người [6].....	47
Bảng 4.12. Lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án .....	48

Bảng 4.13. Danh mục CTNH phát sinh của Nhà máy.....	51
Bảng 4.14. Mức độ phát sinh tiếng ồn [11] .....	51
Bảng 4.15. Kích thước các bể tự hoại.....	61
Bảng 4.16. Hệ thống các phương tiện thiết bị PCCC tại Nhà máy .....	74
Bảng 4.17. Danh mục các công trình và trang thiết bị xử lý môi trường .....	77
Bảng 4.18. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp.....	78
Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm.....	81
Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm.....	83
Bảng 5.3. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung .....	83

## **Chương I**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **1. Tên chủ dự án đầu tư**

- Tên Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico.
- Địa chỉ văn phòng: Thôn Trà Trì Phú, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: (Ông) Nguyễn Trường Hải - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số 3200693283, cấp đăng ký lần đầu ngày 20/5/2019, thay đổi lần thứ 5 ngày 19/6/2024 do Phòng Đăng kí kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6572805882, chứng nhận lần đầu ngày 27/8/2019, thay đổi lần thứ 3 ngày 09/9/2024 do Phòng Đăng kí kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

#### **2. Tên dự án đầu tư**

- Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate.
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Thôn Trà Trì Phú, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị; Cơ quan cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: UBND tỉnh Quảng Trị
- Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2025.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các giấy phép môi trường thành phần: Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 01/04/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate” và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 19/03/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phương án điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”;
- + Đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 732/GP-UBND ngày 29/3/2021.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc lĩnh vực Công nghiệp có tổng mức đầu tư 620.000.000.000 đồng, thuộc dự án nhóm B.

Dự án có tiêu chí môi trường là dự án đầu tư nhóm III thuộc mục số 2, phụ lục V ban hành kèm Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư [1]**

#### **3.1. Công suất của dự án đầu tư**

a. Quy mô sản xuất:

- Sản xuất tấm Calcium Silicate: 15.000.000 m<sup>2</sup> thành phẩm/năm.

- Sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng: 20.000 tấn/năm.

- Sản xuất khung thanh trần: 10.000 tấn/năm.

b. Quy mô diện tích: Quy mô xây dựng Dự án với diện tích 39.945 m<sup>2</sup>, trong đó cơ cấu sử dụng đất như sau:

**Bảng 1.1. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án**

TT	Ký hiệu	Chức năng	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao (Tầng)	Chiều cao xây dựng (m)	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )
A		<b>Công trình chính hiện hữu (I + II + III)</b>	<b>14.656,61</b>			
I	CN	<b>Công trình Nhà máy kho tàng hiện hữu</b>	<b>13.161,42</b>			<b>13.293,12</b>
	CN1	Nhà xưởng	12.932,80	1	13,40	12.932,80
	CN2	Nhà nồi hơi khí nóng	131,70	2	11,00	263,40
	CN3	Nhà khí nén (Không khí)	50,84	1	5,20	50,84
	CN4	Nhà bentonite	46,08	1	5,66	46,08
II	DV	<b>Công trình HCDV hiện hữu</b>	<b>114,10</b>			<b>114,10</b>
	DV1 (HH)	Nhà văn phòng hành chính	114,10	1	5,50	114,10
III	KT	<b>Công trình phụ trợ HTKT hiện hữu</b>	<b>1.381,09</b>			<b>1.263,39</b>
	KT1	Nhà đặt máy phát điện	73,10	1	5,50	73,10
	KT2	Bể nước sinh hoạt + PCCC	178,50	1	4,60	178,50
	KT3	Bồn dầu	60,00	1	-	60,00
	KT4	Khu xử lý nước thải	107,50	1	4,03	107,50
	KT5	Nhà hút bụi	36,40	1	10,25	36,40
	KT7	Khu chứa oxy	15,00	1	4,45	15,00
	KT8	Nhà chứa rác	42,00	1	4,60	42,00
	KT9	Bể lắng thu hồi	109,00	-	-	109,00

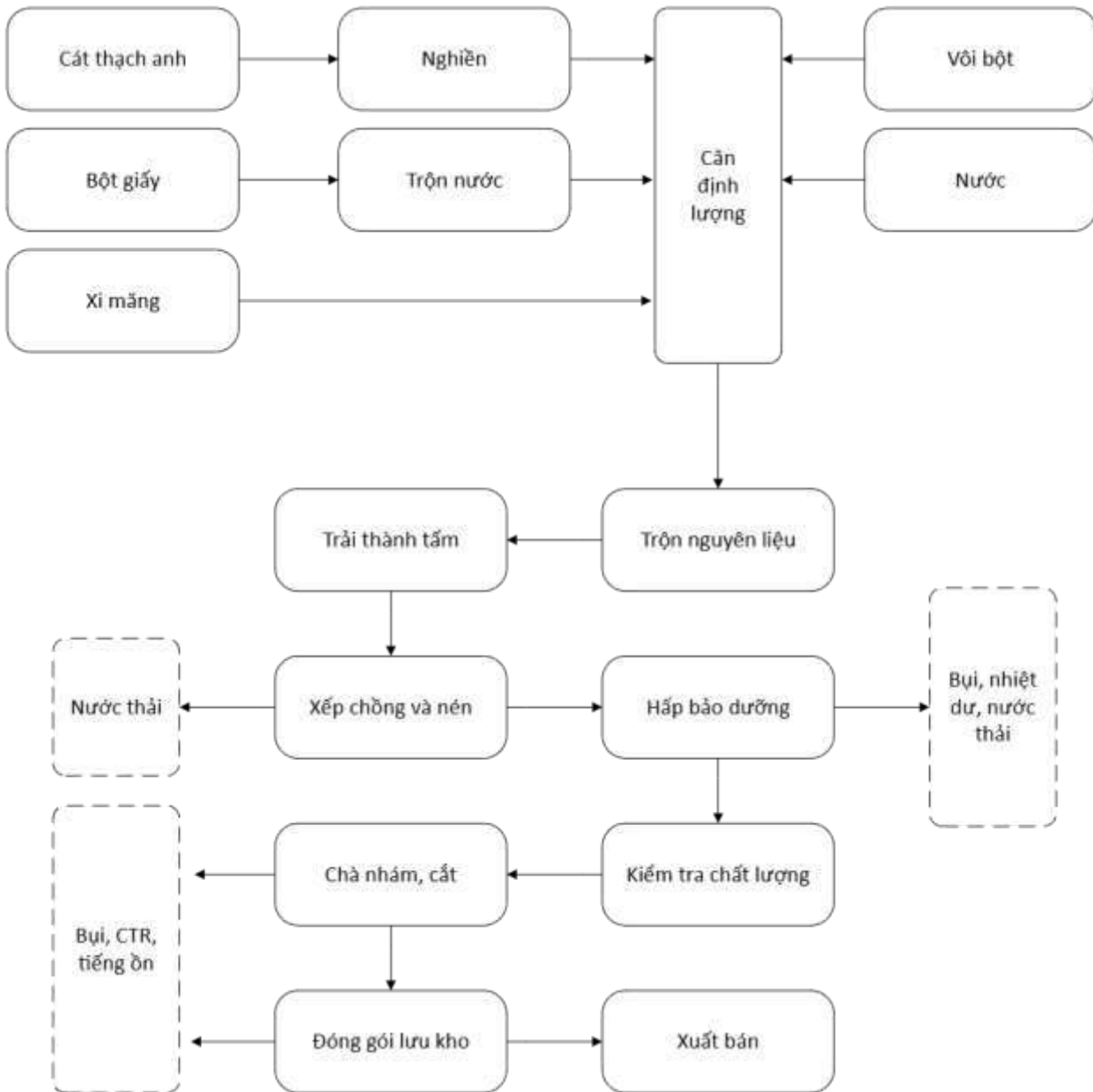
**Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate**

	KT10	Mái che khu xuất hàng	440,80	1	8,50	440,80
	KT11	Bể lắng	117,70	-	-	-
	KT12	Bệ móng đặt thiết bị 1	88,30	1	1,50	88,30
	KT13	Bệ móng đặt thiết bị 2	52,65	1	1,50	52,65
	KT14	Trạm biến áp	60,14	1	5,00	60,14
<b>B</b>		<b>Công trình chính xây mới (IV + V + VI)</b>	<b>10.280,56</b>			
<b>IV</b>	<b>CN</b>	<b>Công trình Nhà máy kho tàng xây mới</b>	<b>7.872,72</b>			<b>7.872,72</b>
	CN5	Khu gia công cơ khí	84,00	1	5,00	84,00
	CN6	Nhà khí nén mở rộng	54,97	1	5,00	54,97
	CN7	Nhà xưởng GĐ2	7.713,75	1	15,50	7.713,75
	CN8	Kho chứa Bentonite	20,00	1	5,00	20,00
<b>V</b>	<b>DV</b>	<b>Công trình HCDV xây mới</b>	<b>386,00</b>			<b>676,00</b>
	DV3	Nhà mẫu	90,00	2	10,00	180,00
	DV4	Nhà ăn	200,00	1	10,00	200,00
	DV5	Nhà Locker	80,00	1	5,00	80,00
	DV6	Nhà bảo vệ	16,00	1	5,00	16,00
<b>VI</b>	<b>KT</b>	<b>Công trình phụ trợ HTKT xây mới</b>	<b>2.021,84</b>			<b>2.021,84</b>
	KT15	Nhà xe	538,68	1	5,00	538,68
	KT16	Trạm cân	64,35	-	-	64,35
	KT17	Mái che khu xuất hàng 2	440,80	1	8,50	440,80
	KT18	Khu xử lý nước thải 2	63,70	1	5,00	63,70
	KT19	Bể nước 02	274,00	-	4,60	274,00
	KT20	Khu vật liệu tái chế	180,00	1	5,00	180,00
	KT21	Nhà đặt máy phát điện 2	68,20	1	5,00	68,20
	KT22	Trạm biến áp 2	60,14	1	5,00	60,14
	KT23	Nhà đặt máy hút bụi 2	74,88	1	12,50	74,88
	KT24	Bể lắng	112,23	1	-	112,23
	KT25	Khu chứa rác nguy hại	40,00	1	5,00	40,00
	KT26	Bệ móng thiết bị 3	36,20	1	1,50	36,20
	KT27	Bệ móng thiết bị 4	68,66	1	1,50	68,66
<b>C</b>		<b>Cây xanh - cảnh quan</b>	<b>8.667,28</b>			
<b>D</b>		<b>Giao thông, sân bãi</b>	<b>6.340,55</b>			

### 3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

#### 3.2.1. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

##### a. Dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate



Sơ đồ 1.1. Quy trình sản xuất tấm Calcium Silicate

#### Thuyết minh quy trình:

Công nghệ sản xuất tấm Fiber Cement bao gồm các máy móc thiết bị để thực hiện các công đoạn Nghiền → Trộn → Tạo tấm → Ép → Ủ, hấp → Cắt → Mài → Kiểm tra → Thành phẩm.

Chuẩn bị nguyên liệu

Nguyên liệu dự án sử dụng gồm cát, vôi, giấy, xi măng, phụ gia, nước (nguyên liệu không sử dụng amiang).

+ Cát: Dự án sử dụng cát ẩm 5-10% được cấp từ nhà máy cát VICO. Cát nhập về được bơm vào vào máy nghiền cát cùng với nước, nghiền mịn rồi đưa xuống bồn chứa. Giấy đã nghiền từ bồn chứa được bơm lên silo giấy sẵn sàng cho mẻ trộn

+ Giấy: giấy từ kho nguyên liệu được đưa vào máy nghiền giấy cùng với nước, nghiền mịn rồi đưa xuống bồn chứa. Giấy đã nghiền từ bồn chứa được bơm lên silo giấy sẵn sàng cho mẻ trộn

+ Xi măng: Xe bồn cung cấp xi măng đến nhà máy, bơm từ xe bồn trực tiếp vào silo chứa. Xi măng chứa trong silo được bơm theo đường ống tới bồn trộn

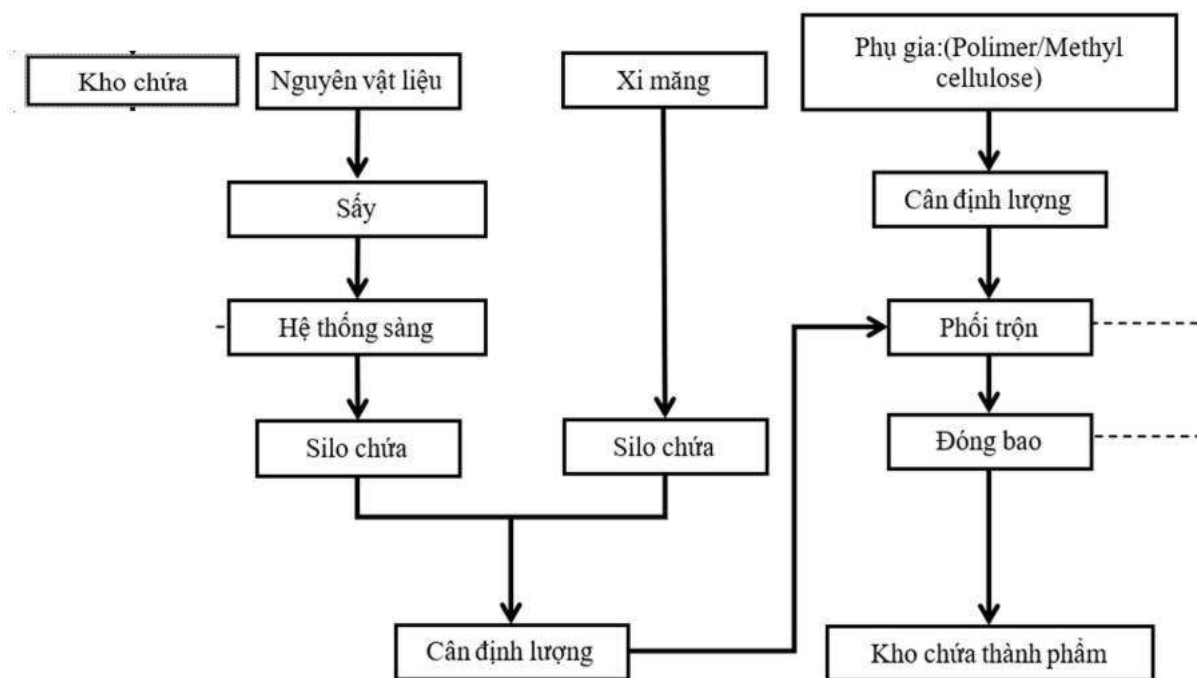
+ Vôi: chứa trong silo vôi riêng sẽ được bơm tới bồn trộn

+ Nước: nước sạch và nước tuần hoàn từ khu vực chứa nước tái sử dụng (nước thu từ công đoạn tạo tấm)

+ Phụ gia: chống lắng, tăng độ bóng mịn.

Tất cả các thiết bị đều kín và vận hành tự động giúp giảm thiểu bụi phát sinh ra môi trường, tránh hao hụt nguyên liệu.

**b. Dây chuyền sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng**



**Sơ đồ 1.2. Quy trình công nghệ sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng**

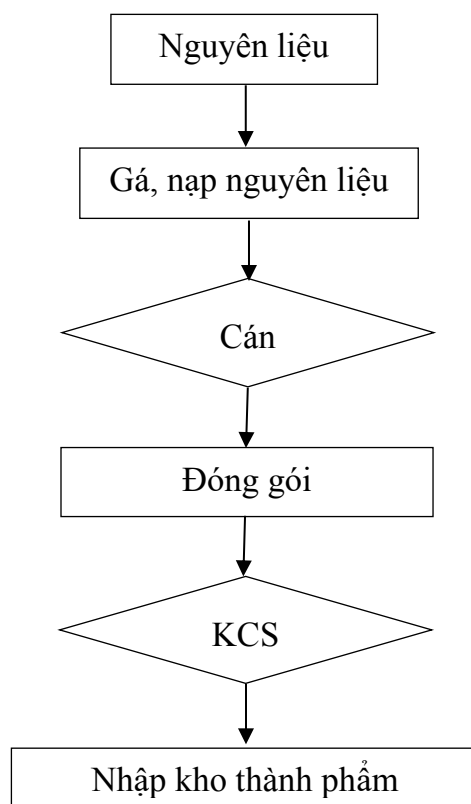
**Thuyết minh quy trình:**

Nguyên vật liệu (Cát, đá vôi) được nhập vào kho chứa. Cát được đưa qua hệ thống sàng rung để loại bỏ tạp chất. Sau đó, tùy theo dòng sản phẩm thì từng loại nguyên vật liệu sẽ được bơm vào silo trước khi đưa vào dây chuyền phối trộn cùng với xi măng để sản xuất thành phẩm. (Đối với sản xuất vữa dán gạch nguyên vật liệu là cát, đối với sản xuất vữa chà ron nguyên vật liệu là đá vôi).

Việc định lượng, phối trộn được thực hiện hoàn toàn tự động bằng dây chuyền công nghệ nhập từ Pháp để đảm bảo chất lượng sản phẩm. Tùy theo dòng sản phẩm khác nhau máy sẽ xử lý qua các chế độ cài đặt để sẵn. Phụ gia (Polimer/Methyl cellulose) được thêm vào để tăng khả năng giữ nước khắc phục được hiện tượng đông kết kém và nứt nẻ do quá trình khô nhanh, trộn không hiệu quả của nguyên vật liệu. Để quản lý chất lượng sản phẩm đầu ra, việc quản lý công tác phối trộn phải được thực hiện bởi chuyên gia về lĩnh vực và quy trình làm việc khoa học.

Công đoạn chiết rót, đóng bao lưu kho: được thực hiện bằng lao động trực tiếp. Tuy nhiên việc định lượng được xử lý bằng hệ thống tự động của dây chuyền.

*c. Dây chuyền sản xuất khung thanh trần*



**Sơ đồ 1.3. Quy trình công nghệ sản xuất khung vách**

**Thuyết minh quy trình:**

Nguyên liệu đầu vào là tôn cuộn. Sau khi nhận được yêu cầu sản xuất từ Phòng Cung ứng, nguyên liệu sẽ được chuẩn bị để bắt đầu sản xuất. Tôn được đặt lên mâm gá và sau đó được chuyển qua máy cán và in phun chữ, logo lên thành phẩm nếu có yêu cầu. Sau đó thành phẩm được đóng gói bằng máy, kiểm tra chất lượng và nhập kho.

### **3.2.2 Sản phẩm của dự án đầu tư**

- Sản xuất tấm Calcium Silicate: 15.000.000 m<sup>2</sup> thành phẩm/năm.
- Sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng: 20.000 tấn/năm.
- Sản xuất khung thanh trần: 10.000 tấn/năm.

## **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư**

### **4.1. Nguyên, nhiên vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án giai đoạn thi công**

#### **4.1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu**

Căn cứ vào quy mô công trình, khối lượng thi công các hạng mục thì nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của Dự án (theo dự toán thi công xây dựng công trình Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate) như sau:

**Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu trong giai đoạn thi công [2]**

<b>TT</b>	<b>Loại</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Tỷ trọng [3]</b>	<b>Quy đổi ra tấn</b>
1	Cát các loại	m <sup>3</sup>	1.013	1,4 tấn/m <sup>3</sup>	1.418
2	Đá các loại	m <sup>3</sup>	1.231	1,6 tấn/m <sup>3</sup>	1.970
3	Thép các loại	tấn	21	-	21
4	Bê tông các loại	m <sup>3</sup>	425	2.500 kg/m <sup>3</sup>	1.063
5	Xi măng	tấn	126	-	126
<b>Tổng</b>					<b>4.598</b>

#### **4.1.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước**

- Nước phục vụ thi công: Sử dụng nguồn nước hiện có tại Nhà máy.
- Điện phục vụ thi công: Được lấy từ nguồn điện có sẵn tại khu vực Nhà máy.
- Điện và nước sinh hoạt: Sử dụng nước và hệ thống lưới điện của Nhà máy để cấp nước sinh hoạt.

### **4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước giai đoạn vận hành**

#### **4.2.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu**

- Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate:

<b>Stt</b>	<b>Tên nguyên phụ liệu</b>	<b>Nguồn gốc</b>	<b>Khối lượng (tấn/năm)</b>	
			<b>Giai đoạn 1</b>	<b>Giai đoạn 2</b>
<b>A. Nhập khẩu</b>				
1.	Giấy	Mỹ, Nhật, Thụy điển	3.500	4.500
<b>B. Trong nước</b>				
2.	Xi-măng	Việt Nam	15.000	19.500
3.	Cát	Việt Nam	27.500	35.750

Stt	Tên nguyên phụ liệu	Nguồn gốc	Khối lượng (tấn/năm)	
			Giai đoạn 1	Giai đoạn 2
4.	Phụ gia	Việt Nam	6.000	8.000

- Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu dây chuyền sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng:

Stt	Tên nguyên phụ liệu	Nguồn gốc	Khối lượng (ton)/năm
1.	Xi-măng	Việt Nam	8.000
2.	Cát	Việt Nam	12.000

- Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu dây chuyền sản xuất khung thanh trần:

Stt	Tên nguyên phụ liệu	Nguồn gốc	Khối lượng (ton)/năm
1.	Tole cuộn	Việt Nam	10.000

#### **4.2.2. Nhu cầu sử dụng điện**

- Nguồn điện cấp cho dự án: Nguồn điện được đấu nối từ nguồn tuyến điện lưới đã có. Đã xây dựng Trạm biến áp 2500KVA và đường dây trung thế. Xây mới thêm 2 trạm biến áp 2000KVA và 1000KVA.

- Nhu cầu sử dụng điện dự kiến 1500 kW/ngày.

#### **4.2.3. Nhu cầu dùng nước**

- Nguồn nước: Sử dụng 02 giếng khoan hiện có tại khu vực Nhà máy với lưu lượng 54,3 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 732/GP-UBND ngày 29/3/2021.

- Căn cứ theo TCXDVN 33:2023 - Cấp nước, mạng lưới đường ống thì nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt 120 lít/người/ngày.

**Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước**

TT	Nhu cầu dùng nước	Quy mô/số lượng	Tiêu chuẩn cấp nước theo TCXDVN 33:2023	Tổng cộng (m <sup>3</sup> /ng.đ)
1	Nhu cầu cấp nước sinh hoạt	150 người	120 lít/người/ng.đ	18
2	Dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate			
	Công suất Nhà máy (m <sup>2</sup> /năm)	15.000.000		
	Công suất quy ra ngày (m <sup>2</sup> /ngày)	50.000	0,0043 m <sup>3</sup> nước/ m <sup>2</sup> sản phẩm	215
3	Nước tưới cây			3,4

Nước khai thác từ giếng khoan được bơm lên bể chứa nước 120 m<sup>3</sup>, sau đó cấp nước sản xuất cho Nhà máy. Theo công nghệ Nhà máy đang vận hành, thì nước

sẽ được tái sử dụng cho quy trình là 85% (182,75 m<sup>3</sup>), phần còn lại sẽ thu gom đưa về HTXL nước thải tập trung để xử lý để thoát ra môi trường. Như vậy lượng nước cung cấp đảm bảo cho hoạt động của Nhà máy là **53,7 m<sup>3</sup>/ngày đêm**.

## **5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư [1]**

### **5.1. Các hạng mục công trình của Dự án**

Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate có diện tích là 39.945 m<sup>2</sup> của Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico. Nhà máy xây dựng hoàn thiện và đi vào hoạt động vào 25/2/2022 với Quy mô công suất dự án bao gồm Sản xuất tấm Calcium Silicate: 5.000.000 m<sup>2</sup> thành phẩm/năm và sản xuất tấm đá nhân tạo gốc Calcium Silicate 800.000 m<sup>2</sup> thành phẩm/năm và 103 CBCNV làm việc tại Nhà máy.

Hiện nay, do nhu cầu về vật liệu xây dựng ngày càng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu đó Công ty đã tiến hành điều chỉnh quy mô sản xuất của Dự án và đã được UBND tỉnh phê duyệt chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2025, cụ thể:

- Sản xuất tấm Calcium Silicate: 15.000.000 m<sup>2</sup> thành phẩm/năm - 10kg
- Sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng: 20.000 tấn/năm.
- Sản xuất khung thanh trần: 10.000 tấn/năm.

Nhằm để đảm bảo cho quá trình hoạt động của Nhà máy, Dự án sẽ tiến hành xây dựng mở rộng nhà xưởng trong phạm vi 39.945 m<sup>2</sup> hiện có, cụ thể:

TT	Ký hiệu	Chức năng	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao (Tầng)	Chiều cao xây dựng (m)	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )
A		<b>Công trình chính hiện hữu (I + II + III)</b>	<b>14.656,61</b>			
I	CN	<b>Công trình Nhà máy kho tàng hiện hữu</b>	<b>13.161,42</b>			<b>13.293,12</b>
	CN1	Nhà xưởng	12.932,80	1	13,40	12.932,80
	CN2	Nhà nồi hơi khí nóng	131,70	2	11,00	263,40
	CN3	Nhà khí nén (Không khí)	50,84	1	5,20	50,84
	CN4	Nhà bentonite	46,08	1	5,66	46,08
II	DV	<b>Công trình HCDV hiện hữu</b>	<b>114,10</b>			<b>114,10</b>
	DV1 (HH)	Nhà văn phòng hành chính	114,10	1	5,50	114,10
III	KT	<b>Công trình phụ trợ HTKT hiện hữu</b>	<b>1.381,09</b>			<b>1.263,39</b>
	KT1	Nhà đặt máy phát điện	73,10	1	5,50	73,10
	KT2	Bể nước sinh hoạt + PCCC	178,50	1	4,60	178,50

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate**

	KT3	Bồn dầu	60,00	1	-	60,00
	KT4	Khu xử lý nước thải	107,50	1	4,03	107,50
	KT5	Nhà hút bụi	36,40	1	10,25	36,40
	KT7	Khu chứa oxy	15,00	1	4,45	15,00
	KT8	Nhà chứa rác	42,00	1	4,60	42,00
	KT9	Bể lắng thu hồi	109,00	-	-	109,00
	KT10	Mái che khu xuất hàng	440,80	1	8,50	440,80
	KT11	Bể lắng	117,70	-	-	-
	KT12	Bệ móng đặt thiết bị 1	88,30	1	1,50	88,30
	KT13	Bệ móng đặt thiết bị 2	52,65	1	1,50	52,65
	KT14	Trạm biến áp	60,14	1	5,00	60,14
<b>B</b>		<b>Công trình chính xây mới (IV + V + VI)</b>	<b>10.280,56</b>			
<b>IV</b>	<b>CN</b>	<b>Công trình Nhà máy kho tầng xây mới</b>	<b>7.872,72</b>			<b>7.872,72</b>
	CN5	Khu gia công cơ khí	84,00	1	5,00	84,00
	CN6	Nhà khí nén mở rộng	54,97	1	5,00	54,97
	CN7	Nhà xưởng GD2	7.713,75	1	15,50	7.713,75
	CN8	Kho chứa Bentonite	20,00	1	5,00	20,00
<b>V</b>	<b>DV</b>	<b>Công trình HCDV xây mới</b>	<b>386,00</b>			<b>676,00</b>
	DV3	Nhà mẫu	90,00	2	10,00	180,00
	DV4	Nhà ăn	200,00	1	10,00	200,00
	DV5	Nhà Locker	80,00	1	5,00	80,00
	DV6	Nhà bảo vệ	16,00	1	5,00	16,00
<b>VI</b>	<b>KT</b>	<b>Công trình phụ trợ HTKT xây mới</b>	<b>2.021,84</b>			<b>2.021,84</b>
	KT15	Nhà xe	538,68	1	5,00	538,68
	KT16	Trạm cân	64,35	-	-	64,35
	KT17	Mái che khu xuất hàng 2	440,80	1	8,50	440,80
	KT18	Khu xử lý nước thải 2	63,70	1	5,00	63,70
	KT19	Bể nước 02	274,00	-	4,60	274,00
	KT20	Khu vật liệu tái chế	180,00	1	5,00	180,00
	KT21	Nhà đặt máy phát điện 2	68,20	1	5,00	68,20
	KT22	Trạm biến áp 2	60,14	1	5,00	60,14
	KT23	Nhà đặt máy hút bụi 2	74,88	1	12,50	74,88
	KT24	Bể lắng	112,23	1	-	112,23
	KT25	Khu chứa rác nguy hại	40,00	1	5,00	40,00

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate**

	KT26	Bể móng thiết bị 3	36,20	1	1,50	36,20
	KT27	Bể móng thiết bị 4	68,66	1	1,50	68,66
<b>C</b>		<b>Cây xanh - cảnh quan</b>	<b>8.667,28</b>			
<b>D</b>		<b>Giao thông, sân bãi</b>	<b>6.340,55</b>			

Sau khi dự án được UBND phê duyệt báo cáo ĐTM và các sở ban ngành, cơ quan chức năng cấp phép, Công ty đã tiến hành xây dựng, hoàn thành và đi vào hoạt động ngày 25/2/2022. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành của Nhà máy và thực hiện theo đúng các biện pháp bảo vệ môi trường đã được nêu trong báo cáo ĐTM đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 01/04/2019 và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 19/03/2020, cụ thể:

- Công trình xử lý nước thải:

+ Xây dựng 03 bể tự hoại 3 ngăn đặt tại các khu vực Nhà văn phòng, khu nhà xưởng và nhà bảo vệ.

+ Đã tiến hành đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải và HTXL nước thải tập trung công nghệ sinh học kết hợp hóa lý với công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày.

- Công trình xử lý chất thải rắn:

+ Tiến hành phân loại rác tại nguồn.

+ Bố trí tại mỗi khu vực 2-3 thùng rác để tiến hành thu gom, phân loại rác và định kỳ Hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Đô thị huyện Hải Lăng thu gom và đưa đi xử lý.

+ Bố trí các khu vực lưu giữ CTR/CTNH theo quy định cụ thể: Nhà chứa rác 42 m<sup>2</sup> trong đó phân ra các khu vực kho CTNH; chất thải công nghiệp thông thường.

+ Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama để thu gom và đưa đi xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Công trình xử lý bụi, khí thải:

+ Đối với bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất: Công ty đã được đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và HTXL lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

+ Đối khí thải từ lò đốt DO: Đã lắp đặt lò hơi của hãng Jiangsu Olymspan. Đây là công nghệ khép kín, xử lý khí thải phát sinh trong quá trình đốt. Đã được Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng kiểm tra và điều chỉnh hiệu suất lò hơi theo giấy chứng nhận số 2021/283/TN7 và Trung tâm kỹ thuật đo lường thử nghiệm Quảng Bình kiểm tra an toàn lò hơi theo giấy chứng nhận số 88/GCN-KĐ.

- Định kỳ hàng năm Công ty đã hợp đồng với Đơn vị chức năng để tiến hành quan trắc, giám sát định kỳ hàng năm. Qua báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường hàng năm của Nhà máy cho thấy công tác bảo vệ môi trường được Công ty chú trọng, các thông số, nồng độ chất ô nhiễm phát sinh được thu gom, xử lý đạt chuẩn trước khi thoát ra môi trường.

## **5.2. Danh mục máy móc thiết bị**

### **5.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

- Đây là loại hình Dự án đầu tư xây dựng công trình nên công nghệ thi công và các loại máy móc phục vụ cho quá trình xây dựng là do các nhà thầu tự trang bị và cung cấp.

- Chủ dự án sẽ xem xét khả năng đáp ứng của các nhà thầu rồi từ đó có những lựa chọn thích hợp. Quá trình thi công Nhà thầu sẽ sử dụng các phương tiện đã qua sử dụng và đang hoạt động tốt với tình trạng của các phương tiện, máy móc thi công được đánh giá khoảng 85 - 95% đảm bảo khả năng vận hành thi công Dự án. Các loại máy móc dự kiến sẽ sử dụng như sau:

**Bảng 1.4. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng**

<b>TT</b>	<b>Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Lu bánh thép 12-16T, 6-8T	02
2	Lu bánh hơi 12-16T, lu rung 25T	04
3	Máy san tự hành > 90CV	02
4	Máy đào > 0,70 m <sup>3</sup>	02
5	Máy đào > 1,20 m <sup>3</sup>	02
6	Máy đào > 1,60 m <sup>3</sup>	02
7	Máy ủi > 75CV	02
8	Ô tô tự đổ từ 5-13 tấn	10
9	Máy rải (bê tông nhựa+cấp phối)	02
10	Xe tưới nước (hoặc ô tô tưới nước)> 5m <sup>3</sup>	03
11	Cầu tự hành > 6 tấn	02
12	Đầm cóc (*)	04
13	Máy trộn bê tông >250 lít (*)	02
14	Đầm dùi >1,5 kw (*)	02
15	Máy đầm bàn 1,0 kw (*)	02
16	Máy thủy bình (*)	02
17	Máy kinh vĩ hoặc máy toàn đạc điện tử (*)	01

Ngoài ra, Dự án có một số hạng mục vật tư, thiết bị lắp đặt như đèn đường, hệ thống điện, ống nhựa HDPE (hệ thống cấp nước), ống cống BTCT thoát nước,...

### **5.2.1. Giai đoạn vận hành**

Để phù hợp với mục tiêu mở rộng, quy mô công suất Dự án. Bên cạnh sử dụng máy móc, thiết bị đã được đầu tư giai đoạn trước, Dự án sẽ đầu tư mới các máy móc, thiết bị, cụ thể như sau:

**Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng trong giai đoạn vận hành**

Dây chuyền	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Chức năng	Xuất xứ	Hiện trạng	Nhà cung cấp
<b>Tấm Calcium Silicate</b>	Máy nghiền nguyên liệu (Vertical Roller Mill)	Công suất 80 tấn/giờ, độ mịn 45 µm, động cơ 800 kW	Nghiền xi măng, cát, vôi thành bột mịn	Đức (Loesche)	Mới, nhập khẩu	Loesche GmbH (Đức)
	Máy trộn nguyên liệu (High-Speed Mixer)	Dung tích 8 m <sup>3</sup> , tốc độ 400 vòng/phút, công suất 150 kW	Trộn xi măng, cát, vôi, sợi Cellulose, phụ gia	Đức (Eirich)	Mới	Eirich (Đức)
	Máy ép tấm (Hydraulic Press)	Lực ép 2500 tấn, khuôn 1220x2440 mm, tự động hóa	Ép hỗn hợp thành tấm	Trung Quốc (Sinoma)	Mới	Sinoma International (Trung Quốc)
	Hệ thống chưng hấp (Autoclave)	Nhiệt độ 200°C, áp suất 12 bar, dung tích 80 m <sup>3</sup> , dùng hơi từ hệ thống cấp hơi	Tạo khoáng Tobermorite, tăng độ bền	Đức (ANDRITZ)	Mới, tích hợp đường ống hơi	ANDRITZ (Đức)
	Hệ thống cấp hơi (Steam Supply System)	Áp suất 12-15 bar, lưu lượng 15 tấn/giờ, ống thép A106 Gr.B	Cung cấp hơi cho autoclave	Việt Nam (ống), Hàn Quốc (van)	Mới, kiểm tra định kỳ	Ống thép Việt Đức (Việt Nam), Doosan Vina (Hàn Quốc)
	Máy cắt CNC (CNC Cutting Machine)	Độ chính xác ±0.1 mm, tốc độ cắt 15 m/phút	Cắt tấm theo kích thước	Ý (Biesse)	Mới	Biesse (Ý)
<b>Vữa khô</b>	Máy sấy cát (Rotary Drum Dryer)	Công suất 15 tấn/giờ, nhiệt độ 150°C, dùng hơi, công suất 100 kW	Sấy cát đến độ ẩm <0.5%	Trung Quốc (Henan Hongji)	Mới, tích hợp bộ trao đổi nhiệt	Henan Hongji (Trung Quốc)
	Máy trộn vữa khô (Dry Mix Mortar Mixer)	Dung tích 6 m <sup>3</sup> , tốc độ 40 vòng/phút, công suất 120 kW	Trộn xi măng, cát, phụ gia	Đức (M-tec)	Mới	M-tec (Đức)
	Máy đóng bao tự động (Automatic Bagging Machine)	Tốc độ 15 bao/phút, bao 25-50 kg, độ chính xác ±0.1 kg	Đóng gói vữa khô	Ý (Concetti)	Mới	Concetti (Ý)
	Hệ thống silo lưu trữ	Dung tích 80 m <sup>3</sup> /silo, thép chống gỉ, cấp liệu tự động	Lưu trữ xi măng, cát, phụ gia	Việt Nam	Mới	Công ty TNHH Thành Công (Việt Nam)

## **Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate**

<b>Khung thanh trần</b>	Máy cán thép (Roll Forming Machine)	Tốc độ 25 m/phút, độ dày thép 0.3-1.2 mm	Tạo hình khung thép mạ kẽm	Đài Loan (Yieh Phui)	Mới	Yieh Phui (Đài Loan)
	Máy mạ kẽm (Galvanizing Line)	Tốc độ mạ 12 m/phút, bề mạ 80 m <sup>3</sup>	Mạ kẽm chống ăn mòn	Hàn Quốc (POSCO)	Mới	POSCO Việt Nam

### **5.3. Tổng vốn đầu tư**

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của doanh nghiệp và vốn vay thương mại.
- Tổng mức đầu tư: **620.000.000.000 đồng:**
- + Chi phí đầu tư giai đoạn 1: 220.000.000.000 đồng.
- + Chi phí đầu tư giai đoạn 2 (mở rộng): 400.000.000.000 đồng.
- Trong đó:
  - + Chi phí xây dựng HTKT + thiết bị 390.000.000.000 đồng
  - + Chi phí tư vấn, quản lý và chi phí 6.000.000.000 đồng
  - + Chi phí dự phòng 4.000.000.000 đồng

### **5.4. Tiến độ thực hiện dự án**

- Từ 01/2020 đến 06/2023: Hoàn thành giải phóng mặt bằng toàn dự án.
- Thời gian thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư: Từ tháng 4/2025 đến tháng 6/2025.
- Thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng: Từ tháng 7/2025 đến tháng 9/2025.
- Xây dựng nhà xưởng mở rộng: từ tháng 11/2025 đến tháng 6/2027.
- Lắp đặt thiết bị: từ tháng 6/2027 - 6/2028.
- Vận hành thử nghiệm: từ tháng 6/2028 - 9/2028
- Đưa toàn bộ dự án đi vào vận hành chính thức: 10/2028.

### **5.5. Hiện trạng chiếm dụng đất khu vực dự án**

Dự án có tổng diện tích là 39.945 m<sup>3</sup> với hiện trạng là đất rừng sản xuất. Hiện nay, khu vực Dự án Chủ dự án đã hoàn thành công tác GPMB và đã được UBND tỉnh Quảng Trị cho thuê đất tại Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 21/8/2009, cũng như đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT01874 ngày 12/02/2020.

### **5.6. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico.
- Hình thức quản lý Dự án: Chủ dự án sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc và thuê các đơn vị tư vấn đủ năng lực để quản lý dự án.
- Số lượng lao động dự kiến trong quá trình thi công khoảng 30 người.
- Chế độ làm việc:
  - + Số ngày làm việc trong năm: 300 ngày

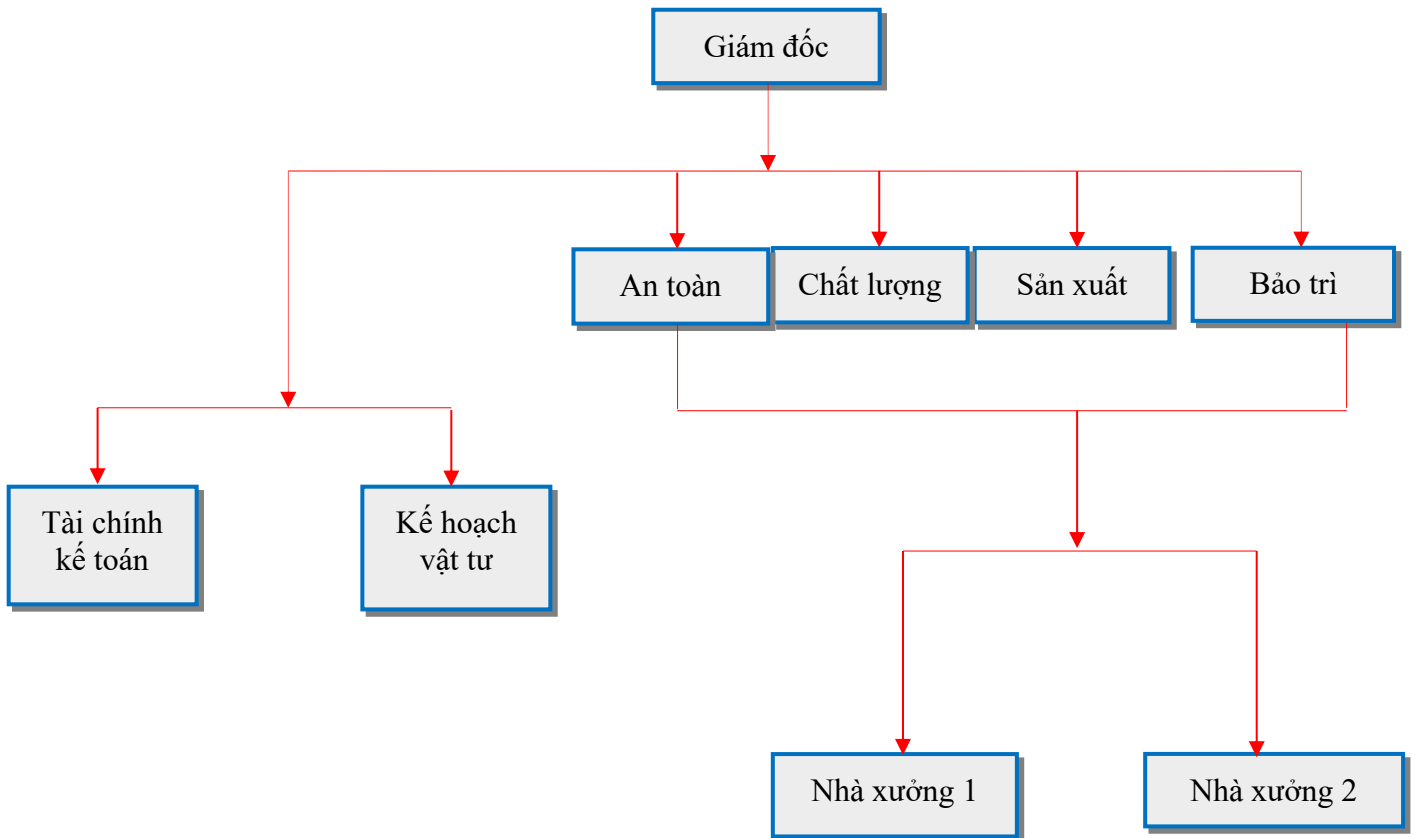
***Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Nhà máy sản xuất tằm Calcium Silicate***

+ Số ca làm việc trong ngày: 3 ca (bộ phận gián tiếp 1 ca 8 giờ theo giờ hành chính)

+ Số giờ làm việc trong ca: 8 giờ.

- Tổng số nhân lực dự kiến khoảng: 150 người.

**Sơ đồ tổ chức điều hành:**



## **Chương II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Việc triển khai thực hiện dự án Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate là phù hợp với các chủ trương và quy hoạch sau:

- Phù hợp với định hướng phát triển vật liệu xây dựng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Phù hợp với Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Bộ Xây dựng về phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu gốm, sứ xây dựng và đá ốp lát ở Việt Nam đến năm 2020.

- Dự án sản xuất tấm Calcium Silicate là vật liệu xây dựng mới, không nung phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của quy hoạch phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu xây dựng không nung đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phát triển công nghiệp tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, trong đó nêu rõ định hướng quy hoạch phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng là Khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, lợp không nung, vật liệu mới; các loại tấm lợp nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Phù hợp với Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng không nung trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 23/10/2013.

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia: Hiện nay, Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024. Theo đó, Cơ sở thuộc phân vùng môi trường khác (không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và hạn chế phát thải).

- Về quy hoạch tỉnh Quảng Trị: Theo Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, cụ thể trong nội dung Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì trong phần mục tiêu có nêu:

+ Dự án có vị trí tại xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng; do đó, Dự án thuộc phân vùng môi trường khác (không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và hạn chế phát thải).

+ Theo định hướng phát triển một số ngành công nghiệp: Gắn công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng với khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nguyên liệu có lợi thế của tỉnh.

+ Sản xuất vật liệu xây dựng: Phát triển một số sản phẩm vật liệu xây dựng mới, như : đá ốp lát, vật liệu ngói lợp, gạch không nung, gạch block, bê tông nhẹ tại các KCN, CCN.

- Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 01/04/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”.

- Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 19/03/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phương án điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”.

## **2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của Dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Qua số liệu quan trắc, giám sát môi trường không khí, nước mặt, nước dưới đất khu vực triển khai dự án ở Chương III cho thấy, môi trường khu vực chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

**Chương III**

**ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật**

Để đánh giá hiện trạng môi trường vùng triển khai dự án, báo cáo tham khảo dữ liệu hiện trạng môi trường từ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Nhà máy năm 2024.

**1.1. Dữ liệu hiện trạng môi trường không khí**

**Bảng 3.1. Dữ liệu môi trường không khí môi trường làm việc**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
			Ngày 19/01/2024	Ngày 06/9/2024	
			KHP	KHP	
1	Nhiệt độ	<sup>0</sup> C	28,4	29,5	-
2	Độ ẩm	%	70	70	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,9	1,2	-
4	Độ ồn	dB(A)	75,2	71,3	85 <sup>(1)</sup>
5	Độ bụi toàn phần	mg/m <sup>3</sup>	KPH	KPH	8 <sup>(2)</sup>
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,101	0,097	5
7	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,060	0,082	5
8	CO	mg/m <sup>3</sup>	KPH	KPH	20

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 50 yếu tố hóa học nơi làm việc;

- <sup>(1)</sup> QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- <sup>(2)</sup> QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- (-) Quy chuẩn không quy định;

- KHP: Không khí tại khu vực cấp liệu trong khu vực sản xuất - Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico.

Nhận xét: Dữ liệu tại bảng 3.1 cho thấy, các thông số quan trắc chất lượng môi trường không khí làm việc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT và QCVN 02:2019/BYT.

**Bảng 3.2. Dữ liệu môi trường khí thải**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 19:2009/BT NMT
			Ngày 19/01/2024		Ngày 06/6/2024		
			KTHP1	KTHP2	KTHP1	KTHP2	
1	Bụi lơ lửng	mg/Nm <sup>3</sup>	32	45	30	38	200
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	6	<4	5	<4	500
3	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	29	<3	42	<3	850
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	33	<30	<30	<30	1000
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 19:2009/BT NMT
			Ngày 06/9/2024		Ngày 20/11/2024		
			KTHP1	KTHP2	KTHP1	KTHP2	
1	Bụi lơ lửng	mg/Nm <sup>3</sup>	59	42	69	44	200
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	44	<4	29	<4	500
3	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	5	<3	5	<3	850
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	34	<30	43	<30	1000

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- (-) Quy chuẩn không quy định;

- KTHP1: Tại ống khói lò đốt dầu DO - Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico;

- KTHP2: Tại ống khói lò thiết bị lọc túi vải - Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico.

Nhận xét: Dữ liệu tại bảng 3.2 cho thấy, các thông số quan trắc chất lượng khí thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT.

1.2. Dữ liệu hiện trạng môi trường nước thải

Bảng 3.3. Dữ liệu môi trường nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích						QCVN 40:2025/BTNMT
			Ngày 19/01/2024		Ngày 30/8/2024		Ngày 20/11/2024		
			NTHP1	NTHP2	NTHP1	NTHP2	NTHP1	NTHP2	Cột B
1	Nhiệt độ	°C	30,4	28,1	25,1	23,9	25,7	26,0	≤ 40
2	pH	-	11,3	6,6	9,5	7,4	10,9	7,1	6 - 9
3	Độ màu	Pt-Co	<b>323</b>	34	<b>249</b>	11	<b>259</b>	29	≤ 100
4	TSS	mg/l	32	8,2	9,8	19	45	14	≤ 80
5	BOD <sub>5</sub>	mg/l	41	16	88	23	57	14	≤ 60
6	COD	mg/l	<b>781</b>	36	<b>861</b>	59	<b>739</b>	67	≤ 90
7	Tổng N	mg/l	25	KPH	13,7	KPH	13	KPH	≤ 40
8	Tổng P	mg/l	0,8	0,7	0,33	KPH	1,16	0,08	≤ 6
9	Fe	mg/l	0,48	0,14	2,05	0,16	1,26	1,21	≤ 10
10	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	1,7	1,0	3,9	1,6	2,2	KPH	≤ 50
11	Coliform	MPN/ 100ml	137	124	<b>16520</b>	3640	<b>8850</b>	2380	≤ 5.000

**Ghi chú:**

- QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B: Quy định giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả thải ra môi trường tiếp nhận có mục đích quản lý cải thiện chất lượng môi trường nước như Mức B theo QCVN 08:2023/BTNMT: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- KPH: Không phát hiện.

- (-) Quy chuẩn không quy định.

- NTHP1: Nước thải tại vị trí đầu vào của HTXL nước thải - Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico.

- NTHP2: Nước thải tại vị trí đầu ra của HTXL nước thải - Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico.

Nhận xét: Dữ liệu tại bảng 3.3 cho thấy, tất cả các thông số đánh giá chất lượng nước thải đầu ra của HTXL nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép cột B của QCVN 40:2025/BTNMT.

**1.3. Dữ liệu hiện trạng môi trường nước dưới đất**

**Bảng 3.4. Dữ liệu môi trường nước dưới đất**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 09:2023/BTNMT
			Ngày 19/01/2024		Ngày 06/9/2024		
			NNHP1	NNHP2	NNHP1	NNHP2	
1	pH	-	5,8	5,8	6,3	6,2	5,8 - 8,5
2	TDS	mg/l	55	51	71	75	1500
3	Độ cứng tổng số	mg/l	17	15	24	27	500
4	Amoni	mg/l	0,05	0,20	0,30	0,32	1
5	Nitrit	mg/l	0,08	0,40	0,15	0,13	1 <sup>(1)</sup>
6	Sắt (Fe)	mg/l	4,56	0,67	0,32	0,37	5 <sup>(1)</sup>
7	Sunphat	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	400 <sup>(1)</sup>
8	Coliform	MPN/100mL	KPH	KPH	KPH	KPH	3
9	E.coli	MPN/100mL	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH

**Ghi chú:**

- QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

- <sup>(1)</sup>: Thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

- KPH: Không phát hiện.

- Phương pháp phân tích và đo đạc được thể hiện trong phiếu kết quả thử nghiệm phân phụ lục.

- NNHP1: Tại giếng khoan 01 - Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico.

- NNHP2: Tại giếng khoan 02 - Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico.

Nhận xét: Dữ liệu tại bảng 3.4 cho thấy, tất cả các thông số đánh giá chất lượng nước mặt tại đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT.

#### **1.4. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án**

\* Đường giao thông:

- Tiếp giáp khu vực Dự án về phía Đông là đường Đình đi xã Hải Hưng, Hải Thọ và đường liên xã Hải Thượng - Hải Hưng; Dự án cách Quốc lộ 1A (đoạn giao nhau với đường liên xã) khoảng 3,5km về phía Tây Nam, các tuyến đường này đã được bê tông nhựa có chất lượng khá tốt.

\* Về đối tượng dân cư: Khu vực thực hiện dự án được thực hiện trên địa bàn thôn Trà Trì Phú, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng. Cách khu vực Dự án khoảng 480m về phía Bắc là hiện có khoảng 15 hộ dân đang sinh sống.

\* Hệ thống sông suối:

- Nằm trong phạm vi khu vực dự án không có sông suối nào chảy qua.

- Nằm tiếp giáp khu vực của Dự án về phía Tây Bắc có hai có nhánh khe thuộc hệ thống Bàu Sứ; vào mùa khô nước ở hai khu vực này rất ít. Tuy nhiên, về mùa mưa do nằm trong hệ thống lưu vực của Bàu Sứ nên toàn bộ nước Bàu Sứ sẽ đổ về hai nhánh khe này.

\* Tương quan giữa khu vực dự án với công trình lân cận:

Vị trí dự án tương quan đối với các đối tượng kinh tế - xã hội khác như sau:

- Dự án nằm cách trung tâm thị trấn Hải Lăng, huyện Hải Lăng khoảng 3,4 km về phía Bắc.

- Cách thị xã Quảng Trị và thành phố Đông Hà lần lượt là 6,5 km và 18 km về phía Đông Nam.

- Cách Cảng Mỹ Thủy khoảng 12 km về phía Tây Nam.

- Cách Cảng Cửa Việt khoảng 20,5 km về phía Đông Nam.

#### **1.5. Dữ liệu về tài nguyên sinh vật**

Qua quá trình thu thập thông tin tài liệu các dự án lân cận cho thấy đặc trưng hệ sinh vật của Dự án như sau:

- Đối với thực vật: Thực vật ở đây chủ yếu là tràm, sắn, cây bụi và thảm cỏ,... Khu vực chịu nhiều tác động từ quá trình sản xuất và con người nên hệ thực vật kém đa dạng.

- Đối với động vật: Kết quả điều tra, khảo sát trong và lân cận khu vực Dự án cho thấy một số loài chim như: Chào mào, cu gáy, chim sâu,...; các loài bò sát như: tắc kè, rắn,... và nhiều loại côn trùng khác: bướm, giun đất, rết, kiến, ong, các loài bọ cánh cứng,... Ngoài ra, còn có các loại vật nuôi của người dân như trâu, bò, dê,....

## **2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án**

### **2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải**

Khu đất có địa hình thấp dần về phía Tây và Tây Nam. Hiện nay khu vực dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom thoát nước thải và nước mưa. Nước mưa và nước thải sau khi xử lý sẽ được dẫn thoát về nhánh khe nước thuộc hệ thống Bàu Sứ.

Theo hướng nghiêng của địa hình thì nước mưa và nước thải của dự án sau khi được xử lý sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực, theo hướng nghiêng của địa hình thoát ra khe nước thuộc hệ thống Bàu Sứ.

### **2.2. Đặc điểm chế độ thủy văn**

Về phía Tây Bắc của khu vực Dự án tiếp giáp với hai nhánh khe của Bàu Sứ. Vào mùa khô nước ở hai khu vực này rất ít. Tuy nhiên, về mùa mưa do nằm trong lưu vực của Bàu Sứ nên toàn bộ nước Bàu Sứ đều đổ về hai nhánh khe này. Tổng diện tích của Bàu Sứ khoảng 43,25ha, với độ sâu trung bình khoảng 2,5m, đây là hồ nước đọng.

Cách Dự án 1,8km về phía Tây là sông Nhùng, đây là sông tiếp nhận nguồn nước từ khu vực Bàu Sứ. Sông Nhùng bắt nguồn từ xã Hải Lâm chảy theo hướng Nam - Bắc rồi hợp lưu với sông Vĩnh Định tại ranh giới của xã Hải Quy, huyện Hải Lăng và xã Triệu Trung, huyện Triệu Phong. Nước sông Nhùng từ Trạm bơm cấp nước của Xí nghiệp cấp nước Hải Lăng lên thượng lưu được sử dụng để cấp nước sinh hoạt, phía hạ lưu dùng cho tưới tiêu nông nghiệp. Theo Báo cáo Quy hoạch tổng thể tài nguyên nước tỉnh Quảng Trị đến năm 2010, có định hướng 2020 thì sông Nhùng đo tại trạm Hải Lâm có diện tích lưu vực là 102 km<sup>2</sup> và lưu lượng dòng chảy trung bình là  $Q_0 = 4,44$  (m<sup>3</sup>). Sông Nhùng tại vị trí tiếp nhận nguồn Bàu Sứ và khu vực xung quanh đến hạ nguồn không có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, người dân hạ nguồn bơm cung cấp nước tưới cho đồng ruộng Hải Lăng và Triệu Phong.

Ngoài ra, gần khu vực Dự án còn có hồ Bàu Su (cách Dự án 500m về phía Đông) và hồ Trén (cách Dự án 1,25km về phía Đông Nam). Tuy nhiên, hoạt động của Dự án hầu như không ảnh hưởng đến hai hồ này.

### **2.3. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải**

Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải: Hiện nay khe nước khu vực chủ yếu tiếp nhận nguồn nước mưa của khu vực. Khe nước nhằm mục đích tiêu thoát nước cho khu vực và các thủy vực này tập trung nước nhiều vào mùa mưa, về mùa khô diện tích mặt nước thu hẹp.

### **3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án**

Để đánh giá chất lượng hiện trạng môi trường khu vực Dự án, Chủ dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị tiến hành lấy mẫu hiện trạng môi trường khu vực theo quy định.

#### **3.1. Môi trường không khí, tiếng và khí thải**

- Điều kiện thời tiết: Trời nắng, gió nhẹ.
- Vị trí lấy mẫu như sau:

**Bảng 3.5. Mô tả vị trí lấy mẫu khí thải**

<b>Ký hiệu</b>	<b>Vị trí</b>
KTHP1	Tại ống khói lò đốt dầu DO - Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico
KTHP2	Tại ống khói lò thiết bị lọc túi vải - Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico

- Chất lượng khí thải thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 3.6. Kết quả phân tích khí thải**

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Kết quả phân tích</b>				<b>QCVN 19:2009/BT NMT</b>
			<b>Ngày 12/3/2025</b>		<b>Ngày 26/5/2025</b>		
			<b>KTHP1</b>	<b>KTHP2</b>	<b>KTHP1</b>	<b>KTHP2</b>	
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	4106	12260	3733	14300	-
2	Bụi lơ lửng	mg/Nm <sup>3</sup>	46	16	67	43	200
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	7	<4	33	0	500
4	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	39	<3	5	0	850
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	33	<30	4	0	1000

*Ghi chú:*

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- (-) Quy chuẩn không quy định;

Nhận xét: Dữ liệu tại bảng 3.6 cho thấy, các thông số quan trắc chất lượng khí thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT.

#### **b. Môi trường nước thải**

- Điều kiện thời tiết: Trời râm mát, gió nhẹ.
- Vị trí lấy mẫu nước thải được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 3.7. Mô tả vị trí lấy mẫu nước thải**

<b>Ký hiệu</b>	<b>Mô tả vị trí</b>
NTHP1	Nước thải tại vị trí đầu vào của HTXL nước thải - Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico

NTHP2	Nước thải tại vị trí đầu ra của HTXL nước thải - Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico
-------	--

- Chất lượng môi trường nước mặt thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 3.8. Kết quả phân tích chất lượng nước thải**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 40:2025/BTNMT
			Ngày 12/3/2025		Ngày 26/5/2025		
			NTHP1	NTHP2	NTHP1	NTHP2	Cột B
1	Nhiệt độ	°C	28,7	26,7	29,8	30,1	≤ 40
2	pH	-	9,5	7,4	11,2	7,6	6 - 9
3	Độ màu	Pt-Co	<b>136</b>	38	<b>112</b>	30	≤ 100
4	TSS	mg/l	<b>258</b>	16	<b>81</b>	12	≤ 80
5	BOD <sub>5</sub>	mg/l	<b>90</b>	13	<b>106</b>	16	≤ 60
6	COD	mg/l	<b>590</b>	59	<b>842</b>	60	≤ 90
7	Tổng N	mg/l	32,9	KPH	24,4	8,7	≤ 40
8	Tổng P	mg/l	2,97	0,09	1,07	0,09	≤ 6
9	Fe	mg/l	1,57	0,22	2,9	1,7	≤ 10
10	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	2,7	1,1	1,54	1,15	≤ 50
11	Coliform	MPN/100ml	<b>30760</b>	3555	105	96	≤ 5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B: Quy định giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả thải ra môi trường tiếp nhận có mục đích quản lý cải thiện chất lượng môi trường nước như Mức B theo QCVN 08:2023/BTNMT: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- KPH: Không phát hiện.

- (-) Quy chuẩn không quy định.

Nhận xét: Dữ liệu tại bảng 3.8 cho thấy, tất cả các thông số đánh giá chất lượng nước thải đầu ra của HTXL nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép cột B của QCVN 40:2025/BTNMT.

## **Chương IV**

### **ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Đánh giá và dự báo tác động môi trường**

##### **1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn triển khai, thi công xây dựng dự án đầu tư**

###### **1.1.1. Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất**

Quá trình triển khai dự án được xây dựng trong phạm vi diện tích 39.945 m<sup>2</sup> thuộc Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate. Diện tích này đã được Chủ đầu tư hoàn thành công tác GPMB và đã được UBND tỉnh Quảng Trị cho thuê đất tại Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 21/8/2009, cũng như đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT01874 ngày 12/02/2020.

###### **1.1.2. Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng**

Trước khi triển khai các hoạt động san ủi, đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình sẽ tiến hành chặt, phá bỏ các loại cây cối nằm trong khu vực Dự án.

Tuy nhiên, hiện trạng khu vực Dự án mở rộng được xây dựng trong phạm vi khuôn viên Nhà máy, hiện trạng là khu vực đường nội bộ và cây xanh của Dự án. Do đó, hoạt động giải phóng mặt bằng ít gây tác động đến môi trường và hệ sinh thái.

###### **1.1.3. Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị**

###### **a. Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu**

Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị làm phát sinh nguồn ô nhiễm môi trường không khí như bụi, CO, NO<sub>x</sub>, HC... Dựa vào nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình thi công của Dự án để tính toán nồng độ bụi và khí thải phát sinh như sau:

Theo bảng 1.2 trên thì khối lượng nguyên vật liệu cần vận chuyển để phục vụ cho hoạt động thi công xây dựng của Dự án là 4.598 tấn. Các loại phương tiện sử dụng để vận chuyển như xe Hyundai 2 cầu, 4 thì, xe ben...

Từ khối lượng vận chuyển tính được lượt xe vận chuyển hàng ngày như sau:

**Bảng 4.1. Số lượt xe cần thiết để vận chuyển**

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>
1	Khối lượng vận chuyển	tấn	4.598
2	Số chuyến (12 tấn/chuyến)	chuyến	384

3	Tổng lượt xe	lượt xe	768
4	Trung bình lượt xe hàng ngày	lượt xe/ngày	5

*Ghi chú: Thời gian thi công là 6 tháng, một tháng thi công 30 ngày, một ngày 8h*  
 Tải lượng, nồng độ phụ thuộc vào phương tiện vận chuyển, chất lượng tuyến đường vận chuyển, quãng đường vận chuyển. Theo QCVN 86:2015/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới như sau:

**Bảng 4.2. Giá trị giới hạn khí thải của động cơ xe chạy bằng dầu diesel**

Khối lượng xe (Kg)	CO (g/km)	NO <sub>x</sub> (g/km)	HC+NO <sub>x</sub> (g/km)	Bụi (PM) (g/km)
1.760 < R <sub>m</sub>	0,74	0,39	0,46	0,06

Trong đó:

*HC: Hydro cacbon, đối với xe chạy dầu diesel có công thức là C<sub>1</sub>H<sub>1,86</sub>.*

*R<sub>m</sub>: Khối lượng xe bằng khối lượng bản thân của xe cộng thêm 100 kg để thử khí thải.*

Với lượng xe ra vào khu vực Dự án lớn nhất là 5 xe/h. Dựa vào giá trị giới hạn khí thải động cơ theo QCVN 86:2015/BGTVT, ước tính tải lượng tối đa ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển như sau:

**Bảng 4.3. Tải lượng các chất ô nhiễm do phương tiện vận chuyển**

TT	Chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn khí thải (g/km)	Tải lượng ô nhiễm 01 giờ	Tải lượng ô nhiễm (mg/m.s)
1	CO	0,74	3,7	0,001
2	NO <sub>x</sub>	0,39	1,95	0,0005
3	HC	0,07	0,35	0,0001
4	Bụi (PM)	0,06	0,3	0,00002

Để xác định nồng độ phát thải các chất ô nhiễm của động cơ, có thể áp dụng mô hình phát thải nguồn đường để tính toán nồng độ các chất ô nhiễm. Sử dụng mô hình Sutton để xác định nồng độ ô nhiễm như sau: [4]

$$C_{(x)} = 0,8.E \left( e^{\left[ \frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2} \right]} + e^{\left[ \frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2} \right]} \right) / \sigma_z u \quad (4.1)$$

Trong đó:

+ C<sub>(x)</sub>: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí tại độ cao z so với mặt đất, cách đường giao thông x mét (mg/m<sup>3</sup>).

+ E: Tải lượng nguồn thải (mg/m.s).

+ z: Độ cao tại điểm tính toán, tính ở độ cao 1,5 m.

+ σ<sub>z</sub>: Hệ số khuếch tán theo phương z (m), là hàm số của khoảng cách x theo

phương gió thổi và độ ổn định của khí quyển,  $\sigma_z = 0,53 \times x^{0,73}$ , với cấp độ ổn định khí quyển loại B (là cấp độ ổn định khí quyển đặc trưng của khu vực).

+ u: Tốc độ gió trung bình so với nguồn thải tính theo chiều gió thổi, tốc độ gió trung bình tại khu vực Dự án 2,4 m/s.

+ h: Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (lấy mặt đường bằng mặt đất, h = 0 m).

+ x: Khoảng cách của điểm tính so với nguồn thải tính theo chiều gió thổi.

Thay các giá trị vào công thức (4.1), nồng độ các chất ô nhiễm ở các khoảng cách khác nhau so với nguồn thải được thể hiện như sau:

**Bảng 4.4. Nồng độ khí thải tại các khoảng cách khác nhau**

TT	Khoảng cách x (m)	$\sigma_z$	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/m <sup>3</sup> )			
			C <sub>CO</sub>	C <sub>Nox</sub>	C <sub>HC</sub>	C <sub>bụi</sub>
1	5	1,72	0,000265	0,000133	0,000027	0,000005
2	10	2,85	0,000204	0,000102	0,000020	0,000004
3	15	3,83	0,000161	0,000081	0,000016	0,000003
4	20	4,72	0,000134	0,000067	0,000013	0,000003
5	25	5,56	0,000116	0,000058	0,000012	0,000002
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1h)			30	0,2	-	0,3

Đánh giá tác động: Bụi và khí thải động cơ từ phương tiện giao thông là nguồn thải không cố định và mang tính bất khả kháng, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân thi công và người dân sống dọc các tuyến đường nơi có xe vận chuyển vật liệu cho Dự án đi qua như đường Đình và đường liên xã Hải Thượng - Hải Hưng. Tuy nhiên, qua kết quả tính toán trên cho thấy mức độ ảnh hưởng của bụi và các chất khí độc hại từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ Dự án rất nhỏ, đồng thời mật độ các phương tiện hoạt động là không lớn nên ít tác động đến các khu vực xung quanh.

**b. Bụi cuốn lên từ mặt đường do quá trình vận chuyển**

Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu sẽ làm phát sinh bụi cuốn theo xe từ mặt đường. Tải lượng bụi phát sinh phụ thuộc rất lớn đến chất lượng mặt đường và loại vật liệu chuyên chở. Qua quá trình khảo sát cho thấy, các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu đều đã được rải thảm nhựa có chất lượng mặt đường rất tốt, do đó lượng bụi phát sinh trên các đoạn đường này sẽ thấp. Tuy nhiên, những đoạn ra vào công trường thường có nhiều loại vật liệu rơi vãi đặc biệt là đất đào đắp tạo thành

nguồn phát sinh bụi đáng kể nếu có xe vận chuyển đi qua vào những ngày khô ráo. Để đánh giá tải lượng bụi phát sinh do các xe vận chuyển nguyên vật liệu chạy trên đường, báo cáo áp dụng công thức tính như sau: [5]

$$E = 1,7k \times \left(\frac{s}{12}\right) \times \left(\frac{S}{48}\right) \times \left(\frac{W}{2,7}\right)^{0,7} \times \left(\frac{w}{4}\right)^{0,5} \times \left(\frac{365-p}{365}\right), \text{ kg/(xe.km)} \quad (4.2)$$

Trong đó:

- + E - Lượng phát thải bụi, kg bụi/(xe.km).
- + k - Hệ số để kể đến kích thước bụi, (k=0,8 cho bụi có kích thước nhỏ hơn 30 micron).
- + s - Hệ số để kể đến loại mặt đường (đường nhựa s=5,7).
- + S - Tốc độ trung bình của xe tải (S=30 km/h).
- + W - Tải trọng của xe, (12 tấn).
- + w - Số lớp xe của ô tô (10 lớp).
- + p - Số ngày mưa trung bình trong năm (154 ngày).

Thay số liệu vào công thức (4.2) ta có E = 1,05 kg/xe.km. Giả thiết quãng đường vận chuyển trung bình trên tuyến đường phát sinh nhiều bụi (đoạn ra vào công trường) là 500m, ước tính lượng bụi phát sinh trên đoạn đường này là 0,53kg/xe.

Với quãng đường vận chuyển nguyên liệu trên tuyến đường phát sinh nhiều bụi khoảng 0,5 km, sự phân bố lượng xe trên 1 m chiều dài của đường trong thời gian 1h và số lượng xe lớn nhất trong một giờ 23 lượt xe/h như sau: 5 lượt xe/h/500m = 0,01 xe/m.h. Vậy tải lượng bụi phát sinh từ lớp xe là 0,53 kg/xe×0,01 xe/m.h = 0,0053 kg/m.h = 1,47 mg/m.s.

Để xác định nồng độ phát thải bụi từ lớp xe ma sát với mặt đường, có thể áp dụng mô hình phát thải nguồn đường để tính toán nồng độ bụi. Thay các giá trị vào công thức (4.1), nồng độ bụi ở các khoảng cách khác nhau so với nguồn thải được thể hiện như sau:

**Bảng 4.5. Nồng độ bụi do lớp xe ma sát với mặt đường từ phương tiện vận chuyển**

TT	Khoảng cách x(m)	$\sigma_z$	Nồng độ (mg/m <sup>3</sup> )
1	5	1,72	0,39
2	10	2,85	0,30
3	15	3,83	0,24
4	20	4,72	0,20
5	25	5,56	0,17
<b>QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1h)</b>			<b>0,3</b>

Đánh giá tác động: Qua số liệu tính toán tại bảng trên cho thấy, nồng độ bụi ở khoảng cách > 15 m nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT. Lượng bụi phát sinh từ mặt đường do xe vận chuyển chạy qua là tác động đáng quan tâm trong quá trình thi công dự án, do đoạn ra vào công trường thường có đất đá rơi vãi, đặc biệt vào những ngày nắng, mặt đường trở nên khô ráo làm cho các hạt đất mất kết dính với nhau dễ dàng bị cuốn theo bánh xe và luồng gió do xe chạy qua. Mức độ ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe của người dân là rất lớn nếu Chủ dự án không có các biện pháp giảm thiểu.

Phạm vi tác động là người dân sống hai bên tuyến đường vận chuyển nhất là dọc tuyến đường như đường Đình và đường liên xã Hải Thượng - Hải Hưng.

***c. Tác động đến vấn đề giao thông***

- Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và thi công xây dựng sẽ phát sinh bụi ra môi trường xung quanh làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, người tham gia giao thông, tác động đến hoạt động sản xuất của người dân.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu nếu không có biện pháp che chắn làm rơi vãi khi gặp mưa gây ra lầy lội, trơn trượt ảnh hưởng đến việc đi lại và có thể gây ra các tai nạn giao thông.

- Việc triển khai dự án sẽ góp phần làm gia tăng mật độ phương tiện tại khu vực trung bình 5 xe/h, có khả năng gây ra tai nạn nếu không điều tiết lượng xe và tốc độ phù hợp, từ đó gây ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân, làm tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông. Tai nạn giao thông xảy ra có thể ảnh hưởng đến tính mạng của người dân, gây tâm lý hoang mang và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu (đá, đất, cát, sắt thép, xi măng,...) của các phương tiện có tải trọng lớn dễ gây ra hư hỏng, sụt lún các tuyến đường. Do đó, Chủ dự án và nhà thầu xây dựng sẽ có biện pháp quản lý, lịch trình, kế hoạch cũng như bắt buộc chủ các phương tiện vận chuyển đúng tải trọng quy định.

Bên cạnh đó, quá trình vận chuyển ra vào khu vực Nhà máy sẽ ảnh hưởng đến CBCNV đang làm việc tại Nhà máy và hoạt động sản xuất của Nhà máy.

***1.1.4. Thi công các hạng mục công trình của dự án đối với các dự án có công trình xây dựng***

***a. Tác động do bụi từ quá trình đào đắp, san ủi mặt bằng, thi công xây dựng***

Trong quá trình thi công xây dựng, sẽ tiến hành đào và đắp đất các công trình. Quá trình này sẽ làm phát sinh bụi và có thể gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh khu vực thực hiện dự án. Tuy nhiên, Dự án được thực hiện trong phạm vi khuôn viên nhà máy đã được GPMB cũng như san gạt mặt bằng do đó quá trình này sẽ ít gây tác động đến môi trường xung quanh.

***b. Tác động đến môi trường nước***

***\* Nước thải sinh hoạt:***

- Phát sinh từ 30 công nhân thi công trên công trường.  
- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.

- Tải lượng: Định mức cấp nước 100 lít/người/ngày [8] và tỷ lệ thải là 100% lượng nước cấp [9]. Với số lượng công nhân khoảng 30 người thì lượng nước thải phát sinh đối với mỗi công trình là:  $30 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} \times 100\% = 3\text{m}^3/\text{ngày}$ .

Đánh giá tác động: Lượng nước thải này tuy không nhiều nhưng do chứa thành phần các chất hữu cơ và các vi sinh vật gây bệnh cho con người và động vật hoặc thấm qua đất gây ô nhiễm nước dưới đất, đồng thời làm mất cảnh quan khu vực. Do đó, Chủ dự án sẽ có biện pháp giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm này.

***\* Nước thải xây dựng:***

Nước thải xây dựng phát sinh chủ yếu từ các hoạt động trộn bê tông, rửa vật liệu, rửa máy móc, thiết bị và phương tiện giao thông, tưới bảo dưỡng công trình,... Thành phần nước thải này chứa đất đá, các chất lơ lửng, các chất vô cơ, dầu mỡ,... Tải lượng nước thải phát sinh do hoạt động xây dựng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: phương pháp thi công, khối lượng thi công, ý thức tiết kiệm nước của công nhân,...

Đánh giá tác động: Trong trường hợp mưa lớn, nước mưa chảy tràn qua các khu vực đang đào đắp hoặc các kho, bãi vật liệu hờ ... sẽ cuốn theo các nguyên vật liệu (cát, đá,...) làm cho độ đục trong nước tăng cao. Lượng nước thải này nếu không có biện pháp quản lý sẽ ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng nguồn nước mặt (Khe nước tự nhiên).

***\* Nước mưa chảy tràn:***

Lượng nước mưa chảy tràn trong diện tích khu vực được xác định theo (TCVN 7957:2023 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế) theo công thức:  $Q = q \times C \times F$  (4.4)

Trong đó:

Q - là lượng nước mưa chảy tràn.

F - là diện tích mặt bằng khu vực công trình 39.945 m<sup>2</sup> trong đó Công trình HTKT: 14.656,61 m<sup>2</sup>; Cây xanh, đường nội bộ: 25.288,39 m<sup>2</sup>.

q - là lượng mưa ngày lớn nhất (ngày 9/10/2020) tại Trạm thủy văn Thạch Hãn có giá trị 320 mm.

C - là hệ số dòng chảy, C = 0,3 tương ứng với mặt đất, C = 0,7 tương ứng với

bê tông, độ dốc 1 - 2%,

$$\Rightarrow \text{Vây: } Q_{\text{HTKT}} = 14.656,61 \text{ m}^2 \times 0,32 \text{ m/ngày} \times 0,7 \approx 3.283,08 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

$$Q_{\text{CX}} = 25.288,39 \text{ m}^2 \times 0,32 \text{ m/ngày} \times 0,3 \approx 2.427,69 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Đánh giá tác động: Trong quá trình xây dựng, các tác nhân gây ô nhiễm nước chủ yếu là dầu mỡ rò rỉ từ các máy móc thiết bị, chất thải rắn như đất đá, vật liệu rơi vãi,... Khi có mưa, các tác nhân đó sẽ bị rửa trôi vào mương thoát nước mặt khu vực gây đục nguồn nước. Lượng nước này phát sinh khi có mưa, nước mưa chảy tràn phát sinh theo hướng nghiêng của địa hình sẽ thoát ra hệ thống thoát nước khu vực sau đó đổ về khe nước phía Tây Bắc khu vực Dự án.

Ngoài ra, việc thi công xây dựng sẽ phá bỏ thảm thực vật hiện trạng cùng với việc thi công như đào, xúc càng làm tăng khả năng cuốn trôi đất, cát nhất là vào mùa mưa gây ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt của khu vực.

### *c. Tác động của chất thải rắn*

#### *\* Chất thải rắn sinh hoạt:*

CTR sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt CBCNV trên công trường; thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy vụn, chai, lon, vỏ hoa quả,... Lượng rác thải sinh hoạt tính trung bình từ khoảng 0,5 kg/người/ngày [10]. Với tổng số công nhân là 30 công nhân thì tổng lượng rác thải phát sinh khoảng 15 kg/ngày.

Đánh giá tác động: CTR sinh hoạt phát sinh nếu không có biện pháp thu gom, xử lý sẽ tạo mùi khó chịu và gây ô nhiễm đất, nguồn nước và mất mỹ quan, có thể phát sinh dịch bệnh và ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân lao động và người dân sống gần khu vực dự án.

#### *\* Chất thải rắn xây dựng:*

Chất thải rắn còn phát sinh do rơi vãi đá, cát, sạn, các loại như sắt thép, gỗ,... thải loại trong quá trình xây dựng. Tuy nhiên, khối lượng loại chất thải rắn này rất khó xác định chính xác, thường phụ thuộc vào phương pháp thi công, khả năng tiết kiệm nguyên vật liệu, ý thức của công nhân thi công, chất lượng vật liệu,...

Đánh giá tác động: Lượng chất thải này nếu để phát tán tự do ra môi trường sẽ làm mất mỹ quan khu vực, gây tắc nghẽn dòng chảy, xâm nhập vào đất làm thay đổi kết cấu đất, gây ô nhiễm đất, nước mưa có thể cuốn theo các chất thải xây dựng làm ô nhiễm môi trường nước... Tuy nhiên, phần lớn CTR xây dựng có khả năng tận dụng, Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công thu gom tận dụng và xử lý thích hợp.

#### *\* Chất thải nguy hại:*

CTNH phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu từ quá trình sửa chữa máy móc, thiết bị thi công, bao gồm các loại như: giẻ lau, dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh

quang.... . Khối lượng CTNH phát sinh khoảng 3 kg/tháng.

Đánh giá tác động: Lượng chất thải nguy hại phát sinh từ Dự án với khối lượng không lớn, đồng thời công tác bảo dưỡng, thay thế và sửa chữa máy móc, thiết bị sẽ được Chủ dự án và nhà thầu thực hiện ở các garage trên địa bàn nên sẽ hạn chế được tình trạng phát sinh chất thải nguy hại tại khu vực công trường. Trong trường hợp lượng chất thải nguy hại này phát sinh tại công trường, Chủ dự án sẽ có biện pháp quản lý, thu gom và xử lý thích hợp.

**d. Tác động của tiếng ồn, độ rung**

- Tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị trong thi công xây dựng các hạng mục công trình.

- Để đánh giá được ảnh hưởng mức độ ồn tới các đối tượng là khu dân cư và công nhân, mức ồn giảm theo khoảng cách và kết quả tính toán mức ồn theo các khoảng cách khác nhau được tính theo công thức:

$$LP(x) = LP(x_0) + 20.lg(x_0/x) \quad (4.5)$$

Trong đó: +  $LP(x)$ : Mức ồn tại vị trí cần tính toán (dBA).

+  $x_0 = 1m$ .

+  $LP(x_0)$ : Mức ồn cách nguồn 1m (dBA).

+  $x$ : Khoảng cách từ nguồn tới vị trí tính toán (m).

**Bảng 4.6. Mức ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công [11]**

TT	Các phương tiện	Mức ồn cách nguồn (dBA)						
		3,5m	7,5m	15m <sup>(*)</sup>	30m	60m	120m	240m
1	Máy ủi	107	100	93	87	81	75	69
2	Máy khoan	101	94	87	82	75	69	63
3	Máy trộn bê tông	89	82	75	69	63	57	51
4	Xe tải	102	95	88	82	76	70	64
QCVN 26:2010/BTNMT		70 dBA (từ 6h đến 21h)						

Đánh giá tác động: Qua bảng tính toán trên cho thấy các thiết bị, máy móc hoạt động trong giai đoạn thi công thường có mức ồn vượt QCVN 26:2010/BTNMT (70 dBA từ 6 giờ đến 21 giờ). Từ khoảng cách >120 m thì mức ồn của đa số máy móc thiết bị nằm trong giới hạn. Việc tiếp xúc với cường độ ồn cao sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe như mất ngủ, mệt mỏi, tâm lý khó chịu. Tiếng ồn còn làm giảm năng suất lao động của công nhân trên công trường, làm cho họ kém tập trung tinh thần dễ dẫn đến tai nạn lao động và tác động đến hoạt động sản xuất của các CBCNV của Nhà máy.

- Độ rung: Rung động phát sinh từ hoạt động của các máy móc thi công, chủ yếu là đào đất, khoan và san ủi. Mức độ rung động phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó đặc biệt quan trọng là cấu tạo địa chất của nền móng công trình. Khi mức

độ rung động lớn vượt giới hạn cho phép có thể ảnh hưởng tới sức khỏe của người công nhân và làm hư hại các công trình lân cận. Mức độ rung động của các máy móc thi công thể hiện như sau:

**Bảng 4.7. Mức độ rung của các máy móc thi công [12]**

TT	Các phương tiện	Mức độ rung động (Theo hướng thẳng đứng, dB)		
		Cách nguồn 10m	Cách nguồn 30m	Cách nguồn 50m
1	Máy đào đất	80	71	59
2	Xe lu	82	71	61
3	Máy khoan	63	55	44
4	Máy ủi	79	69	58
5	Máy nén khí	81	71	60
6	Máy đào bánh hơi	85	73	63
QCVN 27:2025/BTNMT		75 - Ngày 0600 - 22h00 70 - Đêm 22h00 - 06h00		

Đánh giá tác động: Qua bảng trên cho thấy ở khoảng cách  $\geq 50$  m, mức rung từ các máy móc thi công bảo đảm giới hạn cho phép theo QCVN 27:2025/BTNMT đối với hoạt động xây dựng là 75 dB. Tuy nhiên ở khoảng cách  $< 50$  m, độ rung chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân lao động tại khu vực dự án và các CBCNV của Nhà máy.

*e. Tác động đến kinh tế - xã hội*

Các hoạt động thi công, xây dựng công trình làm phát sinh các tác động đến tình hình kinh tế - xã hội, an ninh trật tự tại địa phương, các tác động này bao gồm:

- Ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Nhà máy hiện tại.
- Việc tập trung một lượng công nhân khá lớn trong thời gian xây dựng có thể ảnh hưởng tới an ninh trật tự xã hội khu vực Dự án.
- Hoạt động của phương tiện vận tải trong thời gian thi công làm tăng mật độ giao thông, tăng áp lực lên kết cấu đường, gây nên các biến dạng về kết cấu làm yếu nền đường, sụt lún nứt vỡ,... dẫn đến giảm tốc độ lưu thông trên đường, ảnh hưởng đến an toàn giao thông.
- Ảnh hưởng đến các tuyến đường giao thông, hoạt động đi lại của người dân tại các khu vực thi công công trình.
- Độ ồn tác động đến sức khỏe công nhân và CBCNV của Nhà máy.
- Bụi phát sinh trong quá trình thi công xây dựng ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động trực tiếp; người dân sinh sống xung quanh và CBCNV của Nhà máy.

Ngoài các tác động tiêu cực trên thì giai đoạn thi công cũng có tác động tích

cực là góp phần giải quyết nhu cầu việc làm; tăng thu nhập tạm thời cho người lao động; kích thích phát triển một số loại hình dịch vụ như kinh doanh ăn uống, giải khát phục vụ cho công nhân.

***1.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của Dự án trong giai đoạn thi công***

***a. Đối với sự cố cháy nổ***

- Sự cố cháy nổ thông thường: Khả năng gây cháy nổ có thể được chia thành những nhóm chính:

+ Bất cẩn trong việc thực hiện các biện pháp an toàn PCCC (lưu trữ nhiên liệu, gas... không đúng quy định).

+ Sự cố về các thiết bị điện: chập và gây cháy tại các điểm tiếp xúc, các mối nối không đảm bảo an toàn hoặc chập mạch do mưa.

+ Sự cố sét đánh có thể dẫn đến cháy nổ v.v...

- Sự cố cháy nổ nếu xảy ra sẽ gây ra các hậu quả như sau:

+ Có khả năng ảnh hưởng đến tính mạng công nhân và tài sản của Nhà thầu;

+ Gây ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của người dân sống gần khu vực;

+ Làm ô nhiễm hệ sinh thái đất, nước, không khí và làm chậm kế hoạch thi công của Dự án,...

Do vậy, Chủ dự án sẽ có nội quy và các biện pháp nghiêm ngặt về phòng chống cháy nổ

***b. Đối với sự cố tai nạn lao động***

- Nguyên nhân về kỹ thuật: Do dụng cụ, phương tiện thiết bị máy móc không hoàn chỉnh hay hư hỏng, thiếu cơ cấu an toàn, thiếu che chắn, thiếu hệ thống báo hiệu phòng ngừa;

- Thiếu kiểm tra giám sát thường xuyên: Việc kiểm tra giám sát nhằm mục đích phát hiện những sai phạm trong quá trình thi công xây dựng, nếu không làm thường xuyên dẫn đến thiếu ý thức trách nhiệm và ý thức thực hiện các yêu cầu về công tác an toàn hay các sai phạm không phát hiện một cách kịp thời dẫn đến xảy ra sự cố gây tai nạn lao động.

- Không thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ bảo hộ lao động như: Chế độ làm việc, nghỉ ngơi, trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân... Nếu không thực hiện một cách nghiêm chỉnh sẽ làm giảm sức khỏe người lao động, làm tăng khả năng xảy ra tai nạn.

- Nguyên nhân do bản thân người lao động: Thao tác vận hành không đúng kỹ thuật, không đúng quy trình hay do sức khỏe không đảm bảo.

***c. Đối với sự cố tai nạn giao thông***

- Quá trình thi công xây dựng Dự án sẽ làm tăng mật độ các phương tiện giao

thông tại khu vực, bên cạnh đó tần suất giao thông tại khu vực khá lớn,... nên sẽ có nguy cơ gây tai nạn giao thông. Trong đó, đáng quan tâm là khu vực giao nhau giữa đường Đình với tuyến đường vào khu vực Dự án và đoạn giao ngã 5 khu vực xã Hải Hưng và Hải Thượng.

- Tai nạn giao thông có thể xảy ra do bất cẩn của các tài xế tham gia giao thông. Những điểm có nguy cơ gây tai nạn giao thông cao là các đoạn giao nhau của các tuyến đường Đình với tuyến đường vào khu vực Dự án và đoạn giao ngã 5 khu vực xã Hải Hưng và Hải Thượng,... Vì vậy, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ đặc biệt quan tâm và phối hợp với các ban ngành liên quan để hạn chế tối đa sự cố này.

- Đối với quá trình vận chuyển nguyên vật liệu đi qua nhiều tuyến đường nguy hiểm như đường Đình, đường liên xã Hải Hưng - Hải Thượng,... tại các khu vực này có mật độ giao thông khá cao, kết hợp với việc thi công dự án sẽ làm tăng mật độ giao thông trên khu vực do đó sẽ tăng khả năng gây tai nạn giao thông cho khu vực và người tham gia giao thông, Chủ dự án sẽ làm việc với các cơ quan chức năng để đưa ra giải pháp an toàn đoạn đi qua các điểm giao để hạn chế gây ra nguy hiểm cho người đi đường và hạn chế sự cố tai nạn xảy ra.

## **1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

### ***1.2.1. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải***

#### ***a. Tác động đến môi trường do bụi và khí thải***

*\* Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển:*

Dự án khi đi vào hoạt động sẽ làm gia tăng mật độ các phương tiện giao thông do đó nguồn tác động đến môi trường không khí chủ yếu là khí thải và bụi từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực Dự án.

Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Dự án chủ yếu là phương tiện đi lại, chuyên chở hàng hóa dịch vụ,... Các phương tiện này chủ yếu sử dụng nhiên liệu dầu DO nên sẽ thải ra môi trường không khí một lượng khói thải chứa các chất ô nhiễm như  $\text{NO}_x$ ,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{C}_x\text{H}_y$ , CO,  $\text{CO}_2$ ,...

#### **Với nhu cầu nguyên vật liệu của Dự án khi đi vào hoạt động:**

- Sản xuất tấm Calcium silicate: Giấy 4.500 tấn/năm; Xi măng 19.500 tấn/năm; Cát 35.750 tấn/năm; Phụ gia: 8.000 tấn/năm.

- Sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng: Xi măng: 8.000 tấn/năm; Cát: 12.000 tấn/năm.

- Sản xuất khung thanh trần: Tole cuộn 10.000 tấn/năm.

→ Tổng khối lượng nguyên vật liệu vận chuyển: 97.750 tấn/năm tương đương 326 tấn/ngày.

Một năm hoạt động 300 ngày và 01 ngày làm 24h (chỉ vận chuyển sản phẩm vào ban ngày - 12h). Với tải trọng xe trung bình 12 tấn, tính được lượt xe vận chuyển hàng trong ngày là: 6 xe/h.

**Vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ:**

- Sản phẩm tấm Calcium Silicate: 15.000.000 m<sup>2</sup> thành phẩm/năm tương đương 150.000 tấn/năm.

- Sản phẩm vữa xây dựng chuyên dụng: 20.000 tấn/năm.

- Sản phẩm khung thanh trần: 30.000.000 m/năm tương đương 10.000 tấn/năm.

→ Tổng khối lượng nguyên vật liệu vận chuyển: 180.000 tấn/năm tương đương 600 tấn/ngày.

Một năm hoạt động 300 ngày và 01 ngày làm 24h (chỉ vận chuyển sản phẩm vào ban ngày - 12h). Với tải trọng xe trung bình 30 tấn, tính được lượt xe vận chuyển hàng trong ngày là: 40 lượt xe/ngày ~ 02 xe/h

Dựa vào giá trị giới hạn khí thải động cơ theo QCVN 86:2015/BGTVT, ước tính tải lượng tối đa ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển như sau:

Tải lượng bụi:  $E_{bụi} = 08 \text{ xe/h} \times 0,06\text{g/km/xe} = 0,00013 \text{ mg/m.s.}$

Tải lượng NOx:  $E_{NOx} = 08 \text{ xe/h} \times 0,39 \text{ g/km/xe} = 0,00087 \text{ mg/m.s.}$

Tải lượng CO:  $E_{CO} = 08 \text{ xe/h} \times 0,74 \text{ kg/km/xe} = 0,00164 \text{ mg/m.s.}$

Tải lượng HC:  $E_{HC} = 08 \text{ xe/h} \times 0,07 \text{ kg/km/xe} = 0,00016 \text{ mg/m.s.}$

Thay các giá trị vào công thức (4.1) sử dụng mô hình Sutton để xác định nồng độ ô nhiễm ở các khoảng cách khác nhau so với nguồn thải được thể hiện như sau:

**Bảng 4.8. Nồng độ khí thải tại các khoảng cách khác nhau**

TT	Khoảng cách x (m)	$\sigma_z$	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/m <sup>3</sup> )			
			C <sub>CO</sub>	C <sub>NOx</sub>	C <sub>HC</sub>	C <sub>bụi</sub>
1	5	1,72	0,000435	0,000231	0,000042	0,000034
2	10	2,85	0,000334	0,000177	0,000033	0,000027
3	15	3,83	0,000265	0,000140	0,000026	0,000021
4	20	4,72	0,000220	0,000117	0,000021	0,000017
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1h)			30	0,2	-	0,3

**Đánh giá tác động:** Khí thải động cơ từ phương tiện giao thông là nguồn thải không cố định và mang tính bất khả kháng, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển như đường Đình và đường liên xã Hải Hưng - Hải Thượng. Tuy nhiên, qua kết quả tính toán trên cho thấy nồng độ của bụi và các chất khí độc hại từ phương tiện vận chuyển hàng hóa là rất

thấp, tần suất hoạt động các phương tiện không liên tục nên tác động của bụi, khí thải chỉ mang tính tạm thời, ảnh hưởng cục bộ trong thời gian vận chuyển.

*\* Bụi từ quá trình sản xuất các dây chuyền của Nhà máy:*

- Nguồn phát sinh chủ yếu từ quá trình nạp liệu vào khuôn và công đoạn chà nhám, cắt tấm. Công đoạn sơn, phun keo, cán được thực hiện dựa trên máy móc tự động để sơn, phủ keo, cán trong buồng kín bằng tia UV của máy nên hầu như không phát sinh bụi sơn, bụi keo.

- Thành phần và tải lượng bụi ở công đoạn nạp liệu:

+ Thành phần bụi ở công đoạn nạp liệu chủ yếu là bột silic, bột xi măng, giấy và một số bột phụ gia. Tại đây, do các hạt đã nghiền đến cấp độ siêu mịn, độ ẩm thấp nên rất dễ bị bay lên trong khi cấp liệu và gây ra bụi.

+ Tải lượng: Công đoạn cấp liệu sẽ phát sinh bụi đặc biệt đối với các nguyên liệu rời như cát. Nhà máy sử dụng máy móc mới, đồng bộ và được chuyển giao từ nhà cung cấp nên đảm bảo việc cấp liệu được thực hiện bằng hệ thống kín, đồng bộ nên bụi phát sinh sẽ ít hơn so với việc cấp bằng thủ công hoặc băng tải hở, kích thước hạt bụi phát sinh từ các nguyên vật liệu này khoảng 0,5 - 5 $\mu$ m. Theo Tổ chức y tế thế giới WHO, 1993, hệ số phát sinh bụi từ quá trình cấp nguyên liệu là xi măng có quá trình kiểm soát là 0,075 kg/tấn.

Với tổng lượng nguyên liệu rời cần cấp là 251 tấn/ngày sẽ phát sinh lượng bụi từ quá trình cấp liệu là 18,83 kg/ngày. Lượng bụi này khi phát sinh thường khó phát tán ra ngoài môi trường làm ảnh hưởng đến sức khỏe của CBCNV. Do đó, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp hạn chế tác động sau này.

- Thành phần và tải lượng bụi ở khu vực chà nhám, cắt tấm:

+ Thành phần bụi ở công đoạn này chủ yếu là bột bay lên do quá trình chà nhám và cắt tấm. Tuy nhiên, công nghệ Nhà máy là công nghệ khép kín, tại khu vực chà nhám sẽ thường xuyên cấp ẩm nên lượng bụi phát sinh xem như không đáng kể.

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ công đoạn hấp của lò hơi, sử dụng nhiên liệu là đầu DO:

+ Thành phần bao gồm bụi và các loại khí thải như SO<sub>2</sub>, NO<sub>3</sub>, CO...

+ Tải lượng: Dự án sử dụng lượng nhiên liệu trong một giờ là 100 lít (720.000 lít/năm), tương đương với 0,087 tấn/h = 87kg/h.

Theo tài liệu của tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thì hệ số ô nhiễm của bụi và khí thải từ các quá trình đốt dầu DO như sau:

**Bảng 4.9. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm không khí do đốt dầu DO**

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn dầu)
1	Bụi	0,28
2	SO <sub>2</sub>	20S
3	SO <sub>3</sub>	0,28S
4	NO <sub>2</sub>	2,84
5	CO	0,71
6	VOC	0,035

*Ghi chú: Tỷ trọng của dầu DO là 0,87 kg/l; S là hàm lượng lưu huỳnh trong dầu (lấy bằng 0,05%, DO 0,055).*

Theo thực nghiệm tính toán, khi đốt cháy 1kg dầu DO, với nhiệt độ 120°C thì lượng khí thải tạo ra là 23m<sup>3</sup>. Vậy đối với Dự án, khi đốt 87kg dầu trong một giờ sẽ phát sinh 2.001m<sup>3</sup> khí thải.

Áp dụng công thức tính thể tích khối khí ở điều kiện thực tế khi đốt cháy nhiên liệu là dầu DO:  $V_{\text{khói}} = V_{\text{chuẩn}} (273 + T_{\text{khói}})/273$ .

Ta có:  $V_{\text{chuẩn}} = V_{\text{khói}} * 273 / (273 + T_{\text{khói}})$ .

Vậy ở điều kiện chuẩn thể tích khí thải khi đốt dầu DO là:

$$2.001 \times 273 / (273 + 120) = 1.390 \text{ Nm}^3$$

Từ Bảng 4.9 và kết quả tính toán trên có thể thống kê nồng độ các chất ô nhiễm như sau:

**Bảng 4.10. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm khí đốt dầu DO**

TT	Chất ô nhiễm	Tải lượng ô nhiễm (g/h)	Nồng độ ô nhiễm (mg/Nm <sup>3</sup> )	QCVN 19:2009/BTNMT (Kp = 1; Kv = 1,2) (mg/Nm <sup>3</sup> )
1	Bụi	24.360	8,76	240
2	SO <sub>2</sub>	87.000	31,28	600
3	SO <sub>3</sub>	1.218	0,44	60
4	NO <sub>2</sub>	247.080	88,83	1.200
5	CO	61.770	22,21	1.200

*Ghi chú: Lưu lượng nguồn thải là 2.001 m<sup>3</sup>/h < 20.000m<sup>3</sup> nên chọn Kp=1, khu vực của Dự án thuộc vùng nông thôn nên chọn Kv = 1,2.*

Nhận xét: Qua Bảng 4.10 cho thấy: Các chỉ tiêu như bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>3</sub>, SO<sub>2</sub> đều thấp hơn so với QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ. Mặc khác vị trí lò đốt dầu DO cách khu dân cư nên sẽ ít có nguy cơ ảnh hưởng đến các hộ xung quanh mà chủ yếu ảnh hưởng đến

CBNV trong Nhà máy. Tuy nhiên, để đảm bảo không gây tác động đến xung quanh chủ Dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp.

**Đánh giá tác động:**

Hoạt động sản xuất của Dự án làm phát sinh ra các khí thải. Trong đó, đáng lưu ý nhất là nồng độ bụi và khí SO<sub>2</sub>, gây ô nhiễm môi trường không khí trong khu vực lao động, đồng thời khi phát tán ra diện rộng có thể ảnh hưởng đến người dân xung quanh cũng như hệ sinh thái trong khu vực. Đánh giá về mức độ tác động của các chất ô nhiễm này như sau:

*\* Tác động của bụi:*

- Phạm vi và đối tượng bị tác động:

Đối với bụi phát sinh do quá trình sản xuất, với công nghệ khép kín nhằm hạn chế thất thoát nguyên liệu, nên các hạt bụi rất khó phát tán đi xa. Tác động này chỉ diễn ra chủ yếu ở khu vực cấp liệu cho dây chuyền sản xuất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người lao động trong công đoạn này.

- Đặc tính ô nhiễm của bụi:

Như đánh giá trên, bụi phát sinh lớn nhất là ở khu vực cấp liệu, với thành phần chủ yếu là bụi silic, vượt quy định so với TCBYT. Nếu không có các biện pháp giảm thiểu thì sẽ gây nên các tác động như sau:

Với kích thước của hạt bụi nhỏ khi đi vào cơ thể sẽ gây ra các bệnh về đường hô hấp cho công nhân lao động trực tiếp. Đối với Dự án, bụi phát sinh sẽ gây bệnh bụi phổi - silic. Bệnh bụi phổi - silic là kết quả của quá trình xơ hóa phổi do người lao động hít phải bụi có chứa silic tự do. Thể loại và mức độ bệnh phụ thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc với bụi, có thể mãn tính hoặc cấp tính.

*\* Tác động của khí SO<sub>2</sub>:*

- Cơ chế tác động của khí SO<sub>2</sub>:

+ SO<sub>2</sub> là những chất gây ô nhiễm kích thích, thuộc vào loại nguy hiểm nhất trong số các chất khí gây ô nhiễm không khí. Ở nồng độ thấp SO<sub>2</sub>, có thể gây co giật ở cơ trơn của khí quản, mức độ lớn hơn gây tăng tiết dịch niêm mạc đường hô hấp trên, cao hơn nữa là gây sưng niêm mạc. SO<sub>2</sub> có thể gây nhiễm độc da, làm giảm nguồn dự trữ kiềm trong máu,... Độc tính chung của SO<sub>2</sub>, thể hiện ở rối loạn chuyển hóa protein-đường, thiếu các vitamin B, C, ức chế enzym oxydaza.

Ngoài ra, khí SO<sub>2</sub> khi vào khí quyển, gặp điều kiện ẩm ướt sẽ tạo ra axit gây ăn mòn kim loại, phá hủy vật liệu bê tông và các công trình xây dựng nhà cửa và gây ra các cơn mưa axit phá hoại mùa màng của bà con nông dân.

Tuy nhiên, qua đánh giá trong khu vực lò đốt sấy tấm Calcium silicate chỉ tiêu

SO<sub>2</sub> không cao. Mặt khác, trên cơ sở Báo cáo ĐTM đã được UBND tỉnh phê duyệt, Nhà máy đã xây dựng ống khói cao >20m và theo báo cáo Công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm của Nhà máy thì nồng độ SO<sub>2</sub> nằm trong quy chuẩn nên ít gây tác động đến môi trường khu vực.

**b. Tác động đến môi trường nước**

\* *Nước thải sinh hoạt:*

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của 150 CBCNV tại Nhà máy.

- Thành phần: Các thành phần ô nhiễm chính đặc trưng thường thấy ở nước thải sinh hoạt là: BOD<sub>5</sub>, COD, Nitơ và Photpho. Nguồn nước thải này được phân thành hai nhóm chính là nước thải xám (nấu ăn, tắm, giặt, rửa, tưới) và nước thải đen (đi vệ sinh).

+ Nước thải xám chiếm phần lớn trong lưu lượng thải nhưng có hàm lượng các chất ô nhiễm thường không cao. Nước thải này thường chứa tạp chất rắn, các chất lơ lửng, các chất hữu cơ, dầu mỡ và vi sinh vật. Nguồn thải này cần phải được thu gom, xử lý tránh ứ đọng gây ô nhiễm cục bộ.

+ Nước thải đen là nước thải đi vệ sinh chứa phân và nước tiểu của con người nên thành phần chính là các chất hữu cơ, vi sinh vật đường ruột và đặc biệt chứa nhiều vi sinh vật gây bệnh cho người và động vật.

- *Thải lượng:*

+ Tiêu chuẩn cấp nước 120 lít/người/ngày [8], Với số lượng 150 CBCNV thì lượng nước cấp là 18 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Tỷ lệ thải bằng 100% lượng nước cấp [15]. Như vậy, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 18 m<sup>3</sup>/ngày.

Thành phần nước thải sinh hoạt (khi chưa xử lý) được thể hiện qua bảng sau.

**Bảng 4.11. Thải lượng ô nhiễm tính theo đầu người [6]**

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số (g/người/ngày)	Tải lượng (g/ngày)	Nồng độ (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2)
1	TSS	107,5	16.125	896	120
2	BOD <sub>5</sub>	49,5	7.425	413	60
3	COD	88,5	13.275	738	-
4	NH <sub>4</sub> -N	3,6	540	30	12
5	Tổng N	9	1.350	75	-
6	Tổng P	2,4	360	20	-
7	Dầu mỡ	20	3.000	167	24

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B: Giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

- Dấu (-) quy chuẩn không quy định.

Đánh giá tác động: Nước thải sinh hoạt phần lớn chứa các chất hữu cơ (N, P); nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý có nồng độ các chất ô nhiễm cao, cụ thể là các chỉ tiêu BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub>-N và coliform vượt khá cao so với QCVN 14:2008/BTNMT; nếu xả thải trực tiếp ra môi trường sẽ gây ô nhiễm nguồn nước gây nên các hiện tượng phú dưỡng, làm giảm lượng ôxy trong nước, ảnh hưởng đến chất lượng thủy vực tiếp nhận là khe nước phía Tây Bắc khu vực. Ngoài ra, nước thải khi thải ra môi trường ngấm vào đất làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường đất và chất lượng nước ngầm khu vực.

*\* Nước mưa chảy tràn:*

Lưu lượng nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích Dự án trong giai đoạn này được tính toán tương tự như giai đoạn thi công tại mục 1.1.4.

Theo đó, kết quả tính toán lưu lượng nước mưa chảy tràn trên khu vực Dự án như sau:

**Bảng 4.12. Lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án**

TT	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hệ số (C)	Lượng mưa ngày lớn nhất (m)	Lưu lượng nước mưa chảy tràn (m <sup>3</sup> /ngày)
1	Hạ tầng kỹ thuật	31.277,72	0,75	0,32	7.056,65
2	Cây xanh	8.667,28	0,37		1.026,21
	<b>Tổng</b>	39.945			8.082,86

Đánh giá tác động: Thảm thực vật có vai trò là vật cản làm giảm dòng chảy mặt cả về lượng và tốc độ dẫn đến giảm đáng kể tác động xói mòn đất. Nhờ có sự che phủ của thảm thực vật mà không chế được bốc hơi nước của đất rừng một cách có hiệu quả, qua đó bảo vệ được nước trong đất. Đồng thời làm tăng khả năng thấm nước của đất và giữ tốc độ thấm nước ổn định. Khi dự án đi vào hoạt động bề mặt đất và thực vật bị phá bỏ, diện tích khu vực phần lớn đã được bê tông và nhựa hóa, các công trình xây dựng làm tăng diện tích có mái che làm giảm khả năng thấm hút nước đất. Do đó, nước mưa chảy tràn đổ vào khu vực lúc này có nồng độ ô nhiễm thấp hơn nhưng tốc độ và lưu lượng dòng chảy tăng lên.

*\* Nước thải sản xuất:*

Nước thải sản xuất phát sinh từ dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate với

công đoạn cắt mài và đánh bóng.

Căn cứ theo tính toán nhu cầu sử dụng nước tải Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước cho công đoạn sản xuất nhà máy là 215 m<sup>3</sup>/ngày. Theo quy trình công nghệ nhà máy đã đầu tư thì sẽ tái tần hoàn sử dụng với định 85% tương ứng với 182,75 m<sup>3</sup>/ngày. Như vậy lượng nước thải sản xuất là 32,25 m<sup>3</sup>/ngày.

Thành phần nước thải của dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate chủ yếu là các tạp chất, chất rắn lơ lửng,...

Nồng độ trong nước thải: Theo kết quả phân tích mẫu nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy tại Bảng 3.3 cho thấy nồng độ hàm lượng Độ màu, TSS, COD, Coliform,... vượt tiêu chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

Đặc trưng nước thải sản xuất là có hàm lượng chất rắn lơ lửng, thành phần chủ yếu là bột đá mài ra. Ngoài ra, còn có chứa các thành phần có nguồn gốc nguyên liệu sản xuất. Tuy nhiên, nồng độ các chất này rất thấp do qua các công đoạn phối trộn, dưỡng hồ nên nguyên liệu và hóa chất, phụ gia đã kết dính với nhau và tro hóa, tấm đá đã đạt đến độ cứng cần thiết nên các mảnh vụn mài ra không tan được trong nước.

**Đánh giá tác động:**

- Các đối tượng chịu tác động của nguồn nước thải (nếu không được kiểm soát) trước tiên sẽ là môi trường nước mặt và môi trường đất, sau đó đi qua lớp đất cát để thấm và ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm tầng nông. Tuy nhiên, do bản chất của các chất ô nhiễm chỉ là đất cát tự nhiên, không phải là chất độc hại nên mức độ ô nhiễm cũng không quá nghiêm trọng.

- Toàn bộ nước thải của Dự án sau khi xử lý sẽ được đổ về nhánh khe nước giáp với khu vực Dự án ở góc phía Tây Bắc. Tuy nhiên, đối với nước thải sản xuất Chủ dự án sẽ tuần hoàn tái sử dụng lại cho hệ thống sản xuất của Nhà máy khoảng 85%, chỉ xả thải ra môi trường với định mức 15% (32,25 m<sup>3</sup>/ngày). Để đảm bảo cho môi trường khu vực nước thải trước khi thải ra môi trường tiếp nhận sẽ được xử lý nhằm đảm bảo tiêu chuẩn và tránh gây ảnh hưởng ô nhiễm môi trường nước mặt của khe nước nói riêng và bầu Sứ nói chung.

- Việc xả thải ra khe nước thuộc hệ thống bầu Sứ sẽ có những tác động bất lợi đến hoạt động sản xuất của người dân như hoạt động, trồng sen (4 hộ), nuôi cá, nước tưới phục vụ sản xuất (trồng lúa của các hộ dân trên địa bàn xã Hải Thượng) nếu nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận mà chưa được xử lý. Do đó, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp xử lý thích hợp trước khi thải ra môi trường tiếp nhận để

không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất cũng như môi trường nước mặt.

***c. Tác động do chất thải rắn***

***\* Chất thải rắn sinh hoạt:***

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động của 150 CBNV.
- Thành phần rác thải bao gồm: Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm bao bì nilon, giấy loại, hộp nhựa, chai lọ, lon bia, thức ăn dư thừa,...
- Tải lượng: Định mức phát sinh CTR sinh hoạt là 0,6 kg/người/ngày [13].

$$150 \text{ người} \times 0,6 \text{ kg/người/ngày} = 90 \text{ kg/ngày.}$$

Đây là khối lượng CTR lớn và cần được thu gom hàng ngày, tránh tồn đọng, phân hủy làm phát sinh mùi hôi và nơi phát sinh các vi sinh vật gây bệnh.

**Đánh giá tác động:** CTR sinh hoạt phát sinh nếu không có biện pháp thu gom quản lý chặt chẽ, dễ phát tán bừa bãi ra môi trường có khả năng dẫn đến ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và làm mất cảnh quan của khu vực. Một phần chất ô nhiễm có khả năng ngấm vào tầng sâu tích lũy và dần dần tác động xấu đến nguồn nước dưới đất trong khu vực. Các bãi rác hở là nơi trú ngụ và phát triển của các loại gây bệnh như ruồi, chuột, bọ,... ô nhiễm môi trường không khí có thể gây nên dịch bệnh cho CBCNV nhà máy và khu vực lân cận.

***\* Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động xuất:***

Chất thải rắn thường có loại kích cỡ khác nhau: Loại có kích thước lớn thường phát sinh từ công đoạn cắt đá và đá bị vỡ; loại phát sinh từ công đoạn mài, đánh bóng thường có kích thước nhỏ hơn và thường đi vào nguồn nước thải gây đục nguồn nước và làm tăng hàm lượng chất rắn trong nước.

Tổng lượng chất thải rắn, theo tính toán thực tế thì 300 m<sup>2</sup> thì phát sinh ra khoảng 1kg chất thải rắn. Như vậy với 15.000.000 m<sup>2</sup> thành phẩm/năm thì phát sinh 50.000 kg/năm tương đương 167 kg/ngày.

Đối lượng bùn cặn trong nước thải phát sinh 15-20 kg/ngày.

**Đánh giá tác động:** Đối với chất thải rắn sản xuất chủ yếu là lượng bùn cát từ công đoạn tuyển rửa cát, lượng bùn từ mài, đánh bóng đá ốp lát và lượng mảnh vụn từ công đoạn cắt đá, đá hỏng... Bản chất của những chất thải rắn này thường không nguy hại; tuy nhiên, nếu lượng chất thải này không được quản lý và có biện pháp thu gom hợp lý sẽ làm mất mỹ quan, nếu số lượng lớn sẽ gây tắc nghẽn đường ống, dòng chảy, gây bồi lắng trong khu vực. Ngoài ra, đối với các loại bùn cát, nếu có sự khuấy đảo thì sẽ làm đục nguồn nước, tăng hàm lượng chất rắn trong nước.

***\* Chất thải nguy hại:***

- Nguồn phát sinh: CTNH phát sinh từ các công đoạn vệ sinh máy móc, thiết

bị và hoạt động tại khu vực văn phòng.

- Thành phần bao gồm: Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm TPNH, Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước, Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH ...

**Bảng 4.13. Danh mục CTNH phát sinh của Nhà máy**

STT	Tên CTNH	Khối lượng	Trạng thái	Mã CTNH
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm TPNH	500 kg/tháng	Rắn	18 02 01
2	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	450 kg/tháng	Lỏng	17 05 04
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	50 kg/tháng	Rắn	18 01 02
4	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	200 kg/tháng	Rắn	18 01 04
5	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH	500 kg/tháng	Lỏng	08 03 01

Đánh giá tác động: Lượng CTNH phát sinh không lớn. Tuy nhiên, với thành phần chủ yếu chứa các chất độc hại nếu không được thu gom và xử lý triệt để thì nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe con người là rất lớn.

**1.2.2. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung)**

Tiếng ồn sinh ra trong giai đoạn này chủ yếu là do các phương tiện tham gia giao thông và máy móc thiết bị từ quá trình hoạt động của Dự án. Các loại xe khác nhau sẽ có mức độ ồn khác nhau, như trình bày trong bảng sau:

**Bảng 4.14. Mức độ phát sinh tiếng ồn [11]**

TT	Thiết bị	Mức ồn cách nguồn (1,5m)	Mức ồn cách nguồn 15 m	Mức ồn cách nguồn 20 m	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2010/ BTNMT
1	Thiết bị cân trục	85	65	63	85 dBA	70 dBA (6h -21h)
2	Băng chuyền	82	62	60		
3	Xe tải	102	82	79		
4	Máy xúc	107	87	85		

Đánh giá tác động: Tính toán trên cho thấy mức ồn từ khoảng cách 20 m trở đi có giá trị nằm trong phạm vi tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm

việc và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức ồn tối đa cho phép (70 dBA). Riêng đối với giá trị phát sinh tiếng ồn của máy xúc, xe tải vượt giá trị cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT. Tuy nhiên, vị trí khu vực Dự án nằm cách xa khu dân cư, do đó tiếng ồn từ các hoạt động của các máy móc, phương tiện vận chuyển hàng sẽ tác động trực đến CBCNV.

### ***1.2.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của Dự án trong giai đoạn vận hành***

#### ***a. Sự cố cháy nổ***

- Dự án có sử dụng và tàng trữ một số nhiên liệu như: dầu DO chứa trong các bồn dầu, nhiên liệu xăng dùng cho các động cơ xe, ... Các nhiên liệu trên đều rất dễ bắt lửa và gây ra cháy, nổ.

- Hàng hóa được lưu giữ và thông thường tại bãi chứa là than đây là những nguyên liệu rất dễ cháy và khó dập tắt, do đó sự cố cháy nổ xảy ra thì hậu quả của nó đối với Dự án và các khu vực, công trình lân cận không thể tránh khỏi.

- Việc sử dụng thiết bị điện ở văn phòng (máy in, máy tính, quạt điện...) cũng như các máy thi công sử dụng điện cũng dễ gây chập điện và gây ra cháy nổ.\

- Sự cố sét đánh có thể dẫn đến cháy nổ v.v....

Do vậy trong quá trình hoạt động Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn cho con người và hạn chế những mất mát, tổn thất có thể xảy.

#### ***b. Đối với sự cố tai nạn giao thông***

Khi Dự án đi vào hoạt động số lượng phương tiện giao thông tại khu vực sẽ tăng lên nên nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông cũng gia tăng, cũng ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại của người dân. Các nguyên nhân có thể dẫn đến tai nạn giao thông như:

- Hoạt động vận chuyển hàng hóa sẽ phát sinh bụi ra môi trường xung quanh làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, người tham gia giao thông.

- Việc vận chuyển nguyên vật liệu nếu không có biện pháp che chắn làm rơi vãi khi gặp mưa gây ra lầy lội, trơn trượt ảnh hưởng đến việc đi lại và có thể gây ra các tai nạn giao thông.

- Các xe lưu thông vượt tốc độ cho phép.

- Người điều khiển phương tiện giao thông không chấp hành luật lệ an toàn giao thông, uống rượu bia khi lái xe....

- Các sự cố về kỹ thuật của xe cũng dễ dẫn đến tai nạn: Xe bị nổ lốp, chết máy...

Hiện tại mật độ phương tiện giao thông trên các tuyến đường Đình và tuyến đường liên xã Hải Thượng - Hải Hưng là tương đối cao. Do đó, khi Dự án triển khai sẽ làm gia tăng mật độ phương tiện tại khu vực, có khả năng gây ra tai nạn nếu không điều tiết lượng xe và tốc độ phù hợp, từ đó gây ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân, làm tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông nhất là tại các điểm giao nhau như giữa tuyến đường vào khu vực dự án với tuyến đường Đình và ngã 5 giao lộ Hải Thượng - Hải Hưng. Tai nạn giao thông xảy ra có thể ảnh hưởng đến tính mạng của người dân, gây tâm lý hoang mang và ảnh hưởng đến hoạt động của dự án.

***c. Sự cố tai nạn lao động***

Tai nạn lao động có thể xảy ra khi Dự án đi vào hoạt động. Nguyên nhân chủ yếu bao gồm:

- Bất cẩn của công nhân trong vận hành máy móc, thiết bị.
- Công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy về an toàn lao động.
- Bất cẩn về điện.
- Khu vực Dự án có nhiều phương tiện vận chuyển ra vào có thể dẫn đến tai nạn.

***d. Đối với sự cố từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải***

Khi Nhà máy đi vào hoạt động, hệ thống xử lý nước thải có thể gặp phải các sự cố trong quá trình vận hành. Dưới đây là một số sự cố phổ biến và nguyên nhân xảy ra:

- Mùi hôi: Đây là một trong những sự cố thường gặp nhất, có thể phát sinh từ nhiều giai đoạn khác nhau trong hệ thống. Nguyên nhân thường là do thông khí kém, quá tải thiết bị lọc, hoặc máy bơm bị tắc nghẽn bởi rác thải.

- Sự cố về máy bơm: Máy bơm có thể gặp vấn đề như bị kẹt do rác thải nhỏ không được chặn lại, hoặc bị hỏng do thiếu điện hoặc công suất không đủ. Điều này có thể dẫn đến việc không bơm được nước thải ra khỏi hệ thống.

- Sự cố về thiết bị sục khí: Thiết bị này có thể gặp sự cố như tiếng kêu lạ hoặc không hoạt động hiệu quả, gây ra tình trạng thiếu oxy trong quá trình xử lý sinh học, dẫn đến việc vi sinh vật không phát triển tốt.

- Tích tụ bùn: Bùn có thể tích tụ trong các bể lắng do thời gian lưu bùn quá lâu hoặc do nồng độ chất hữu cơ trong nước thải không đủ để duy trì hoạt động của vi sinh vật. Điều này có thể dẫn đến việc nước thải không được xử lý hiệu quả.

- Quá tải hữu cơ: Nếu lượng chất hữu cơ trong nước thải vượt quá khả năng xử lý của hệ thống, có thể dẫn đến tình trạng quá tải, làm giảm hiệu quả xử lý và

gây ô nhiễm.

- Bùn mịn và bùn lắng chậm: Bùn vi sinh có thể mất hoạt tính do thiếu thức ăn, dẫn đến tình trạng bùn mịn và khó lắng.

Sự cố trong hệ thống xử lý có thể dẫn đến việc ngừng hoạt động của nhà máy, gây thiệt hại về kinh tế do gián đoạn sản xuất và tăng chi phí bảo trì.

*e. Đối với sự cố từ hệ thống xử lý khí thải*

Các sự cố trong hệ thống xử lý khí thải có thể gây ra nhiều vấn đề nghiêm trọng cho môi trường và sức khỏe con người. Dưới đây là một số sự cố phổ biến thường xảy ra:

- Rò rỉ khí thải: Rò rỉ có thể xảy ra ở các điểm nối hoặc trong quá trình vận hành, dẫn đến việc khí thải không được xử lý hoàn toàn.

- Chụp hút không hoạt động hiệu quả: Điều này có thể dẫn đến việc không loại bỏ được mùi và khói trong không gian.

Khi hệ thống gặp sự cố hoặc hoạt động không hiệu quả, khí thải độc hại có thể được xả thải trực tiếp vào môi trường, gây ô nhiễm không khí. Điều này có thể dẫn đến sự gia tăng nồng độ các chất độc hại như Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, và CO trong không khí, ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh.

*f. Đối với sự cố rò rỉ, hóa chất*

Do đặc thù sản xuất của Nhà máy không sử dụng nhiều hóa chất chủ yếu là cát, xi măng, bột giấy,...; có sử dụng phụ gia nhưng khối lượng nhỏ. Tuy nhiên, nếu xảy ra sự cố rò rỉ hóa chất sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường làm việc và sức khỏe của CBCNV.

*g. Đối với sự cố thiên tai (mưa bão)*

Khu vực Dự án nằm trong vùng chịu chung ảnh hưởng của chế độ bão miền trung, phải gánh chịu rất nhiều cơn bão. Thực tế những năm trở lại đây bão xuất hiện rất nhiều và thường xuất hiện vào mùa mưa. Do vậy, bão có thể làm thiệt hại đến sức khỏe cũng như tính mạng của con người, làm hư hại các công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của khu vực. Nếu không có biện pháp gia cố, chằng chống cẩn thận thì gió bão có thể làm hư hại công trình, máy móc, thiết bị.

## **2. Đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường**

### **2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án**

#### **2.1.1. Về nước thải**

##### *a. Nước thải sinh hoạt*

Với số lượng công nhân thi công là 30 người, lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 3 m<sup>3</sup>/ngày. Để thuận tiện cho công nhân đi lại trong quá trình thi công, hạn

chế tối đa ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt tới môi trường. Chủ dự án sẽ sử dụng nhà vệ sinh di động có thể tích bể 5 m<sup>3</sup> để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên công trường. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng hút và đưa đi xử lý.

***b. Nước thải xây dựng***

- Đảm bảo máy móc, thiết bị hạn chế tối đa rò rỉ dầu mỡ trong quá trình thi công.

- Thi công theo hình thức cuốn chiếu, dứt điểm từ hạng mục công trình.

- Tiết kiệm nước trong quá trình trộn bê tông, vữa xi măng, hạn chế tối đa thất thoát ra môi trường.

- Tận dụng tối đa nguồn nước để phục vụ cho việc bảo dưỡng công trình.

***c. Nước mưa chảy tràn***

- Tránh thi công tràn lan, nước mưa chảy tràn sẽ cuốn trôi đất cát gây đục nguồn nước ở diện rộng.

- Đào mương thoát nước tạm định hướng theo thiết kế cho giai đoạn vận hành

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa bao xung quanh khu vực dự án. Các tuyến thoát nước mưa đảm bảo tiêu chí thoát triệt để.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng như đất đá, cát sỏi... xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn ngập úng.

- Xây dựng nhà chứa vật liệu hoặc phủ bạt máy móc thi công khi trời mưa;

- Thực hiện việc thay thế dầu nhờn, dầu máy, sửa chữa máy móc, phương tiện tại các gara sửa chữa để không làm phát sinh dầu mỡ thải trên công trường.

***2.1.2. Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại***

***a. Về rác thải sinh hoạt***

- Rác thải sinh hoạt của 30 công nhân, phát sinh tối đa khoảng 15 kg/ngày. Để thu gom và xử lý lượng chất thải rắn này, Chủ dự án sẽ bố trí 01 thùng đựng rác (loại 120lít) ở khu lán trại để thu gom.

- Quy định và nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, tránh vứt rác bừa bãi.

- Đối với các loại rác thải có khả năng tận dụng như bìa carton, chai nhựa, vỏ lon,... tận dụng bán phế liệu.

- Đối với rác thải sinh hoạt không có khả năng tái sử dụng, tái chế thì thu gom và hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Đô thị huyện Hải Lăng định kỳ thu gom đưa đi xử lý.

***b. Chất thải xây dựng***

- Hạn chế tối đa phế thải phát sinh trong thi công bằng việc tính toán hợp lý vật liệu.

- Tuyên truyền, tăng cường nhắc nhở công nhân ý thức tiết kiệm và thất chặt quản lý, giám sát công trình.

- Lựa chọn khu vực tập kết nguyên vật liệu thuận tiện cho quá trình thi công và khu vực thoát nước của công trường nhằm giảm thiểu các tác động như rơi vãi, rửa trôi.

- Các phế liệu có thể tái chế hoặc tái sử dụng được như bao bì xi măng, chai lọ, sắt, thép dư thừa... được các nhà thầu thu gom, bán cho đơn vị tái chế.

***c. Chất thải nguy hại***

- Đối với các chất thải nguy hại như thùng đựng dầu mỡ, dẻ lau được thu gom bỏ vào 01 thùng chứa loại 60L có nắp đậy và dán nhãn cảnh báo CTNH sau đó chứa tại khu vực lán trại, không thải bỏ bừa bãi ra môi trường làm mất mỹ quan khu vực.

Đối với việc vận chuyển và xử lý CTNH, Nhà thầu sẽ hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

***2.1.3. Về bụi, khí thải***

Để giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển và thi công xây dựng công trình, Chủ dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Lập hàng rào bao quanh khu vực thi công tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất hiện tại của Nhà máy.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, thi công theo hình thức cuốn chiếu, dứt điểm từng hạng mục để dễ kiểm soát và hạn chế ô nhiễm bụi trên diện rộng.

- Các máy móc thi công sẽ bố trí khoảng cách và thời gian hoạt động hợp lý nhằm giảm nồng độ các chất ô nhiễm không khí trong công trường làm việc.

- Chỉ sử dụng các phương tiện máy móc thi công đã được đăng kiểm, không sử dụng các loại máy móc cũ có khả năng gây ô nhiễm cao.

- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu được phủ bạt kín khi hoạt động để tránh làm rơi vãi.

- Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm (buổi sáng: từ 6h30 - 7h30; buổi chiều: 4h30 - 5h30) để hạn chế ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông, sử dụng phương tiện vận chuyển phù hợp với tải trọng thiết kế của hạ tầng giao thông.

- Vào những ngày nắng, gió phát sinh nhiều bụi sẽ tưới nước trên các tuyến

đường vận chuyển vật liệu đoạn qua khu dân cư và đoạn thi công công trình (tần suất tối thiểu 04 lần/ngày và tùy vào tình hình thực tế sẽ tăng lên).

- Bố trí các bảng cấm và chỉ dẫn để người dân biết tránh các khu vực đang thi công.

- Tại các bãi chứa nguyên vật liệu được che phủ bạt tránh gió cuốn làm phát sinh bụi.

- Công nhân thi công xây dựng sẽ được trang bị bảo hộ lao động như: khẩu trang, găng tay, mũ, giày,...

- Công khai, niêm yết kế hoạch, công tác bảo vệ môi trường của dự án cho cộng đồng được biết cùng có kế hoạch bảo vệ môi trường xung quanh.

#### ***2.1.4. Về tiếng ồn, độ rung***

- Bố trí lịch thi công hợp lý, không thi công bằng các thiết bị cơ giới có khả năng gây ồn lớn trong thời gian yên tĩnh, tránh thi công vào thời gian từ 18h đến 6h sáng hôm sau.

- Hạn chế các phương tiện vận chuyển qua các tuyến đường vào giờ cao điểm hay vào thời gian nghỉ ngơi của người dân.

- Không thi công với cường độ lớn, cần phân kỳ giai đoạn thi công hợp lý, tránh thi công một lần nhiều hạng mục nhằm giảm sự cộng hưởng của tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hỏng nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

- Các phương tiện, máy móc trước khi sử dụng được cân chỉnh cố định, hoạt động đúng công suất, vận chuyển đúng trọng tải quy định.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành các máy móc phương tiện phát sinh độ ồn cao.

#### ***2.1.5. Biện pháp giảm thiểu tác động khác***

##### ***2.1.5.1. Biện pháp giảm thiểu tác động hoạt động giải phóng mặt bằng***

###### ***a. Thu gom, xử lý sinh khối thực vật***

Đối với sinh khối thực vật phát sinh Chủ dự án đã áp dụng các biện pháp thu gom như:

- Lên kế hoạch GPMB cụ thể, thu gom triệt để lượng chất thải rắn phát sinh, tuyệt đối không xả ra môi trường.

- Đối với sinh khối thực vật là cành, rễ... sẽ được thu gom và xử lý cùng CTR sinh hoạt.

###### ***b. Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội***

- Chủ dự án công khai các biện pháp bảo vệ môi trường để nhân dân địa

phương biết. Công tác này chủ yếu để nhân dân hiểu rõ và giám sát quá trình thực hiện dự án, nhằm đảm bảo tính nghiêm ngặt của công tác bảo vệ môi trường, phát huy vai trò giám sát của cộng đồng.

- Có kế hoạch, biện pháp phối hợp với chính quyền địa phương quản lý trật tự, an ninh, quản lý hộ khẩu tạm trú của công nhân xây dựng.

- Đưa ra những quy định nghiêm ngặt với lực lượng thi công về tổ chức, ăn, nghỉ, sinh hoạt, tránh phát sinh mâu thuẫn không đáng có giữa công nhân xây dựng với người dân gây mất ổn định xã hội và làm giảm tiến độ chung của Dự án.

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc thực hiện pháp luật, bảo đảm trật tự an ninh và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội như cờ bạc và các hoạt động gây mất trật tự xã hội trên địa bàn.

- Thi công đúng theo thiết kế để đảm bảo chất lượng công trình, có biển báo chỉ đường, biển báo hướng dẫn đầy đủ nhằm hạn chế tai nạn giao thông gây tâm lý không tốt cho nhân dân.

- Các loại phương tiện như máy xúc, máy ủi có bánh xích được chở vào khu vực bằng xe chuyên dụng, không được chạy trực tiếp trên đường.

- Chất thải trong quá trình thi công được quản lý và thu gom sạch sẽ không làm phát sinh ra môi trường gây mất mỹ quan của khu vực.

#### ***2.1.5.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường***

##### ***a. Đối với sự cố cháy nổ***

- Đường dây điện tới công trường phải là các đường dây kín, đảm bảo an toàn trong sử dụng.

- Đối với việc đấu nối đường dây điện vào công trường thi công sẽ giao cho cán bộ kỹ thuật có chuyên môn đảm nhiệm nhằm thực hiện các thao tác đấu nối điện đúng kỹ thuật và an toàn nhất.

- Đối với hoạt động sinh hoạt của công nhân sẽ được quản lý bằng các quy định và nội quy như không được hút thuốc và vứt tàn thuốc vào những khu vực dễ cháy nổ; sử dụng an toàn về điện tránh chập điện do quá tải.

- Đối với máy móc, động cơ sẽ được bảo trì, kiểm tra định kỳ, không hoạt động trong tình trạng quá tải.

- Chủ dự án sẽ thực hiện công tác thẩm duyệt PCCC theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy trước khi phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công công trình.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, công nhân giám sát sẽ báo ngay cho chỉ huy công trường để kịp thời chỉ đạo, đồng thời sử dụng các thiết bị cứu hỏa như: bình CO<sub>2</sub>, vòi phun nước, cát để dập ngay đám cháy. Trường hợp có người bị thương cần sơ cứu khẩn cấp và liên hệ với trung tâm y tế gần nhất để cứu chữa kịp thời.

***b. Đối với sự cố tai nạn lao động***

- Chủ dự án sẽ tổ chức đấu thầu để chọn ra đơn vị thi công có năng lực, đội ngũ công nhân có tay nghề cũng như kỹ thuật cao.

- Xây dựng kế hoạch, phương án thi công hợp lý đảm bảo đúng thiết kế và an toàn khi thi công.

- Cấp phát bảo hộ lao động cho công nhân thi công như: giày, mũ bảo hiểm, áo quần bảo hộ.

- Thực hiện kiểm tra an toàn lao động, đôn đốc, giám sát an toàn về người và thiết bị trong quá trình thi công.

- Thành lập ban thực hiện an toàn lao động do chỉ huy trưởng công trường phụ trách nhằm mục đích theo dõi, kiểm tra việc thực hiện bảo hộ lao động an toàn lao động trên công trường của công nhân.

- Tổ chức tập huấn an toàn lao động cho toàn bộ công nhân để có những phương án kịp thời ứng cứu nạn nhân khi có sự cố xảy ra.

- Thực hiện nghiêm túc theo Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.

***c. Đối với sự cố tai nạn giao thông***

Để đảm bảo an toàn giao thông trong suốt quá trình triển khai dự án, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp:

- Đưa ra nội quy, nâng cao ý thức chấp hành Luật giao thông đối với cán bộ công nhân, đặc biệt là đối với tài xế lái xe.

- Trước khi thi công phải tiến hành kiểm tra các phương tiện với yêu cầu đã được Đăng kiểm như trong hồ sơ dự thầu xây dựng của Nhà thầu.

- Các xe chở nguyên vật liệu có khả năng phát sinh bụi phải được che chắn kỹ để tránh ảnh hưởng đến người tham gia giao thông.

- Dọn dẹp vệ sinh đường sá sau mỗi ngày thi công và sau khi thi công xong.

- Lắp đặt các biển báo, bố trí người đứng phân luồng và điều tiết giao thông tại các đoạn giao nhau.

**2.2. Đề xuất các các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành**

**2.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải**

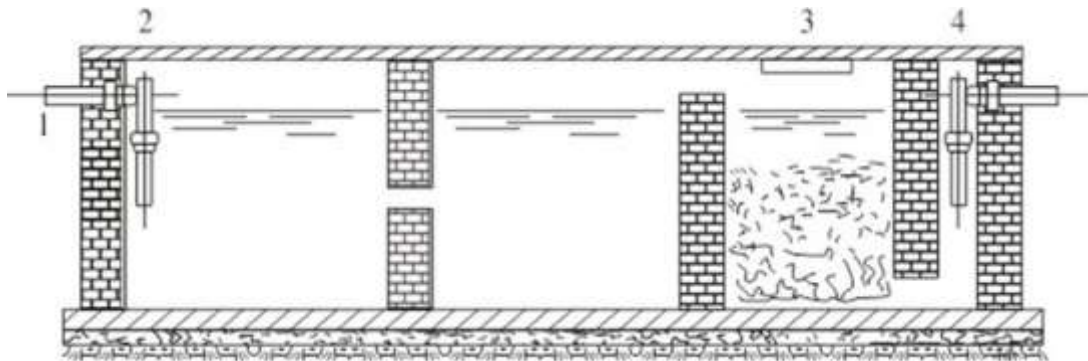
*\* Nước thải sinh hoạt:*

Hiện tại, để đảm bảo cho việc thu gom xử lý nước thải sinh hoạt cho 103

CBNV tại khu vực Nhà máy đã đầu tư xây dựng 03 bể tự hoại tại khu vực nhà văn phòng - hành chính; nhà xưởng 1 và nhà bảo vệ với tổng thể tích 16,2 m<sup>3</sup>.

Quá trình mở rộng Dự án, sẽ tăng số lượng của nhà máy lên 150 CBCNV (tăng 47 người). Để đảm bảo việc thu gom nước thải phát sinh Chủ dự án sẽ xây dựng mới 03 bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà xưởng 2 xây dựng mới.

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được đưa đi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn Nguyên tắc hoạt động của bể phốt là xử lý cơ học kết hợp xử lý sinh học. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3-6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân huỷ.



Trong đó:

- |                              |                           |
|------------------------------|---------------------------|
| 1 - Ống dẫn nước thải vào bể | 3 - Nắp thăm (để hút cặn) |
| 2 - Ống thông hơi.           | 4 - Ống dẫn nước ra.      |

#### **Sơ đồ 4.1. Hệ thống bể tự hoại 3 ngăn**

Hiệu quả xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 - 70% và theo BOD5 là 60 - 65%. Nước thải sau đó tiếp tục được dẫn vào hệ thống thu và vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$W = W_n + W_c$ . Trong đó:

-  $W_n$ : Thể tích phần nước của bể; (m<sup>3</sup>)

-  $W_c$ : Thể tích phần phân huỷ cặn của bể; (m<sup>3</sup>)

+ Trị số  $W_n$  có thể lấy bằng 1 đến 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh, ở đây chọn:  $W_n = Q_n$ .

+ Trị số  $W_c$  được xác định theo công thức sau:

$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N_1 / [(100 - W_2) \times 1.000]$  (m<sup>3</sup>). Trong đó:

a: Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5- 0,8 lít/người.ng.đ).

T: Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: T= 365 ngày.

$W_1, W_2$ : độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn:  $W_1=95\%$ ,  $W_2=90\%$ .

b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

$N_1$  - Số người quy đổi tính toán:  $N_1 = N.e$ . Trong đó:

+  $N$  số người sử dụng (60 người/ca);

+  $e$ : Hệ số quy đổi để thiết kế bể tự hoại, tính theo phần trăm tổng số người sử dụng là 70% số người.

=>  $W_n = 60 \times 120 \text{ l/người/ng.đ} = 7,2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

$W_c = [0,5 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 60 \times 0,7] / [(100 - 90) \times 1.000] = 3,2 \text{ m}^3$

Vậy thể tích toàn bộ bể tự hoại 3 ngăn của cả dự án là:  $W = 10,4 \text{ m}^3$ .

Hệ thống nhà vệ sinh tự hoại sẽ được bố trí ở các khu vực như sau:

**Bảng 4.15. Kích thước các bể tự hoại**

TT	Khu vực	Thể tích (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1	Nhà văn phòng - hành chính	5,4	Đã xây dựng
2	Nhà bảo vệ	5,4	Đã xây dựng
3	Nhà xưởng 1	5,4	Đã xây dựng
4	Nhà xưởng 2	5,4	Xây dựng mới
5	Nhà Locker	5,4	Xây dựng mới
6	Căn tin và nhà mẫu	5,4	Xây dựng mới
	<b>Tổng</b>	<b>32.4</b>	

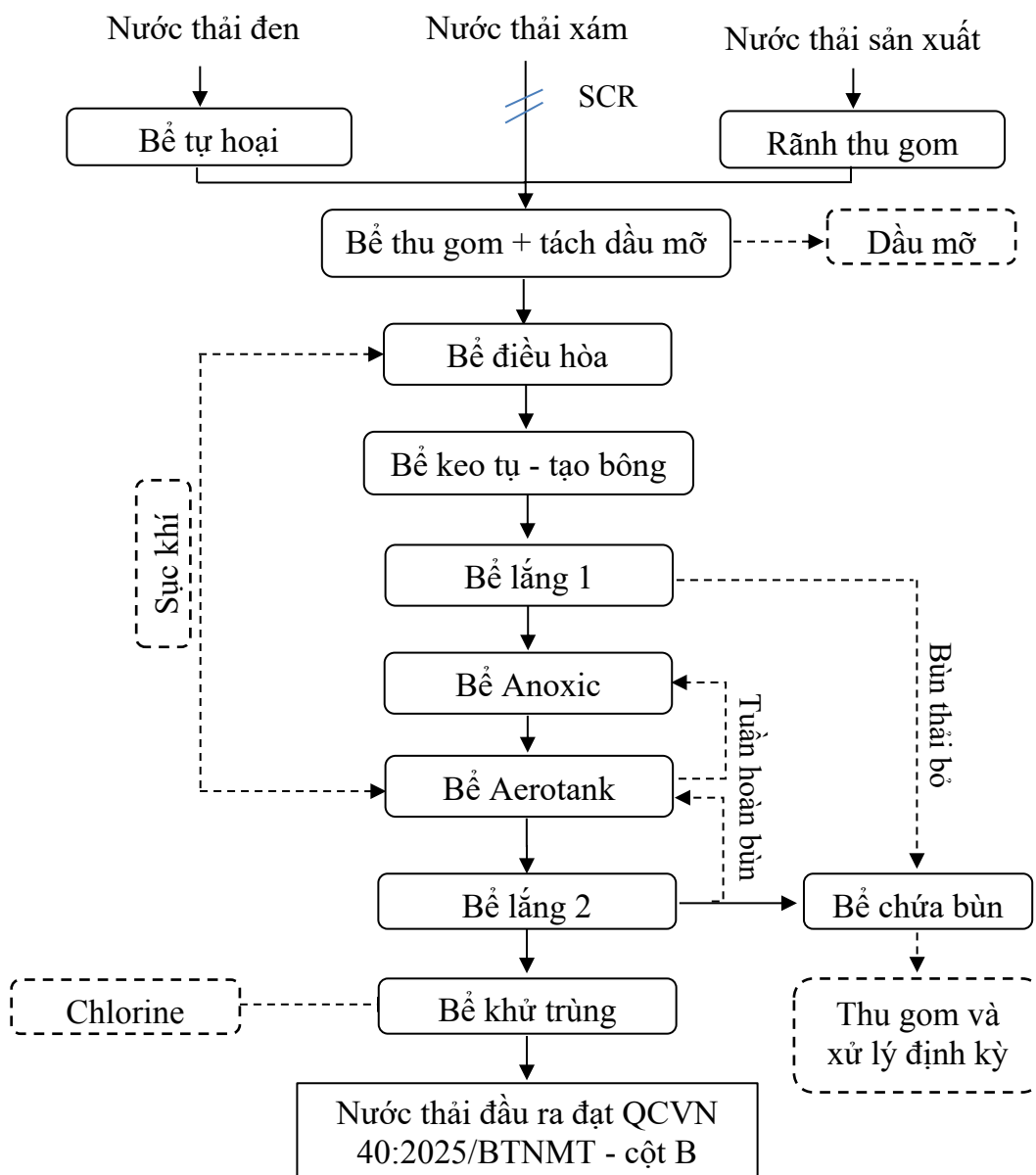
Như vậy với tổng thể tích bể tự hoại là 32,4 m<sup>3</sup>, sẽ đảm bảo cho việc thu gom xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của Nhà máy.

\* *Nước thải sản xuất:*

Nước thải phát sinh của Nhà máy chủ yếu từ dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate. Để giảm thiểu tác động của việc phát sinh nước thải sản xuất, hiện nay Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải tại khu vực Nhà xưởng 1 với đường ống HDPE dài 130m.

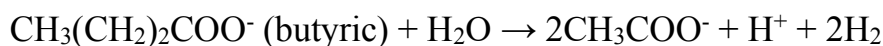
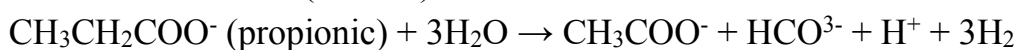
Nước thải sản xuất phát sinh trong quá trình sản xuất đã được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

Để giảm thiểu tác động của nước thải phát sinh từ hoạt động Nhà máy, Công ty đã tiến hành đầu tư xây dựng hệ thống xử lý tập trung để thu gom xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất trước khi thoát ra môi trường. Dựa vào đặc trưng các thành phần có trong nước thải sinh hoạt chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật và vi sinh vật Công ty đã lựa công nghệ sinh học kết hợp hóa lý với công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày, với quy trình như sau:



của quá trình bán phân hủy, nhờ các vi khuẩn Acetogenic bacteria (vi khuẩn tổng hợp axetat), chuyển hóa các cacbonhydrat và các sản phẩm của giai đoạn 1 như Albumozpepit, Glyxerin và các axit béo thành các axit có phân tử lượng thấp hơn, như  $C_2H_5COOH$ ,  $C_3H_7COOH$ ,  $CH_3COOH$ , một ít  $H_2$  và  $CO_2$ ,... Quá trình này sản sinh các sản phẩm lên men tạo mùi khó chịu hôi thối như  $H_2S$ , indol, scatol..., pH của môi trường dịch phân hủy ở dưới 5.

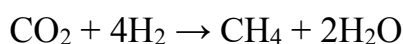
- Giai đoạn 3: (Giai đoạn Axetat hóa) Các vi khuẩn tạo Metan chưa thể sử dụng được các sản phẩm của các giai đoạn trước (1 và 2) để tạo thành Metan, nên phải phân giải tiếp tục để tạo thành các phân tử đơn giản nhỏ hơn nữa (trừ axit acetic), nhờ các vi khuẩn Axetat hóa. Sản phẩm của quá trình phân giải này gồm axit acetic,  $H_2$ ,  $CO_2$ .



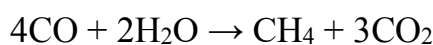
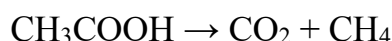
Giai đoạn này, nhờ các vi khuẩn Axetat hóa phân giải các sản phẩm của giai đoạn trước tạo nhiều sản phẩm  $H_2$  và nó được vi khuẩn Metan sử dụng cùng với  $CO_2$  để hình thành Metan ( $CH_4$ ), bắt đầu giai đoạn phân hủy. Lúc này các chất bã hữu cơ phân hủy mủn ra thành các phân tử nhỏ, lơ lửng trong dịch thải, pH của môi trường dịch bể phân hủy chuyển sang kiềm và tối ưu ở khoảng 6,8 – 7,8.

- Giai đoạn 4: (giai đoạn metan hóa) Đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình phân giải kỵ khí tạo thành hỗn hợp sản phẩm, trong đó khí  $CH_4$  chiếm thành phần lớn. Quá trình hình thành khí  $CH_4$  được đồng thời, bằng 3 con đường:

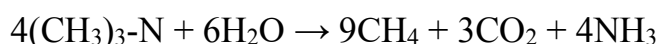
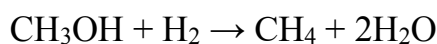
+ Nhờ vi khuẩn hydrogenotrophic methanogen sử dụng cơ chất là hydro và  $CO_2$ :



+ Nhờ vi khuẩn acetotrophic methanogen chuyển hóa axetat thành metan và  $CO_2$ . Khoảng 70% lượng metan sinh ra bằng con đường này.



+ Nhờ vi khuẩn methylotrophic methanogen phân giải cơ chất chứa nhóm metyl:



Trong các nghiên cứu, cho thấy rằng: Trong 3 giai đoạn đầu (thủy phân, acid hóa và acetic hóa) thì lượng COD hầu như không giảm. COD chỉ giảm trong giai đoạn metan hóa, giai đoạn cuối cùng của quá trình phân giải kỵ khí. Ngoài các sản phẩm chính tạo metan, còn có các sản phẩm  $NH_3$ ,  $H_2S$ ,  $C_8H_7N$  (indol),  $C_9H_9N$  (scatol),... gây mùi thối.

Trước khi vào bể thu gom, nước thải xám được dẫn qua thiết bị tách rác thô để loại bỏ các loại rác có kích thước lớn như ( $\geq 20mm$ ), các loại rác này được giữ lại

bởi các mắc lưới trên thiết bị nhằm tránh được tình trạng tắt bơm, nghẽn đường ống hoặc kênh dẫn.

Nước thải đen và nước thải xám sau khi được xử lý sơ bộ, cùng với nước thải sản xuất sẽ được đưa về Bể thu gom và tách dầu mỡ, tại đây các chất rắn lơ lửng có trong nước thải sẽ lắng 1 phần và lớp dầu mỡ có trong nước thải sẽ bị thu gom.

Nước từ Bể thu gom + tách dầu mỡ sẽ được bơm qua bể điều hòa, nhằm điều hòa ổn định nồng độ và lưu lượng nước thải.

Sau đó, sẽ được đưa qua Bể keo tụ - tạo bông. Giai đoạn kiềm hóa, thủy phân keo tụ: Đầu tiên nước thải được nâng pH lên đến mức kiềm bằng việc châm NaOH, tạo phản ứng thủy phân nhằm bẻ gãy các liên kết, làm đơn giản và rút ngắn các mạch của chất độc hại trong nước thải. Sau đó hóa chất keo tụ PAC sẽ được đưa vào nhằm tạo bông các cặn lơ lửng trong nước thải giúp chúng dễ lắng hơn. Lượng hóa chất PAC châm vào cho 1m<sup>3</sup> nước ước tính khoảng 0,03 - 0,06 kg PAC/m<sup>3</sup>. Tuy nhiên, khối lượng hóa chất được châm vào bể tạo bông phụ thuộc vào độ biến động về chất và lượng trong nước thải, do đặc trưng của Nhà máy là lượng nước thải này phụ thuộc vào thời tiết, nhiều vào mùa mưa và ít vào mùa khô. Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải, tại các bể châm hóa chất sẽ được trang bị máy đo pH để điều chỉnh lượng hóa chất phù hợp nhất.

Quá trình phân hủy và tạo bông diễn ra ở bể tạo bông với chế độ khuấy trộn và điều chỉnh pH thích hợp. Thời gian phản ứng thủy phân và keo tụ là 1 giờ, thời gian lắng 12 giờ.

Nước thải sau khi qua bể keo tụ tạo bông sẽ được đưa qua bể lắng 1. Bằng cơ chế lắng trọng lực, bể có nhiệm vụ tách cặn, chất rắn lơ lửng.

Sau đó sẽ được bơm qua cụm bể xử lý sinh học. Có 02 bể sinh học được phối hợp nhằm loại bỏ các chất hữu cơ (BOD, COD), nitrát hóa (phản ứng chuyển NH<sub>4</sub><sup>+</sup> thành NO<sub>3</sub><sup>-</sup>), khử nitrát (chuyển NO<sub>3</sub><sup>-</sup> thành khí N<sub>2</sub>) và Phospho. 02 bể sinh học này được thiết kế và vận hành ở 2 điều kiện môi trường khác nhau: thiếu khí Anoxic (thiếu oxy) và Aerotank (giàu oxy).

Trong bể Aerotank sẽ diễn ra quá trình phân hủy sinh học hiếu khí, do đó sẽ được sục khí oxy vào để nuôi VSV. Các VSV này có tác dụng chuyển hóa các chất hữu cơ thành năng lượng, tổng hợp sinh khối từ chất hữu cơ và các nguyên tố dinh dưỡng khác bên trong tế bào VSV. Quá trình phân hủy sinh học hiếu khí gồm 3 giai đoạn sau:

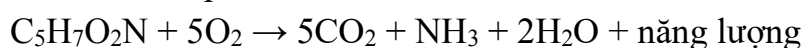
- Giai đoạn 1: Oxi hóa các chất hữu cơ trong nước có các VSV như: saphrophytes, micrococus, pseudomonas...

Chất hữu cơ + O<sub>2</sub> + Vi khuẩn → CO<sub>2</sub> + NH<sub>3</sub> + sản phẩm khác + năng lượng

- Giai đoạn 2: Quá trình đồng hóa để xây dựng tế bào có các VSV như: nitrosomonas...

Chất hữu cơ + O<sub>2</sub> + Vi khuẩn + năng lượng → C<sub>5</sub>H<sub>7</sub>O<sub>2</sub>N (tế bào vi khuẩn mới)

- Giai đoạn dị hóa: Hô hấp nội bào có các vi khuẩn như: nitrobacter...



Sau khi qua bể Aerotank nước thải và bùn VSV sẽ được đưa qua bể lắng để lắng các bông bùn có khối lượng lớn, lượng bùn lắng qua bể chứa bùn được chia làm hai phần, 1 phần sẽ được tuần hoàn trở lại bể Aerotank nhằm bổ sung sinh khối VSV để tiếp tục xử lý, phần còn lại định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có năng lực hút, thu gom và đưa đi xử lý.

Nước thải tiếp tục được đưa đến bể khử trùng bằng việc châm thêm Chlorine để tiêu diệt các vi sinh vật. Nước thải sau xử lý đạt cột B của QCVN 40:2025/BTNMT sẽ được thoát ra môi trường tiếp nhận.

### **Nhận xét:**

Để đánh giá hiệu quả xử lý cũng như tính ổn định của hệ thống xử lý nước thải tập của Nhà máy, định kỳ hàng năm Công ty đã tiến hành lấy mẫu giám sát định kỳ chất lượng nước thải. Qua kết quả tại Bảng 3.3, cho thấy tất cả các thông số đánh giá chất lượng nước thải đầu ra của HTXL nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép cột B của QCVN 40:2025/BTNMT.

Quá trình triển khai dự án sẽ làm mở rộng quy mô và tăng công suất Nhà máy. Theo tính toán dự báo, thì lượng nước thải phát sinh của Nhà máy sau khi tăng quy mô công suất là:  $NT_{sh} + NT_{sx} = 18 + 32,25 = 50,25 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

Hiện nay tại khu vực Nhà máy, Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống XLNT tập trung với công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày (Đã được UBND tỉnh Quảng Trị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 919/GXN-UBND ngày 09/3/2022). Với lưu lượng nước thải phát sinh sau khi quy mô Dự án mở rộng là 50,25 m<sup>3</sup>/ngày thì quy mô công suất hệ thống XLNT của Nhà máy hiện tại vẫn đảm bảo xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động vận hành của Nhà máy.

### ***2.2.2. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí***

*\* Giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển:*

- Xe vận chuyển nguyên vật liệu phải được phủ bạt kín.
- Các phương tiện hoạt động như ô tô, máy xúc, máy nâng,... phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và có giấy phép sử dụng của cơ quan Đăng kiểm.
- Quy định các phương tiện tàu thuyền trong thời gian chờ xuất, nhập hàng không được nổ máy để giảm lượng khí thải phát sinh.
- Giới hạn tốc độ của các tàu chạy trên tuyến để hạn chế lượng khí thải.
- Sử dụng các thiết bị máy móc, phương tiện vận chuyển mới, để giảm lượng khí thải phát ra từ các thiết bị, phương tiện này.
- Các chủ phương tiện phải chấp hành đúng các quy định về môi trường cũng

như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông.

- Duy trì và trồng cây xanh trong khuôn viên khu vực dự án với diện tích 8.667,28 m<sup>2</sup> (chiếm 21,7%).

- Vệ sinh, thu gom, quét dọn mặt bằng sân bãi, đường trong bãi để hạn chế bụi phát tán vào môi trường (tối thiểu 2 lần/ngày).

- Khi thời tiết khô, nắng thì khu vực đường nội bộ thường xuyên phun nước tạo ẩm nhằm hạn chế bụi phát sinh.

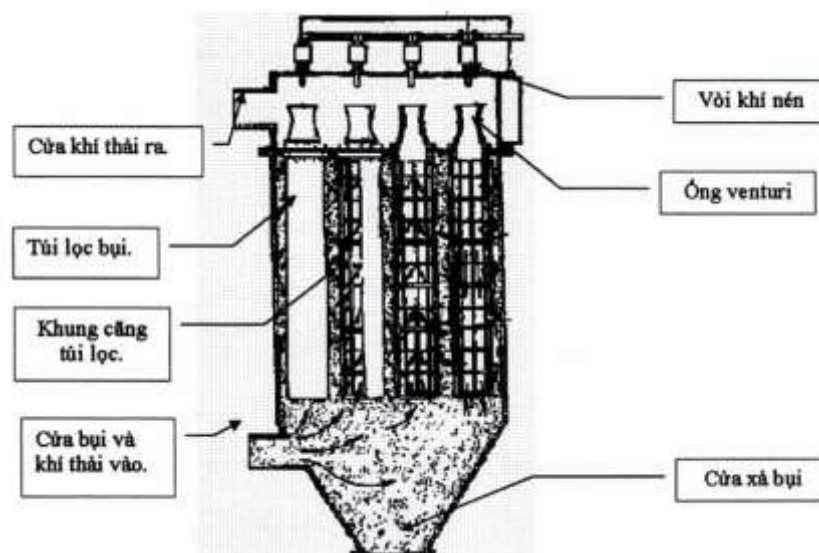
*\* Biện pháp giảm thiểu bụi từ hoạt động sản xuất Nhà máy:*

**Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất:**

Bụi chủ yếu phát sinh ở công đoạn cấp liệu vào ban đầu và cắt, mài, do đó tại khu vực này sử dụng hệ thống chụp hút sau đó dẫn vào hệ thống lọc bụi.

Hiện nay, tại khu vực Nhà máy đã đầu tư xây dựng hệ thống lọc bụi bằng túi vải. Công trình này đã được UBND tỉnh Quảng Trị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 919/GXN-UBND ngày 09/3/2022, với các thông số như sau:

- Số lượng chụp hút: 04 vị trí;
- Lưu lượng không khí: 33.400 m<sup>3</sup>/h;
- Tốc độ lọc không khí: 1,2 - 2,0 m<sup>3</sup>/h;
- Diện tích lưới lọc 465 m<sup>2</sup>;
- Túi lọc: 480 túi;
- Lực cản bộ lọc: 1.470 - 1.770 Pa;
- Áp suất khí nén để làm sạch bụi: 0,5 – 0,8 Mpa;
- Motor quạt hút: 45 kW;
- Đường kính cửa xả: 600mm;
- Ống khói: Cáo 10m, D = 816mm;
- Vải lọc: Chất liệu túi lọc phù hợp với các loại bụi như: bụi thường, bụi nhiệt, bụi tĩnh điện hay bụi dầu,....
- Sơ đồ khối hệ thống như sau:



**Sơ đồ 4.3. Hệ thống xử lý lọc bụi túi vải**

+ Nguyên lý hoạt động của hệ thống:

Dưới tác dụng của quạt hút mà bụi phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại được thu về hệ thống lọc bụi túi vải. Bụi, khí thải đi vào bộ lọc túi vải từ bên dưới của thiết bị và đi từ bên ngoài vào bên trong túi qua 1 tấm vải lọc nhờ lực hút của quạt hút. Ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ bị giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây, các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc mà thông qua đó bụi được thu qua bốn cơ chế sau:

+ Thu quán tính: Các hạt bụi va chạm vào các sợi được đặt vuông góc với hướng dòng khí thay vì thay đổi hướng với dòng khí.

+ Sự chặn: Các hạt không vượt qua bề mặt tiếp xúc với sợi vì khoảng cách giữa các sợi rất nhỏ.

+ Chuyển động Brown: Các hạt nhẹ được khuếch tán, tăng khả năng tiếp xúc giữa các hạt và bề mặt thu.

+ Lực tĩnh điện: Sự hiện diện của điện tích tĩnh điện trên các hạt và các bộ lọc có thể làm tăng khả năng giữ bụi.

Hiệu quả lọc đạt tới 99,9% và lọc được cả các hạt rất nhỏ là nhờ có lớp trợ lọc. Sau 1 khoảng thời gian lớp bụi sẽ rất dày làm tăng cản trở dòng khí. Ta phải tiến hành loại bỏ lớp bụi bám trên mặt vải để tránh quá tải cho các quạt hút, làm cho dòng khí có lẫn bụi không thể vào túi lọc. Thao tác này được gọi là hoàn nguyên khả năng lọc. Thiết bị lọc bụi túi vải làm sạch bằng khí nén có thể hoạt động liên tục và không bị gián đoạn trong quá trình làm sạch của dòng khí vì sự phun khí nén là rất nhỏ so với tổng khối lượng của không khí chứa bụi. Bụi lắng xuống phễu thu

bụi và được xả ra ngoài qua van xoay theo chu kỳ. Khí sạch đi qua ống thoát khí ra môi trường.

- Chất lượng khí thải đầu ra đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Đối với bụi từ hệ thống xử lý khí thải sẽ được thu gom và tận hoàn tái sử dụng cho hoạt động sản xuất của Nhà máy nhằm hạn chế thất thoát nguyên liệu.

**Nhận xét:**

Để đánh giá hiệu quả xử lý cũng như tính ổn định của hệ thống xử lý của Nhà máy, định kỳ hàng năm Công ty đã tiến hành lấy mẫu giám sát định kỳ chất lượng khí thải. Qua kết quả tại Bảng 3.2, cho thấy các thông số quan trắc chất lượng khí thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT.

Hiện nay tại khu vực Nhà máy, Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, XLKT tập trung (Đã được UBND tỉnh Quảng Trị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 919/GXN-UBND ngày 09/3/2022).

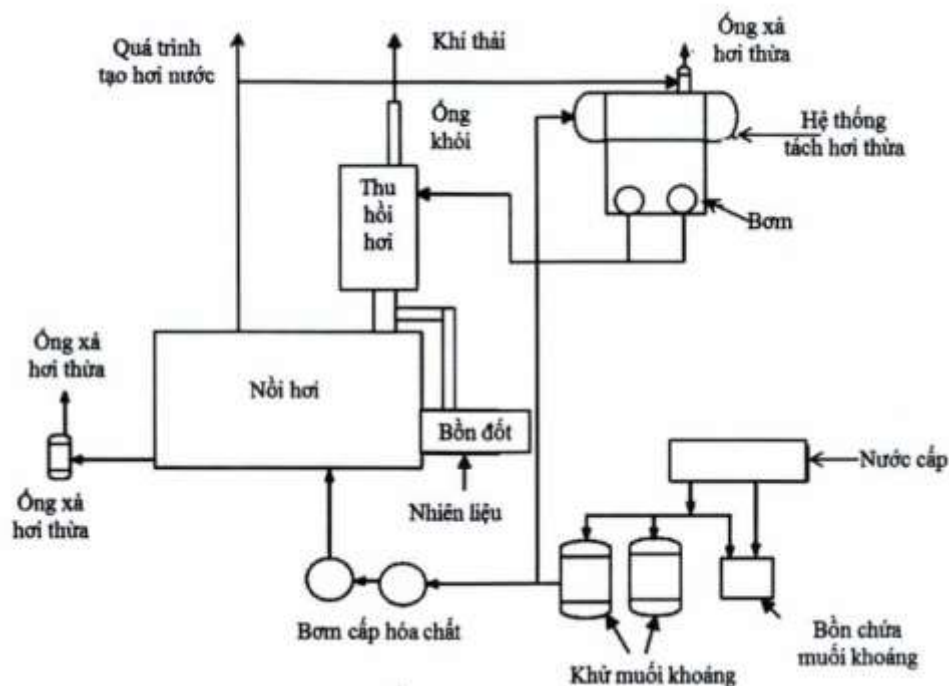
Như đã đánh giá, quá trình triển khai dự án sẽ xây dựng mới thêm 01 nhà xưởng, trên cơ sở hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý lọc bụi túi vải trong suốt quá trình vận hành của Nhà máy. Chủ dự án sẽ lắp đặt thêm 01 hệ thống xử lý lọc bụi túi vải tại khu vực nhà xưởng 2 với quy mô, công suất tương tự để đảm bảo cho công tác thu gom, xử lý khí thải phát sinh.

**Khí thải từ lò hơi đốt dầu DO:**

Để xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu DO, Công ty hiện này đã lắp đặt lò hơi của hãng Jiangsu Olymspan. Đây là công nghệ khép kín, xử lý khí thải phát sinh trong quá trình đốt. Đã được Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng kiểm tra và điều chỉnh hiệu suất lò hơi theo giấy chứng nhận số 2021/283/TN7 và Trung tâm kỹ thuật đo lường thử nghiệm Quảng Bình kiểm tra an toàn lò hơi theo giấy chứng nhận số 88/GCN-KĐ. Hệ thống này đã được UBND tỉnh Quảng Trị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 919/GXN-UBND ngày 09/3/2022, với các thông số như sau:

- Mã hiệu: WNS6-1.6-Y.Q;
- Áp suất thiết kế: 1,6 Mpa;
- Áp suất làm việc: <1,25 Mpa;
- Công suất: 600 kg/h.
- Nhiên liệu sử dụng: DO 0,05S
- Nhiệt độ thiết kế hơi bão hòa: 204<sup>0</sup>C;
- Ống khói: cao 15m; D = 650mm.

- Sơ đồ khối hệ thống như sau:



#### **Sơ đồ 4.4. Hệ thống xử lý lò hơi đốt dầu DO**

- Chất lượng khí thải đầu ra đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

#### **Nhận xét:**

Để đánh giá hiệu quả xử lý cũng như tính ổn định của hệ thống xử lý của Nhà máy, định kỳ hàng năm Công ty đã tiến hành lấy mẫu giám sát định kỳ chất lượng khí thải. Qua kết quả tại Bảng 3.2, cho thấy các thông số quan trắc chất lượng khí thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT.

Hiện nay tại khu vực Nhà máy, Công ty đã đầu tư lắp đặt lò hơi của hãng Jiangsu Olymspan. Đây là công nghệ khép kín, xử lý khí thải phát sinh trong quá trình đốt (Đã được UBND tỉnh Quảng Trị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 919/GXN-UBND ngày 09/3/2022).

Sau khi, Dự án mở rộng, Lò hơi Jiangsu Olymspan vẫn đảm bảo công suất cấp hơi phục vụ cho công tác sấy và hấp của hoạt động Nhà máy.

#### **2.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn**

\* **Chất thải rắn sinh hoạt:**

- Được thu gom, phân loại vào thùng chứa CTR sinh hoạt có nắp đậy đã được bố trí tại các khu vực sản xuất.

- Nhà máy hiện nay đã bố trí các thùng rác loại 25L, 120L và 240L tại mỗi khu vực văn phòng và sản xuất để thu gom và tự xử lý tại chỗ trong khuôn viên khu vực Nhà máy, cụ thể:

Mỗi phòng làm việc bố trí thùng 25L (số lượng 09 thùng); Tại khu vực bảo

vệ, nhà hút thuốc bố trí thùng loại 120L (số lượng 03 thùng); Tại khu vực nhà xưởng 1 bố trí mỗi công đoạn thùng loại 240L (số lượng 10 thùng); Tại khu vực nhà ăn bố trí 02 thùng loại 240L. Ngoài ra tận dụng nguồn rác tái chế như giấy, chai nhựa, vỏ lon nước ngọt nhà máy bố trí 09 thùng 60l. Hàng ngày, tiến hành thu gom về khu vực lưu giữ CTR sinh hoạt để lưu trữ.

+ Hàng ngày sẽ tiến hành vận chuyển đến khu vực lưu giữ CTR sinh hoạt đặt tại góc phía Tây Bắc và định kỳ hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Đô thị huyện Hải Lăng thu gom và đưa đi xử lý.

Hiện nay, công tác này đang được áp dụng hiệu quả và sẽ được tiếp tục áp dụng trong thời gian tới.

- Sau khi Dự án mở rộng, Nhà máy sẽ bố trí thêm tại khu vực nhà xưởng 2, mỗi công đoạn 01 thùng loại 240L (số lượng 10 thùng).

- Thực hiện tốt việc phân loại CTR và giữ gìn vệ sinh trong toàn khu vực.

- Lập nội quy vệ sinh, giáo dục công nhân có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, tránh việc vứt rác bừa bãi gây mất vệ sinh và mỹ quan khu vực.

**\* *Chất thải rắn công nghiệp:***

Hiện nay, Nhà máy đã bố trí khu vực thu gom và lưu giữ chất thải rắn công nghiệp và hợp đồng với Đơn vị chức năng để đưa đi xử lý, cụ thể:

+ Khu vực chất thải công nghiệp diện tích 15 m<sup>2</sup>;

+ Khu vực phi thải diện tích 16 m<sup>2</sup>;

+ Khu vực để tấm hồng diện tích 26 m<sup>2</sup>.

+ Đối với với bùn nạo vét định kỳ thu gom và hợp đồng với Trung tâm – Môi trường Đô thị huyện Hải Lăng thu gom đưa đi xử lý

- Đối với bùn nạo vét từ các cống, rãnh thoát nước, hồ thu và hồ môi trường: Công ty thực hiện biện pháp nạo vét định kỳ, thu gom tại mặt bằng và định kỳ hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Đô thị huyện Hải Lăng thu gom, đưa đi xử lý.

- Đối với CTR có khả năng tái chế sẽ được thu gom và lưu trữ tại khu vực nhà chứa và hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Đất Quảng để san lấp mặt bằng công trình xây dựng theo Hợp đồng số HPV.MRO.24093 ngày 20/11/2024.

- Đối với các thiết bị máy móc, vật tư (sắt thép phế liệu,...) cần thay thế, sửa chữa: thực hiện thu gom và bố trí kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp tại khu vực Nhà máy và định hợp đồng thanh lý, nhượng bán sắt thép phế liệu cho cơ sở thu mua phế liệu Phan Nữ Quỳnh Châu thu gom và đưa đi xử lý với tần suất 1 tháng/lần theo Hợp đồng số HPV.MRO.23001 ngày 26/6/2023.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được thu gom và hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama để tiến hành, thu gom xử lý theo đúng quy định.

Hiện nay, công tác này đang được áp dụng hiệu quả và sẽ được tiếp tục áp dụng trong thời gian tới.

*\* Chất thải nguy hại:*

CTNH phát sinh trong giai đoạn hoạt động này bao gồm: Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm TPNH, Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước, Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH....

Hiện nay, Nhà máy đã bố trí thùng rác loại 240L (với số lượng 8 thùng) chuyên dụng có nắp đậy tại các khu vực nhà xưởng 1 để tiến hành phân loại và thu gom. Sau đó, được lưu chứa tại 01 kho CTNH có diện tích khoảng 15 m<sup>2</sup> nằm tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

- Đối với việc vận chuyển và xử lý CTNH, Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama để tiến hành, thu gom xử lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Hiện nay, công tác này đang được áp dụng hiệu quả và sẽ được tiếp tục áp dụng trong thời gian tới.

Nhằm đảm bảo cho công tác quản lý chất thải nguy hại sau khi Dự án mở rộng, nâng công suất, Công ty sẽ bố trí thêm thùng loại 240L (với số lượng 8 thùng) chuyên dụng có nắp đậy tại các khu vực nhà xưởng 2 để tiến hành phân loại, sau đó vận chuyển lưu chứa tại kho CTNH hiện có trong khu vực.

#### ***2.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường***

Hiện nay, Nhà máy đã áp dụng một số biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung như sau:

- Về mặt lựa chọn thiết bị: các thiết bị lớn lựa chọn thiết bị tiên tiến, có độ ồn thấp nhập khẩu của nước ngoài.

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng đúng định kỳ để hạn chế phát sinh tiếng ồn vượt mức cho phép.

- Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe bên trong khu vực Nhà máy.

- Hạn chế bóp còi xe trong khuôn viên Nhà máy.

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hệ thống xử lý chất thải:

+ Thường xuyên, định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị hệ thống.

+ Vị trí các khu vực hệ thống xử lý được bố trí tách biệt với các khu vực văn phòng và khu nhà xưởng.

+ Đối với cán bộ vận hành HTXL được trang bị đồ bảo hộ lao động.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Sử dụng các máy móc, thiết bị đã được đăng kiểm đảm bảo tiêu chuẩn, hoạt động đúng công suất, thường xuyên kiểm tra bảo trì thiết bị.

- Đối với máy móc phát sinh tiếng ồn như: máy phát điện, hệ thống bơm,... biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Lắp đặt máy móc đúng quy cách.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho nhân viên trong quá trình làm việc tại các vị trí có mức ồn và độ rung quá lớn.

+ Sử dụng vật liệu làm giảm độ rung như: lót đế cao su dưới các máy phát điện.

+ Đặt máy cách xa các khu vực văn phòng, phòng làm việc.

- Tuyên truyền và hướng dẫn các công nhân xây dựng thực hiện tốt công tác bảo vệ lao động và kỹ thuật an toàn.

- Luân phiên công nhân làm việc tại những nguồn phát sinh tiếng ồn. Sử dụng các bông nút tai cách âm cho công nhân khi làm việc cạnh các thiết bị có độ ồn cao. Kiểm tra sức khoẻ định kì cho công nhân và có chế độ làm việc, bồi dưỡng thích hợp với công nhân thường xuyên phải tiếp xúc trực tiếp với những nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Bố trí thời gian làm việc của công nhân đảm bảo thời gian tiếp xúc với tiếng ồn không vượt quá giới hạn của QCVN 24:2016/BYT.

Hiện nay, công tác này đang được áp dụng hiệu quả và sẽ được tiếp tục áp dụng trong thời gian tới.

### ***2.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành***

#### ***a. Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ***

Các biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ đang áp dụng tại Nhà máy:

- Thành lập đội PCCC, bố trí thiết bị, nội quy và phối hợp với các cơ quan PCCC để tập huấn cho đội và định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội quy đã định.

- Đã thực hiện công tác PCCC theo quy định như được cấp thẩm quyền phê duyệt PCCC; thành lập kiện toàn Ban chỉ huy PCCC và CNCH tại cơ sở; Ban hành nội quy PCCC, cụ thể:

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số: 1717/TD-PCCC do

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH cấp ngày 11/11/2019.

+ Văn bản thẩm duyệt số 257/TD-PCCC ngày 27/08/2021, số 317/TD-PCCC ngày 14/10/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

+ Phương án chữa cháy của cơ sở và cứu nạn cứu hộ phê duyệt ngày 10/01/2022.

+ Biên bản nghiệm thu và văn bản chấp thuận số 348/NT-PCCC ngày 28/10/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

+ Bảo hiểm cháy nổ thời hạn đến ngày 31/12/2025.

+ Quyết định thành lập đội PCCC và CNCH cơ sở.

+ Quyết định cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy số 1421/QĐ-PC07 ngày 28/11/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

+ Quyết định cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về cứu nạn, cứu hộ số 57/QĐ-PC07 ngày 22/12/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

+ Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH của Phòng Cảnh sát PCCC và CHCN Công an tỉnh Quảng Trị.

+ Kết quả kiểm tra kết quả điện trở tiếp đất số 0511.01/DDRTDD2021 ngày 19/10/2021; 0111.12÷016/VLXD09÷13 ngày 2/11/2022; 101123.001÷VLXD01÷05 ngày 10/11/2023; 081124.004/ VLXD01÷05 ngày 8/11/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Quảng Trị.

+ Phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Quyết định ban hành nội quy PCCC, nội quy PCCC và CNCH, nội quy sử dụng điện tại cơ sở.

- Việc phòng chống cháy nổ được thực hiện:

+ Tại chỗ: Các thiết bị PCCC như Hệ thống báo cháy tự động, các đầu cảm biến nhiệt, các bình chữa cháy CO<sub>2</sub>, bình chữa cháy bột MFZ được bố trí bên trong khu vực nhà vận hành, trạm biến áp. Xây dựng bể chứa cấp nước, hệ thống đường ống và các tủ cấp nước phục vụ chữa cháy.

+ Lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp: trong trường hợp cần thiết, có thể huy động thêm lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tại địa phương để hỗ trợ.

- Việc thiết kế, lắp đặt, đấu nối vào lưới điện quốc gia sẽ tuân thủ theo các quy định về an toàn điện.

- Công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa khi ra vào khu vực chứa dầu.

- Lắp đặt hệ thống chống sét, thu sét, tuân theo các yêu cầu kỹ thuật nhằm hạn chế ở mức thấp nhất thiệt hại do sét gây ra, đảm bảo sự an toàn của công trình về lâu dài.

Hiện nay, các biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ tại Nhà máy đang áp dụng có hiệu quả, do đó Chủ dự án sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp này.

**Bảng 4.16. Hệ thống các phương tiện thiết bị PCCC tại Nhà máy**

TT	Tên hệ thống, phương tiện	Số lượng	Tình trạng hoạt động	Nơi bố trí, lắp đặt
1	Bơm chữa cháy động cơ điện (Q=130m <sup>3</sup> /h, H= 60m; Công suất: 37kW/380V/3P/2900rpm/50hz)	02	Tốt	Khu vực trạm bơm chữa cháy
2	Bơm chữa cháy động Diesel (Q=130m <sup>3</sup> /h, H= 60m; Công suất: 52kW/3000rpm/12VDC)	01	Tốt	Khu vực trạm bơm chữa cháy
3	Bơm bù áp (Q=4m <sup>3</sup> /h, H= 70 m Công suất 1,5kW/380V/3P/290rpm/50Hz)	01	Tốt	Khu vực trạm bơm chữa cháy
4	Trụ nước chữa cháy ngoài nhà	06	Tốt	Xung quanh cơ sở
5	Hạng nước chữa cháy vách tường	24	Tốt	Xung quanh cơ sở
6	Trụ tiếp nước DN100X2DN65	01	Tốt	Trước nhà xưởng
7	Hệ thống báo cháy tự động	01	Tốt	Toàn cơ sở
8	Bình bột chữa cháy	108	Tốt	Toàn cơ sở
9	Bình khí chữa cháy CO2	108	Tốt	Toàn cơ sở
10	Bình bột chữa cháy xe đẩy	02	Tốt	Khu vực bể chứa dầu
11	Búa to	01	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
12	Búa nhỏ	01	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
13	Cáng cứu thương	01	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
14	Đèn pin cá nhân	05	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
15	Kìm cộng lực	01	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
16	Ủng, giày	05	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
17	Xà beng	01	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
18	Túi sơ cứu	02	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
19	Bộ đàm cầm tay	02	Tốt	Bảo vệ; VP Nhà xưởng
20	Găng tay chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	05	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
21	Mặt nạ lọc độc	05	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
22	Mũ chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	05	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
23	Quần áo chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	05	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
24	Tủ đựng phương tiện PCCC	02	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
25	Rìu cứu nạn	02	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC
26	Thang chữa cháy	01	Tốt	Khu vực kho thiết bị PCCC

**b. An toàn giao thông**

- Quy hoạch vị trí khu vực bến bãi hợp lý; bố trí biển báo, các chỉ dẫn rõ ràng

về tốc độ, hướng rẽ,....

- Yêu cầu các phương tiện chở đúng tải trọng xe, không chở quá tải làm hư hại đường và rơi vãi trên đường đi, gây tai nạn giao thông.

- Lắp đặt biển báo quy định cụ thể về loại xe được lưu thông, giới hạn tốc độ phương tiện lưu thông,...

***c. Tai nạn lao động***

- Lắp đặt, bố trí các quy trình sản xuất, quy trình an toàn tại các khu vực có thể xảy ra tai nạn lao động.

- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cần thiết bao gồm: quần áo bảo hộ lao động- , mũ, găng tay cho công nhân tại nhà xưởng sản xuất.

Phổ biến, hướng dẫn thao tác vận hành máy móc an toàn. Các thiết bị máy móc được kiểm tra định kỳ.

- Định kỳ 01 lần/năm tập huấn về an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên và coi đây là một trong những nhiệm vụ của Công ty định kỳ khám bệnh định kỳ cho tất cả công nhân lao động trực tiếp

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc thiết bị, nhà xưởng, nhà kho theo tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh lao động.

- Lập và phổ biến nội quy về an toàn, bảo hộ lao động đối với tất cả các hoạt động ở xưởng sản xuất cũng như trong các khu vực của Nhà máy.

- Trường hợp xảy ra sự cố tai nạn lao động, thực hiện sơ cứu người bị nạn sau đó đưa đến bệnh viện.

***d. Đối với sự cố từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải***

- Để phòng ngừa sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, Nhà máy đã xây dựng nội quy dành riêng cho khu xử lý nước thải. Cán bộ phụ trách vận hành cần:

+ Thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo, chuyển giao nhân lực cho công nhân vận hành hệ thống XLNT.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy về an toàn lao động, hiểu biết và nắm rõ về các nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

+ Thường xuyên giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để phát hiện sự cố kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì thiết bị: Đảm bảo các thiết bị như máy bơm và thiết bị sục khí hoạt động hiệu quả.

- Cải thiện thông khí: Đảm bảo không khí được cung cấp đầy đủ cho các bể xử lý để hỗ trợ vi sinh vật phát triển.

- Quản lý chất thải: Sử dụng song chắn rác và các biện pháp lọc để ngăn chặn rác thải nhỏ lọt vào hệ thống.

- Điều chỉnh quy trình xử lý: Tăng cường lượng chất hữu cơ hoặc điều chỉnh thời gian lưu bùn để cải thiện hiệu quả xử lý.

Việc nắm rõ các sự cố này và có biện pháp khắc phục kịp thời sẽ giúp duy trì hoạt động ổn định của hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy.

- Khi xảy ra các sự cố của hệ thống, nhân viên vận hành cần tuân thủ các bước sau:

+ Thực hiện khẩn trương việc khắc phục sự cố theo chỉ dẫn của nhà cung cấp;

+ Báo cáo kịp thời cho cán bộ phụ trách và đề xuất phương án khắc phục;

+ Trường hợp sự cố nằm ngoài khả năng xử lý của cán bộ chuyên môn, cần liên hệ ngay với đơn vị có chức năng để tiến hành khắc phục một cách nhanh chóng nhất.

+ Ghi chép sự cố vào sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

*e. Đối với sự cố từ hệ thống xử lý khí thải*

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Thiết kế hệ thống phù hợp với thành phần và lưu lượng khí thải.

+ Xây dựng quy trình vận hành, bảo dưỡng và kiểm soát chất lượng.

+ Đào tạo nhân viên vận hành có chuyên môn và kinh nghiệm.

- Biện pháp ứng phó

+ Giám sát liên tục: Thiết lập hệ thống giám sát để theo dõi hiệu suất hoạt động của hệ thống xử lý khí thải, giúp phát hiện sớm các vấn đề tiềm ẩn.

+ Ngừng hoạt động hệ thống: Nếu sự cố nghiêm trọng, tạm dừng hoạt động của hệ thống để tránh tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng hơn.

+ Vệ sinh và bảo trì: Tiến hành vệ sinh hệ thống, thay thế than hoạt tính hoặc các bộ phận hư hỏng để khôi phục hiệu suất xử lý.

+ Xem xét lại quy trình: Sau khi khắc phục sự cố, Chủ dự án sẽ đánh giá lại quy trình vận hành để phát hiện các điểm yếu và cải thiện.

*f. Đối với sự cố rò rỉ, hóa chất*

Để phòng ngừa và giảm thiểu thiệt hại do sự cố rò rỉ, tràn đổ hoá chất có thể xảy ra trong quá trình vận hành, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

- Trước khi thực hiện dự án Chủ dự án sẽ xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất và trình Sở Công thương thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Kho bảo quản, thiết bị chứa hoá chất đáp ứng các quy định của quy phạm

pháp luật về an toàn, phòng chống cháy, nổ. Có bảng ghi những quy định và hướng dẫn biện pháp an toàn cho người làm việc trong kho; Có biển báo nguy hiểm treo ở nơi dễ nhận thấy.

- Người ra vào kho chứa hoá chất nguy hiểm được kiểm tra và đăng ký vào sổ nhật ký.

- Kho chứa được thiết kế phù hợp cho việc lưu trữ, sử dụng và ứng cứu sự cố như: phân vùng cất trữ, các giá kệ không được thiết kế quá cao, sàn nhà phải nghiêng về một phía để dễ thu gom khi hóa chất tràn đổ hay rò rỉ.

- Trang bị các phương tiện ứng cứu như: cát, giẻ lau, bông thấm,...

- Trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân trước khi tiến hành xử lý sự cố. Huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố đã được trang bị vào quá trình thực hiện xử lý.

*g. Đối với sự cố thiên tai (mưa bão)*

Để phòng chống các thiệt hại do thiên tai, mưa bão gây ra Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh.

- Trước khi có bão lũ xảy ra, Chủ dự án sẽ thông báo kịp thời và có những phương án ứng cứu các sự cố khác có thể xảy ra đồng thời như cháy, nổ.

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục trước và sau khi sự cố xảy ra.

### **3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được thực hiện như sau:

**Bảng 4.17. Danh mục các công trình và trang thiết bị xử lý môi trường**

TT	Công trình, biện pháp BVMT	Số lượng	Kinh phí (ngàn đồng)	Kế hoạch thực hiện	Tổ chức thực hiện
<b>I</b>	<b>Giai đoạn thi công</b>				
1	- Tưới nước giảm bụi trên công trình, đoạn ra vào công trình và tuyến đường vận chuyển.	04 lần/ngày	1.000/ngày	Trước và trong quá trình thi công	Chủ dự án và đơn vị thi công
2	- Trong quá trình vận chuyển có bạt che phủ, không chở quá tải.	-	Theo quy định		
3	- Nước thải sinh hoạt xử lý bằng nhà vệ sinh di động.	01 nhà	30.000		
4	- Thu gom vào thùng rác loại	01 thùng	1.200/thùng		

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate**

	120L bố trí tại khu vực lán trại.				
5	- Thùng chứa CTNH 60L	01 thùng	600/thùng		
6	- Hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Đô thị huyện Hải Lăng vận chuyển đi xử lý.	01 hợp đồng	-		
<b>II</b>	<b>Giai đoạn vận hành</b>				
1	- Thường xuyên vệ sinh các tuyến đường. - Kiểm soát loại phương tiện và tốc độ các phương tiện lưu thông	-	-	Trong giai đoạn vận hành	Chủ dự án
2	Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án	8.667,28 m <sup>2</sup>	-		
3	- Nước thải sẽ được xử lý tại chỗ bằng bể tự hoại 3 ngăn. - Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m <sup>3</sup> /ngày.	06 bể 01 hệ thống	Đã xây dựng		
4	- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn. - Xây dựng hệ thống thu gom nước thải.	01 hệ thống	-	Trong giai đoạn vận hành	Chủ dự án
5	- Thùng chứa CTR: Bố trí các loại thùng rác 120L tại các khu vực văn phòng, nhà vệ sinh, nhà xưởng sản xuất,.... - Hợp đồng Trung tâm Môi trường - Đô thị huyện Hải Lăng vận chuyển đi xử lý..	-	-		
6	Kho chứa CTR/CTNH	01 hệ thống	Đã xây dựng		

**4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo**

Quá trình dự báo các tác động đến môi trường đã chọn lọc những phương pháp khoa học gắn liền với tính thực tiễn của Dự án nên đã đưa ra giải pháp phù hợp, giúp Chủ đầu tư và các cơ quan chức năng quản lý nhà nước về BVMT có cơ sở để triển khai các công việc tiếp theo của Dự án.

Mức độ tin cậy của các phương pháp được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 4.18. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp**

TT	Phương pháp	Mức độ tin cậy
1	Phương pháp liệt kê	- Nhận diện tất cả các tác động xấu trong các giai đoạn của dự án, quá trình nhận diện liệt kê được nghiên cứu kỹ lưỡng, các cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm, chuyên môn phù hợp nên có mức độ tin cậy cao.

<b>TT</b>	<b>Phương pháp</b>	<b>Mức độ tin cậy</b>
2	Phương pháp thống kê	- Các tài liệu, số liệu được thu thập và xử lý bằng phương pháp thống kê đảm bảo nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đã được công nhận rộng rãi do đó có mức độ tin cậy cao.
3	Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	- Trực tiếp điều tra, khảo sát tại hiện trường; - Các thiết bị lấy mẫu và phân tích các thông số môi trường hiện đại và đã được chứng nhận của cơ quan chức năng, do đó số liệu từ phương pháp này có mức độ tin cậy cao.
4	Phương pháp tổng hợp, so sánh	- Các số liệu từ phân tích thông số môi trường tại phòng thí nghiệm và các số liệu từ phương pháp đánh giá nhanh được tổng hợp và tiến hành so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành để đánh giá mức độ ô nhiễm. Mức độ tin cậy cao.

*\* Những điều còn chưa chắc chắn trong đánh giá:*

Một số tác động nhỏ, mức độ ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể và diễn ra trong thời gian ngắn nên không được tính toán một cách chi tiết về tải lượng như tác động từ nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng,...

## **Chương V**

### **NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

##### **1.1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực văn phòng - hành chính.
- + Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà bảo vệ.
- + Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà xưởng 1.
- + Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà xưởng 2.
- + Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà locker.
- + Nguồn số 6: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà căn tin và nhà mẫu
- + Nguồn số 7: Nước thải sản xuất phát sinh tại khu vực nhà xưởng 1.
- + Nguồn số 8: Nước thải sản xuất phát sinh tại khu vực nhà xưởng 2.

##### **1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:**

###### *a. Nguồn tiếp nhận nước thải:*

- Dòng thải số 1 (tương ứng nguồn thải số 1 - số 8): Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh tại mỗi khu vực sẽ được thu gom bằng đường ống HDPE Ø160 và Ø200 đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công nghệ sinh học kết hợp hóa lý, công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý trước khi thoát ra môi trường, cụ thể:

+ Đối với nước thải sinh hoạt tại mỗi khu vực sẽ được thu gom bằng đường HDPE Ø160 từ nhà vệ sinh dẫn vào xử lý bằng bể tự hoại ba ngăn, nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn sẽ theo đường ống HDPE Ø200 đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

+ Đối với nước thải sản xuất phát sinh tại khu vực nhà xưởng 1 sẽ được thu gom theo rãnh thoát nước đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Nước thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B sẽ được dẫn theo đường ống HDPE Ø300 thoát ra khe nước phía Tây Bắc khu vực.

###### *b. Vị trí xả thải:*

- Vị trí xả nước thải: xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- Nguồn tiếp nhận: Khe nước phía Tây Bắc khu vực Nhà máy.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1.850.560; Y: 605.575.

*(Theo Hệ tọa độ VN2000, KTT 106<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>)*

**1.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm**

**a. Phương thức xả nước thải:**

Nước thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B sẽ được dẫn theo đường ống HDPE Ø300 thoát ra khe nước phía Tây Bắc khu vực theo phương thức tự chảy.

**b. Chế độ xả nước thải:** Xả thải liên tục trong ngày (24 giờ).

**c. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận**

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

**Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2025/BTNMT Cột B
1	Nhiệt độ	°C	≤ 40
2	pH	-	6 - 9
3	Độ màu	Pt-Co	≤ 100
4	TSS	mg/l	≤ 80
5	BOD <sub>5</sub>	mg/l	≤ 60
6	COD	mg/l	≤ 90
7	Tổng N	mg/l	≤ 40
8	Tổng P	mg/l	≤ 6
9	Fe	mg/l	≤ 10
10	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	≤ 50
11	Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000

**2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải**

**2.1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- + Nguồn số 1: Khí thải từ HTXL lọc bụi túi vải tại khu vực nhà xưởng 1.
- + Nguồn số 2: Khí thải từ HTXL lọc bụi túi vải tại khu vực nhà xưởng 2.
- + Nguồn số 3: Khí thải từ Lò hơi đốt dầu DO.

**2.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:**

**a. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Dòng thải số 1 (tương ứng nguồn thải số 1): Bụi phát sinh tại khu vực nhà xưởng 1 sẽ được thu gom đưa về HTXL lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

- Dòng thải số 2 (tương ứng nguồn thải số 2): Bụi phát sinh tại khu vực nhà xưởng 2 sẽ được thu gom đưa về HTXL lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

- Dòng thải số 3 (tương ứng nguồn thải số 3): Khí phát sinh tại khu vực Lò hơi đốt dầu DO hãng Jiangsu Olymspan. Đây là công nghệ khép kín, xử lý khí thải phát sinh trong quá trình đốt. Khí thải sau khi xử lý sẽ thoát ra môi trường.

- Khí thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ sẽ được thoát ra môi trường qua ống khói của 2 hệ thống.

*b. Vị trí xả thải:*

- Vị trí xả nước thải: xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

- Nguồn tiếp nhận:

+ Dòng thải số 1: Khí thải sau khi xử lý sẽ thoát qua ống khói cao 10m, đường kính D816mm thoát ra môi trường.

+ Dòng thải số 2: Khí thải sau khi xử lý sẽ thoát qua ống khói cao 10m, đường kính D816mm thoát ra môi trường.

+ Dòng thải số 3: Khí thải sau khi xử lý sẽ thoát qua ống khói cao 15m, đường kính D650mm thoát ra môi trường.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

+ Dòng thải số 1: X: 1.850.588; Y: 605.745.

+ Dòng thải số 2: X: 1.850.480; Y: 605.787.

+ Dòng thải số 3: X: 1.850.593; Y: 605.771.

*(Theo Hệ tọa độ VN2000, KTT 106<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup>)*

**2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:**

- Dòng thải số 1: 33.400 m<sup>3</sup>/h.

- Dòng thải số 2: 33.400 m<sup>3</sup>/h.

- Dòng thải số 3: 5.000 m<sup>3</sup>/h.

*a. Phương thức xả thải:*

Khí thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ sẽ được thoát ra môi trường qua ống khói của 2 hệ thống.

*b. Chế độ xả thải:* Xả thải liên tục trong ngày (24 giờ).

*c. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận*

Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải công nghiệp theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

**Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT
1	Bụi lơ lửng	mg/Nm <sup>3</sup>	200
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500
3	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000

**3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Phát sinh từ khu vực cấp liệu trong khu vực sản xuất.

+ Nguồn số 02: Phát sinh từ khu vực Lò hơi đốt dầu DO.

- Vị trí phát sinh:

- Nguồn số 01: Khu vực cấp liệu trong khu vực sản xuất.

- Nguồn số 02: Khu vực Lò hơi đốt dầu DO.

- Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc. Cụ thể như sau:

**Bảng 5.3. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung**

Thông số	Đơn vị	Tiếp xúc 1h	Tiếp xúc 4h	Tiếp xúc 8h	Áp dụng theo quy chuẩn
Độ ồn	dBA	94	88	85	QCVN 24:2016/BYT
Độ rung (Gia tốc rung)	(m/s <sup>2</sup> )	3,9	2,0	1,4	QCVN 27:2016/BYT

## **Chương VI**

### **KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

#### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư**

Nhà máy đã đi vào hoạt động năm 2022. Trong quá trình hoạt động, Nhà máy đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án, cụ thể: Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 01/04/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate” và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 19/03/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phương án điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”.

Hiện nay, Nhà máy đã đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý nước thải công nghệ sinh học kết hợp hóa lý, công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

Cũng như đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải, cụ thể:

+ Đối với bụi: Xây dựng hệ thống xử lý lọc bụi túi vải tại nhà xưởng 1; xây dựng mới tại nhà xưởng 2

+ Đối với lò hơi đốt dầu DO: Công ty hiện này đã lắp đặt lò hơi của hãng Jiangsu Olymspan. Đây là công nghệ khép kín, xử lý khí thải phát sinh trong quá trình đốt

Các công trình này đã được UBND tỉnh Quảng Trị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 919/GXN-UBND ngày 09/3/2022.

Dự án sẽ tiến hành mở, rộng nâng quy mô công suất. Tuy nhiên, qua đánh giá tại Chương 4 cho thấy quá trình Dự án mở rộng, nâng quy mô công suất thì hiện trạng các hệ thống xử lý đã được đầu tư tại Nhà máy vẫn đáp ứng được công tác thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra môi trường. Do đó, Dự án sẽ giữ nguyên công nghệ, công suất các hệ thống xử lý hiện trạng để phục vụ cho quá trình vận hành Nhà máy sau này.

Căn cứ khoản 5, điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án, việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Do đó, Chủ dự án sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải và khí thải trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định. Dự kiến thời gian vận hành thử nghiệm trong Quý 4 năm 2028, cụ thể:

**Đối với nước thải:**

- Số lượng quan trắc: 01 vị trí đầu vào và 01 vị trí đầu ra của HTXL nước thải.
- Loại mẫu: mẫu đơn.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng; pH; Độ màu; TSS; COD; BOD<sub>5</sub>; Tổng Nitơ; Tổng photpho; Fe; Tổng dầu, mỡ khoáng; Coliform.
- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

**Đối với khí thải:**

- Số lượng quan trắc: 01 vị trí đầu ra của HTXL khí thải lọc bụi túi vải tại Nhà xưởng 1; 01 vị trí đầu ra của HTXL khí thải lọc bụi túi vải tại Nhà xưởng 2; 01 vị trí đầu ra của HTXL khí thải từ Lò hơi đốt dầu DO.
- Loại mẫu: mẫu đơn.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>2</sub>.
- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Chủ dự án dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

**2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

Căn cứ theo quy định tại điều 97 và 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 của Điều 111 và 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

- Đối với nước thải, Dự án không thuộc đối tượng lưu lượng xả lớn ra môi trường;  
→ Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.
- Đối với khí thải Dự án thuộc đối tượng lưu lượng xả lớn ra môi trường;  
→ Dự án thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động liên tục hoặc quan trắc định kỳ.

**2.1. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án**

**\* Quan trắc nước thải:**

- Vị trí: 01 vị trí đầu vào và 01 vị trí đầu ra của HTXL nước thải.
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng; pH; Độ màu; TSS; COD; BOD<sub>5</sub>; Tổng Nitơ; Tổng photpho; Fe; Tổng dầu, mỡ khoáng; Coliform.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

**\* Quan trắc khí thải:**

- Vị trí quan trắc:
  - + 01 vị trí tại ống khói HTXL khí thải lọc bụi túi vải tại nhà xưởng 1.
  - + 01 vị trí tại ống khói HTXL khí thải lọc bụi túi vải tại nhà xưởng 2.
  - + 01 vị trí tại ống khói HTXL khí thải từ Lò hơi đốt dầu DO.
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần
- + Thông số quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub> (tính theo NO<sub>2</sub>)
- + Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: cột B của QCVN 19:2009/BTNMT.

**\* Quan trắc chất thải rắn**

- Vị trí quan trắc: kho lưu chứa CTR và CTNH.
- Thông số quan trắc: Tổng lượng thải, CTR và CTNH.
- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

Kinh phí quan trắc môi trường dự kiến khoảng 50.000.000 đồng/năm.

## **Chương VII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, chủ Dự án cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Chúng tôi cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong giấy phép môi trường.

- Tất cả các biện pháp BVMT sẽ thực hiện theo quy định và hoàn thành đúng thời gian quy định.

- Áp dụng, chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan. Trong đó:

+ Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm trong quá trình hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải.

+ Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường nếu xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do việc vận hành Hệ thống xử lý nước thải gây ra.

+ Cam kết định kỳ quan trắc và giám sát hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Nhà máy.

+ Cam kết chất lượng nước thải sau xử lý đạt theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

+ Cam kết chất lượng khí thải sau xử lý đạt theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Các CTR thông thường, chất thải công nghiệp, CTNH của Nhà máy được phân loại tại nguồn theo đúng quy định và hợp đồng với các đơn vị chức năng đưa đi xử lý.

+ Tăng cường các biện pháp thu gom chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại, định kỳ đưa đi xử lý đúng quy định.

+ Cam kết chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ đúng quy định.

- Thường xuyên thực hiện công tác duy tu, bảo trì và bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải (hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải) đảm bảo vận hành có hiệu quả, lâu dài.

**PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Văn bản pháp lý của dự án.
- Bản vẽ thiết kế cơ sở của dự án;
- Phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường;

## CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Thuyết minh đầu tư xây dựng công trình: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate;
- [2]. Dự toán thi công xây dựng công trình Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate;
- [3]. Quyết định số 1329/QĐ-BXD ngày ngày 19/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức sử dụng vật liệu trong xây dựng.
- [4]. Môi trường không khí, GS.TS Phạm Ngọc Đăng, NXB KH&KT, Hà Nội 1997;
- [5]. Air Chief, Cục Môi trường Mỹ, 1995;
- [6]. Assessment of sources of Air, Water and Land Pollution. Part I, World Health Organization, Geneva, 1993 (WHO, 1993);
- [7] GS.TS Trần Ngọc Chấn, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải - Tập 1, NXB KH&KT Hà Nội;
- [8]. TCXDVN 33-2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;
- [9]. Nghị định 80/2014/NĐ - CP của Chính phủ ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải;
- [10]. Quản lý chất thải rắn. GS.TS. Trần Hiếu Nhuệ, TS. Ứng Quốc Dũng, TS. Nguyễn Thị Kim Thái. NXB Xây Dựng, Hà Nội - 2001;
- [11]. Giáo trình bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản - Nhà xuất bản xây dựng, 2010;
- [12]. USEPA (United States Environmental Protection Agency), 1997;
- [13]. Báo cáo Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị;
- [14]. Kỹ thuật môi trường, Tăng Văn Đoàn-Trần Đức Hạ, NXB giáo dục 2001.
- [15]. Tài liệu hướng dẫn ĐTM của ngân hàng thế giới/Environmental assessment sourcebook, volume II, sectoral guidelines, Environment, World bank, Washington D.C 8/1991

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1905**/QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ  
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

*Cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2019  
Điều chỉnh lần thứ hai, ngày 12 tháng 6 năm 2025*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021;*

*Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 3401/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh;*

*Xét văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty cổ phần Hiệp Phú - VICO nộp ngày 19/5/2025; đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 171/BC-STC ngày 06/6/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án Xây dựng nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate đã được phê duyệt tại Quyết định chủ trương đầu tư số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 3401/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh với nội dung điều chỉnh như sau:

**1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:**

Nội dung Thông tin liên quan nhà đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh được điều chỉnh như sau:

### 1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung Thông tin liên quan nhà đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh được điều chỉnh như sau:

“1. Thông tin nhà đầu tư: Công ty cổ phần Hiệp Phú - VICO.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 3200693283 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 20/5/2019, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/6/2025.

Địa chỉ trụ sở: Thôn Trà Trì Phú, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 02333661101. Email: hiepphuvico@gmail.com.

#### Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: Nguyễn Trường Hải; Giới tính: Nam.

Chức danh: Tổng Giám đốc; Sinh ngày: 21/10/1975; Quốc tịch: Việt Nam.

Căn cước công dân số: 083075020008; Ngày cấp: 18/8/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: 8.03 Tháp 8, chung cư 584 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại: 8.03 Tháp 8, chung cư 584 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.”.

### 2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung Địa điểm thực hiện dự án đã quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh được điều chỉnh như sau:

“- Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Trà Trì Phú, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.”.

### 3. Nội dung điều chỉnh thứ ba:

Nội dung Mục tiêu dự án quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh được điều chỉnh như sau:

“- Mục tiêu dự án:

TT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành cấp 4 theo VSIC	Mã ngành cấp 4 theo VSIC
1	Sản xuất tấm đá nhân tạo từ tấm Calcium Silicate kết hợp công nghệ sơn UV, cán film vân đá cung cấp cho ngành vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, ngành vật	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

	liệu sinh thái để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Sản xuất tấm Calcium Silicate là loại vật liệu xây dựng xanh thân thiện với môi trường dùng làm tấm trần, vách ngăn, tường, sàn giả,... tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng		
2	Sản xuất khung thanh trần.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

#### 4. Nội dung điều chỉnh thứ tư:

Nội dung Quy mô dự án đã quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh được điều chỉnh như sau:

“- Quy mô: Công suất sản xuất tấm Calcium Silicate 15.000.000 m<sup>2</sup>/năm; Công suất sản xuất tấm nhân tạo gốc Calcium Silicate: 800.000 m<sup>2</sup>/năm; Công suất sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng: 20.000 tấn sản phẩm/năm; Công suất sản xuất khung thanh trần: 10.000 tấn/năm.”.

#### 5. Nội dung điều chỉnh thứ năm:

Nội dung Tổng vốn đầu tư đã quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 2258/QĐ-UBND ngày 27/08/2019 của UBND tỉnh được điều chỉnh như sau:

“- Tổng vốn đầu tư: 620.000.000.000 (Sáu trăm hai mươi tỷ) đồng, trong đó bao gồm:

+ Giai đoạn đầu: Tổng vốn đầu tư: 220.000.000.000 (Hai trăm hai mươi tỷ) đồng. Trong đó, vốn chủ sở hữu 100%.

+ Giai đoạn mở rộng: Tổng vốn đầu tư: 400.000.000.000 (Bốn trăm tỷ) đồng, vay từ tổ chức tín dụng.”.

#### 6. Nội dung điều chỉnh thứ sáu:

Nội dung Tiến độ thực hiện dự án đã quy định tại Điều 1 Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư số 3401/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh được điều chỉnh như sau:

“- Tiến độ thực hiện dự án:

\* Giai đoạn đầu:

+ Từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2018: Hoàn tất các thủ tục đầu tư trên cơ sở Chủ đầu tư ban đầu là Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị.

- + Từ tháng 8/2018 đến tháng 7/2019: Xây dựng một số hạng mục.
- + Tháng 8/2019 đến tháng 9/2020: Thực hiện thủ tục chuyển giao dự án cho Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico; các thủ tục pháp lý liên doanh với Saint-Gobain.
- + Tháng 10/2020 đến tháng 7/2021: Tiếp tục hoàn thiện các hạng mục chính, lắp đặt máy móc thiết bị.
- + Tháng 08/2021: Vận hành thử. Tuyển dụng và đào tạo sản xuất.
- + Dự kiến ngày 25/02/2022: Chính thức đưa vào vận hành sản xuất.
- \* Giai đoạn mở rộng:
  - + Thời gian thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư: Từ tháng 4/2025 đến tháng 6/2025.
  - + Thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng: Từ tháng 7/2025 đến tháng 9/2025.
  - + Xây dựng nhà xưởng mở rộng: Từ tháng 11/2025 đến tháng 6/2027.
  - + Lắp đặt thiết bị: Từ tháng 6/2027 đến tháng 6/2028.
  - + Vận hành thử nghiệm: Từ tháng 6/2028 tháng 9/2028.
  - + Đưa toàn bộ dự án đi vào vận hành chính thức: Tháng 10/2028.”.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

### **1. Công ty cổ phần Hiệp Phú - VICO:**

a) Triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ, địa điểm, quy mô, nội dung đã được phê duyệt; Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành như: Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Thuế,...; các văn bản pháp luật khác có liên quan và các ý kiến tham gia thẩm định của các sở, ngành và địa phương.

b) Khẩn trương hoàn thành thủ tục có liên quan để triển khai dự án theo quy định.

c) Thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Thực hiện thủ tục thẩm định công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao Công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

đ) Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ liên quan cho chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan biết để quản lý và giám sát thực hiện dự án.

e) Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư (bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư) theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 và Điều 102 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

g) Nếu dự án vi phạm quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh chấm dứt dự án theo đúng quy định.

## **2. Sở Tài chính:**

a) Theo dõi, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo tiến độ và các nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu UBND tỉnh kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

c) Tham mưu UBND tỉnh chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024, nếu dự án vi phạm các quy định theo quy định của pháp luật về đầu tư.

d) Định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện dự án và báo cáo UBND tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ.

## **3. Sở Nông nghiệp và Môi trường:**

a) Chủ trì giám sát, quản lý, hướng dẫn Công ty thực hiện các quy định về đất đai, môi trường.

b) Phối hợp cung cấp thông tin cho Sở Tài chính các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất, môi trường trong quá trình thực hiện dự án của nhà đầu tư.

c) Kịp thời báo cáo UBND tỉnh xử lý trong trường hợp việc thi công, hoạt động của dự án ảnh hưởng đến môi trường hoặc có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường.

**4. Các sở, ban, ngành liên quan:** Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công quản lý, có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đầu tư đối với dự án theo quy định của pháp luật.

**5. UBND huyện Hải Lăng:** Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thực hiện giám sát, quản lý, nắm bắt tình hình và đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng địa điểm, diện tích, mục tiêu và tiến độ đã được phê duyệt. Kịp thời thông tin cho các cơ quan liên quan và báo cáo UBND tỉnh xử lý trong trường hợp việc thực hiện dự án của nhà đầu tư có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chủ trương đầu tư số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 3401/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XI (Quảng Trị), Chủ tịch UBND huyện Hải Lăng, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hiệp Phú - VICO và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty cổ phần Hiệp Phú - VICO, một bản lưu tại Sở Tài chính và một bản được lưu tại UBND tỉnh Quảng Trị. / *lu*

**Nơi nhận:**

- Như khoản 2, khoản 3 Điều 3;
- Lưu: VT, KT<sub>Tuần</sub>. / *lu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH**



**Hoàng Nam**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: 6572805882



Chứng nhận lần đầu: ngày 27 tháng 8 năm 2019  
Đăng ký thay đổi lần thứ nhất: ngày 26 tháng 10 năm 2020,  
Đăng ký thay đổi lần thứ hai: ngày 12 tháng 11 năm 2021  
Hiệu đính: ngày 25 tháng 11 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 6572805882 cấp ngày 11/8/2009, điều chỉnh lần đầu ngày 26/10/2020; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2790/QĐ-UBND ngày 2/11/2016; số 1730/QĐ-UBND ngày 31/7/2018; số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019, số 3401/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị;

Xét Văn bản đề nghị hiệu chỉnh một số thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO nộp ngày 23/11/2021,

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chứng nhận:

Dự án đầu tư “Xây dựng nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”; mã số dự án 6572805882, do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 27/8/2019; điều chỉnh lần thứ hai ngày 12/11/2021; hiệu đính một số thông tin.

**Thông tin về dự án đầu tư sau hiệu đính như sau:**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ - VICO**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200693283, cấp lần đầu ngày 20/5/2019; thay đổi lần thứ 2 ngày 16/9/2020

Cơ quan cấp: phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị

Địa chỉ trụ sở: thôn Trà Tri, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0902 028 540

Email: Ly.VUDUY@saint-gobain.com

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:**

Họ tên: NGUYỄN TRƯỜNG HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 21/10/1975

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu số: 272444733

Ngày cấp: 07/12/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ thường trú: Số 33/2, Khu phố 8A, Phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Riviera Point/The View T8-803, số 02 Nguyễn Văn Tường, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

**Điều 1: Nội dung dự án đầu tư**

1. Tên dự án đầu tư: **XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẮM CALCIUM SILICATE**

2. Mục tiêu dự án:

- Sản xuất tấm đá nhân tạo từ tấm Calcium Silicate kết hợp công nghệ sơn UV, cán film vân đá cung cấp cho ngành vật liệu xây dựng, trang trí nội ngoại thất, ngành vật liệu sinh thái để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Sản xuất tấm Calcium Silicate là loại vật liệu xây dựng xanh thân thiện môi trường dùng làm tấm trần, vách ngăn, tường, sàn giả... tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

3. Quy mô dự án: Công suất sản xuất tấm Calcium Silicate: 5.000.000 m<sup>2</sup>/năm; Công suất sản xuất tấm đá nhân tạo gốc Calcium Silicate: 800.000 m<sup>2</sup>/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Trà Tri, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng: 39.945 m<sup>2</sup>

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: **220.000.000.000 đồng** (Hai trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).

+ Vốn chủ sở hữu: 220.000.000.000 đồng (chiếm 100%)

7. Thời hạn hoạt động của dự án: đến ngày 11/8/2059

8. Tiến độ thực hiện dự án:

+ Từ tháng 1/2018 đến tháng 8/2018: Hoàn tất các thủ tục đầu tư trên cơ sở Chủ đầu tư ban đầu là Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị.

+ Từ 8/2018 đến tháng 7/2019: Xây dựng một số hạng mục.

+ Tháng 8/2019 đến tháng 9/2020: Thực hiện thủ tục chuyển giao dự án cho Công ty Cổ phần Hiệp Phú – VICO; các thủ tục liên doanh với Saint-Gobain.

+ Tháng 10/2020 đến tháng 7/2021: Tiếp tục hoàn thiện các hạng mục chính, lắp đặt máy móc thiết bị.

+ Tháng 8/2021: Vận hành thử, Tuyển dụng và đào tạo sản xuất.

+ Ngày 25/2/2022: Chính thức đưa vào vận hành sản xuất.

**Điều 2: Các ưu đãi đối với dự án (nhà đầu tư được hưởng ưu đãi tính từ thời điểm cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư năm 2009)**

### 1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Áp dụng quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

### 2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Áp dụng theo quy định tại Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

- Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

### 3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Áp dụng quy định tại Luật đất đai ngày 29/11/2013 và Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

**Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án**

- Triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ, địa điểm, quy mô, nội dung đã được phê duyệt; Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành như: Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng Sản, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Thuế; Luật Phòng cháy & chữa cháy ; các văn bản pháp luật khác có liên quan và các ý kiến tham gia thẩm định của các Sở, ngành và địa phương.

- Công ty cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ liên quan cho chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan biết để quản lý và giám sát thực hiện dự án. Phối hợp với chính quyền địa phương công khai cho người dân về các thông tin liên quan đến dự án đối với người dân trong vùng ảnh hưởng nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên; đặc biệt, xem xét kỹ lưỡng các tác động tiêu cực đến đời sống và sản xuất của người dân và có các biện pháp khắc phục triệt để.

- Thực hiện dự án phù hợp với phạm vi ranh giới được chấp thuận chủ trương đầu tư, không mở rộng phạm vi ra khu vực phụ cận khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. Quá trình thực hiện dự án yêu cầu Công ty không làm ảnh hưởng đến rừng tự nhiên và rừng trồng ngoài ranh giới khu vực dự án, đồng thời tăng cường công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật liên quan; cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra, và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

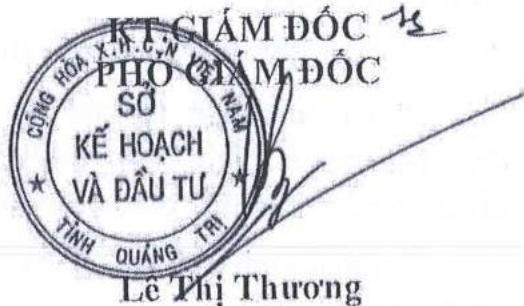
- Thực hiện thủ tục đảm bảo đầu tư theo quy định của Luật đầu tư số 61/2020/QH14, Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6572805882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 27/8/2019; điều chỉnh lần thứ nhất ngày 26/10/2020.

**Điều 5:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư *all*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các sở: XD, TNMT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Hải Lăng;
- Lưu: VT.



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: 6572805882



Chứng nhận lần đầu: Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba: Ngày 09 tháng 9 năm 2024

Căn cứ Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021;

Căn cứ Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 0280166337 do UBND tỉnh Quảng Trị cấp ngày 11/8/2009;

Căn cứ các Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư: Số 2790/QĐ-UBND ngày 02/11/2016, số 1730/QĐ-UBND ngày 31/7/2018, số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị,

Căn cứ Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 3401/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6572805882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp thay đổi lần thứ hai ngày 12/11/2021, hiệu đính ngày 25/11/2021;

Xét Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty cổ phần Hiệp Phú – VICO nộp ngày 09/9/2024,

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chứng nhận:

Dự án đầu tư Xây dựng nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate; mã số dự án 6572805882, do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 27/8/2019; được đăng ký điều chỉnh thông tin liên quan đến nhà đầu tư và thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

**Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:****Nhà đầu tư:**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ - VICO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200693283; cấp đăng ký lần đầu ngày 20/5/2019, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/6/2024; Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ trụ sở: Thôn Trà Trì Phú, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

ĐT: 0982362940/02333661101. Email: hung.phamvan@saint-gobain.com

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:**

Họ tên: Nguyễn Trường Hải. Giới tính: Nam.

Chức danh: Tổng Giám đốc. Ngày sinh: 21/10/1975. Quốc tịch: Việt Nam.

Căn cước công dân số: 083075020008; ngày cấp: 18/8/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: 8.03 Tháp 8, Chung cư 584 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại: 8.03 Tháp 8, Chung cư 584 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0908457114. Email: hai.nguyen@saint-gobain.com.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

**Điều 1: Nội dung dự án đầu tư**

**1. Tên dự án đầu tư:** Xây dựng nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate.

**2. Mục tiêu dự án:**

- Sản xuất tấm đá nhân tạo từ tấm Calcium Silicate kết hợp công nghệ sơn UV, cán film vân đá cung cấp cho ngành vật liệu xây dựng, trang trí nội ngoại thất, ngành vật liệu sinh thái để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Sản xuất tấm Calcium Silicate là loại vật liệu xây dựng xanh thân thiện môi trường dùng làm tấm trần, vách ngăn, tường, sàn giả... tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

**3. Quy mô dự án:** Công suất sản xuất tấm Calcium Silicate: 5.000.000 m<sup>2</sup>/năm; Công suất sản xuất tấm đá nhân tạo gốc Calcium Silicate: 800.000 m<sup>2</sup>/năm.

**4. Địa điểm thực hiện dự án:** Thôn Trà Trì Phú, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

**5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng:** 39.945 m<sup>2</sup>.

**6. Tổng vốn đầu tư của dự án:** 220.000.000.000 (Hai trăm hai mươi tỷ) đồng, trong đó:

- Vốn chủ sở hữu: 220.000.000.000 (Hai trăm hai mươi tỷ) đồng, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư.

**7. Thời hạn hoạt động của dự án:** đến ngày 11/8/2059.

**8. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2018: Hoàn tất các thủ tục đầu tư trên cơ sở chủ đầu tư ban đầu là Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị.

- Từ tháng 8/2018 đến tháng 7/2019: Xây dựng một số hạng mục.

- Tháng 8/2019 đến tháng 9/2020: Thực hiện thủ tục chuyển giao dự án cho Công ty cổ phần Hiệp Phú – VICO; các thủ tục liên doanh với Saint-Gobain.

- Tháng 10/2020 đến tháng 7/2021: Tiếp tục hoàn thiện các hạng mục chính, lắp đặt máy móc thiết bị.

- Tháng 8/2021: Vận hành thử. Tuyển dụng và đào tạo sản xuất.

- Ngày 25/02/2022: Chính thức đưa vào vận hành sản xuất.

**Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: (nhà đầu tư được hưởng ưu đãi tính từ thời điểm cấp Giấy chứng nhận đầu tư năm 2009)**

**1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Áp dụng quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

**2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:**

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Áp dụng theo quy định tại Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

**3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất:**

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Áp dụng quy định tại Luật Đất đai ngày 29/11/2013 và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

G.N  
Ồ  
OẠC  
Ư  
ANG

### **Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:**

a) Triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ, địa điểm, quy mô, nội dung đã được phê duyệt; Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành như: Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Thuế, Luật Phòng cháy và Chữa cháy; các văn bản pháp luật khác có liên quan và các ý kiến tham gia thẩm định của các sở ngành và địa phương.

b) Công ty cung cấp đầu đủ thông tin, hồ sơ liên quan cho chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan biết để quản lý và giám sát thực hiện dự án. Phối hợp với chính quyền địa phương công khai cho người dân về các thông tin liên quan đến dự án đối với người dân trong vùng ảnh hưởng nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên; đặc biệt, xem xét kỹ lưỡng các tác động tiêu cực đến đời sống và sản xuất của người dân và có các biện pháp khắc phục triệt để.

c) Thực hiện dự án phù hợp với phạm vi ranh giới được chấp thuận chủ trương đầu tư, không mở rộng phạm vi ra khu vực phụ cận khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. Quá trình thực hiện dự án yêu cầu Công ty không làm ảnh hưởng đến rừng tự nhiên và rừng trồng ngoài ranh giới khu vực dự án, đồng thời tăng cường công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

d) Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật liên quan; cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

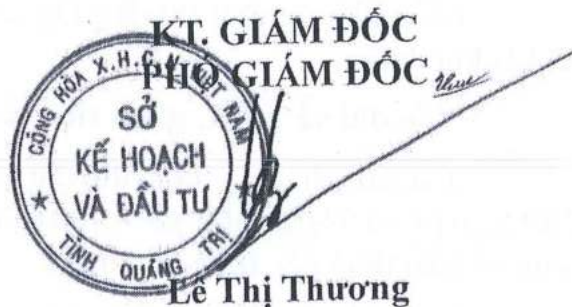
đ) Thực hiện thủ tục đảm bảo đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6572805882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp thay đổi lần thứ hai ngày 12/11/2021, hiệu đính ngày 25/11/2021.

**Điều 5.** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty cổ phần Hiệp Phú - VICO được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Hải Lăng;
- Lưu: VT, DN



**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án  
“Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate” họp ngày 03/01/2019 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm các Văn bản số 28/VICO-QT ngày 28/01/2019 và Văn bản số 38/VICO-QT ngày 28/02/2019 của Công ty Cổ phần đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 884/TTr-STNMT ngày 25/3/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate” (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty Cổ phần đầu tư và khoáng sản Vico Quảng Trị (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

1.1. Phạm vi, quy mô

Dự án có diện tích 134.972 m<sup>2</sup>, tại địa bàn 03 xã: Hải Xuân, Hải Vĩnh, Hải Thượng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Trong đó, phần điều chỉnh Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate thuộc xã Hải Xuân, cụ thể từng hạng mục như sau:

a. Các hạng mục đã xây dựng: 58.728,68 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Nhà máy chế biến cát thạch anh: 38.215 m<sup>2</sup>;

+ Các hạng mục công trình chính (xưởng tuyển rửa cát; nhà đóng bao và kho chứa cát thành phẩm; xưởng sản xuất, nghiền bột siêu mịn; kho chứa bột siêu mịn cao cấp; bãi nguyên liệu): 20.956 m<sup>2</sup>;

+ Các hạng mục công trình phụ trợ (nhà điều hành, nhà ở cán bộ công nhân viên, hệ thống cấp nước thoát nước và PCCC, đường nội bộ, sân bãi chứa nguyên liệu, trạm điện, xưởng cơ khí bảo dưỡng thiết bị và hạng mục khác): 17.250 m<sup>2</sup>.

- Công trình bảo vệ môi trường (khu xử lý nước thải (mương dẫn, hồ lắng), kho chứa chất thải nguy hại, bãi thải quặng, cây xanh): 14.842,88 m<sup>2</sup>.

- Hạng mục khác: 5.670,8 m<sup>2</sup>.

b. Các hạng mục xây dựng mới: 76.243,32 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate: 23.100 m<sup>2</sup>;

+ Các hạng mục công trình chính (nhà sản xuất tấm Calcium Silicate (sử dụng một phần nhà xưởng từ Dự án Nhà máy gạch ốp lát đã xây dựng), nhà sản xuất tấm đá ốp lát nhân tạo gốc Calcium Silicate, nhà bao che nồi hơi, nhà khí nén, nhà bao che máy phát điện): 13.148 m<sup>2</sup>;

+ Các hạng mục công trình phụ trợ (nhà mẫu, đường nội bộ, sân bãi; hệ thống cấp thoát nước và PCCC; hệ thống điện trong nhà xưởng): 9.952 m<sup>2</sup>.

- Công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate, cây xanh): 21.285,12 m<sup>2</sup>.

- Hạng mục khác: 31.858,2 m<sup>2</sup>.

## 1.2. Công suất:

- Chế biến cát thạch anh: 600.000 tấn thành phẩm/năm.

- Sản xuất tấm Calcium Silicate: 5.000.000 m<sup>2</sup> thành phẩm/năm.

- Sản xuất đá nhân tạo: 800.000 m<sup>2</sup>/năm.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án

### 2.1. Về quản lý và xử lý chất thải

- Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 26/2016/BYT (quy định điều kiện vi khí hậu nơi làm việc), Tiêu chuẩn theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế (quy định độ bụi trong môi trường lao động).

- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 24/2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc).

- Quản lý và xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT.

- Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các văn bản hướng dẫn liên quan, an toàn, vệ sinh môi trường và phòng cháy, chữa cháy.

2.2. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường; định kỳ tối thiểu 06 tháng/lần báo cáo kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:**

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường;

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 25, Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND huyện Hải Lăng và Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Sỹ Đồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **744/QĐ-UBND**

Quảng Trị, ngày **19** tháng **3** năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Phê duyệt Phương án điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico đối với dự án: “Xây dựng Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 2259/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico đối với dự án “Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh”;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 2572/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico đối với dự án “Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh”;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 2573/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 cho Liên danh Nhà đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO và Công ty TNHH Công nghiệp kính NSG Việt Nam đối với dự án “Nhà máy cát Thạch Anh cao cấp VICO-NSG”;

Xét Công văn số 54/TTr-VICOQT ngày 14/02/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị và Hồ sơ Phương án điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 608/TTr-STNMT ngày 06/3/2020,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate” (Có phương án điều chỉnh kèm theo).

**Điều 2.** Trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO, Công ty Cổ phần Hiệp Phú, Công ty TNHH Cát Thạch anh cao cấp VICO – NSG thực hiện đúng Phương án điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án như đã cam kết.

2. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo Phương án điều chỉnh và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Phương án điều chỉnh theo đề xuất của Chủ dự án.

**Điều 4.** Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”;

**Điều 5.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hải Lăng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO, Giám đốc Công ty Cổ phần Hiệp Phú và Giám đốc Công ty TNHH Cát Thạch anh cao cấp VICO – NSG chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Sỹ Đông**

**PHƯƠNG ÁN**

Điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “**Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate**”  
(*Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị*)



**I. THÔNG TIN CHUNG:**

1. Tên phương án: Điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”.
2. Tên đơn vị lập: Công ty Cổ phần đầu tư và khoáng sản VICO Quảng Trị.

**II. NỘI DUNG CỦA PHƯƠNG ÁN**

		Nội dung điều chỉnh		
TT	Nội dung	Theo Quyết định Chủ trương đầu tư số 2572/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 và theo đề xuất của các bên	Theo Quyết định Chủ trương đầu tư số 2572/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 và theo đề xuất của các bên	Theo Quyết định Chủ trương đầu tư số 2572/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 và theo đề xuất của các bên
1	Tên Dự án	Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate	Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh	Xây dựng Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate
2	Chủ dự án	Công ty Cổ phần Dầu tư và Khoáng sản VICO	Công ty Cổ phần Dầu tư và Khoáng sản VICO	Công ty TNHH Cát Thạch anh cao cấp VICO - NSG

3	<p>Thông tin liên hệ Chủ dự án</p>	<p>- Thôn Trà Trì, xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0907.790.896 - Người đứng đầu cơ quan Chủ dự án: (Ông) Phạm Ngọc An - Chức vụ: Tổng giám đốc.</p>	<p>- Thôn Trà Trì, xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0907.790.896 - Người đứng đầu cơ quan Chủ dự án: (Ông) Phạm Ngọc An - Chức vụ: Tổng giám đốc.</p>	<p>- Thôn Trà Trì, xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0942.827.661 - Người đứng đầu cơ quan Chủ dự án: (Ông) Trần Trường Vũ - Chức vụ: Tổng giám đốc.</p> <p>- Thôn Trà Trì, xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. - Liên danh Nhà đầu tư Công ty Cổ phần Dầu tư và Khoáng sản VICO và Công ty TNHH Công nghiệp kinh NSG Việt Nam</p>	
4	<p>Diện tích sử dụng đất</p>	<p>134.972 m<sup>2</sup></p>	<p>66.489 m<sup>2</sup></p>	<p>39.945 m<sup>2</sup></p>	<p>28.538 m<sup>2</sup></p>
5	<p>Vị trí Dự án</p>	<p>Thôn Trà Trì, xã Hải Xuân, Thôn Thi Ông, xã Hải Vĩnh; thôn Thượng Xá, xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị</p>	<p>Thôn Trà Trì, xã Hải Xuân, Thôn Thi Ông, xã Hải Vĩnh; thôn Thượng Xá, xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị</p>	<p>Thôn Trà Trì, xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.</p>	<p>Thôn Trà Trì, xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị</p>
6	<p>Quy mô các hạng mục Dự án</p>	<p><i>* Các hạng mục công trình chính và phụ trợ:</i> Gồm tất cả các hạng mục công trình của: Nhà máy chế biến cải thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate cũng như phần đất dự phòng phát triển.</p>	<p><i>* Các hạng mục công trình chính (20.965 m<sup>2</sup>):</i> Xưởng tuyển rửa cát: 900 m<sup>2</sup>; Nhà đóng bao và kho chứa cải thành phẩm: 8.345 m<sup>2</sup>; Xưởng sản xuất, nghiền bột siêu mịn: 4.000 m<sup>2</sup>; Kho chứa bột siêu mịn cao cấp: 4.320 m<sup>2</sup>; Bãi nguyên liệu: 3.400 m<sup>2</sup>.</p> <p><i>* Các hạng mục công</i></p>	<p><i>* Các hạng mục công trình chính (13.116,8 m<sup>2</sup>):</i> Nhà sản xuất chính - sản xuất tấm Calcium Silicate: 9.154,8 m<sup>2</sup>; Nhà sản xuất tấm đá ốp lát nhân tạo gốc Calcium Silicate: 3.672 m<sup>2</sup>; Nhà bao che nôi hơi: 160 m<sup>2</sup>; Nhà khí nén: 60 m<sup>2</sup>; Nhà bao che máy phát điện: 35 m<sup>2</sup>; rạm điện số 2 công suất 2250 + 1000</p>	<p>Theo Hồ sơ môi trường được lập riêng (đã được phê duyệt tại Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị)</p>

		<p><i>trình phụ trợ (26.859,8 m<sup>2</sup>):</i> Nhà điều hành: 300 m<sup>2</sup>; Nhà ở CBCNV: 500 m<sup>2</sup>; Hệ thống cấp nước thoát nước và PCCC: 300 m<sup>2</sup>; Đường nội bộ, sân bãi chứa nguyên liệu: 15.420 m<sup>2</sup>; trạm điện: 150 m<sup>2</sup>; xưởng cơ khí bảo dưỡng thiết bị: 500 m<sup>2</sup>; phụ trợ khác (nhà bảo vệ số 1, 2, trạm cân nguyên liệu, thành phẩm, nhà văn phòng, bãi để xe khu sản xuất + văn phòng, sân đường nội bộ, sân bóng): 9.689,8 m<sup>2</sup>.</p>	<p>KVA: 35 m<sup>2</sup>.</p> <p><i>* Các hạng mục công trình phụ trợ (8.599,44 m<sup>2</sup>):</i> Bể nước cấp: 132 m<sup>2</sup>; Bể dàu: 35 m<sup>2</sup>; Cùm nhà nghỉ lái xe: 25 m<sup>2</sup>; Đường nội bộ, sân bãi: 7.613,46 m<sup>2</sup>; Hệ thống cấp nước thoát nước và PCCC: 743,98 m<sup>2</sup>; Hệ thống điện trong nhà xưởng: 50 m<sup>2</sup>; phụ trợ khác (nhà bảo vệ số 3, trạm cân, bãi xe nhân viên, bãi xe tải, nhà ăn + ô công nhân, kho phụ tùng + phòng thí nghiệm): 1.075,97 m<sup>2</sup>.</p>	
<p>7</p> <p>Các hạng mục công trình, biện pháp BVMT</p>	<p><i>* Công trình biện pháp BVMT giai đoạn thi công các hạng mục bổ sung;</i></p> <p><i>* Công trình BVMT giai đoạn hoạt động (36.128 m<sup>2</sup>):</i> Khu xử lý nước thải (Hệ thống mương dẫn, hồ lắng); kho chứa CTNH, bãi thải quặng; cây xanh (có sân và trồng bổ sung);</p>	<p><i>* Không cần thực hiện các công trình, biện pháp BVMT giai đoạn thi công;</i></p> <p><i>* Công trình BVMT giai đoạn hoạt động (18.664,2m<sup>2</sup>):</i> Khu xử lý nước thải (Hệ thống mương dẫn, hồ lắng): 9.994,88 m<sup>2</sup>; Kho</p>	<p><i>* Phải thực hiện các công trình, biện pháp BVMT giai đoạn thi công các hạng mục bổ sung;</i></p> <p><i>* Công trình BVMT giai đoạn hoạt động (17.404,79 m<sup>2</sup>):</i> Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate: 162,12 m<sup>2</sup>;</p>	<p>Theo Hồ sơ môi trường được lập riêng (đã được phê duyệt tại Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị)</p>

	<p>Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate;</p> <p>Các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại nằm xen kẽ.</p>	<p>chứa CTNH: 200 m<sup>2</sup>; Bãi thải quặng: 2.240 m<sup>2</sup>; cây xanh: 6.229,32 m<sup>2</sup>.</p> <p>- Các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại nằm xen kẽ trong các công trình.</p>	<p>Bể lắng nước thu hồi: 102,7 m<sup>2</sup>; cây xanh: 16.887,97 m<sup>2</sup>.</p> <p>- Các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại nằm xen kẽ trong các công trình.</p>	
<p>8</p> <p>Chương trình giám sát môi trường</p>	<p><b>1. Giám sát môi trường không khí làm việc</b></p> <p>- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, độ ồn, bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>.</p> <p>- Vị trí giám sát: 02 vị trí + 01 vị trí tại khu vực cấp liệu trong Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate; + 01 vị trí tại xưởng tuyển rửa cát thạch anh.</p> <p>- Tần suất giám sát: 06 tháng/1 lần.</p> <p>- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động; 05</p>	<p><b>1. Giám sát môi trường không khí làm việc</b></p> <p>- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, độ ồn, bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>.</p> <p>- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại xưởng tuyển rửa cát thạch anh.</p> <p>- Tần suất giám sát: 06 tháng/1 lần.</p> <p>- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động; 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;</p>	<p><b>1. Giám sát môi trường không khí làm việc</b></p> <p>- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, độ ồn, bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>.</p> <p>- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực cấp liệu trong Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate; - Tần suất giám sát: 06 tháng/1 lần.</p> <p>- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động; 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;</p>	<p>Theo Hồ sơ môi trường được lập riêng (đã được phê duyệt tại Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị)</p>

<p>nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.</p> <p><b>2. Giám sát môi trường khí thải:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số giám sát: Bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>.</li> <li>- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống khói của lò đốt của Nhà máy.</li> <li>- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.</li> </ul> <p>- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.</li> </ul> <p><b>3. Giám sát môi trường nước thải</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số giám sát: Nhiệt độ,</li> </ul>	<p>QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.</p> <p><b>2. Giám sát môi trường khí thải: không</b></p> <p><b>3. Giám sát môi trường nước thải</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, độ màu, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Fe, Dầu mỡ khoáng, Coliform, lưu lượng.</li> <li>- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu ra nước thải sau khi qua hệ thống xử lý.</li> <li>- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần (từ tháng 8- tháng 12).</li> </ul> <p>- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy</p>	<p>QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.</p> <p><b>2. Giám sát môi trường khí thải:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số giám sát: Bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>.</li> <li>- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống khói của lò đốt của Nhà máy.</li> <li>- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.</li> </ul> <p>- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.</p> <p><b>3. Giám sát môi trường nước thải</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số giám sát: Nhiệt</li> </ul>	
---	--	---	--

	<p>pH, độ màu, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Fe, Dầu mỡ khoáng, Coliform, lưu lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu ra nước thải sau khi qua hệ thống xử lý.</li> <li>- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần (từ tháng 8-tháng 12).</li> <li>- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT</li> <li>- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp.</li> </ul> <p><b>4. Giám sát môi trường nước dưới đất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số giám sát: pH, Độ cứng, TDS, NH<sub>4</sub>-N, NO<sub>3</sub>-N, Sunphat, Fe, E.coli, Coliform.</li> <li>- Vị trí giám sát: 05 điểm tại giếng khoan cấp nước cho nhà máy.</li> <li>- Tần suất giám sát: 06 tháng/1 lần.</li> <li>- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng</li> </ul>	<p>chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp.</p> <p><b>4. Giám sát môi trường nước dưới đất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số giám sát: pH, Độ cứng, TDS, NH<sub>4</sub>-N, NO<sub>3</sub>-N, Sunphat, Fe, E.coli, Coliform.</li> <li>- Vị trí giám sát: 03 điểm tại giếng khoan cấp nước cho nhà máy.</li> <li>- Tần suất giám sát: 06 tháng/1 lần.</li> <li>- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.</li> </ul> <p><b>5. Giám sát CTR</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số giám sát: Tinh hình thu gom và thành phần, khối lượng các chất thải phát sinh.</li> <li>- Vị trí giám sát: tại điểm tập kết CTR sinh hoạt, CTR sản xuất của Nhà máy.</li> </ul>	<p>độ, pH, độ màu, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Fe, Dầu mỡ khoáng, Coliform, lưu lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu ra nước thải sau khi qua hệ thống xử lý và trước khi kết nối với bể lắng Nhà máy chế biến cát thạch anh.</li> <li>- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.</li> <li>- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp.</li> </ul> <p><b>4. Giám sát môi trường nước dưới đất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số giám sát: pH, Độ cứng, TDS, NH<sub>4</sub>-N, NO<sub>3</sub>-N, Sunphat, Fe, E.coli, Coliform.</li> <li>- Vị trí giám sát: 02 điểm tại giếng khoan cấp nước cho nhà máy.</li> <li>- Tần suất giám sát: 06 tháng/1 lần.</li> </ul>	
--	--	--	---	--

	<p>nước dưới đất.</p> <p><b>5. Giám sát CTR</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thông số giám sát:</i> Tình hình thu gom và thành phần, khối lượng các chất thải phát sinh.</li> <li>- <i>Vị trí giám sát:</i> tại điểm tập kết CTR sinh hoạt, CTR sản xuất của Nhà máy.</li> <li>- <i>Tần suất giám sát:</i> 03 tháng/1 lần.</li> </ul> <p><b>6. Giám sát an toàn lao động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chi tiêu giám sát:</i> Giám sát các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; Giám sát việc tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động; Giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.</li> <li>- <i>Vị trí giám sát:</i> Toàn bộ khu vực Nhà máy.</li> <li>- <i>Tần suất giám sát:</i> Thường xuyên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tần suất giám sát:</i> 03 tháng/1 lần.</li> </ul> <p><b>6. Giám sát an toàn lao động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chi tiêu giám sát:</i> Giám sát các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; Giám sát việc tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động; Giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.</li> <li>- <i>Vị trí giám sát:</i> Toàn bộ khu vực Nhà máy.</li> <li>- <i>Tần suất giám sát:</i> Thường xuyên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:</i> QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.</li> </ul> <p><b>5. Giám sát CTR</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thông số giám sát:</i> Tình hình thu gom và thành phần, khối lượng các chất thải phát sinh.</li> <li>- <i>Vị trí giám sát:</i> tại điểm tập kết CTR sinh hoạt, CTR sản xuất của Nhà máy.</li> <li>- <i>Tần suất giám sát:</i> 03 tháng/1 lần.</li> </ul> <p><b>6. Giám sát an toàn lao động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chi tiêu giám sát:</i> Giám sát các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; Giám sát việc tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động; Giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.</li> <li>- <i>Vị trí giám sát:</i> Toàn bộ khu vực Nhà máy.</li> </ul>	
--	---	--	---	--

				- <i>Tân suất giám sát.</i> Thường xuyên.	
9	Trách nhiệm thực hiện	Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO	Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO	Công ty TNHH Cát Thạch anh cao cấp VICO - NSG

\* Các nội dung khác không thay đổi thực hiện theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị.

### III. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Chúng tôi cam kết nghiêm túc thực hiện đúng như Phương án điều chỉnh được duyệt, quá trình hoạt động nếu các Nhà máy gây ô nhiễm môi trường do chất thải hoặc đề xảy ra các sự cố, Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3401**/QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐỒNG  
THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**  
(Cấp lần đầu ngày 11 tháng 08 năm 2009)  
(Điều chỉnh lần thứ nhất ngày 2 tháng 11 năm 2016)  
(Điều chỉnh lần thứ hai ngày 31 tháng 7 năm 2018)  
(Điều chỉnh lần thứ ba ngày 27 tháng 8 năm 2019)  
(Điều chỉnh lần thứ tư ngày **25** tháng **10** năm 2021)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 0280166337 cấp ngày 11/8/2009; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2790/QĐ-UBND ngày 2/11/2016; số 1730/QĐ-UBND ngày 31/7/2018; số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị;

Xét văn bản nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO nộp ngày 27/9/2021; Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 536/BC-SKH-DN ngày 12/10/2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án “**NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẮM CALICIUM SILICATE**” đã được chấp thuận chủ trương đầu tư tại Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 0280166337 cấp ngày 11/8/2009; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2790/QĐ-UBND ngày 2/11/2016; số 1730/QĐ-UBND ngày 31/7/2018; số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị với nội dung điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án như sau:

+ Từ tháng 1/2018 đến tháng 8/2018: Hoàn tất các thủ tục đầu tư trên cơ sở Chủ đầu tư ban đầu là Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị.

+ Từ 8/2018 đến tháng 7/2019: Xây dựng một số hạng mục.

+ Tháng 8/2019 đến tháng 9/2020: Thực hiện thủ tục chuyển giao dự án cho Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO; các thủ tục liên doanh với Saint-Gobain.

+ Tháng 10/2020 đến tháng 7/2021: Tiếp tục hoàn thiện các hạng mục chính, lắp đặt máy móc thiết bị.

+ Tháng 8/2021: Vận hành thử. Tuyển dụng và đào tạo sản xuất.

+ Ngày 25/2/2022: Chính thức đưa vào vận hành sản xuất.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

### **1. Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO:**

a) Triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ, địa điểm, quy mô, nội dung đã được phê duyệt; Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành như: Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng Sản, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Thuế; các văn bản pháp luật khác có liên quan và các ý kiến tham gia thẩm định của các Sở, ngành và địa phương.

b) Công ty cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ liên quan cho chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan biết để quản lý và giám sát thực hiện dự án. Phối hợp với chính quyền địa phương công khai cho người dân về các thông tin liên quan đến dự án đối với người dân trong vùng ảnh hưởng nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên; Đặc biệt, xem xét kỹ lưỡng các tác động tiêu cực đến đời sống và sản xuất của người dân và có các biện pháp khắc phục triệt để.

b) Thực hiện dự án phù hợp với phạm vi ranh giới được chấp thuận chủ trương đầu tư, không mở rộng phạm vi ra khu vực phụ cận khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. Quá trình thực hiện dự án yêu cầu Công ty không làm ảnh hưởng đến rừng tự nhiên và rừng trồng ngoài ranh giới khu vực dự án, đồng thời tăng cường công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

c) Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật liên quan.

d) Nếu dự án vi phạm quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Sơ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh chấm dứt dự án theo đúng quy định.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

a) Theo dõi, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo tiến độ và các nội dung đã cam kết sau khi được điều chỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu UBND tỉnh kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

c) Kiến nghị UBND tỉnh chấm dứt hoạt động của của dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 nếu dự án vi phạm quy định;

d) Định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện dự án và báo cáo UBND tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ.

### 3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- a) Giám sát, quản lý, hướng dẫn Công ty thực hiện các quy định về đất đai, môi trường, tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, môi trường của Công ty;
- b) Phối hợp cung cấp thông tin cho Sở Kế hoạch và Đầu tư các nội dung liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, quản lý việc sử dụng đất để thực hiện dự án của nhà đầu tư;
- c) Kịp thời thông tin cho các cơ quan liên quan, báo cáo UBND tỉnh xử lý trong trường hợp việc thi công, vận hành của dự án ảnh hưởng đến môi trường, sinh kế của người dân trong khu vực dự án;

**4. UBND huyện Hải Lăng:** Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện giám sát, quản lý, nắm bắt tình hình và đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng địa điểm, diện tích, mục tiêu và tiến độ đã cam kết. Kịp thời thông tin cho các cơ quan liên quan và báo cáo UBND tỉnh khi việc thực hiện dự án của nhà đầu tư gây ảnh hưởng đến môi trường, sinh kế và đời sống của người dân.

**5. Các Sở, ban, ngành liên quan:** Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công quản lý, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đầu tư đối với Nhà máy sản xuất tấm Calicium silicate của Công ty Cổ phần Hiệp Phú-VICO theo quy định của pháp luật.

### Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 0280166337 cấp ngày 11/8/2009; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2790/QĐ-UBND ngày 2/11/2016; số 1730/QĐ-UBND ngày 31/7/2018; số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Chủ tịch UBND huyện Hải Lăng, Giám đốc Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO và các Sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO, một bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, một bản được lưu tại UBND tỉnh Quảng Trị. /

#### Nơi nhận:

- Như Khoản 2&3, Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Hải Lăng;
- Lưu: VT *ml*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;*

*Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO (có hồ sơ kèm theo); đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 682/TTr-STNMT ngày 12/3/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO, địa chỉ tại xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng được khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau:

- Mục đích khai thác, sử dụng: Phục vụ Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate và sinh hoạt.
- Vị trí công trình khai thác: Thôn Trà Tri Phú, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng.
- Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước lỗ hồng trầm tích bờ rời đa nguồn gốc Holocen;
- Tổng số giếng khai thác: 02 giếng.
- Tổng lượng nước khai thác: 54,3 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: Không nhỏ hơn 20m tính từ miệng giếng.
- Thời hạn của giấy phép: 05 năm.

Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của từng giếng cụ thể như sau:

Số hiệu	Toạ độ VN2000 KTT 106 <sup>0</sup> 15', múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Chế độ khai thác trung bình		Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)
	X (m)	Y (m)		Ngày/tháng	Giờ/ngày đêm	Từ	Đến		
GK1	1850545	605647	49,5	26	4,95	8	18	1,90	5,4
GK2	1850622	605805	4,8	26	02	8	14	1,90	3,5

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;
2. Thực hiện giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;
3. Theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác theo quy định;
4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước; nộp thuế tài nguyên nước; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
5. Trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả giám sát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
6. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, số lượng nước để có biện pháp xử lý.

**Điều 3.** Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

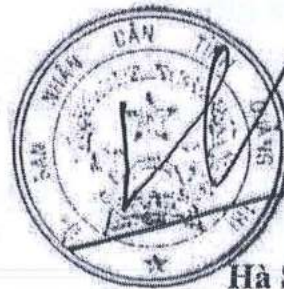
**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung quy định tại Điều 1 của giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Hải Lăng; Chủ tịch UBND xã Hải Hưng và Giám đốc Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Quản lý TNN;
- Lưu: VT, TN. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: **919**/GXN-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày **09** tháng **3** năm 2022

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**của Dự án “Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ XÁC NHẬN:**

**I. Thông tin chung về Dự án**

Tên Chủ dự án: Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico.

Địa chỉ văn phòng: Thôn Trà Trì, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

Địa điểm dự án: Thôn Trà Trì, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0902.028.540.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200693283 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 20/5/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22/10/2020.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số: 693/QĐ-UBND ngày 01/4/2019; Quyết định phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường số: 744/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị.

**II. Nội dung xác nhận**

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate” (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

**III. Trách nhiệm của Chủ dự án**

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đã nêu tại Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

**IV. Tổ chức thực hiện**

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. /v/

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico;
- UBND huyện Hải Lăng;
- Lưu: VT, KT(Th). *KL*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đông



### PHỤ LỤC

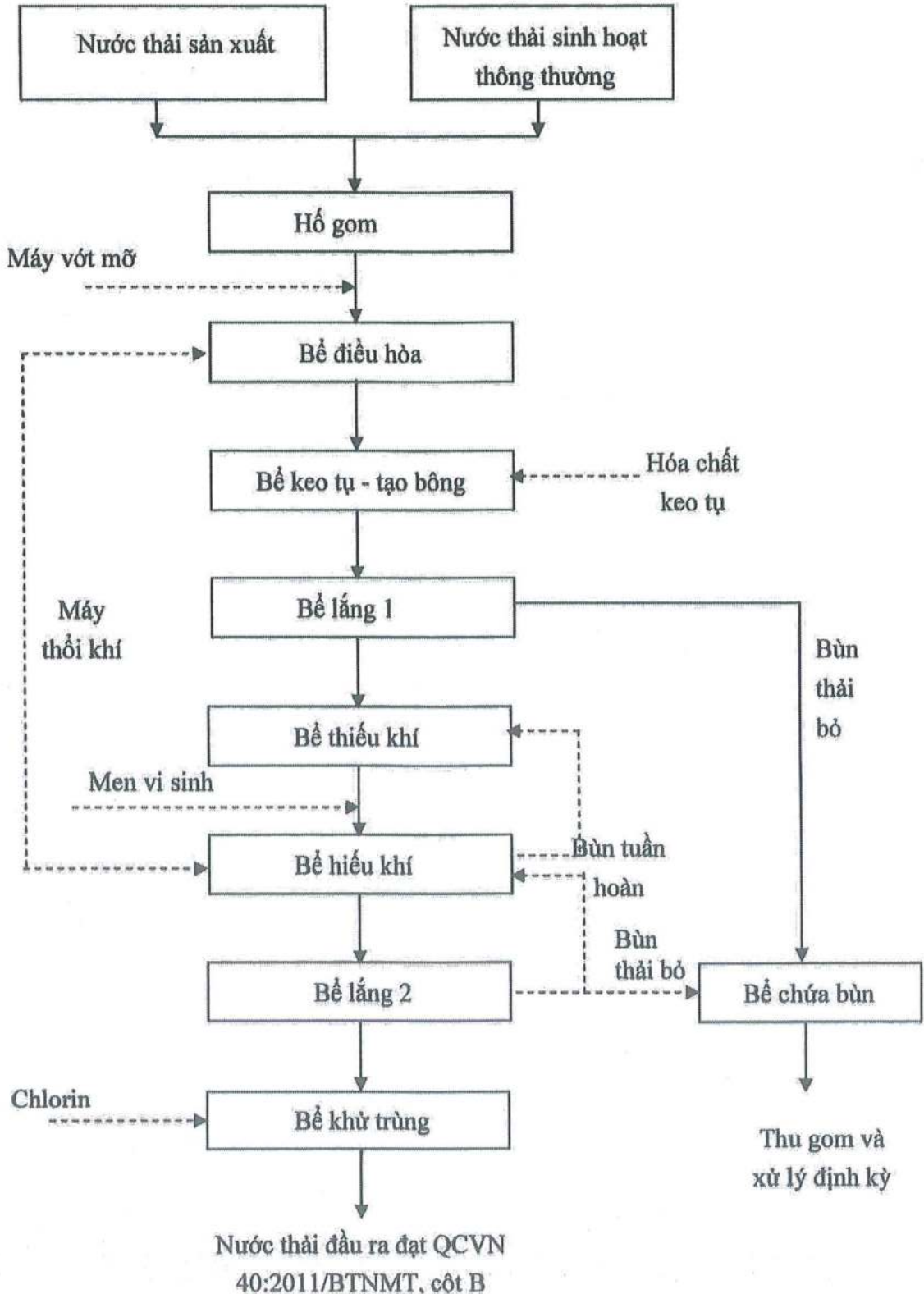
(Kèm theo Giấy xác nhận số 919/GXN-UBND ngày 19/3/2022 của UBND tỉnh)

## 1. Công trình thu gom, xử lý nước thải:

### 1.1. Đối với nước thải sản xuất

- Đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất với công suất 100m<sup>3</sup>/giờ.

- Quy trình vận hành:



- Hóa chất sử dụng:

**Bảng các loại hóa chất sử dụng tại hệ thống xử lý nước thải**

TT	Loại hóa chất	Đơn vị	Số lượng 1 tháng
1	PAC 31%	bao (25kg)	30
2	Polymer A	bao (25kg)	2
3	Axit H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 60%	can (30kg)	30
4	Clo viên loại 200g	thùng (50kg)	1/4 thùng
5	Methanol	can (30l)	5
6	Men vi sinh GEM-P1	gói (1kg)	20
7	NaOH (sút vảy 99%)	bao (25kg)	2

- Quy chuẩn nước thải sau xử lý: Đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

1.2. Nước thải sinh hoạt: đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà ăn (thể tích hầm 15m<sup>3</sup>) và nhà sinh hoạt của công nhân (thể tích hầm 12m<sup>3</sup>). Kết cấu BTCT. Nước thải sau xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dẫn về hệ thống xử lý tập trung.

1.3. Đối với nước mưa chảy tràn:

- Đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn tách biệt với nước thải sản xuất; Xây rãnh có độ rộng từ 300 - 800mm, vật liệu là gạch xây vữa xi măng M75, đập nắp tấm đan BTCT.

**2. Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:**

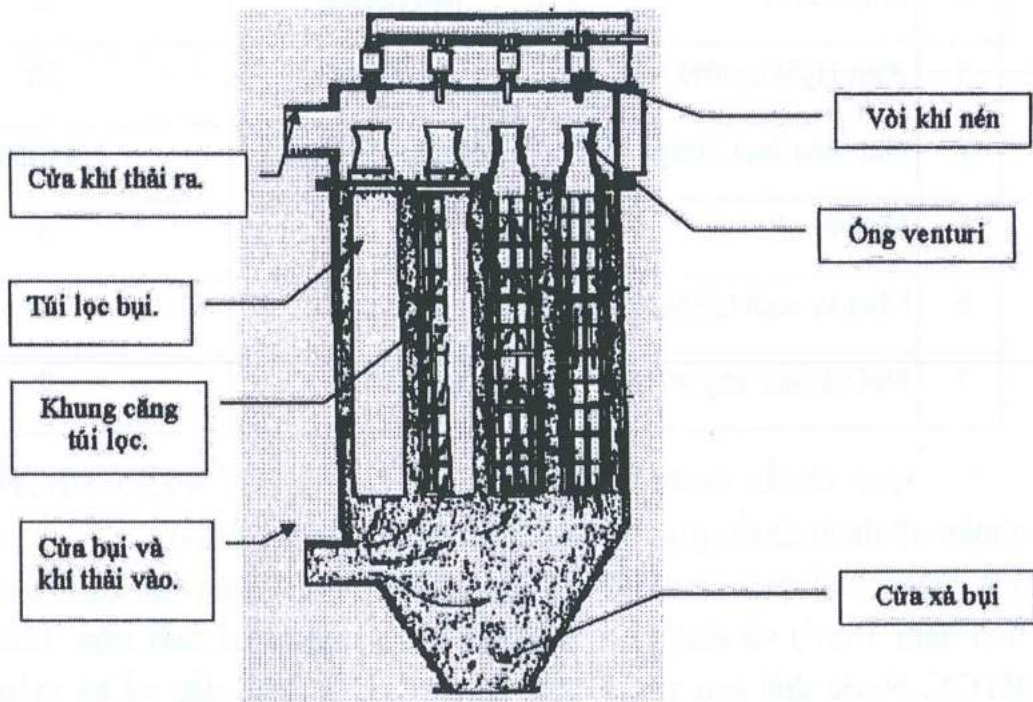
2.1. Bụi từ quá trình sản xuất tấm lợp:

Đã xây dựng, lắp đặt hệ thống chụp hút và lọc bụi bằng túi vải dạng silon. Với các thông số thiết kế của thiết bị như sau:

- Số lượng chụp hút: 04 vị trí;
- Lưu lượng không khí: 33.400 m<sup>3</sup>/h;
- Tốc độ lọc không khí: 1,2 - 2,0 m<sup>3</sup>/phút;
- Diện tích lưới lọc: 465m<sup>2</sup>;
- Túi lọc: 480 túi;
- Lực cản bộ lọc: 1.470 - 1.770 Pa;
- Áp suất âm của máy lọc bụi: <9.000 Pa;
- Áp suất khí nén để làm sạch bụi: 0,5 - 0,7 Mpa;
- Motor quạt hút: 45kW;

- Đường kính cửa xả: 600mm.
- Ống khói: Cao 10m, D=816mm.
- Vải lọc: chất liệu vải túi lọc phù hợp với các loại bụi như: bụi thường, bụi nước, bụi nhiệt, bụi tĩnh điện hay bụi dầu...

Sơ đồ khói:



- Chất lượng khí thải đầu ra: Đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

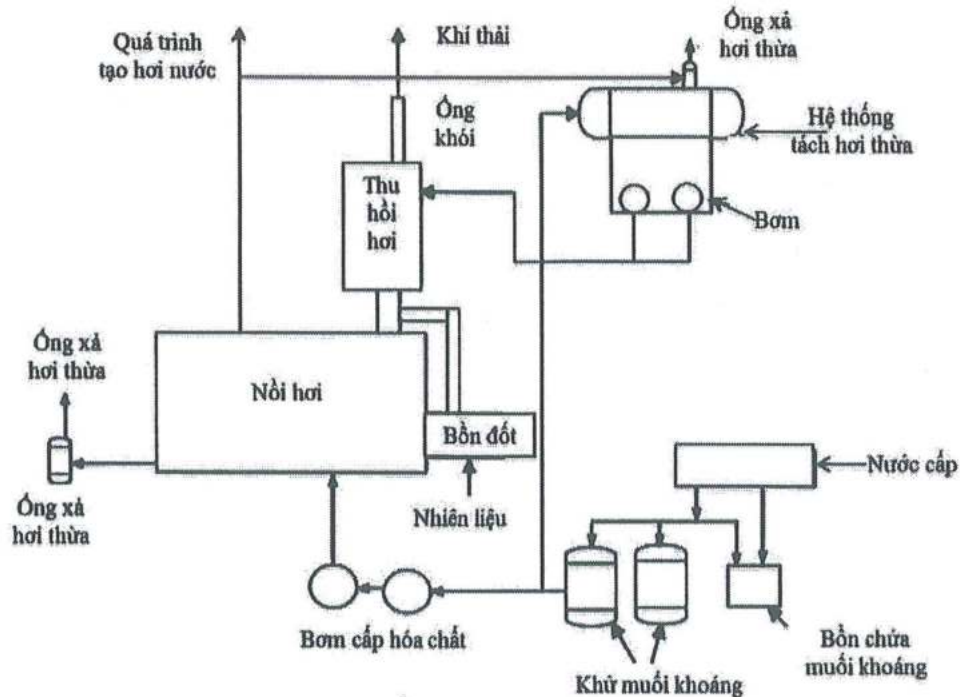
## 2.2. Bụi và khí thải từ lò hơi đốt dầu DO

Đã lắp đặt lò hơi của hãng Jiangsu Olymspan. Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 (QUATEST 1) kiểm tra và điều chỉnh hiệu suất lò hơi theo giấy chứng nhận số: 2021/283/TN7; Trung tâm kỹ thuật đo lường thử nghiệm Quảng Bình kiểm tra an toàn lò hơi theo giấy chứng nhận số: 88/GCN-KĐ. Đã hợp đồng với đơn vị cung cấp lò hơi (MARTECH) để đánh giá độc lập và toàn diện lò hơi về mặt an toàn – chất lượng – môi trường – hiệu suất thiết bị trước khi đưa vào sử dụng.

Thông số kỹ thuật của lò hơi:

- + Mã hiệu: WNS6-1.6-Y.Q
- + Áp suất thiết kế: 1,6 Mpa.
- + Áp suất làm việc: <1,25 Mpa.
- + Công suất: 6.000 kg/h.
- + Nhiên liệu sử dụng: DO 0.05S.
- + Nhiệt độ thiết kế hơi bão hòa: 204<sup>0</sup>C.
- + Ống khói: cao 15m; D= 650 mm.

### Sơ đồ lò hơi:



Sơ đồ công nghệ Lò hơi đốt dầu DO

- Chất lượng khí thải đầu ra: Đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

\* Các biện pháp giảm thiểu khác đã thực hiện như: nâng cấp đường nội bộ thành đường bê tông; xây dựng tường rào, phun ẩm, vệ sinh mặt bằng định kỳ, trang bị bảo hộ lao động.

### 3. Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại:

Công ty đã bố trí 06 thùng loại 120L trong khu vực Nhà xưởng để chứa CTNH và 02 thùng loại 120L; 01 Container 15m<sup>2</sup> chứa CTNH; đã đăng ký sổ chủ nguồn thải CTNH số 45.000051.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 02/8/2021. Công ty sẽ hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ Điện - Môi trường Lilama tại Khu liên hiệp xử lý và tái chế chất thải EME Dung Quất để xử lý theo quy định.

### 4. Đối với công trình quản lý chất thải khác:

- Chất thải rắn sinh hoạt: đã bố trí 06 thùng rác tại các khu vực Nhà máy (04 thùng), văn phòng (01 thùng), nhà ở công nhân (01 thùng) để thu gom rác thải phát sinh. Sau đó tập trung tại ô chứa, kích thước ô chứa: dài x rộng x cao = 5,5m x 3,5m x 4,0m. Hợp đồng với Trung tâm môi trường đô thị huyện Hải Lăng định kỳ thu gom, đem đi xử lý 02 lần/tháng.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Phế phẩm từ công đoạn cắt tấm calcium silicat và các tấm calcium silicat bê: Với nguyên liệu sử dụng gồm: cát, vôi, giấy, xi măng,... có tính chất tương tự các loại chất thải rắn từ vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa, bê tông, vật liệu

kết dính quá hạn sử dụng)...sẽ được tận dụng để san lấp nền, gia cố đường, về lâu dài có thể tận dụng làm nguyên liệu để ép gạch block...

+ Đối với chất thải rắn như: giẻ lau, găng tay, khẩu trang, vải ni, lưới đá cắt, đá mài, dây curoa, băng keo cách điện, băng keo trong, băng keo nhựa, ống ruột gà, dây dù, nhãn dán, giấy bạc, ánh kim,... Công ty đã bố trí 04 thùng loại 240L trong khu vực Nhà xưởng để chứa chất thải rắn sản xuất. Sau đó tập trung chất thải rắn sản xuất tại ô chứa, kích thước ô chứa: dài x rộng x cao = 5,5m x 3,5m x 4,0m. Công ty sẽ hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ Điện - Môi trường Lilama tại Khu liên hiệp xử lý và tái chế chất thải EME Dung Quất để xử lý theo quy định.

## **5. Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và biện pháp khác:**

### **5.1. Sự cố cháy nổ**

- Đã xây dựng phương án PCCC trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Trang bị thiết bị PCCC, xây dựng nội quy và phối hợp với các cơ quan PCCC để tập huấn cho đội và định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội quy đã định.

- Đưa ra nội quy, quy định tại các khu vực không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa khi ra vào kho chứa dầu DO.

### **5.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiếng ồn**

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất, giảm thiểu tiếng ồn cũng như độ rung.

- Trang bị thêm các thiết bị giảm ồn như nút tai, bịt tai,....
- Trồng bổ sung cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, sân bãi.

### **5.3. Biện pháp khác**

- Đã có quy trình vận hành lò hơi, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải; khí thải, bố trí lỗ khoan quan trắc khí thải, bố trí sàn thao tác lấy mẫu; trang bị áo quần bảo hộ lao động.

## **6. Chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành:**

### **6.1. Giám sát môi trường không khí làm việc**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực cấp liệu trong khu vực sản xuất;
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, độ ồn, bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT.

## 6.2. Giám sát môi trường khí thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí
- + 01 vị trí tại ống khói của lò đốt dầu DO;
- + 01 vị trí tại ống khói của thiết bị lọc bụi túi vải;
- Thông số giám sát: Bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT.

## 6.3. Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí
- + 01 vị trí tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải;
- + 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, độ màu, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Fe, Dầu mỡ khoáng, Coliform, lưu lượng.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT.

## 6.4. Giám sát môi trường nước dưới đất

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại 02 giếng khoan cấp nước cho Nhà máy.
- Thông số giám sát: pH, Độ cứng, TDS, NH<sub>4</sub>-N, NO<sub>3</sub>-N, Sunphat, Fe, E.coli, Coliform.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

## 6.5. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, CTNH của Nhà máy.
- Thông số giám sát: Tình hình thu gom và thành phần, khối lượng các chất thải phát sinh.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

## 6.6. Giám sát an toàn lao động

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực Nhà máy.
- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; Giám sát việc tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động; Giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

## 7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Duy trì vận hành ổn định, hiệu quả các công trình xử lý chất thải, biện pháp bảo vệ môi trường;

Tuân thủ các quy định về phòng ngừa ứng phó sự cố tràn dầu, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động trong suốt quá trình vận hành chính thức.

Kính gửi: Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số HPVC/CV/001/2022 ngày 25/3/2022 của Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico về việc xin hướng dẫn xử lý phế phẩm trong sản xuất. Qua nghiên cứu, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Phế phẩm từ công đoạn cắt tấm Calcium Silicate và các tấm Calcium Silicate bề là chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT), mã chất thải là 06 02 07, quy định tại phụ lục IIIC, Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Tại điểm b, khoản 1, Điều 81: CTRCNTT thường phải được phân loại thành “b) Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng”; Tại điểm a, khoản 1, Điều 82: cơ sở phát sinh CTRCNTT chuyển giao cho các đối tượng: “a) Cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng hoặc san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật”.

Một số nội dung chi tiết quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Tại khoản 2, Điều 65: “2. Tro, xỉ, thạch cao được phân định là chất thải rắn công nghiệp thông thường và các chất thải rắn công nghiệp thông thường khác đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng do cơ quan có thẩm quyền ban hành được quản lý như đối với sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng”; Tại khoản 5, Điều 6: “5. Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình xây dựng; xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình xây dựng gửi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố. Trường hợp chưa ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật thì áp dụng tiêu chuẩn của một trong các nước thuộc Nhóm các nước công nghiệp phát triển”.

Ngày 04/5/2022, Sở Xây dựng có Văn bản số 820/SXD-HTKT về việc tham gia ý kiến xử lý phế phẩm trong sản xuất vật liệu xây dựng của Công ty, trong đó có nội dung “hiện nay Bộ Xây dựng chưa ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan đối với việc sử dụng chất thải rắn xây dựng (trong đó có phế phẩm của quá trình sản xuất tấm Calcium Silicate) làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và các mục đích khác trong các công trình xây dựng”.

Theo các nội dung quy định trên, Công ty có thể tận dụng phế phẩm sản xuất để san lấp các khu vực bị lổ đất và các hồ sâu trong Nhà máy (như đề xuất của Công ty), phù hợp với nội dung Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 919/GXN-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị cấp cho Nhà máy. Phần còn lại phải chuyển giao cho các cơ sở có chức năng vận chuyển và xử lý CTRCNTT theo quy định tại các điểm b, c, d, khoản 1, Điều 82, Luật BVMT năm 2020.

Trường hợp Công ty Cổ phần Hiệp Phú – Vico hợp đồng với các đơn vị có nhu cầu sử dụng phế phẩm từ quá trình sản xuất để tái sử dụng làm vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng thì phải tuân thủ theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 81 và điểm a, khoản 1, Điều 82, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; nội dung quy định chi tiết tại Điều 65, Điều 66, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Điều 24, Điều 33, Điều 34, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty Cổ phần Hiệp Phú – Vico thực hiện đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD, PGD Ng.H.Nam;
- Lưu: VT, CCBVMT.



Số: 1749/SXD-HTKT

Quảng Trị, ngày 02 tháng 8 năm 2023

V/v ý kiến sử dụng phế phẩm trong  
sản xuất làm vật liệu san lấp mặt bằng  
công trình

Kính gửi: Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO

Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị nhận được Văn bản số HPVC/CV/002/2023 ngày 18/5/2023 của Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO về việc hướng dẫn xử lý phế phẩm trong sản xuất làm vật liệu san lấp mặt bằng công. Qua nghiên cứu, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

Công ty Cổ phần Hiệp Phú – Vico được UBND tỉnh cấp chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất tấm Calcium silicate” tại Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 27/8/2019; quá trình sản xuất phát sinh các phế phẩm.

Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án tại các Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 01/4/2019, số 744/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 và xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của dự án tại Quyết định số 919/GXN-UBND ngày 09/3/2022.

Căn cứ Khoản 1 Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, quy định chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại thành 03 (ba) nhóm khác nhau, bao gồm: Nhóm được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất; Nhóm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng; và Nhóm phải xử lý.

Căn cứ Khoản 12 Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), chất thải công nghiệp là chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trong đó bao gồm chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường. Do đó, chất thải rắn xây dựng được coi là chất thải công nghiệp và được quản lý như chất thải công nghiệp.

Theo Khoản 5 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Bộ Xây dựng được giao ban hành quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường (bao gồm có chất thải rắn xây dựng) làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình xây dựng. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Xây dựng chưa ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan đối với việc sử dụng chất thải rắn xây dựng (trong đó có phế phẩm của quá trình sản xuất tấm Calcium

Silicate) làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và các mục đích khác trong các công trình xây dựng.

Do đó, đề nghị Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO căn cứ theo hồ sơ đánh giá tác động môi trường của dự án để sử dụng phế phẩm trong sản xuất làm vật liệu san lấp mặt bằng công trình theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Xây dựng, đề nghị Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO nghiên cứu thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, HTKT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Văn Đức Lợi

Quảng Trị, ngày 2 tháng 8 năm 2021

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 45.000051.T  
(Cấp lần đầu)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH):**

Tên: Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico

Địa chỉ văn phòng: thôn Trà Trì, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 0983 247 186.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200693283, ngày đăng ký lần đầu: 20/5/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3: 22/10/2020. Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị.

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Có biện pháp giám thiếu phát sinh CTNH; tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định số lượng CTNH phải báo cáo và quản lý.

4. Có khu vực lưu giữ tạm thời CTNH; lưu giữ CTNH trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

5. Trường hợp không tự tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở, chủ nguồn thải CTNH phải ký hợp đồng để chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân có giấy phép phù hợp.

6. Chủ nguồn thải CTNH có trách nhiệm định kỳ báo cáo việc lưu giữ CTNH tại cơ sở phát sinh với Sở Tài nguyên và Môi trường (kỳ báo cáo và nội dung theo quy định tại báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở hàng năm) hoặc kết hợp trong báo cáo quản lý CTNH định kỳ khi chưa chuyển giao được trong các trường hợp, (i) chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi và (ii) chưa tìm được chủ xử lý CTNH phù hợp.

7. Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý chứng từ CTNH, báo cáo quản lý CTNH (định kỳ và đột xuất) và các hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý CTNH theo quy định.

8. Khi chấm dứt hoạt động phát sinh CTNH, phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có cơ sở phát sinh CTNH trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng.

9. Gửi liên số 5 của chứng từ CTNH về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

#### IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc cơ sở chấm dứt hoạt động./b

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Lưu: CCBVMT (KSON).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nam



45.000051.T (2 / 8 / 2021)

Trang 01/01

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 45.000051.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu, ngày 2 tháng 8 năm 2021)

**1. Cơ sở phát sinh CTNH: Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico**

Địa chỉ: thôn Trà Tri, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 0983 247 186

**2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	65	16 01 06
2	Giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm dầu nhớt thải	Rắn	3.548	18 02 01
3	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	100	17 05 04
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	960	18 01 02
5	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải.	Lỏng	4.740	19 05 02
6	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn	4.150	18 01 04
7	Chất thải lẫn dầu (cặn dầu nhớt và nhũ tương)	Lỏng	57.470	19 07 01
8	Nhớt	Lỏng	4.745	17 02 03
9	Bùn thải	Lỏng	10.870	12 06 06
10	Keo thải	Lỏng	100	19 12 03
11	Sơn cặn, mực in, hộp mực in	Rắn, lỏng	100	16 01 09
12	Bao bì dính sơn	Rắn	96	08 01 01
<b>Tổng</b>			<b>86.944</b>	

**3. Danh sách CTNH đã đăng ký tự tái sử dụng tại cơ sở**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án tái sử dụng	Mức độ xử lý
	Không có					

b

## HỢP ĐỒNG THU GOM XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: HPV-MRO-EME-01

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.025.VX do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp lần 2 ngày 20 tháng 01 năm 2020)
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên,

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025, chúng tôi gồm :

### **BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ -VICO**

Địa chỉ : Thôn Trà Trl, Xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị.

Mã số thuế : 3200693283

Đại diện : (Bà) TỬ THỊ PHƯƠNG – Chức vụ: Trưởng phòng Mua hàng

Dưới đây gọi tắt là Bên A

### **BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ – ĐIỆN – MÔI TRƯỜNG LILAMA**

Địa chỉ : Khu dịch vụ công cộng - khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Số điện thoại : 0255.3908.001 – Fax:

Mã số thuế : 4300357921

Số tài khoản : 57300 66488 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Dung Quất

Đại diện : (Ông) HUỖNH VĨNH PHÚC – Chức vụ: Giám đốc KLH

Dưới đây gọi tắt là Bên B

*Hai Bên thống nhất ký kết hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản như sau:*

### **ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Bên A giao và Bên B đồng ý thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại và công nghiệp (sau đây gọi tắt là chất thải) phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A với chủng loại theo danh mục sau:

#### **1.1. Danh mục chất thải nguy hại được xử lý bao gồm:**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Kg	7,000
02	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Kg	7,000
03	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 04	Kg	7,000
04	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	7,000
05	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải	19 05 02	Kg	7,000
06	Bao bì cứng thải bằng các loại vật liệu khác	18 01 04	Kg	7,000
07	Chất thải lẫn dầu (Cặn dầu nhớt ...)	19 07 01	Kg	7,000
08	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg	7,000
09	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 06	Kg	7,000
10	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại (Keo thải ...)	08 03 01	Kg	7,000
11	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	Kg	7,000
12	Bao bì mềm thải (bao bì dính sơn)	18 01 01	Kg	7,000
13	Vật liệu xây dựng gốc thạch cao thải có các thành phần nguy hại	11 07 01	Kg	7,000

1.2. Danh mục chất thải công nghiệp không nguy hại được xử lý bao gồm:

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
01	Giẻ lau, khăn, găng tay, khẩu trang, vải ni	Kg	2,000
02	Lưỡi đá cắt, đá mài	Kg	2,000
03	Dây curoa	Kg	2,000
04	Băng keo cách điện, băng keo trong, băng keo nhựa	Kg	2,000
05	Ống ruột gà, dây dù	Kg	2,000
06	Nhãn dán, mặt sau giấy decal	Kg	2,000
07	Dây Ni lông	Kg	2,000
08	Bao nhựa Ni lông	Kg	2,000
09	Giấy bạc, ánh kim	Kg	2,000
10	Gỗ pallet thải	Kg	2,000

\*\*\*Ghi chú:

\* Đơn giá đã bao gồm chi phí thu gom và xử lý.

\* Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và phí vận chuyển

\* Phí vận chuyển: 5.000.000đ/chuyến (chưa bao gồm thuế GTGT)

## **ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN- ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN**

### **2.1. Phương thức giao nhận:**

- Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho Bên A khi Bên A có yêu cầu. Bên A thông báo cho Bên B trước 05 ngày làm việc bằng fax, điện thoại hoặc email để Bên B sắp xếp việc thu gom.
- Hai bên phải đối chiếu và ký xác nhận vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và chứng từ chất thải theo mẫu của bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.
- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải, Bên B chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại điều 1.
- Đối với các chất thải phát sinh ngoài danh mục trên thì hai bên sẽ thương lượng mức giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

### **2.2. Địa điểm giao nhận và xử lý chất thải:**

- Bên A sẽ giao chất thải cho Bên B tại bãi thu gom chất thải của Bên A (Địa chỉ: Thôn Trà Trì, Xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị). Bên B tiếp nhận, vận chuyển chất thải đến nhà máy xử lý chất thải nguy hại của bên B (Địa chỉ: Thông Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) bằng các xe đã đăng ký và tiến hành xử lý toàn bộ chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

### **2.3. Phương thức xác định khối lượng:**

- Khối lượng chất thải của từng loại chất thải là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B.

## **ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI – ĐƠN GIÁ – GIÁ TRỊ THANH TOÁN - PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:**

3.1. Khối lượng chất thải thực tế được xác định dựa trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo “Biên bản giao nhận chất thải” được ký xác nhận bởi đại diện của hai bên tại từng thời điểm.

3.2. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải: được thể hiện trong Điều 1 của Hợp đồng này.

### **3.3. Giá trị thanh toán:**

- Giá trị thanh toán từng đợt được tính bao gồm mức phí cho một lần vận chuyển (5.000.000 VNĐ/chuyến) và mức phí xử lý (khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá xử lý tiêu hủy chất thải tương ứng).
- Đơn giá để tính giá trị thanh toán chưa bao gồm thuế VAT.

### **3.4. Phương thức thanh toán:**

- Sau mỗi lần thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải.

- Trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn VAT hợp lệ và bộ chứng từ thanh toán của Bên B, Bên A sẽ thanh toán bằng phương thức chuyển khoản cho Bên B 100% giá trị hóa đơn.

### **- Bộ chứng từ thanh toán hợp lệ bao gồm:**

- a. Hóa đơn VAT hợp lệ có số PO do nhân viên mua hàng cung cấp và số hợp đồng.
- b. Biên bản xác nhận khối lượng thực tế có xác nhận của đại diện hai bên.
- c. PO ký đóng dấu.

- Hồ sơ thanh toán & hóa đơn được gửi về cho Bên A theo thông tin như sau:

+ Gửi link hóa đơn điện tử qua địa chỉ mail: [hddt.hpcvico@saint-gobain.com](mailto:hddt.hpcvico@saint-gobain.com)

+ Quý NCC gửi hồ sơ thanh toán bằng hình thức gửi file scan MÀU (rõ ràng, ngay ngắn, 1 bộ hồ sơ PO là 1 file) vào hộp mail hóa đơn điện tử của Hiệp Phú-Vico như bên dưới:

Tên file và Tiêu đề Mail ghi: CHUNG TU THANH TOAN PO 62... + HOA DON SO ...

Email: [doc.hpcvico@saint-gobain.com](mailto:doc.hpcvico@saint-gobain.com)

## **ĐIỀU 4: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

- Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày: 02/01/2025 – 31/12/2025

- Hợp đồng sẽ được tự động chấm dứt khi hết hạn, trừ trường hợp các bên ký phụ lục gia hạn ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn.
- Khi hết hạn hợp đồng sẽ tự động thanh lý sau khi 2 bên hoàn thành nghĩa vụ của mình hoặc không có tranh chấp nào phát sinh.

## **ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

### **5.1. Trách nhiệm Bên A**

- Thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng.
- Bên A phải cung cấp bản sao sổ chủ nguồn thải (hoặc Công văn miễn cấp sổ chủ nguồn thải), và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
- Có trách nhiệm phân loại và lưu giữ các loại chất thải theo đúng qui định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại, thiết bị lưu chứa CTNH do bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm, sau khi thu gom bên B không hoàn trả lại thiết bị lưu chứa.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình giao nhận CTNH tại kho Bên A. Hỗ trợ xe nâng (nếu cần thiết) để nâng chất thải nặng lên xe vận chuyển của Bên B.
- Bên A có quyền từ chối bàn giao CTNH và không chịu trách nhiệm khi Bên B thu gom các loại chất thải mà không đúng sổ xe hoặc không tuân thủ GPXLCTNH.
- Hỗ trợ các vấn đề liên quan đến công tác an toàn trong quá trình làm việc.
- Bên A cam kết thanh toán đầy đủ các khoản chi phí xử lý CTNH cho bên B như trong điều 3.
- Cử cán bộ có chuyên môn phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan với bên B.

### **5.2. Trách nhiệm Bên B**

- Cung cấp cho Bên A bản sao có chứng thực GPXLCTNH.
- Đảm bảo và duy trì hiệu lực GPXLCTNH trong suốt thời hạn của Hợp Đồng. Bên B phải thông báo cho Bên A chậm nhất trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm GPXLCTNH bị sửa đổi, bổ sung, thu hồi hoặc hủy bỏ.
- Bên B cam kết đảm bảo tuân thủ các qui định của pháp luật Việt Nam đủ năng lực pháp lý tham gia ký kết và thực hiện hợp đồng này.
- Khi nhận được yêu cầu thu gom, xử lý chất thải nguy hại của bên A thì bên B phải lập kế hoạch và thực hiện việc thu gom & vận chuyển trong vòng 5 ngày.
- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải của bên A tới kho lưu giữ và xử lý tại nhà máy của bên B theo đúng GPXLCTNH và quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại.
- Bên B xác nhận là đã được cung cấp và sẽ đảm bảo nhân viên được bên B cử đến làm việc tại khu vực của Bên A hiểu rõ và tuân thủ nội quy an toàn lao động, vệ sinh môi trường được đề cập trong tài liệu "NỘI QUI AN TOÀN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU" và "QUI TRÌNH KIỂM SOÁT NHÀ THẦU" của Bên A khi giao dịch tại nhà máy của Bên A. Tài liệu này là một phần không tách rời của Hợp đồng này và Bên B sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm do việc vi phạm này gây ra.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường hoặc xử lý không đúng qui định sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của bên A. Bên B phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại mà Bên A và bên thứ 3 phải gánh chịu do Bên B vi phạm Hợp Đồng này hoặc vi phạm quy định pháp luật.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận việc vận chuyển và xử lý số chất thải do bên A bàn giao, sau đó giao lại chứng từ đã xử lý chất thải nguy hại theo đúng qui định cho bên A. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hồ sơ chứng từ do mình đã cung cấp cho bên A.
- Có trách nhiệm xuất trình với các cơ quan chức năng về những giấy tờ liên quan đến hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại của bên B, ... khi được yêu cầu.
- Bên B sẽ chịu trách nhiệm và chi phí đi kèm nếu việc thực hiện hợp đồng gây tổn thất đến tài sản và con người của Bên A.
- Chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức bảo vệ an ninh và an toàn về tài sản cũng như tính mạng cho người lao động của mình và Bên thứ 3 thi công tại Bên A; Tuân thủ quy định của luật lao động hiện hành đối với người lao động; Đảm bảo tuân thủ các nội quy lao động của Bên A. Bên B chỉ hết các trách nhiệm này cho đến khi Bên A ký nhận bàn giao.

- Thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng.
- Không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng với bất kỳ lý do gì ngoại trừ trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, bão lụt, chiến tranh hoặc có nguy cơ chiến tranh...), nếu vi phạm Bên B sẽ bồi thường tất cả các chi phí do việc vi phạm này gây ra cho Bên A.

#### **ĐIỀU 6: PHẠT DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- 6.1. Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Bên A do vi phạm Hợp đồng này và ngược lại Bên A sẽ phải chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Bên B do vi phạm Hợp đồng này.
- 6.2. Trường hợp vi phạm an toàn lao động và môi trường tại Nhà máy Bên A. Bên A sẽ áp dụng hình thức xử phạt theo qui định ở Phụ lục 01 "XỬ PHẠT VỀ VI PHẠM NỘI QUI AN TOÀN LAO ĐỘNG". Quy định này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
- 6.3. Bên vi phạm hợp đồng phải thanh toán cho Bên còn lại khoản tiền phạt vi phạm bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên còn lại yêu cầu.

#### **ĐIỀU 7: AN TOÀN LAO ĐỘNG**

- 7.1. Tất cả các nhân công làm việc trong phạm vi nhà máy của Bên A phải tuân thủ các nội qui và các qui định về nguyên tắc an toàn của Bên A quy định trong tài liệu "NỘI QUI AN TOÀN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU" và "QUI TRÌNH KIỂM SOÁT NHÀ THẦU", đồng thời phải trang bị phương tiện bảo hộ lao động cá nhân theo qui định bao gồm: Giày bảo hộ cứng, nón bảo hộ, áo phản quang và nghiêm túc chấp hành các qui định về an toàn của Bên A. Bên A có quyền từ chối cho vào khu vực nhà máy nếu công nhân Bên B không có đủ đồ bảo hộ lao động hoặc vi phạm nội qui theo qui định.
- 7.2. Bên A được miễn trừ trách nhiệm đối với mọi trường hợp xảy ra tai nạn hay thiệt hại về người và vật chất, xảy ra trong nhà máy Bên A, do sự vi phạm nội qui và nguyên tắc an toàn lao động nêu trên của Bên B gây ra.
- 7.3. Bên B phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường, vật liệu thừa phải chuyển ngay đi nơi khác không để tồn đọng tại địa điểm thi công, tổ chức vệ sinh. Nếu Bên B vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và những quy định của Bên A.

#### **ĐIỀU 8: BẢO MẬT THÔNG TIN**

- Bên B đồng ý tuân thủ Chính sách Bảo Mật của Bên A về Thông tin mật và nghĩa vụ bảo mật thông tin được cung cấp bởi Bên A trong quá trình thực hiện hợp đồng này như sau:

- 8.1. "Thông Tin Mật" trong hợp đồng này được hiểu là tất cả những Bí mật, thông tin liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở: Danh sách khách hàng, tên và địa chỉ liên hệ của khách hàng, các thông tin luận chứng kinh tế- khoa học- kỹ thuật, tài sản SHTT, Qui trình ứng dụng, kế hoạch, chiến lược marketing, các dấu hiệu kỹ thuật phát triển sản phẩm, phương thức sản xuất, qui trình kỹ thuật, thiết kế, bản vẽ dự án, sáng chế, các chương trình nghiên cứu, và các bí mật thương mại... và được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào và được đóng dấu "Mật". Tất cả thông tin mật nêu trên là tài sản thuộc quyền sở hữu của Bên A.
- 8.2. Trong quá trình thực hiện, kể cả sau khi kết thúc hợp đồng, Bên B, kể cả nhân viên của Bên B, không được phép tiết lộ hoặc sử dụng một cách trực tiếp hay gián tiếp dưới bất kỳ phương thức nào cho bất kỳ bên thứ ba nào biết, đối với "Thông Tin Mật" của Bên A, mà Bên B và nhân viên của Bên B đã được cung cấp và tiếp cận.

#### **ĐIỀU 9: TRÁCH NHIỆM PHÁT TRIỂN**

Tập đoàn Saint-Gobain đã ký "Hiệp ước toàn cầu của Liên hợp quốc" và áp dụng "Hướng dẫn cho các Công ty Đa quốc gia của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD" cũng như nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc được mô tả trong "Tuyên bố của ILO" (Tổ chức Lao động Quốc tế). Trong bối cảnh này, Tập đoàn đặc biệt áp dụng chính sách về mua hàng có trách nhiệm, được coi là một phần không thể thiếu trong các chính sách Phát triển có trách nhiệm của Tập đoàn.

Cách tiếp cận và kỳ vọng của Tập đoàn Saint-Gobain đối với nhà cung cấp của mình được chính thức hóa trong "Điều lệ của Nhà cung cấp được đính kèm theo tài liệu này (sau đây gọi là "Điều lệ").

Ngoài Điều lệ này, Saint-Gobain còn thiết lập một hệ thống cảnh báo chuyên nghiệp cho nhà cung cấp cho phép họ báo cáo bất kỳ sự kiện hoặc hành vi không tuân thủ luật và quy định hiện hành, quy tắc quốc tế hoặc nguyên tắc trong Điều lệ. Nội dung cảnh báo bất kỳ có thể được gửi qua e-mail tới địa chỉ: [external.csr-alert@saint-gobain.com](mailto:external.csr-alert@saint-gobain.com).

Trên tinh thần coi đây là một phần của chính sách "Mua hàng có trách nhiệm" và trong quá trình áp dụng kế hoạch thận trọng của mình, Saint-Gobain tiến hành các cuộc phân tích nhà cung cấp dựa trên bản đồ rủi ro trước khi đánh giá, nếu thấy cần thiết, các hoạt động về môi trường, xã hội và đạo đức của nhà cung cấp thông qua đánh giá tài liệu hoặc kiểm tra tại chỗ, dựa theo tiêu chuẩn quốc tế (sau đây gọi là "Đánh giá"). Nếu kết quả đánh giá cho thấy bất kỳ sự khác biệt nào giữa khung tham chiếu tiêu chuẩn được sử dụng và thực tiễn của nhà cung cấp, Saint-Gobain sẽ xác định các biện pháp khắc phục được thực hiện với nhà cung cấp. Việc không thực hiện các biện pháp này có thể khiến cho nhà cung cấp bị loại khỏi danh sách và bị chấm dứt thỏa thuận sớm do vi phạm thỏa thuận này cùng tất cả các thỏa thuận khác đã ký với các công ty thuộc Tập đoàn Saint-Gobain.

Nhà cung cấp xác nhận rằng đã đọc và tuân thủ các quy định có trong Điều lệ. Nhà cung cấp xác nhận rằng Bên A có thể tiến hành các cuộc Đánh giá Nhà cung cấp và đồng ý hỗ trợ cần thiết cho công ty vì mục đích đó.

Nhà cung cấp cam kết thực hiện các nghĩa vụ tuân thủ được quy định trong điều này. Ngoài ra, Nhà cung cấp cũng sẽ yêu cầu nhà cung ứng và nhà thầu phụ của riêng mình tuân thủ các quy tắc tương tự. Saint-Gobain sẽ có quyền tiến hành các cuộc kiểm tra nhằm mục đích đảm bảo việc tuân thủ các quy tắc này.

Cụm từ "Saint-Gobain" được sử dụng trong điều này có thể được hiểu là công ty Saint-Gobain- CN Hiệp Phước và / hoặc tất cả công ty và pháp nhân thuộc Tập đoàn Saint-Gobain, tùy thuộc vào hoàn cảnh. Tập đoàn Saint-Gobain bao gồm bất kỳ và tất cả công ty và pháp nhân được "Compagnie de Saint-Gobain", một công ty của Pháp có trụ sở tại 18 avenue d'Alsace, 92400 Courbevoie, Pháp quản lý và / hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp (khái niệm được kiểm soát có ý nghĩa được nêu trong điều L233-3 của Bộ luật thương mại Pháp).

#### **- Đấu tranh chống tham nhũng**

Nhà cung cấp đảm bảo sẽ không đưa ra hoặc hứa hẹn bất kỳ lợi thế quá mức nào cho Saint-Gobain, bất kỳ cá nhân nào được Saint-Gobain tuyển dụng, hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác nhằm thu lợi ích từ Thỏa thuận này.

Nhà cung cấp sẽ tuân thủ và yêu cầu tất cả công ty trực thuộc, cán bộ, nhân viên, đại diện, nhà thầu phụ và đại lý của mình (sau đây gọi là "Đại diện của Nhà cung cấp") phải tuân thủ Điều lệ của Nhà cung cấp và luật hiện hành về phòng chống tham nhũng. Đặc biệt, Nhà cung cấp và Đại diện của Nhà cung cấp không trực tiếp hoặc gián tiếp hứa hẹn, đề nghị hoặc đưa ra bất kỳ lợi thế quá mức nào cho bất kỳ công chức hoặc bất kỳ cá nhân nào khác với mục đích làm khiến họ làm hoặc không làm điều gì đó có khả năng vi phạm nghĩa vụ pháp lý hoặc nghề nghiệp của họ.

Nhà cung cấp sẽ duy trì sổ sách tài khoản một cách chính xác theo nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận của quốc gia và ghi nhận chính xác tất cả luồng tài chính được tạo ra bởi Thỏa thuận này; đồng thời thông báo cho Saint-Gobain biết bất kỳ yêu cầu nào về việc mời chào thực hiện hành vi hối lộ hoặc tham nhũng trong quá trình thực hiện Thỏa thuận ngay khi Nhà cung cấp có thể nhận thức được tình huống đó.

#### **- Quy định xử phạt kinh tế**

Nhà cung cấp cam kết sẽ tuân thủ bất kỳ luật và quy định về xử phạt kinh tế nào được áp dụng cho các hoạt động trong phạm vi thực hiện của Thỏa thuận này. Luật và quy định như vậy có thể bao gồm các quy định được thông qua bởi Liên Hợp Quốc, Hoa Kỳ hoặc Liên minh Châu Âu.

Đối với tất cả vấn đề liên quan đến việc thực hiện Thỏa thuận này, Nhà cung cấp cam kết sẽ không tham gia vào các giao dịch với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào bị Hoa Kỳ hoặc Liên minh châu Âu cấm hoặc hạn chế giao dịch thương mại.

Nhà cung cấp cũng cam kết sẽ lập tức thông báo cho Saint-Gobain nếu bất kỳ một phần hay toàn bộ tài liệu, sản phẩm và / hoặc hợp phần nào (bao gồm cả phần mềm hoặc dịch vụ) được đề cập trong Thỏa thuận này rơi vào trường hợp bị hạn chế tái xuất; và / hoặc khởi nguồn từ Hoa Kỳ hoặc kết hợp nội dung

được sản xuất tại Hoa Kỳ. Trong bất kỳ trường hợp nào như vậy, Nhà cung cấp sẽ cung cấp mọi thông tin và tài liệu liên quan (và cần thiết một cách hợp lý) cho Saint-Gobain.

**- Hoàn nghĩa vụ**

Một trong hai Bên có quyền tạm thời hoặc dứt khoát hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Thỏa thuận mà không có bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với Bên kia nếu, vào bất kỳ thời điểm nào, các biện pháp xử phạt kinh tế mới và / hoặc các quy định xuất khẩu có hiệu lực và khiến cho một bên không thể thực hiện Thỏa thuận hoặc việc thực hiện đó trở nên bất hợp pháp.

**- Đánh giá và kiểm tra**

Nhà cung cấp ủy quyền cho Saint-Gobain tiến hành các cuộc Đánh giá và kiểm tra vào bất kỳ thời điểm nào nhằm mục đích đảm bảo việc tuân thủ nghĩa vụ của Nhà cung cấp theo điều khoản "PHÁT TRIỂN CÓ TRÁCH NHIỆM". Liên quan đến vấn đề này, Nhà cung cấp có trách nhiệm cung cấp toàn bộ tài liệu và dữ liệu cần thiết để chuẩn bị và tiến hành các cuộc Đánh giá hoặc kiểm tra và cho phép tiếp cận khu vực làm việc của Nhà cung cấp hoặc các công ty liên kết.

Quá trình tổ chức và thực hiện các cuộc Đánh giá hoặc kiểm tra có thể bao gồm hoạt động trao đổi và lưu trữ dữ liệu cá nhân, chủ yếu liên quan đến công việc.

**- Hoàn Thỏa thuận**

Nếu Công ty Cổ Phần Hiệp Phú -Vico có lý do để tin rằng Nhà cung cấp không hoàn thành các nghĩa vụ theo điều khoản "PHÁT TRIỂN CÓ TRÁCH NHIỆM", Công ty TNHH Saint-Gobain Việt Nam sẽ thông báo cho Nhà cung cấp và có thể tạm ngừng thực hiện Thỏa thuận cho đến khi Nhà cung cấp cung cấp bằng chứng hợp lý chứng minh việc đã hoặc sẽ không vi phạm cam kết. Trong mọi trường hợp xảy ra, Công ty Cổ Phần Hiệp Phú -Vico sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại hoặc tổn thất nào mà Nhà cung cấp phải chịu bắt nguồn từ việc hoãn thực hiện Thỏa thuận.

**- Chấm dứt Thỏa thuận**

Trong trường hợp Nhà cung cấp hoặc Đại diện của Nhà cung cấp vi phạm thực tế các quy định theo điều khoản "PHÁT TRIỂN CÓ TRÁCH NHIỆM", Công ty TNHH Saint-Gobain Việt Nam có quyền chấm dứt Thỏa thuận, trên cơ sở đương nhiên theo luật có hiệu lực ngay lập tức, bằng thư bảo đảm có xác nhận đã nhận, mà không cần phải trả bất kỳ khoản bồi thường nào cũng như không gây phương hại đến bất kỳ thiệt hại hoặc biện pháp khắc phục nào mà Công ty Cổ Phần Hiệp Phú -Vico có thể yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Bất kỳ và tất cả nội dung loại trừ hoặc giới hạn chung về trách nhiệm được đề cập ở các phần khác trong Thỏa thuận sẽ không được áp dụng đối với khiếu nại phát sinh từ hoặc liên quan đến việc Nhà cung cấp vi phạm nghĩa vụ theo điều khoản "PHÁT TRIỂN CÓ TRÁCH NHIỆM".

**ĐIỀU 10: BẤT KHẢ KHÁNG**

- Hai bên sẽ được miễn trừ việc thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng này, nếu trong phạm vi của việc thực hiện nghĩa vụ này bị ngăn cản do cấm vận, chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, thiên tai (lũ lụt, hỏa hoạn, động đất)... và đã thi hành mọi biện pháp cần thiết để khắc phục; Bên không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng trên trong vòng 15 ngày phải thông báo bằng văn bản kèm theo xác nhận của chính quyền địa phương hoặc phòng thương mại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng cho bên kia biết về việc bị ảnh hưởng tới trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng này.

- Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 60 ngày cộng dồn, mỗi Bên đều có quyền chấm dứt Hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho Bên kia.

- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam, pháp luật và thông lệ quốc tế.

**ĐIỀU 11: THÔNG BÁO**

11.1. Bất kỳ thông báo, yêu cầu, nhu cầu, thông tin yêu cầu hay cho phép khác được thực hiện theo Hợp đồng này hay mục đích của Hợp đồng này sẽ được thực hiện bằng tiếng Việt và sẽ được chuyển trực tiếp, gửi bằng chuyển phát nhanh, qua đường bưu điện, fax, thư điện tử đến người chịu trách nhiệm giao dịch của Bên A:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ -VICO**

Địa chỉ: Thôn Trà Tri, Xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ - ĐIỆN - MÔI TRƯỜNG LILAMA**

Địa chỉ: Thôn Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

11.2. Bất kỳ thông báo nào như vậy sẽ được coi là đã được chuyển giao nếu chuyển giao tại địa chỉ nêu trên, trừ khi có thay đổi địa chỉ thông báo bằng văn bản của Bên đó cho các Bên còn lại.

11.3. Bất kỳ thông báo nào chuyển cho một bên kia theo địa chỉ đó sẽ được coi là đã được giao và nhận vào ngày nhận được yêu cầu tại địa chỉ đã cung cấp với điều kiện là nếu ngày đó không phải là một ngày làm việc, sau đó Thông báo sẽ được coi là đã được đưa ra và nhận được vào ngày làm việc tiếp theo.

### **ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản cam kết trong hợp đồng. Nếu GPXLCTNH hại hết hiệu lực vì bất kỳ lý do gì hoặc không phù hợp để thực hiện Hợp Đồng này hoặc Bên B vi phạm quy định pháp luật về môi trường hoặc không tuân thủ các yêu cầu của GPXLCTNH trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này mà không phải báo trước.

- Trong trường hợp có tranh chấp, các Bên sẽ cố gắng giải quyết các tranh chấp đó được thoả thuận về cách giải quyết tranh chấp thì sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam sẽ là phán quyết cuối cùng và ràng buộc cả hai bên.

- Tất cả các Phụ lục được đề cập trong hợp đồng này cũng như các phụ lục hợp đồng khác được ký sau ngày ký kết Hợp đồng này (do phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, đều được xem là 1 phần không thể tách rời hợp đồng này. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các nội dung điều khoản của Hợp đồng này với các Phụ lục/đơn yêu cầu thu gom CTNH, các quy định trong Phụ lục/đơn yêu cầu thu gom CTNH sẽ được ưu tiên áp dụng.

- Hợp đồng này làm thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản. Hợp đồng này có giá trị từ ngày ký và kết thúc khi hai bên hoàn thành dịch vụ.

- Trong trường hợp một trong hai bên muốn kết thúc hợp đồng sớm thì phải thông báo bằng văn bản trong vòng 30 ngày và được thông nhất bởi hai bên bằng văn bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

Trưởng Phòng Mua Hàng



**(Bà) TỬ THỊ PHƯƠNG**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**(Ông) HUỖNH VĨNH PHÚC**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 4300357921**

*Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 07 năm 2007*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 28 tháng 06 năm 2024*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ - ĐIỆN - MÔI TRƯỜNG  
LILAMA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LILAMA ELECTRIC MECHANIC AND  
ENVIRONMENTAL CORPORATION

Tên công ty viết tắt: LILAMA EME

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Khu dịch vụ công cộng – Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, Tỉnh  
Quảng Ngãi, Việt Nam*

Điện thoại: 0913247278

Email: [hanoioffice@lilamaeme.com.vn](mailto:hanoioffice@lilamaeme.com.vn)

Fax:

Website:

[www.lilamaeme.com.vn](http://www.lilamaeme.com.vn)

**3. Vốn điều lệ: 39.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.900.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: TRẦN ĐỨC HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 13/03/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034074036920

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật  
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P512 Nơ 9, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận  
Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P512 Nơ 9, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận  
Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**

**BỐC, VẬN CHUYÊN RÁC THẢI SINH HOẠT**

Số: ...&S.../HĐVCR

*Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 27/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 20/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;*

*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Môi trường - Đô thị Hải Lăng.*

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại văn phòng Trung tâm Môi trường - Đô thị Hải Lăng. Chúng tôi gồm có:

**I. CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ-VICO (BÊN A)**

Bà: Ngô Thị Thùy Trinh - Chức vụ: Trưởng phòng Mua hàng toàn quốc.

Địa chỉ: Thôn Trà Trì, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị;

Mã số thuế: 3200 693 283.

Điện thoại: 02333 861 070.

**II. ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG - ĐÔ THỊ HẢI LĂNG (BÊN B)**

1. Ông: Nguyễn Hữu Thọ - Chức vụ: Giám đốc.

2. Bà: Văn Thị Kim Dung - Chức vụ: Kế toán.

Địa chỉ: Khóm 7 - thị trấn Diên Sanh - Hải Lăng - Quảng Trị.

Tài khoản số: 0771000594712 tại Ngân hàng Vietcombank Hải Lăng.

Điện thoại: 02333.670.499.

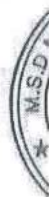
Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng bốc, vận chuyển rác thải sinh hoạt với các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1. NỘI DUNG DỊCH VỤ**

1.1. Bên B chịu trách nhiệm bốc, vận chuyển rác thải sinh hoạt của bên A (trừ chất thải rắn, chất thải độc hại, chất thải động vật, phế thải các vật dụng như giường, tủ, hồ xí... có hợp đồng riêng).

1.2. Phương tiện lưu chứa rác: Bên A tự trang bị hoặc thuê dịch vụ này của Bên B.

1.3. Phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt đến bãi rác tập trung của huyện: Bên B có trách nhiệm vận chuyển rác thải sinh hoạt đã được thu gom đến



đồ tại bãi rác tập trung của huyện bằng phương tiện chuyên dụng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định và được cơ quan chức năng cấp phép lưu hành.

1.4. Thời gian vận chuyển: Bên B đến bốc lên xe, vận chuyển rác theo lịch vận chuyển rác đã thông báo trước cho bên A. Thời gian dự kiến bên B đến bốc, vận chuyển rác cho bên A là 3-4 lần/tháng. Trường hợp có phát sinh hai bên có thống nhất riêng.

## **ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

2.1. Giá trị hợp đồng (bao gồm hóa đơn bán hàng): **3.500.000 đồng/tháng**  
(*Bằng chữ: Ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*).

2.2. Phương thức thanh toán:

Bên B sẽ tổng hợp khối lượng hàng quý và xuất hóa đơn bán hàng gửi cho bên A khi đến thanh toán, Bên A thanh toán tiền bốc, vận chuyển rác cho Bên B 6 tháng/lần bằng chuyển khoản trong vòng 15-30 ngày sau khi nhận hóa đơn. Nếu bên A không thanh toán tiền cho bên B trong vòng 30 ngày thì bên B sẽ tạm ngưng hợp đồng.

## **ĐIỀU 3. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 03/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

## **ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

### **4.1. Trách nhiệm của bên A**

Chứa rác vào bao gai hoặc nylon cột kín miệng hoặc thùng chứa rác chuyên dụng chuẩn, thực hiện các quy định về phân loại chất thải tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ vào chung chất thải rắn sinh hoạt (rác thải sinh hoạt).

Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng để chung với chất thải rắn sinh hoạt, Bên B có quyền từ chối thu gom chất thải ngày hôm đó (hai bên lập biên bản sự việc), Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí bốc, vận chuyển tương ứng với khối lượng một chuyến bốc, vận chuyển tối thiểu trong tháng theo đơn giá trong hợp đồng.

Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận tiện cho xe lấy rác vào thu gom.

Bổ trí người đứng thời gian theo lịch để xác nhận khối lượng cho bên B.

Thanh toán chi phí vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đơn giá đã ký kết trong hợp đồng này.

Thông báo cho Bên B trong trường hợp khối lượng chất thải tăng để Bên B có kế hoạch điều động xe đến vận chuyển (Báo trước 02 ngày về số điện thoại: 0914762678 gặp anh Hiền - Phó Giám đốc hoặc 0914336246 gặp chị Dung - Kế toán). Bên A chịu trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh.

### **4.2. Trách nhiệm của bên B**

Bổ trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải rắn sinh hoạt do Bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường.

Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.

Bên B từ chối bốc, vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu có các loại chất thải không có trong quy định của hợp đồng và những chất liệu không hợp pháp gây cháy, nổ hoặc chứa hóa chất độc hại trộn lẫn trong thành phần rác bên A giao cho bên B.

Thực hiện đúng theo quy định về vệ sinh của huyện Hải Lăng và tỉnh Quảng Trị. Vận chuyển chất thải về bãi rác tập trung của huyện.

#### ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi và một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn phải thông báo cho bên kia biết trước 01 tháng. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được thì thống nhất nộp đơn đến tòa án để được giải quyết. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Khi hợp đồng hết hạn, hai bên sẽ cùng bàn bạc, thảo luận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục hợp đồng.

Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nợ nhau thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

Hợp đồng này được thành lập thành bốn (03) bản bằng tiếng Việt, bên A giữ một (01) bản, bên B giữ ba (02) bản có giá trị như nhau./.

#### ĐẠI DIỆN BÊN A

Trưởng phòng Vua hàng toàn quốc



Ngô Thị Thủy Trinh

#### ĐẠI DIỆN BÊN B



Giám đốc

Nguyễn Hữu Thọ

Kế toán

Văn Thị Kim Dung



# HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: HPV-MRO-23001

- Căn cứ Luật Thương Mại 2005 của nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự 2015 CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2023, chúng tôi gồm có:

**BÊN BÁN** : **CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ - VICO**  
Địa chỉ : Thôn Trà Trì, Xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị  
Mã số thuế : 3200693283  
Điện thoại : 02333861070  
Đại diện bởi : Bà Ngô Thị Thùy Trinh  
Chức vụ : Trưởng Phòng Mua Hàng Toàn Quốc  
(Theo giấy ủy quyền số MD/POA/065/2023)

(Sau đây gọi là "**Bên A**")

**BÊN MUA** : **PHAN NỮ QUỲNH CHÂU**  
Địa chỉ trụ sở chính : Khóm 9, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị  
Mã số thuế : 30G8003488  
Điện thoại : 0373 546 815  
Đại diện bởi : Bà Phan Nữ Quỳnh Châu  
Chức vụ : Chủ cơ sở

(Sau đây gọi là "**Bên B**")

(**Bên A** và **Bên B** sau đây được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**")

Các Bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán ("**Hợp Đồng**") theo điều khoản thỏa thuận sau đây :

## ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

Trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

- 1.1 "**Hợp Đồng**": là Hợp đồng nguyên tắc này, bao gồm toàn bộ các quy định của Hợp Đồng, các phụ lục đính kèm của Hợp Đồng và các tài liệu được quy định là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng;
- 1.2 "**Tập Đoàn Saint-Gobain**": bao gồm bất kỳ và tất cả công ty và pháp nhân được "Compagnie de Saint-Gobain", một công ty của Pháp có trụ sở tại 18 avenue d'Alsace, 92400 Courbevoie, Pháp quản lý và/hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp;
- 1.3 "**Nhà Cung Cấp**": được hiểu là Bên B và/hoặc tất cả các đơn vị cung cấp hàng hóa nói chung cho các công ty con trong Tập Đoàn Saint-Gobain;
- 1.4 "**Đơn Hàng**" hoặc "**Customer Order**" ("**CO**"): được hiểu là đơn hàng được phát hành bởi Bên A cho Bên B khi Bên B lấy Hàng Hoá;

- 1.5 “Nhà Máy Bên A”: Là nhà máy Gyproc đặt tại Lô C23B, Đường 11, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM;
- 1.6 “Người Nhận Hàng Của Bên B”: là người được Bên B chỉ định trong thông báo gửi tới Bên A qua email để nhận Hàng Hóa, Hoá Đơn Bán Hàng. Người Nhận Hàng Của Bên B ký trên Phiếu Cân và Đơn Hàng do Bên A cung cấp tại Ngày Giao Nhận Hàng Hoá;
- 1.7 “Ngày Giao Nhận Hàng Hoá”: là ngày Các Bên ký vào Phiếu Cân và Đơn Hàng trong mỗi lần mua hàng;
- 1.8 “Thông Tin Liên Lạc”: bao gồm thông tin người nhận và địa chỉ nhận thông báo của các bên được quy định cụ thể Điều 13 Hợp đồng này;
- 1.9 “Ngày Làm Việc”: được hiểu là ngày mà các ngân hàng thương mại mở cửa làm việc tại Việt Nam (trừ thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ);

## ĐIỀU 2. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- 2.1 Bên A sẽ bán cho Bên B các loại phế liệu được quy định tại Điều 3.1 của Hợp Đồng này.
- 2.2 Trong khuôn khổ Hợp Đồng này, Các Bên sẽ tiến hành mua bán Hàng Hoá và ký các Đơn Hàng đối với từng lô hàng cụ thể. Chi tiết hàng hóa, số lượng, giá, tổng số tiền thanh toán của từng lô hàng cụ thể, Ngày Giao Nhận Hàng Hoá sẽ được thể hiện trong Đơn Hàng của mỗi lần lấy hàng.
- 2.3 Khi có nhu cầu bán Hàng Hoá, Bên A sẽ thông báo tới Bên B cùng với thời gian lấy Hàng Hoá (“Thời Gian Giao Nhận”) theo phương thức và địa chỉ trong thông báo như được quy định tại Điều 12 dưới đây. Bên B sẽ gửi thông báo tới Bên A xác nhận Thời Gian Giao Nhận và thông tin về Người Nhận Hàng Của Bên B.

## ĐIỀU 3. HÀNG HOÁ

- 3.1 Bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua các loại phế liệu (“Hàng Hoá”) như chi tiết sau:

STT	Loại phế liệu	ĐVT	Đơn giá
1	Sắt Vụn/Kim loại vụn	Kg	7,300
2	Kẽm	Kg	7,000
3	Motor máy hư hỏng	Kg	15,000
4	Lõi sắt	Kg	7,000
5	Phi sắt (14,9kg/pcs)	Cái	95,000
6	Giấy vụn (giấy cuộn, bìa carton, giấy VP, giấy phế liệu)	Kg	1,000
7	Phi nhựa (10kg/pcs)	Kg	8,000
8	Thùng nhựa 1m3 có lồng sắt	Kg	7,000
9	Đồng vàng	Kg	60,000
10	Dây điện	Kg	42,000
11	Cáp đồng	Kg	120,000
12	Bao xi măng cắt đôi	Cái	500
13	Pallet nhựa hư hỏng	Kg	3,000
14	Nhựa vụn	Kg	3,000

Đơn giá tại Điều 3.1 trên đây đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (“Thuế GTGT”), được áp dụng từ ngày 26/06/2023 đến 25/06/2024 và được giữ cố định. Bên A sẽ xem xét giá một lần vào mỗi quý. Trong trường hợp đơn giá không thay đổi, Các Bên sẽ tiến hành mua bán Hàng Hoá theo đơn giá được quy định tại Hợp Đồng này. Trong trường hợp có thay đổi đơn giá, Các Bên sẽ ký các phụ lục tương ứng.

- 3.3 Chi tiết, số lượng Hàng Hoá, tổng giá trị Hàng Hoá sẽ được nêu cụ thể tại Đơn Hàng, trong trường hợp có phát sinh mặt hàng mới thì hai bên sẽ thống nhất bằng một phụ lục đính kèm, Khối lượng Hàng Hoá được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 4.6 dưới đây.

#### **ĐIỀU 4. GIAO NHẬN HÀNG HOÁ**

- 4.1 Địa điểm giao nhận Hàng Hoá là khu vực nhận hàng theo chỉ dẫn của Bên A tại Nhà Máy Bên A.
- 4.2 Bên A sẽ chỉ giao Hàng Hoá cho Người Nhận Hàng Của Bên B đã được xác định tại thông báo theo quy định tại Điều 2.3 trên đây. Bên A có quyền từ chối giao Hàng Hoá cho người đến nhận Hàng Hoá nhưng không phải Người Nhận Hàng Của Bên B và không chịu trách nhiệm cho các thiệt hại của Bên B hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác (nếu có) phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc Bên A từ chối giao Hàng Hoá cho người không phải Người Nhận Hàng Hoá Của Bên B; hoặc bất kỳ sự thiếu hụt, mất mát, hư hỏng, tổn hại, chậm trễ nào của Hàng Hoá mà Bên A đã giao do có sự thay đổi của Người Nhận Hàng Của Bên B mà Bên B không thông báo lại cho Bên A.
- 4.3 Bên B phải lấy Hàng Hoá trong Thời Gian Giao Nhận đã được xác định tại thông báo gửi bởi Bên B theo Điều 2.3 trên đây.
- 4.4 Bên B tiến hành tự vận chuyển và phải tự đảm nhiệm việc bốc xếp Hàng Hoá lên xe của Bên B. Khi lấy hàng, Bên B phải đảm bảo xe chở hàng chỉ di chuyển ở khu vực nhận hàng theo chỉ dẫn của Bên A.
- 4.5 Khi vào Nhà Máy Bên A, Bên B phải tự trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho nhân viên của mình và phải chấp hành các quy định về an toàn của Bên A. Nếu không tuân thủ quy định này, nhân viên của Bên B sẽ không được phép vào Nhà Máy Bên A.
- 4.6 Đại diện Bên A và Bên B cùng tiến hành cân xe chở hàng không có Hàng Hoá và có Hàng Hoá cho mỗi chuyến hàng, sau đó, cả hai Bên sẽ ký xác nhận vào phiếu cân được in từ hệ thống của Bên A (“Phiếu Cân”) và Đơn Hàng, đồng thời, Bên A sẽ xuất Hoá Đơn Bán Hàng cho Bên B.
- 4.7 Bên B phải lấy Hàng Hoá và xử lý Hàng Hoá đúng nơi quy định, không được vứt, tập kết Hàng Hoá bừa bãi và Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi của mình đối với việc tập kết Hàng Hoá không đúng quy định.

#### **ĐIỀU 5. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- 5.1 Mọi khoản tiền mà Bên B thanh toán cho Bên A sẽ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên A.
- 5.2 Bên B tiến hành đặt cọc cho Bên A với số tiền là: 10.000.000 VND (bằng chữ: Mười triệu đồng) nhằm đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ của Bên B được quy định tại Hợp Đồng này (“Khoản Đặt Cọc”). Trong vòng 03 Ngày Làm Việc kể từ ngày ký Hợp Đồng này, Bên B sẽ chuyển khoản Khoản Đặt Cọc vào tài khoản được xác định tại Điều 5.1 nêu trên. Khoản Đặt Cọc này sẽ được Bên A hoàn trả lại khi Các Bên chấm dứt Hợp Đồng này.

Trong trường hợp Bên B không chuyển đầy đủ Khoản Đặt Cọc trong vòng 03 Ngày Làm Việc như được quy định tại khoản này, Bên A có các quyền sau:

- (i) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối Bên B hay bất kỳ bên thứ ba nào khác và giữ lại bất kỳ Khoản Đặt Cọc nào mà Bên B đã chuyển cho Bên A;
- (ii) Trong trường hợp Các Bên mong muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng, yêu cầu Bên B chuyển Khoản Đặt Cọc còn lại cùng với một khoản tiền phạt tương đương với 0,05% Khoản Đặt Cọc còn lại cho mỗi ngày chậm chuyển.

5.3 Bên B sẽ chuyển khoản cho Bên A tổng giá trị Hàng Hoá của mỗi Đơn Hàng trong vòng 03 ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Nhận Hàng Hoá căn cứ theo khối lượng, số lượng được xác nhận bởi Các Bên bằng Phiếu Cân, Đơn Hàng và Hoá Đơn Bán Hàng. Đơn Hàng trong tuần phải được thanh toán hết trước tuần tiếp theo.

5.4 Bên B vẫn phải thanh toán tổng giá trị Hàng Hoá trong trường hợp Hàng Hoá mất mát, hư hỏng hoặc có bất kỳ khiếm khuyết nào sau thời điểm Người Nhận Hàng Của Bên B ký vào Đơn Hàng và trường hợp quy định tại Điều 4.2 nêu trên, trừ trường hợp mất mát, hư hỏng, khiếm khuyết đó do lỗi của Bên A gây ra.

5.5 Nếu sau 07 Ngày Làm Việc kể từ ngày Giao Nhận Hàng Hoá nhưng Bên B vẫn chưa thanh toán hết cho Bên A tổng giá trị Hàng Hoá thì Bên B sẽ phải chịu phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán như sau:

- (i) Bên B sẽ bị phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho mỗi ngày chậm thanh toán là 0,5%/ngày (tổng số tiền phạt vi phạm không quá 8% Giá Trị Hàng Hoá) và phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh do việc chậm thanh toán gây ra kể cả bên thứ ba (nếu có).
- (ii) Bên B sẽ bị phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho mỗi ngày chậm thanh toán là 0,5%/ngày (tổng số tiền phạt vi phạm không quá 8% Giá Trị Hàng Hoá) và phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh do việc chậm thanh toán gây ra kể cả bên thứ ba (nếu có).

## ĐIỀU 6. QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN

6.1 Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên A:

- (i) Tập kết Hàng Hoá đúng nơi quy định, tạo điều kiện tốt để Bên B bốc xếp dễ dàng và an toàn.
- (ii) Lập Phiếu Cân, Đơn Hàng và Hoá Đơn Bán Hàng đầy đủ, nhanh chóng, chính xác cho Bên B.

6.2 Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B:

- (i) Bên B phải có nghĩa vụ nhận Hàng Hoá và tiến hành lấy Hàng Hoá theo quy định của Hợp Đồng này các tài liệu khác cung cấp bởi Bên A.

Trường hợp Bên B vì bất cứ lý do gì từ chối nhận Hàng Hoá thì Bên B sẽ mất toàn bộ Khoản Đặt Cọc cho Bên A và chịu mọi chi phí phát sinh cho Bên A và bất kỳ bên thứ ba nào (nếu có).

Bên B phải lấy Hàng Hoá theo đúng Thời Gian Giao Nhận. Trong trường hợp bên B chậm lấy Hàng Hoá quá 36 giờ kể từ Thời Gian Giao Nhận thì bên B sẽ chịu phạt do vi phạm nghĩa vụ lấy Hàng Hoá theo quy định và nội dung của Hợp Đồng này. Theo đó, Bên B phải chịu phạt như sau:

- Chậm lấy Hàng Hoá 01 lần trong 01 tháng: Cảnh cáo.
  - Chậm lấy Hàng Hoá 02 lần trong cùng 01 tháng: Phạt 3.000.000 VND (ba triệu đồng) cho mỗi ngày chậm lấy hàng.
  - Chậm lấy Hàng Hoá quá 03 lần trong cùng 01 tháng: Phạt 10.000.000 VND (mười triệu đồng) cho mỗi ngày chậm lấy hàng.
  - Trong trường hợp Bên B chậm lấy Hàng Hoá quá 03 ngày mà không có thông báo bằng văn bản thì Bên A có quyền chấm dứt Hợp Đồng. Bên B phải chịu mất toàn bộ Khoản Đặt Cọc cho Bên A do vi phạm nghĩa vụ chậm lấy Hàng Hoá.
- (ii) Bên B phải đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực, phương tiện và điều kiện cần thiết để thực hiện việc lấy Hàng Hoá trong Thời Gian Giao Nhận.
- (iii) Bên B cam kết đảm bảo tuân các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và nội quy lao động của Bên A khi thực hiện lấy Hàng Hoá tại Nhà Máy Bên A. Bên B sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm cho các thiệt hại phát sinh do Bên B vi phạm các quy định nêu trên.
- (iv) Bên B cam kết tuân thủ các quy định, cũng như các điều kiện để kinh doanh, thu mua Hàng Hoá nhằm đảm bảo việc tham gia ký kết và thực hiện Hợp Đồng này đúng quy định của pháp luật Việt Nam và Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Bên A không chịu trách nhiệm về tính pháp lý trong việc kinh doanh, thu mua và xử lý Hàng Hoá của Bên B đối với các Hàng Hoá mà Bên A đã bán cho Bên B.
- (v) Bên B cam kết tích trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thu gom Hàng Hoá.
- (vi) Bên B chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản tiền theo quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng này.
- (vii) Bên B phải cung cấp bao gồm nhưng không giới hạn các loại giấy tờ cần thiết theo quy định pháp luật về môi trường khi được công ty Saint-Gobain yêu cầu như: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (có đăng ký ngành nghề mua bán phế liệu tổng hợp), Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy (nếu pháp luật yêu cầu), hợp đồng mua bán phế liệu với bên thứ ba (nếu có).
- (viii) Bên B phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường, tổ chức vệ sinh ngay sau khi lấy Hàng Hoá. Trong trường hợp Bên B vi phạm sẽ chịu phạt theo quy định của pháp luật và những quy định của Bên A.

## **ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN AN TOÀN VÀ PHẠT DO VI PHẠM NỘI QUY**

7.1 Tất cả các nhân công làm việc trong phạm vi Nhà Máy Bên A phải tuân thủ các nội quy và các quy định về an toàn lao động của Bên A theo HPVC-PRO-EHS-003-F01-Quy Định EHS Cho Nhà Thầu



HPVC, đồng thời phải trang bị phương tiện bảo hộ lao động cá nhân theo quy định bao gồm: giày bảo hộ cứng, nón bảo hộ, áo phản quang và nghiêm túc chấp hành các quy định về an toàn của Bên A. Bên A có quyền từ chối để Người Nhận Hàng Của Bên B vào khu vực Nhà Máy Bên A nếu Người Nhận Hàng Của Bên B không có đủ đồ bảo hộ lao động hoặc vi phạm các quy định về an toàn của Bên A.

- 7.2 Bên A được miễn trừ trách nhiệm đối với mọi trường hợp xảy ra tai nạn hay thiệt hại về người và vật chất, xảy ra trong Nhà Máy Bên A, do sự vi phạm nội quy và quy định an toàn lao động nêu trên của Bên B gây ra.
- 7.3 Bên B sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm và chi phí đi kèm nếu việc thực hiện Hợp Đồng gây tổn thất đến tài sản, con người của Bên A và bất kỳ bên thứ ba nào đang làm việc tại Bên A.
- 7.4 Trường hợp Bên B vi phạm quy định và nội quy an toàn lao động và môi trường tại Nhà máy Bên A, Bên A sẽ áp dụng hình thức xử phạt theo quy định số **PL-PRO-512-Ap02 HINH THUC XU PHAT VI PHAM CUA NHA THAU**.
- 7.5 **HPVC-PRO-EHS-003-F01-Quy Định EHS Cho Nhà Thầu HPVC và PL-PRO-512-Ap02 - HINH THUC XU PHAT VI PHAM CUA NHA THAU** là các tài liệu không thể tách rời của Hợp Đồng.
- 7.6 Trong trường hợp Bên B vi phạm quy định và nội quy an toàn lao động của Bên A hoặc việc Bên B thực hiện Hợp Đồng gây tổn thất đến tài sản, con người của Bên A và bất kỳ bên thứ ba nào đang làm việc tại Bên A thì Bên A có quyền tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp Đồng mà không cần thông báo trước.

## **ĐIỀU 8. GIAN LẬN VÀ XỬ LÝ GIAN LẬN**

Trong mọi trường hợp có phát sinh gian lận trong quá trình giao nhận Hàng Hoá, Các Bên thống nhất phương án giải quyết sau đây:

- Trường hợp Bên B cố tình thay đổi xe hoặc thay đổi trọng lượng xe thì Bên A có quyền chấm dứt Hợp Đồng và Bên B phải chịu mất Khoản Đặt Cọc cho Bên A do gian lận trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- Trường hợp bên B cố tình thay đổi loại phế liệu thì bên A có quyền phạt bên B 10.000.000 VND (mười triệu đồng) cho lần đầu vi phạm. Lần thứ hai vi phạm bên A có quyền ngừng hợp đồng và bên B phải chịu mất số tiền đặt cọc do gian lận trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Những trường hợp gian lận khác, bên B phải chịu phạt 5.000.000 VND (năm triệu đồng) cho mỗi lần gian lận.

## **ĐIỀU 9. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

- 9.1 Bất khả kháng có nghĩa là một sự kiện ngoài tầm kiểm soát của hai bên, không liên quan đến sự sai phạm của hai Bên và không thể thấy trước được. Những sự kiện được gọi là sự kiện bất khả kháng (“**Sự Kiện Bất Khả Kháng**”) bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, bạo động, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của Chính phủ.

Khi Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện này phải thông báo cho Bên còn lại một cách nhanh chóng và cập nhật thông tin về Sự Kiện Bất Khả Kháng đó và sẽ nỗ lực hết sức để tránh hoặc loại bỏ nguyên nhân gây ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

Bên bị ảnh hưởng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng khi Sự Kiện Bất Khả Kháng chấm dứt và phải tìm mọi biện pháp khắc phục hậu quả để tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của Hợp Đồng.

- 9.2 Trong trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Các Bên có thể thoả thuận kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ Hợp Đồng. Trường hợp việc thực hiện nghĩa vụ của Hợp Đồng bị kéo dài quá thời hạn do Các Bên thoả thuận hoặc quá 01 (một) tháng kể từ ngày bắt đầu xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng (nếu các bên không có thoả thuận hoặc không thoả thuận được), thì một trong Các Bên có quyền chấm dứt Hợp Đồng này. Trong trường hợp đó, bên yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng phải gửi thông báo trước bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp Đồng đến Bên còn lại. Thời điểm chấm dứt Hợp Đồng trên thực tế sẽ là ngày được chỉ ra trên thông báo hoặc vào ngày Bên còn lại nhận được thông báo, tùy thuộc thời điểm nào đến sau.
- 9.3 Trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng dẫn đến việc Bên B không thể hoặc chậm thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này, thì Bên B có nghĩa vụ cung cấp cho Bên A đầy đủ bằng chứng để chứng minh việc Bên B đã thực hiện tất cả các hành động cần thiết nhưng vẫn không thể khắc phục được.

## ĐIỀU 10. BẢO MẬT THÔNG TIN

Bên B đồng ý tuân thủ Chính Sách Bảo Mật của Bên A về Thông Tin Mật và nghĩa vụ bảo vệ Thông Tin Mật được cung cấp bởi Bên A trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này như sau:

- 10.1 “Thông Tin Mật” trong Hợp Đồng này được hiểu là bất kỳ thông tin và dữ liệu nào mà Bên B, Người Nhận Hàng Của Bên B (hoặc bất kỳ nhân viên, nhà thầu, nhà cung cấp hoặc người đại diện nào của Bên B) biết được hoặc được cung cấp bởi Bên A dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm nhưng không giới hạn bằng lời nói, văn bản hay thư điện tử nào được đóng dấu “Mật”/“Secret”/“Confidential”) và bởi bất kỳ phương tiện lưu trữ nào trong quá trình và/hoặc cho mục đích thực hiện Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn những bí mật, thông tin liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Bên A, bao gồm nhưng không giới hạn: danh sách khách hàng, tên và địa chỉ liên hệ của khách hàng, các thông tin luận chứng kinh tế - khoa học- kỹ thuật, tài sản trí tuệ, quy trình ứng dụng, kế hoạch, chiến lược marketing, các dấu hiệu kỹ thuật phát triển sản phẩm, phương thức sản xuất, quy trình kỹ thuật, thiết kế, bản vẽ dự án, sáng chế, các chương trình nghiên cứu, các bí mật thương mại, các thông tin nội bộ khác của Bên A và các thông tin khác cho dù được chỉ rõ là thông tin mật hoặc không được chỉ ra như vậy. Tất cả Thông Tin Mật nêu trên là tài sản thuộc quyền sở hữu của Bên A.
- 10.2 Bên B cam kết rằng tất cả Thông Tin Mật sẽ chỉ được sử dụng cho mục đích duy nhất của Hợp Đồng này; và trừ khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B sẽ không sử dụng Thông Tin Mật cho bất kỳ một mục đích nào khác ngoài mục đích nêu trên và sẽ không cung cấp, tiết lộ, chia sẻ hoặc chuyển giao Thông Tin Mật cho bất kỳ bên nào khác bằng bất kỳ hình thức, phương tiện nào trong suốt thời hạn của Hợp Đồng này và ngay cả sau khi chấm dứt Hợp Đồng. Bên B cũng cam kết và đảm bảo rằng tất cả các nhân viên, nhà tư vấn, nhà thầu, đại lý... (nếu có) của Bên B có quyền tiếp cận các Thông Tin Mật này sẽ tuân thủ nghĩa vụ về bảo mật quy định tại Điều này như thể đây chính là nghĩa vụ đối với các đối tượng này.
- 10.3 Không Bên nào được phép tiết lộ nội dung, sao chép, một phần hay toàn phần nội dung Hợp Đồng này cho bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào, ngoại trừ trường hợp được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia hoặc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.
- 10.4 Trường hợp chấm dứt Hợp Đồng hoặc tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, khi được Bên A yêu cầu, Bên B phải (và phải hướng dẫn nhân viên, nhà tư vấn, nhà thầu, đại lý...

của mình) xóa tất cả Thông Tin Mật do Bên A cung cấp và tất cả các bản sao của Thông Tin Mật (nếu có).

- 10.5 Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A nếu vi phạm các quy định tại Điều 12 này, bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, tiền phạt, khiếu nại, chi phí tham gia kiện tụng, phí luật sư hoặc bất kỳ phí tổn hoặc thiệt hại nào phát sinh do việc Bên B (hoặc bất kỳ nhân viên, nhà tư vấn, nhà thầu, đại lý... nào của Bên B) tiết lộ các Thông Tin Mật liên quan đến Bên A hoặc khách hàng của Bên A hoặc bất kỳ Thông Tin Mật nào theo quy định trên đây.
- 10.6 Quy định về bảo mật thông tin tại Điều 12 này có hiệu lực trong suốt thời hạn của Hợp Đồng và sẽ tiếp tục có hiệu lực ngay cả sau khi Hợp Đồng này bị chấm dứt.

#### **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO VỀ NGƯỜI LIÊN LẠC VÀ ĐẠI DIỆN CỦA CÁC BÊN**

Trong vòng **05 ngày làm việc** kể từ ngày ký Hợp Đồng này, Các Bên sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho nhau về những người đại diện có thẩm quyền của Các Bên để gửi, nhận các thông báo khác được quy định trong Hợp Đồng này và nhận thông báo này (thông tin về những người đại diện có thẩm quyền của Các Bên như nêu trên đây sẽ bao gồm cả thông tin về chức danh, địa chỉ, số điện thoại liên lạc và email của người đó).

Văn bản thông báo này phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của mỗi Bên tương ứng.

#### **ĐIỀU 12. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, TẠM DỪNG HOẶC CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 12.1 Hợp Đồng này có thể được bổ sung hoặc sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên. Bất kỳ sửa đổi và/hoặc bổ sung nào đối với Hợp Đồng này phải được lập thành Phụ lục sửa đổi/bổ sung của Hợp Đồng và phải được ký và đóng dấu bởi đại diện hợp pháp của Các Bên.
- 12.2 Các Bên có thể tạm dừng thực hiện Hợp Đồng. Mỗi Bên muốn tạm dừng thực hiện Hợp Đồng phải gửi thông báo tới Bên còn lại bằng văn bản trước ngày tạm dừng ít nhất 30 ngày và có thông báo chấp thuận bằng văn bản của Bên còn lại. Việc tiếp tục thực hiện Hợp Đồng được thực hiện theo thỏa thuận của Các Bên.
- 12.3 Hợp Đồng này sẽ bị chấm dứt trong các trường hợp sau:
- (i) Các Bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này; hoặc
  - (ii) Hợp Đồng chấm dứt theo thỏa thuận của Các Bên. Trong trường hợp đó Các Bên sẽ thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện của việc chấm dứt; hoặc
  - (iii) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp Đồng này hoặc theo quy định của Pháp Luật.

#### **ĐIỀU 13. CHÍNH SÁCH QUÀ BIỂU TIỀN THƯỜNG**

- 13.1 Bên B cam kết tuân thủ chính sách về quà biếu tiền thưởng của Bên A như sau: "Bên B không được cho tiền huê hồng, quà tặng, các cuộc giải trí phung phí, các việc vay nợ cá nhân hoặc các hình thức cá nhân đặt biệt nào khác cho nhân viên của Bên A".
- 13.2 Trong mọi trường hợp phát sinh liên quan đến tiền chiết khấu, trừ tiền, bồi thường khiếu nại, Bên B sẽ phải thanh toán trực tiếp với Bên A bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản Bên A.

15.3 Trường hợp Bên B không thực hiện các chính sách về quà biếu, tiền thưởng và chiết khấu như đã đề cập tại khoản 1 Điều này, thì Bên B bị xem như đã vi phạm Hợp Đồng.

#### **ĐIỀU 14. TRÁCH NHIỆM PHÁT TRIỂN**

14.1 Nhà cung cấp nhận thức rằng Tập đoàn Saint-Gobain gia nhập vào Hiệp ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc và đặc biệt là đã áp dụng chính sách Thu mua có trách nhiệm, một phần không tách rời của chính sách Phát triển Bền vững của Tập đoàn.

14.2 Tập đoàn Saint-Gobain rất trông đợi các nhà cung cấp của mình:

- (i) Đảm bảo rằng họ kiểm soát các rủi ro về môi trường liên quan đến cả các quy trình của họ và các sản phẩm họ sử dụng cho dù có trong hoạt động của họ hay không khi can thiệp vào các khu vực của Tập đoàn.
- (ii) Tôn trọng quyền nhân viên của bất kể quốc gia nào mà họ hoạt động.
- (iii) Không tuyển dụng hay sử dụng, ngay cả khi được phép theo pháp luật của địa phương, nguồn lao động bị bắt buộc hay cưỡng ép hay lao động trẻ em, dù trực tiếp hay gián tiếp hoặc thông qua các nhà thầu phụ, trong quá trình sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ hoặc khi làm việc tại công trường của Tập đoàn.
- (iv) Cung cấp cho nhân viên của mình những điều kiện an toàn và sức khỏe tốt nhất trong khả năng và giám sát các quy định về an toàn sức khỏe hiện hành khi làm việc tại công trường của Tập đoàn.

14.3 Việc tiếp cận và kì vọng của Tập đoàn Saint-Gobain đối với các Nhà cung cấp của mình được chính thức hóa trong “Điều lệ Nhà cung cấp” đính kèm trong Hợp đồng. [Tập đoàn Saint-Gobain đặt niềm tin cũng như kỳ vọng đối với các Nhà cung cấp. Điều này được thể hiện trong “Điều lệ Nhà cung cấp” được đính kèm trong Hợp đồng.]

14.4 Nhà cung cấp tuyên bố rằng họ đã đọc Điều lệ này và tuân thủ theo các quy định đó.

#### **ĐIỀU 15. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

15.1 Hợp Đồng này và những vấn đề phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và diễn giải theo các quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp bất kỳ phần nào và/hoặc điều khoản nào quy định tại Hợp đồng này bị sửa đổi hoặc vô hiệu vì bất lý lý do gì, các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực và giá trị thi hành.

15.2 Trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa Các Bên, mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này giữa Các Bên phải được thông báo bằng văn bản bởi một Bên đến Bên còn lại. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ra thông báo, Các Bên sẽ thiện chí thương lượng để giải quyết tranh chấp phù hợp với yêu cầu của từng Bên. Mọi phương án giải quyết tranh chấp phải được lập thành văn bản và có chữ ký của Các Bên và sẽ là quyết định cuối cùng mang tính ràng buộc.

15.3 Nếu không đạt được phương án thương lượng giải quyết tranh chấp, mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ được sử

dụng trong các thủ tục trọng tài sẽ là Tiếng Việt. Quyết định của Trọng tài là phán quyết cuối cùng có hiệu lực ràng buộc Các Bên. Bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí phát sinh.

15.4 Cho dù có tranh chấp, mỗi Bên vẫn phải tích cực thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này.

#### ĐIỀU 16. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

16.1 Hợp Đồng này có hiệu lực 02 năm kể từ ngày ký.


16.2 Hợp Đồng này được Các Bên đồng thuận ký kết và có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất việc ký kết Hợp Đồng.

16.3 Hợp Đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau

ĐỂ KHẲNG ĐỊNH NHỮNG ĐIỀU TRÊN, đại diện có thẩm quyền của các Bên đã ký Hợp Đồng này

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

  
Signing Date/Ngày ký:  
25/05/2023 17:07:07+07'00'

**PHAN NỮ QUỲNH CHÂU**  
Đ/c: Khóm 9, Thị Trấn Diên Sanh,  
huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị  
MST: 8440102511-001



**Bà NGÔ THỊ THÙY TRINH**  
Chức vụ: Trưởng phòng Mua Hàng Toàn Quốc

**Bà PHAN NỮ QUỲNH CHÂU**  
Chủ cơ sở

Digitally signed



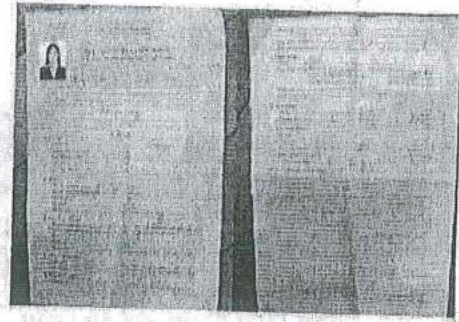
Digitally signed by/ky bởi  
CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP  
PHÚ-VICO  
Signing Date/Ngày ký  
25/05/2023  
06:48:00+07'00'

**PHỤ LỤC 01: QUY ĐỊNH AN TOÀN VÀ KỸ THUẬT  
 QUY ĐỊNH AN TOÀN VÀ KỸ THUẬT DÀNH CHO NHÀ THẦU**

**1. Hồ sơ thi công.**

**1.1 Hồ sơ nhân viên**

- a) Copy chứng minh nhân dân
- b) Danh sách nhân viên có xác nhận của nhà thầu
- c) Bằng cấp/chứng chỉ
  - Chuyên môn: Điện, vận hành xe cơ giới...
  - An toàn: Chứng chỉ an toàn hàn, điện...
- d) Giấy khám sức khỏe: Trong vòng 12 tháng



**1.2 Thủ tục-giấy tờ:**

- a) Biện pháp thi công: Đánh giá rủi ro, biện pháp an toàn, danh sách thiết bị, dụng cụ sử dụng...
- b) Tiến độ thi công
- c) Danh sách nhân viên: Ngày sinh, số CMND, chữ ký nhân viên và có xác nhận, con dấu nhà thầu.

<b>BẢNG TIẾN ĐỘ THI CÔNG</b>										
Hạng mục : THẢO DỠ TỖN KHO NGUYÊN LIỆU										
Ngày	HẠNG MỤC	T4	T5	T6	T7	CH	T2	T3	T4	T5
		6-Jun	7-Jun	8-Jun	9-Jun	10-Jun	11-Jun	12-Jun	13-Jun	14-Jun
Ngày 1	- Hạng ATLEP, lắp kết vật tư, thiết bị và công trường - Lắp trụ bao che khu vực thi công - Lắp dàn chắn lan xuống mái									
Ngày 2-3	- Tháo dỡ ống xối - Tháo dỡ tole vách									
Ngày 4	- Lắp cọc cứu sinh - Tháo ốp nóc mái - Tháo máng xối									
Ngày 5-6-7	- Tháo tole mái, vận chuyển về bãi đất trống									
Ngày 8	- Tháo trụ bao che - biến bảo - Vệ sinh - hoàn trả mặt bằng thi công									

**1.3 Đào tạo về an toàn lao động**

- Đào tạo lần đầu: Do nhân viên SGB đào tạo
- Đào tạo các lần tiếp theo: Nhân viên an toàn nhà thầu đã được phê duyệt bởi Saint-Gobain
- Hồ sơ sau đào tạo: Biên bản đào tạo, bài kiểm tra.

**1.4 Thẻ vào cổng**

- Chỉ có những nhân viên có thẻ và được Saint-Gobain xác nhận mới được thi công tại dự án
- ❖ Tên nhân viên
- ❖ Chuyên môn,
- ❖ Tên công ty
- ❖ Thời hạn

Chú ý: Thẻ phải rõ ràng, có dấu công ty và xác nhận của nhân viên an toàn SG

 <b>SAINT-GOBAIN CONSTRUCTION PRODUCTS NORTH VIETNAM LTD</b> Name: Nguyễn Văn A Công ty: Lilama Chức vụ: Nhân viên lắp máy Hiệu lực từ: 20/6/2011 Hiệu lực đến: 30/12/2011 Xác nhận SG: Mã số thẻ:	 	<b>Các thông tin cần biết</b> <ul style="list-style-type: none"><li>• Luôn đeo thẻ, đội mũ, mang giày BÊ, áo phản quang khi đi trong nhà máy/ống trường.</li><li>• Đi đúng lối quy định</li><li>• Tất thuốc đóng nui quy định.</li><li>• Không đến gần các khu vực nguy hiểm có biển báo hoặc thiết bị đang hoạt động.</li><li>• Không được tự ý chụp ảnh.</li><li>• Không uống rượu bia, chất kích thích khi vào nhà máy.</li><li>• Khi có hỏa hoạn hoặc trường hợp khẩn cấp tập trung ở khu vực gần công báo vệ.</li></ul>
---	--	--

### 1.5 Nhân viên giám sát an toàn

- Có chuyên môn (Chứng chỉ an toàn nhóm 2, tối thiểu trung cấp).
- Áp dụng đối với dự án có số lượng nhân viên >30 người và thời gian thi công >30 ngày. Cần có một cán bộ an toàn



## 2. Phương tiện bảo vệ cá nhân bắt buộc (PPE)

### 2.1 Nón

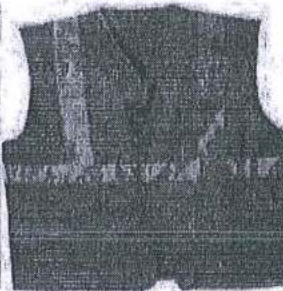
- Tiêu chuẩn: Nón nhựa có quai đeo - Màu vàng
- Phạm vi sử dụng: Mang tất cả khu vực trong phạm vi nhà máy ngoại trừ khu vực hút thuốc

### 2.2 Giày.

- Tiêu chuẩn: Giày phải che kín bàn chân và có mũi sắt, có dây cột, Không quá rộng hoặc quá chật.

- Cách sử dụng: không đập gót.

### 2.3 Đồng phục / Áo phản quang



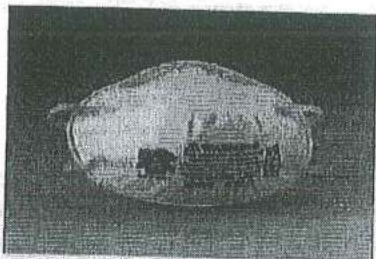
3.

Phương tiện bảo vệ cá nhân

– phụ thuộc công việc (PPE)

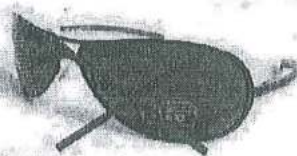
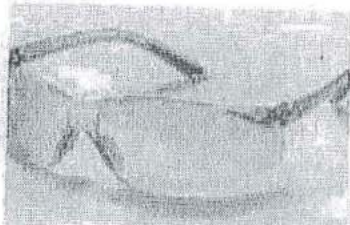
a. **Khẩu trang nếu có phát sinh bụi, hóa chất**

- Khẩu trang dùng khi Sơn TC: 3M-8210
- Khẩu trang dùng khi cắt, mài: N95



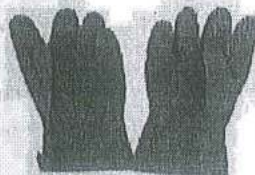
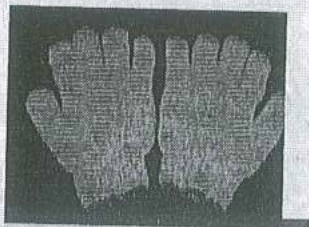
b. **Phương tiện bảo vệ cá nhân (PPE)**

- Mắt kính: áp dụng công việc tiếp xúc bụi, hoá chất
- Mắt kính chống bụi: Sử dụng mắt kính trong, che kín được mắt.
- Không sử dụng kính râm.



c. **Găng tay**

- Găng tay hàn: Găng tay da, dài qua cổ tay
- Găng tay len: Làm bằng vải, phạm vi áp dụng: Dùng khi tiếp xúc vật cứng, nhọn
- Găng tay cao su: phạm vi áp dụng: Tiếp xúc hoá chất



4. **Thiết bị an toàn khác**

#### 4.1 Dây an toàn

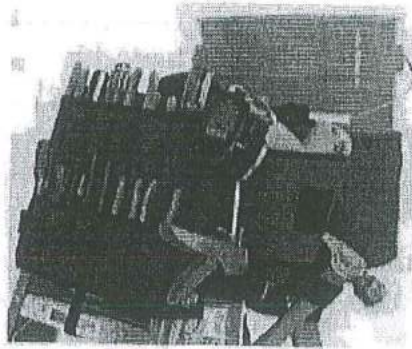
- Tiêu chuẩn



- Cách sử dụng:



#### a. Túi đựng dụng cụ



PHẢI CÓ TÚI Đựng  
DỤNG CỤ, KHÔNG  
ĐƯỢC BỎ VÀO TÚI  
QUẦN, NHẢM HẠN  
CHÈ RỘT XUỐNG  
BÊN DƯỚI

## b. Khóa LOTO

### 4.3.1 Tiêu chuẩn khoá

- Nhà thầu làm việc lâu dài (Hợp Phát, Đại Tín, Thuận Phát, Vĩnh Đạt) tự trang bị.
- SG trang bị cho các nhà thầu làm việc ngắn hạn (< 10 ngày)



KHOÁ HIỆU MASTER  
HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG  
VỚI CHỨC NĂNG ĐỪNG  
ĐỂ LOTO. (KHÔNG SỬ  
DỤNG CÁC LOẠI KHOÁ  
KHÁC CHỨC NĂNG ĐỂ  
LOTO)

Khoá được thiết kế bằng nhựa  
cứng.  
Chỉ có 1 chìa/ 1 khoá

## i. Thẻ LOTO

<b>NGUY HIỂM CẤM MỞ</b>	<b>DANGER DO NOT OPERATE</b>
NGƯỜI KHÓA: .....	LOCKED OUT!
BỘ PHẬN: .....	SAFETY IS MY PRIORITY
NGÀY: .....	AN TOÀN LÀ ƯU TIÊN CỦA TÔI
GIỜ: .....	THIẾT BỊ LOTO: .....
	BT: <input type="text"/>

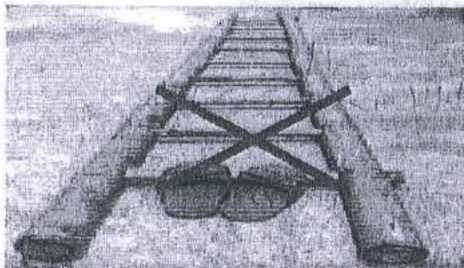
Thẻ LOTO phải điền  
đầy đủ thông tin.

## 5. Thiết bị hỗ

trợ công việc

## 5.1 Thang

- Tiêu chuẩn: Sử dụng thang nhôm, thang sắt. Không sử dụng thang tre, gỗ và đảm bảo các tiêu chuẩn sau:



CÁC CHÓT KHÓA HOẠT ĐỘNG TỐT, KHÔNG BỊ KẾT

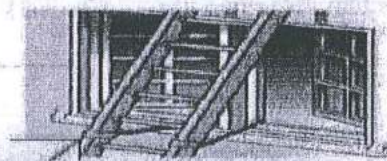
THANG KHÔNG BỊ BIẾN DẠNG, THAY ĐỔI THIẾT KẾ

CHÂN PHẢI CÓ CAO SU CHỐNG TRƯỢT

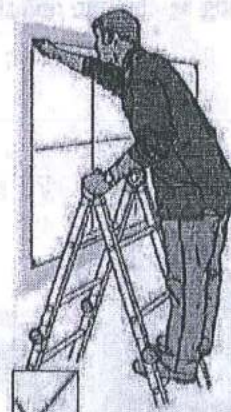
- Cách sử dụng thang:



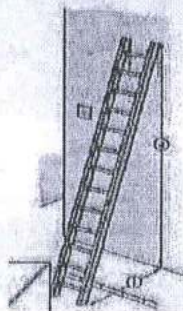
LUÔN 3 ĐIỂM TIẾP XÚC: 2 CHÂN, 1 TAY, HOẶC 2 TAY, 1 CHÂN



THANG ĐƠN PHẢI CÓ ĐINH HOẶC GÓ NGƯỜI GIỮ

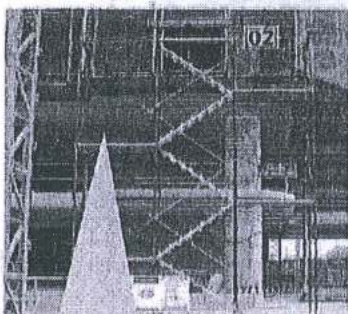


Không đứng trên 2 bậc trên

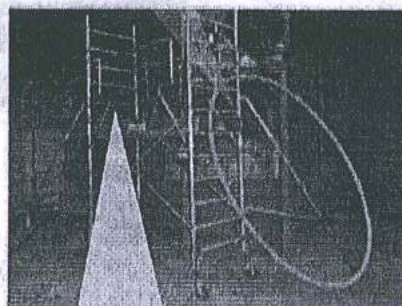


ĐẢM BẢO TỈ LỆ: 1/4

## 5.2 Giàn giáo

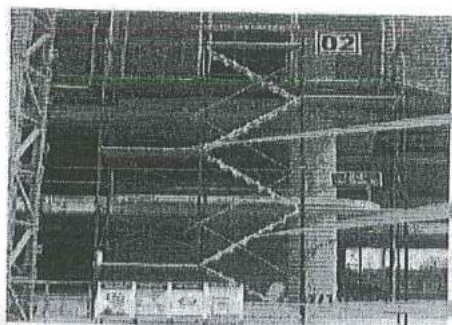


Tỉ lệ chiều cao/ chiều ngang bên dưới 4/1 hoặc phải có thanh chống



Sàng làm việc giàn giáo cần phải có lan can cao 1,1m. Có tấm chắn chân (toe board) cao 10cm





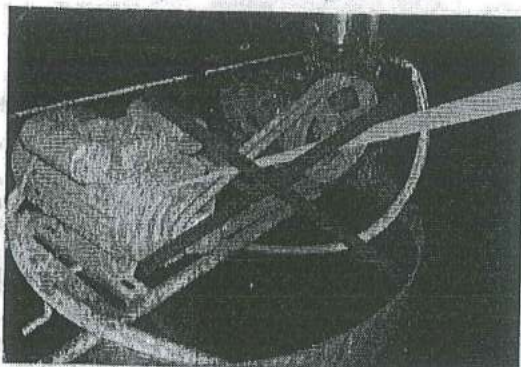
Sàn thao tác > 30cm

Cầu thang lên xuống

Căng dây cách ly khu vực trước khi lắp dựng.

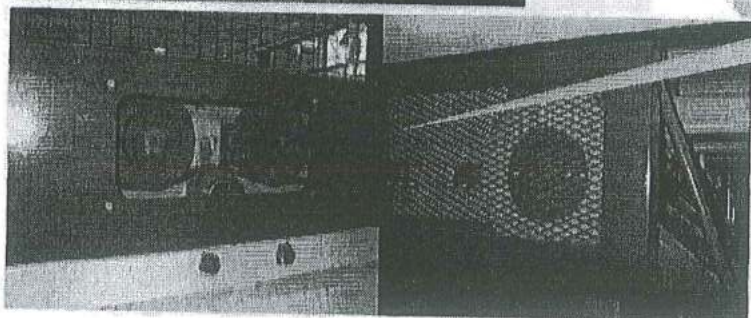
## 6. Thiết bị, dụng cụ làm việc

### 6.1 Bao che thiết bị



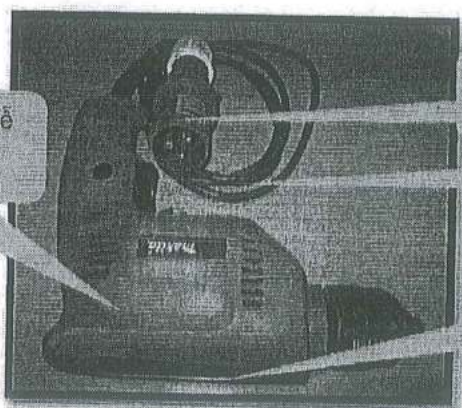
Cấm sử dụng bất kỳ thiết bị nào không đầy đủ thiết bị bao che

đủ các cơ cấu chủ thiết bị phải bao che đầy yền động.



### 6.2 Máy khoan tay

Vỏ thiết bị không bị nứt, bể hoặc rò rỉ điện



Phích cắm điện công nghiệp

Dây điện không được nối, có tiếp đất

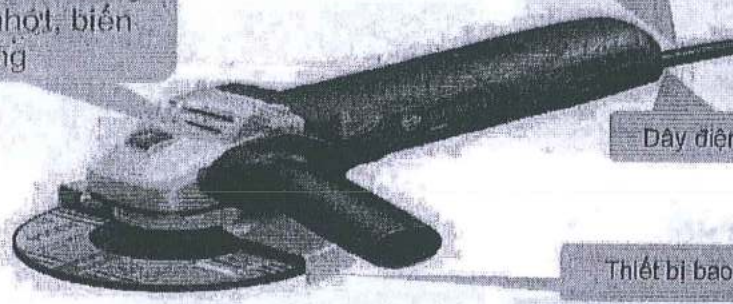
Có tem kiểm tra của công ty Saint-Gobain

### 6.3 Máy mài tay:

Vỏ bọc thiết bị không dính dầu nhớt, biến dạng

Thiết bị không bị rò rỉ điện, có dây tiếp đất

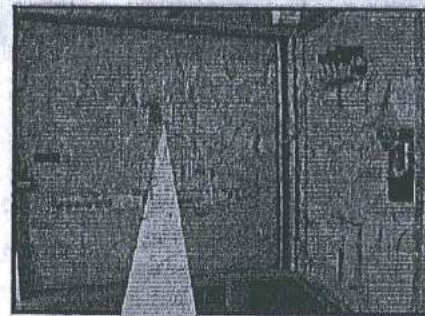
Dây điện phải kín



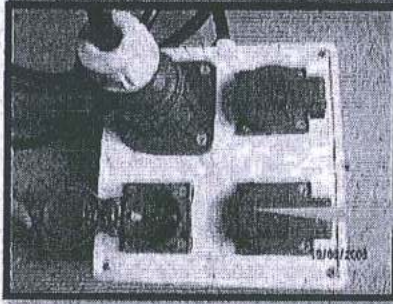
### 6.4 Ổ cắm điện di

Thiết bị bao che

điện – Tủ động

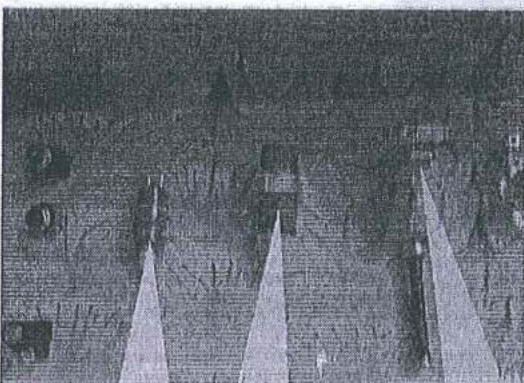


Tủ điện phải có GB chống rò



Ổ cắm điện phải kín, có nắp đậy, không bị biến dạng

### 6.5 Phích cắm điện

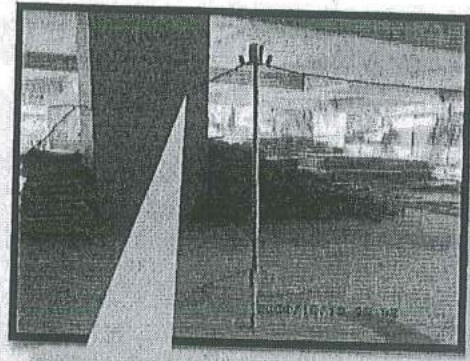
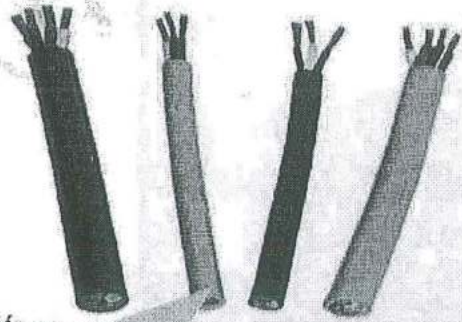


Phích cắm 1 pha, 2 chấu.

Phích cắm 2 pha, 3 chấu.

Ổ cắm 2 pha, 3 chấu. Dùng cho máy hàn

## 6.6 Dây điện

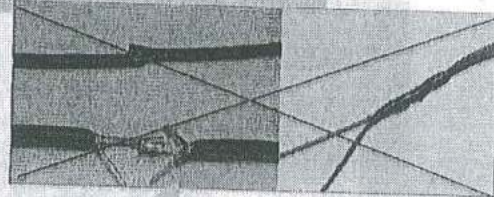
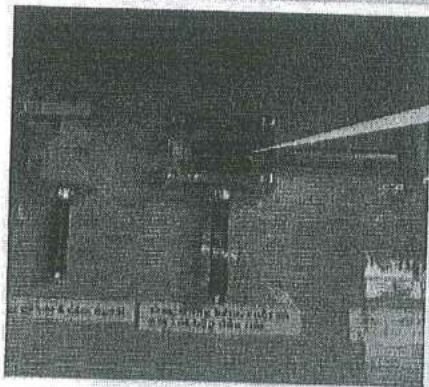


### 6.7 Nối dây

Dây điện phải đảm bảo 3 lớp cách điện.

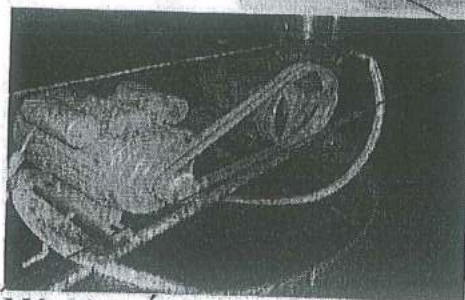
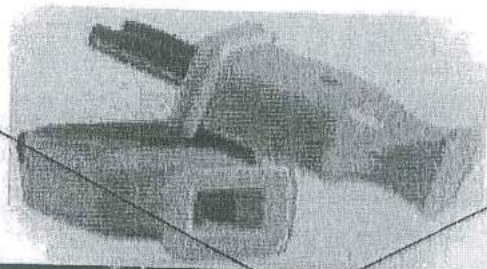
Dây điện treo lên khỏi mặt đất và không vướng lỏi đi, Không được nối

Nối qua Domino và có hộp thép bảo vệ

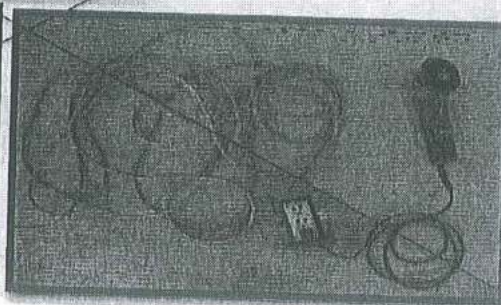


Dây không được nối rời quản bằng keo

## 6.8 Cấm sử dụng

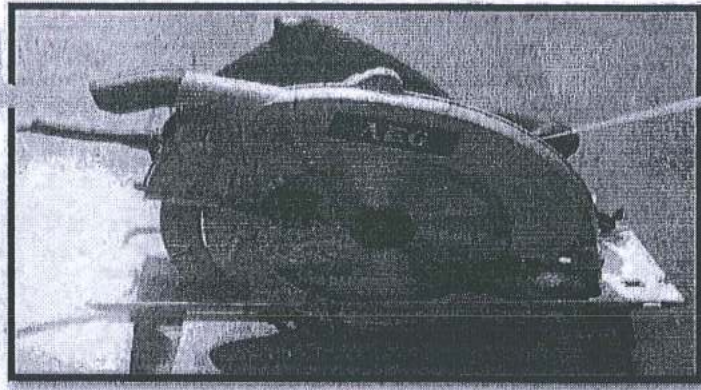


### 6.9 Máy hàn, cắt cắt



### 6.9.1 Máy

Đầu dây điện phải kín



Bao che lưỡi dao

### 6.9.2 Máy hàn

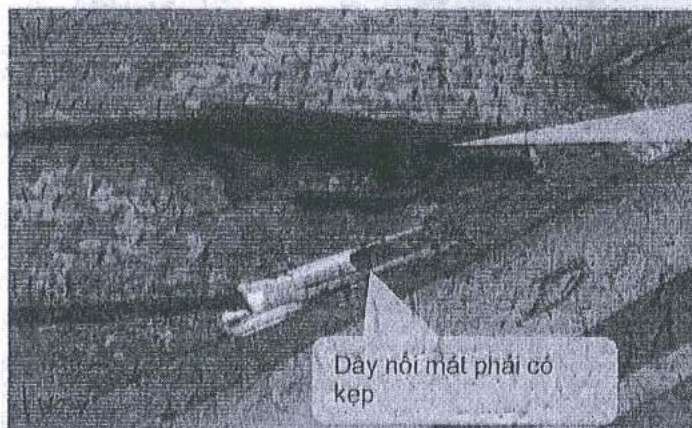


Dây điện kín.  
Không chấp nối

Dây điện đầu nối  
vào máy hàn phải  
kín và được che  
đậy an toàn

Không bỏ trực  
tiếp trên mặt  
đất

### 6.9.3 Kẹp hàn



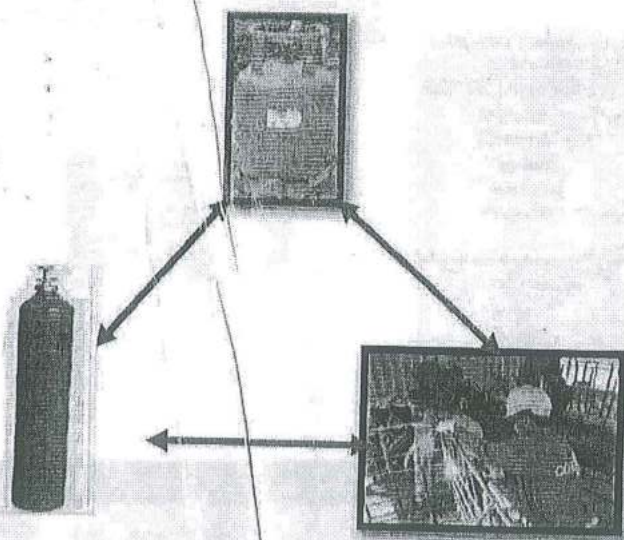
Tay hàn phải kín.  
Lò xo hoạt động  
tốt.  
Đúng thiết kế

Dây nối mát phải có  
kẹp

### 6.9.4 Chai khí a) Các thiết bị đi kèm

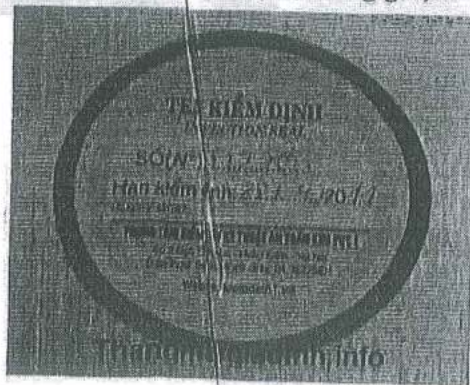


b) Cách bố trí



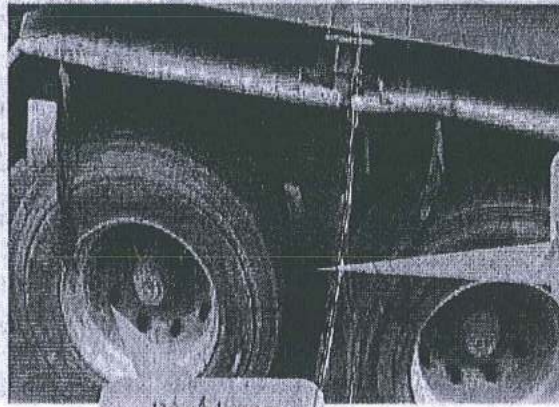
### 6.10 Kiểm định thiết bị an toàn nghiêm ngặt

- Tất cả thiết bị thuộc danh mục TB an toàn nghiêm ngặt theo TT 53 2016 cần được kiểm định  
VD: Thiết bị nâng hạ, xe nâng, cầu trục, bình khí, nén, hệ thống gas,...



### 7. Thiết bị vận chuyển

- Tất cả thiết bị vận chuyển còn hạn kiểm định và trong điều kiện tốt



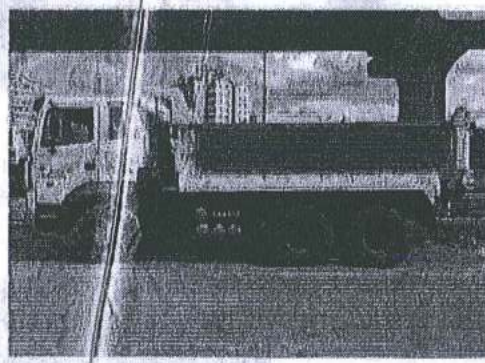
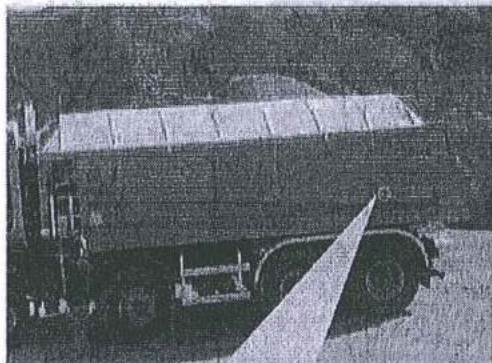
Bánh xe phải còn gai, không nứt, bổ

Đủ số lượng bulong siết bánh



Xuất trình hàng lái xe ở công

- Có giải pháp ngăn ngừa đổ vãi trên đường



Xe ben chạy tần suất 5 ngày/tháng trong nhà máy phải trang bị bạt dầy tự

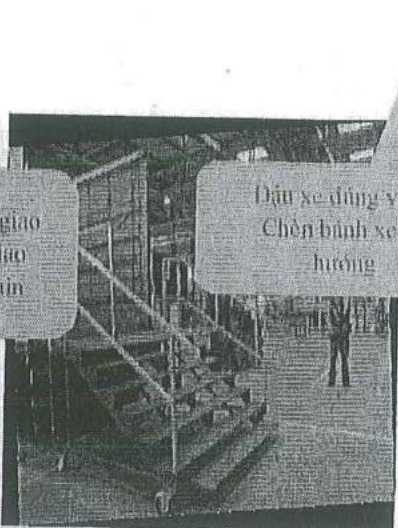
- Tuân thủ quy định khi giao nhận hàng tại kho Saint Gobain



Dầu xe dùng vạch,  
Chèn bánh xe 02  
hướng



Rửu etha Khô và giao  
cho nhân viên giao  
hàng Saint Gobain



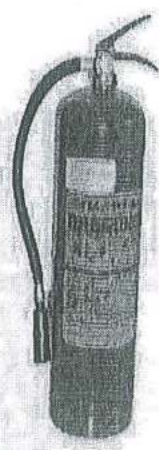
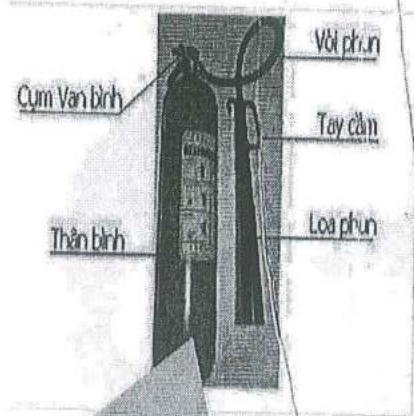
Dầu xe dùng vạch,  
Chèn bánh xe 02  
hướng

## 8. Bố trí công trường

### 8.1 Công việc sinh nhiệt: Hàn, cắt, mài

#### 8.2.1 Các thiết bị hỗ trợ an toàn.

- Chuẩn bị bình chữa cháy:

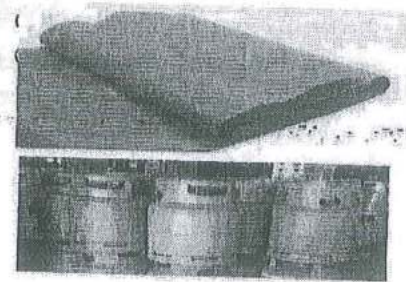
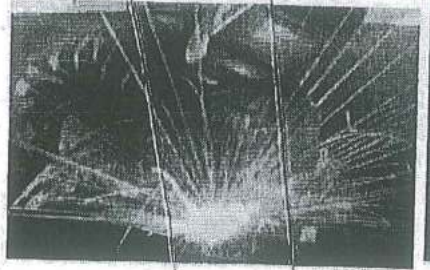


Sử dụng bình bột các khu vực  
ngoài trời không có thiết bị điện.

Sử dụng bình CO2 tại các khu vực có thiết  
bị điện/điện tử

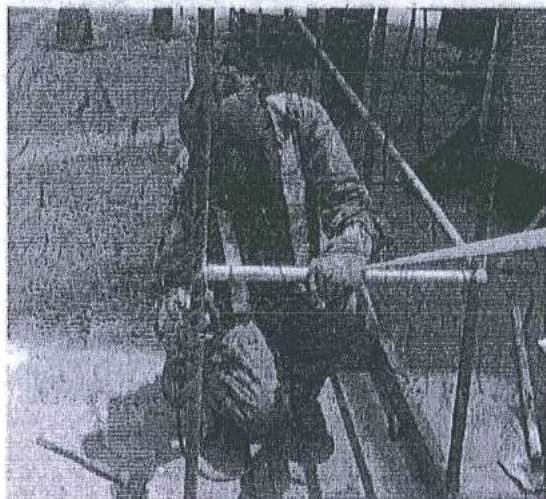
#### 8.2.2 Thiết bị che chắn tia lửa

- Bạt chống
- Tấm thạch
- Tôn (Tole)



- Trang bị PPE

Mặt nạ hàn

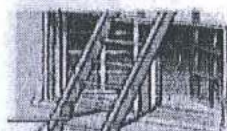


Găng tay da

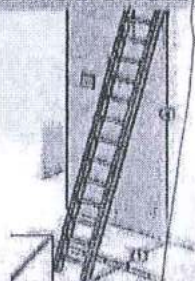
## 8.2 Làm việc với thang



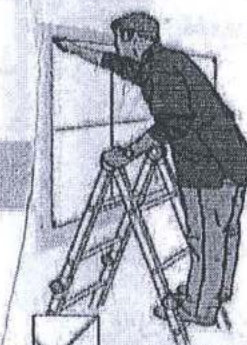
LUÔN 3 ĐIỂM TIẾP XÚC: 2 CHÂN, 1 TAY HOẶC 2 TAY, 1 CHÂN



THANG ĐƠN: PHẢI CÓ ĐINH HOẶC CÓ NGƯỜI GIỮ



ĐẢM BẢO TÍ LỆ: 1/4



Không đứng trên 2 bậc trên cùng của thang

## 8.3 Làm việc trên giàn giáo

- Người lắp dựng giàn giáo phải có chuyên môn
- Phải đảm bảo sức khoẻ (GKSK trong vòng 12 tháng)
- Tất cả giàn giáo trước khi làm việc phải được nhân viên QLDA kiểm tra và treo thẻ
- Sử dụng dây an toàn

## 9. Môi trường

### 9.1 Phân loại rác thải

- Chia làm 3 loại rác:



Rác sinh hoạt:  
Giấy, bao ni lông,  
chai nhựa...



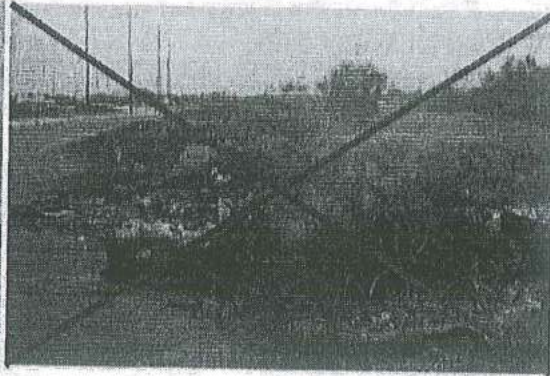
Thạch cao



Thùng Sơn, giẻ lau  
có dầu mỡ, bóng  
đèn, hoá chất...

### 9.2 Xử lý rác thải

- Phải ký Hợp đồng và bàn giao rác thải cho đơn vị có chức năng



ĐẠI DIỆN BÊN A

*Trinh*  
Signing Date/Ngày ký:  
24/06/2023 17:07:07+07'00'

**Bà NGÔ THỊ THÙY TRINH**  
Chức vụ: Trưởng phòng Mua Hàng Toàn Quốc

ĐẠI DIỆN BÊN B

**PHAN NỮ QUỲNH CHÂU**  
Đ/c: Nhóm 9, Thị Trấn Diên Sanh,  
huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị  
MST: 8440102511-001

*Chau*

**Bà PHAN NỮ QUỲNH CHÂU**  
Chủ cơ sở

**QUY ĐỊNH XỬ PHẠT NHÀ THẦU**

Phạm vi áp dụng: Nhà thầu cố định, dự án bảo trì, sửa chữa < 1,000,000,000 VND

EHS-PRO-  
02/AP02

No	Lỗi/ Violations	Nhắc nhở	Phạt 300,000	Phạt 600,000	Đình chỉ 1,000,000
1	Không đeo thẻ ra vào khi ở trong nhà máy/ công trường	1	2	3	4
2	Đi vào khu vực làm việc khi chưa được đào tạo an toàn	1	2	3	4
3	Chạy nhảy, đùa giỡn trong nhà máy	1	2	3	4
4	Đi vào khu vực cấm hoặc không có trách nhiệm	1	2	3	4
5	Sử dụng PT.BVCN không đầy đủ, không đúng cách	1	2	3	4
6	Bỏ rác không đúng nơi qui định	1	2	3	4
7	Không đi đúng lối đi quy định	1	2	3	4
8	Lên xuống cầu thang, dàn giáo không vịn tay vịn	1	2	3	4
9	Đậu xe (chở hàng, xe chuyên dụng) không đúng nơi qui định	1	2	3	4
10	Không chêm bánh xe khí vào vị trí đậu	1	2	3	4
11	Không mang dây an toàn	1	2	3	4
12	Không tắt máy khi xuống xe	1	2	3	4
13	Không rút chìa khóa khi xuống xe	1	2	3	4
14	Không đặt thắng tay khi rời khỏi xe	1	2	3	4
15	Khu vực làm việc không được che chắn thích hợp	1	2	3	4
16	Sử dụng khí nén vệ sinh cơ thể	1	2	3	4
17	Lắp dựng thang không đảm bảo an toàn	1	2	3	4
18	Không tuân thủ các yêu cầu của biển báo an toàn	1	2	3	4
19	Chạy xe quá tốc độ cho phép	1	2	3	4
20	Đứng trong khu vực cầu hoạt động	1	2	3	4
21	Làm việc khi chưa có giấy phép làm việc hoặc biện pháp thi công		1	2	3
22	Hút thuốc không đúng nơi qui định		1	2	3
23	Sử dụng các chất kích thích, gây nghiện bị cấm, rượu bia khi làm việc		1	2	3
24	Không tuân thủ các yêu cầu của GPLV		1	2	3
25	Sử dụng thiết bị nâng (dàn giáo, xe nâng người,...) khi chưa được cấp phép		1	2	3

26	Tự ý sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt an toàn khi chưa được phép	1	2	3
27	Không báo cáo đầy đủ các sự cố về tai nạn lao động (TF1, TF2, EvE1,2)	1	2	3
28	Sử dụng các thiết bị chưa được kiểm tra, bị cấm, bị hư hỏng	1	2	3
29	Chạy xe quá tốc độ cho phép	1	2	3
30	Đu bám trên xe chuyên dụng: xe nâng, cầu,...	1	2	3
31	Ăn, ngủ không đúng nơi quy định	1	2	3
32	Tổ chức cờ bạc trong nhà máy	1	2	3
33	Tự ý tháo bỏ các thiết bị, cơ cấu an toàn của thiết bị		1	2
34	Đặt thân thể vào khu vực nguy hiểm của thiết bị mà không khóa LOTO		1	2
35	Tự ý mở/cắt khóa LOTO của người khác		1	2
36	Gây mất trật tự, đánh nhau trong phạm vi nhà máy			1

### Cam kết của nhà thầu

Chúng tôi đại diện cho nhà thầu đang thi công tại công ty Saint-Gobain đã hiểu và sẽ tuân thủ các quy định trên.

Chủ Cơ Sở

**PHAN NỮ QUỲNH CHÂU**  
Đ/c: Khóm 9, Thị Trấn Diên Sanh,  
huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị  
MST: 8440102511-001

*Chau*

Bà PHAN NỮ QUỲNH CHÂU

# HỢP ĐỒNG THU MUA, VẬN CHUYỂN TẮM DURA HỎNG ĐỂ SAN LẤP CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Số: HPV.MRO.24093

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên,

Hôm nay, ngày 20 tháng 11 năm 2024, chúng tôi gồm :

## **BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ-VICO**

Địa chỉ : Thôn Trà Trì, Xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị.

Số điện thoại : 02333861070

Mã số thuế : 3200693283

Đại diện : Ông **TỬ THỊ PHƯƠNG** – Chức vụ: Trưởng phòng Mua Hàng

Dưới đây gọi tắt là “**Bên A**”

## **BÊN B : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT ĐẤT QUẢNG**

Địa chỉ : 62/17 Trần Cao Vân, phường 5, TP Đông Hà, Quảng Trị

Số điện thoại : 0905 817 882

Mã số thuế : 3200738745

Đại diện : Ông **LÊ PHƯỚC PHÚC** – Chức vụ: Giám Đốc

Dưới đây gọi tắt là “**Bên B**”

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**” hoặc “**Hai Bên**”. Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng chuyển giao tấm thảm vụn này (sau đây gọi tắt là “**Hợp Đồng**”) với các điều kiện và điều khoản như sau:

## **ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

1.1. Bên A đồng ý cho Bên B thu mua và vận chuyển toàn bộ **tấm Dura hỏng và liệu vụn phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A** (sau đây gọi tắt là “**Tấm Dura hỏng**”), bao gồm cả việc thu gom, vận chuyển Tấm Dura hỏng để san lấp công trình xây dựng với chủng loại theo danh mục sau:

STT	Diễn giải	Đơn giá (chưa bao gồm Thuế VAT)	Đơn vị
1	Thu gom và vận chuyển tấm Dura hỏng	230	kg
2	Thu gom và vận chuyển liệu vụn	130	kg

**\*\*\*Ghi chú:**

\* Đơn giá đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển tấm Dura hồng, cũng như các chi phí liên quan khác như nhân công, nhiên liệu, vật liệu, v.v. và sẽ không phát sinh bất kỳ khoản tiền nào khác.

\* Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản sau khi nhận đủ chứng từ hợp lệ như hóa đơn và chứng từ xác nhận từ Bên B.

- 1.2. Sau khi tiếp nhận từ Bên A, Bên B sẽ vận chuyển Tấm Dura Hồng đến địa điểm công trình của Bên B để san lấp theo quy định pháp luật. Nhà thầu thu gom và vận chuyển tấm dura chỉ được để san lấp công trình xây dựng
- 1.3. Việc thu gom và vận chuyển Tấm Dura Hồng theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này được hiểu là việc Bên B sử dụng Tấm Dura Hồng cho mục đích san lấp cho công trình xây dựng.

**ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN - ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN**

**2.1. Phương thức giao nhận:**

- a) Khi có nhu cầu chuyển giao Tấm Dura Hồng, Bên A sẽ thông báo cho Bên B theo thông tin tại Hợp Đồng này. Nội dung Thông Báo bao gồm các nội dung như sau:
  - (i) Thời gian dự kiến giao Tấm Dura Hồng cần thu gom;
  - (ii) Khối lượng Tấm Dura Hồng dự kiến cần giao.
- b) Trong vòng [3] ngày kể từ ngày nhận được Thông Báo, Bên B phải phản hồi cho Bên A về kế hoạch nhận chuyển giao bao gồm các nội dung sau đây:
  - (i) Khoảng thời gian cần thiết dự kiến để hoàn thành toàn bộ việc thu gom và vận chuyển toàn bộ Tấm Dura Hồng ra khỏi địa điểm giao nhận của Bên A;
  - (ii) Số lượng và khối lượng chuyên chở của các phương tiện dự kiến được sử dụng cho việc nhận chuyển giao Tấm Dura Hồng.
- c) Trong vòng [3] ngày kể từ ngày Bên A nhận được phản hồi của Bên B, Bên A tiến hành xác nhận đồng ý hoặc điều chỉnh kế hoạch thu gom và vận chuyển của Bên B và gửi lại cho Bên B để Bên B sắp xếp việc thu gom theo kế hoạch do Bên A xác nhận hoặc điều chỉnh.
- d) Bên B đảm bảo thu xếp nhân sự, phương tiện để nhận chuyển giao theo đúng thời hạn theo kế hoạch chuyển giao đã được Bên A xác nhận hoặc điều chỉnh tại Điều 2.1.c Hợp Đồng này. Bên B phải đảm bảo để không bị tổn động Tấm Dura Hồng tại địa điểm giao nhận của Bên A.

- e) Người đại diện hợp pháp của Hai Bên phải đối chiếu và ký xác nhận vào biên bản giao nhận khi giao nhận Tấm Dura Hông. Người đại diện hợp pháp của Hai Bên được hiểu là cá nhân được mỗi Bên uỷ quyền/xác nhận bằng văn bản rằng có đầy đủ thẩm quyền để thực hiện công việc. Việc giao nhận Tấm Dura Hông được coi là hoàn thành khi người đại diện hợp pháp của Các Bên ký biên bản giao nhận.
- f) Bên A sẽ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến Tấm Dura Hông sau khi hoàn thành việc thu gom và vận chuyển Tấm Dura Hông cho Bên B theo thỏa thuận tại Điều này.
- g) Khi Bên A và Bên B giao nhận Tấm Dura Hông, Bên B chỉ nhận đúng chủng loại có trong danh mục tại Điều 1. Đối với các phát sinh ngoài danh mục liệt kê tại Điều 1 thì Hai Bên sẽ thương lượng mức giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

## 2.2. Địa điểm giao nhận và xử lý Tấm Thái Vụn:

- a) Bên A sẽ giao Tấm Dura Hông cho Bên B tại Nhà máy của Bên A (Địa chỉ: Thôn Trà Trì, Xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị) (sau đây gọi tắt là “**Địa Điểm Giao Nhận**”).
- b) Bên B tiếp nhận Tấm Dura Hông của Bên A tại Địa Điểm Giao Nhận, vận chuyển và tiến hành san lấp toàn bộ Tấm Dura Hông đã nhận theo đúng quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- 3.1. Trong thời hạn năm ngày (05) ngày kể từ ngày kết thúc việc thực hiện mỗi đợt thu gom, Bên B sẽ gửi Bộ chứng từ thanh toán cho Bên A. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được Bộ chứng từ thanh toán hợp lệ của Bên B, Bên A sẽ thanh toán bằng phương thức chuyển khoản cho Bên B 100% trị giá hóa đơn của Bộ chứng từ thanh toán hợp lệ.

## 3.2. Bộ chứng từ thanh toán hợp lệ bao gồm:

- a) Hóa đơn điện tử VAT có số PO do nhân viên mua hàng cung cấp và số hợp đồng.
- b) Biên bản giao nhận có xác nhận của người đại diện hợp pháp của Hai Bên.

- 3.3. Bộ chứng từ thanh toán và hóa đơn được gửi về cho Bên A theo thông tin như sau:  
*Email nhận hóa đơn điện tử: [hddt.hpcvico@saint-gobain.com](mailto:hddt.hpcvico@saint-gobain.com)*  
*Email nhận chứng từ thanh toán: [doc.hpcvico@saint-gobain.com](mailto:doc.hpcvico@saint-gobain.com)*

## **ĐIỀU 4: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

- 4.1. Hợp Đồng này có giá trị kể từ ngày ký đến hết ngày 10/12/2024

- 4.2. Hợp Đồng sẽ được tự động chấm dứt khi hết hạn.
- 4.3. Khi hết hạn Hợp Đồng sẽ tự động thanh lý sau khi Hai Bên hoàn thành nghĩa vụ của mình hoặc không có tranh chấp nào phát sinh.

## **ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

### **5.1. Trách nhiệm của Bên A**

- a) Thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong Hợp Đồng.
- b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình giao nhận Tấm Dura Hông tại Địa Điểm Giao Nhận.
- c) Bên A có quyền từ chối giao và không chịu trách nhiệm khi Bên A nhận thấy Bên B/nhân viên của Bên B có các hành vi như: thu gom các loại Tấm Dura Hông mà không đúng số lượng, số phương tiện, v.v. mà Bên B đã thông báo cho Bên A, không tuân thủ quy định nội bộ của Bên A, v.v.
- d) Hỗ trợ các vấn đề liên quan đến công tác an toàn trong quá trình giao nhận Tấm Dura Hông tại Địa Điểm Giao Nhận nếu Bên A xét thấy cần thiết.
- e) Bên A cam kết thanh toán cho bên B như quy định tại Điều 3 của Hợp Đồng.
- f) Cử nhân viên có chuyên môn phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan với Bên B nếu Bên A xét thấy cần thiết.

### **5.2. Trách nhiệm của Bên B**

- a) Bên B cam kết đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, có đầy đủ năng lực pháp lý và đáp ứng các điều kiện cần thiết để tham gia ký kết và thực hiện Hợp Đồng này.
- b) Khi nhận được yêu cầu thu gom, vận chuyển Tấm Dura Hông của Bên A thì Bên B phải lập kế hoạch và thực hiện việc thu gom và vận chuyển Tấm Dura Hông theo quy định tại Điều 2.1.
- c) Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển Tấm Dura Hông của Bên A theo Điều 1 của Hợp Đồng này và theo đúng quy định pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy định môi trường của Nhà Nước.
- d) Bên B xác nhận là đã được cung cấp và sẽ đảm bảo nhân viên được Bên B cử đến làm việc tại khu vực của Bên A hiểu rõ và tuân thủ nội quy an toàn lao động, vệ sinh môi

trường được đề cập trong tài liệu “NỘI QUI AN TOÀN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU” và “QUI TRÌNH KIỂM SOÁT NHÀ THẦU” của Bên A khi thực hiện các công việc theo Hợp Đồng tại nhà máy hoặc các địa điểm khác của Bên A. Tài liệu này là một phần không tách rời của Hợp Đồng này và Bên B sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm do việc vi phạm này gây ra.

- e) Hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện thu gom, vận chuyển, Tắm Dura Hồng sau khi nhận bàn giao từ Bên A, bao gồm cả trường hợp để rò rỉ ra môi trường hoặc xử lý không đúng qui định.
- f) Bên B phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại mà Bên A phải gánh chịu do Bên B vi phạm Hợp Đồng này hoặc vi phạm quy định pháp luật.
- g) Có trách nhiệm xuất trình với các cơ quan chức năng về những giấy tờ liên quan đến hoạt động thu gom, vận chuyển Tắm Dura Hồng của Bên A, v.v. khi được yêu cầu.
- h) Thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong Hợp Đồng.
- i) Bên B cam kết rằng Bên B đã hiểu và nắm rõ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, tính chất, đặc điểm của Tắm Dura Hồng khi nhận chuyển giao, quản lý, xử lý và sử dụng theo Hợp Đồng. Do đó, Bên B cam kết sẽ không có bất kỳ khiếu nại, khởi kiện, tranh chấp hay yêu cầu bồi thường nào với Bên A liên quan đến vấn đề này.
- j) Bên B cam kết giữ cho Bên A không liên quan và khỏi mọi yêu cầu, khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp với bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến hoạt động nhận chuyển giao, xử lý Tắm Dura Hồng và san lấp, v.v. của Bên B.

#### **ĐIỀU 6: PHẠT DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- 6.1. Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Bên A do vi phạm Hợp Đồng này và ngược lại Bên A sẽ phải chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Bên B do vi phạm Hợp Đồng này.
- 6.2. Trường hợp Bên B và/hoặc nhân viên của Bên B vi phạm an toàn lao động và môi trường tại Nhà máy và địa điểm khác của Bên A. Bên A được quyền áp dụng hình thức xử phạt theo qui định ở **Phụ lục 01 “XỬ PHẠT VỀ VI PHẠM NỘI QUI AN TOÀN LAO ĐỘNG”**. Quy định này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.
- 6.3. Bên vi phạm hợp đồng phải thanh toán cho Bên còn lại khoản tiền phạt vi phạm bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên còn lại yêu cầu.

#### **ĐIỀU 7: AN TOÀN LAO ĐỘNG**

- 7.1. Tất cả các nhân công của Bên B làm việc trong phạm vi khu vực thuộc quyền quản lý của Bên A phải tuân thủ các nội quy và các qui định về nguyên tắc an toàn của Bên A quy định trong tài liệu “**NỘI QUI AN TOÀN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU**” và “**QUI TRÌNH KIỂM SOÁT NHÀ THẦU**”, đồng thời phải trang bị phương tiện bảo hộ lao động cá nhân theo qui định bao gồm: Giày bảo hộ cứng, nón bảo hộ, áo phản quang và nghiêm túc chấp hành các qui định về an toàn của Bên A. Bên A có quyền từ chối cho vào khu vực nhà máy nếu công nhân Bên B không có đủ đồ bảo hộ lao động hoặc vi phạm nội quy theo qui định.
- 7.2. Bên A được miễn trừ trách nhiệm đối với mọi trường hợp xảy ra tai nạn hay thiệt hại về người và vật chất, xảy ra trong khu vực thuộc quyền quản lý Bên A, do sự vi phạm nội quy và nguyên tắc an toàn lao động nêu trên của Bên B và/hoặc nhân viên của Bên B gây ra.
- 7.3. Bên B phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường, vật liệu thừa phải chuyển ngay đi nơi khác không để tồn đọng tại địa điểm thi công, tổ chức vệ sinh. Nếu Bên B vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và những quy định của Bên A.

#### **ĐIỀU 8: CHÍNH SÁCH QUÀ BIỂU TIỀN THƯỞNG**

- 8.1. Bên B cam kết tuân thủ chính sách về quà biếu tiền thưởng của Bên A như sau: “Bên B không được cho tiền huê hồng, quà tặng, các cuộc giải trí phung phí, các việc vay nợ cá nhân hoặc các hình thức cá nhân đặt biệt nào khác cho nhân viên của Bên A”.
- 8.2. Trong mọi trường hợp phát sinh liên quan đến tiền chiết khấu, trừ tiền do Bên A trả lại hàng hóa thì, Bên B sẽ phải thanh toán trực tiếp với Bên A bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản Bên A.
- 8.3. Trường hợp Bên B không thực hiện các chính sách về quà biếu, tiền thưởng và chiết khấu như đã đề cập tại khoản 8.1 điều này, thì Bên B bị xem như đã vi phạm hợp đồng.

#### **ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG**

- 9.1. Điều khoản và Điều kiện chung đính kèm theo Hợp Đồng này là một phần không tách rời Hợp Đồng và sẽ ràng buộc cả hai Bên.
- 9.2. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa Điều Khoản Và Điều Kiện Chung và Hợp đồng, Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng.

#### **ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 10.1. Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản cam kết trong hợp đồng.

- 10.2. Tất cả các Phụ lục được đề cập trong hợp đồng này cũng như các phụ lục hợp đồng khác được ký sau ngày ký kết Hợp Đồng này (do phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, đều được xem là 1 phần không thể tách rời Hợp Đồng này. Trong trường hợp hợp có sự mâu thuẫn giữa các nội dung điều khoản của Hợp Đồng này với các Phụ lục/Lệnh đặt hàng, các quy định trong Phụ lục/Lệnh đặt hàng sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 10.3. Hợp đồng này làm thành 02 (hai) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 1 (một) bản. Hợp Đồng này có giá trị từ ngày ký và kết thúc khi Hai Bên hoàn thành dịch vụ.
- 10.4. Trong trường hợp một trong Hai Bên muốn chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản trong vòng 30 ngày và được thống nhất bởi Hai Bên bằng văn bản.

### ĐẠI DIỆN BÊN A

Được ký bởi/ Signed by:  
*Từ Thị Phương*  
Signing Date/Ngày ký:  
02/12/2024 14:39:36+07'00

**Bà TỪ THỊ PHƯƠNG**

Digitally signed



Digitally signed by/ Ký bởi:  
CÔNG TY CỔ PHẦN HEP  
PHU-VIC  
Signing Date/ Ngày ký:  
02/12/2024  
14:14:06+07'00

### ĐẠI DIỆN BÊN B

*Lê Phước Phúc*  
Signing Date/ Ngày ký:  
02/12/2024 14:39:36+07'00

**Ông LÊ PHƯỚC PHÚC**

Digitally signed



Digitally signed by/ Ký bởi:  
CÔNG TY TNHH PHƯƠNG MẠI  
VÀ KỸ THUẬT ĐẤT QUẢNG  
Signing Date/ Ngày ký:  
02/12/2024 13:58:15+07'00

**PHỤ LỤC 1: THEO HỢP ĐỒNG SỐ: HPV.MRO.24093**

**HPVC-PRO-EHS-003-F02: PHÂN LOẠI LỖI VÀ HÌNH THỨC PHẠT ĐỐI VỚI NHÀ THẦU VI PHẠM AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG NHÀ MÁY HPVC**

\*\*\*

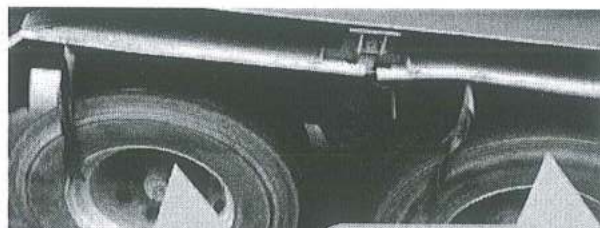
No	Lỗi/ Violations	Nhắc nhở	Phạt 300,000	Phạt 600,000	Đình chỉ 1,000,000
1	Không đeo thẻ ra vào khi ở trong nhà máy/công trường	1	2	3	4
2	Đi vào khu vực làm việc khi chưa được đào tạo an toàn	1	2	3	4
3	Chạy nhảy, đùa giỡn trong nhà máy	1	2	3	4
4	Đi vào khu vực cấm hoặc không có trách nhiệm	1	2	3	4
5	Sử dụng PT.BVCN không đầy đủ, không đúng cách	1	2	3	4
6	Bỏ rác không đúng nơi qui định	1	2	3	4
7	Không đi đúng lối đi quy định	1	2	3	4
8	Lên xuống cầu thang, dàn giáo không vịn tay vịn	1	2	3	4
9	Đậu xe (chờ hàng, xe chuyên dụng) không đúng nơi qui định	1	2	3	4
10	Không chêm bánh xe khi vào vị trí đậu	1	2	3	4
11	Không mang dây an toàn	1	2	3	4
12	Không tắt máy khi xuống xe	1	2	3	4
13	Không rút chìa khóa khi xuống xe	1	2	3	4
14	Không dạt thắng tay khi rời khỏi xe	1	2	3	4
15	Khu vực làm việc không được che chắn thích hợp	1	2	3	4
16	Sử dụng khí nén vệ sinh cơ thể	1	2	3	4
17	Lắp dựng thang không đảm bảo an toàn	1	2	3	4
18	Không tuân thủ các yêu cầu của biển báo an toàn	1	2	3	4
19	Chạy xe quá tốc độ cho phép	1	2	3	4
20	Đứng trong khu vực cầu hoạt động	1	2	3	4
21	Làm việc khi chưa có giấy phép làm việc hoặc biện pháp thi công		1	2	3
22	Hút thuốc không đúng nơi qui định		1	2	3
23	Sử dụng các chất kích thích, gây nghiện bị cấm, rượu bia khi làm việc		1	2	3
24	Không tuân thủ các yêu cầu của GPLV		1	2	3
25	Sử dụng thiết bị nâng (dàn giáo, xe nâng người,...) khi chưa được cấp phép		1	2	3
26	Tự ý sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt an toàn khi chưa được phép		1	2	3

27	Không báo cáo đầy đủ các sự cố về tai nạn lao động (TF1, TF2, EvE1,2)	1	2	3
28	Sử dụng các thiết bị chưa được kiểm tra, bị cấm, bị hư hỏng	1	2	3
29	chạy xe quá tốc độ cho phép	1	2	3
30	Đu bám trên xe chuyên dụng: xe nâng, cầu,..	1	2	3
31	Ăn, ngủ không đúng nơi quy định	1	2	3
32	Tổ chức cờ bạc trong nhà máy	1	2	3
33	Tự ý tháo bỏ các thiết bị, cơ cấu an toàn của thiết bị		1	2
34	Đặt thân thể vào khu vực nguy hiểm của thiết bị mà không khóa LOTO		1	2
35	Tự ý mở/cắt khóa LOTO của người khác		1	2
36	Gây mất trật tự, đánh nhau trong phạm vi nhà máy			1

**Tất cả thiết bị vận chuyển còn hạn kiểm định và trong điều kiện tốt**



Xuất trình bằng lái xe ở cổng



Đủ số lượng bulong siết bánh xe

Bánh xe phải còn gai, không nứt, bể

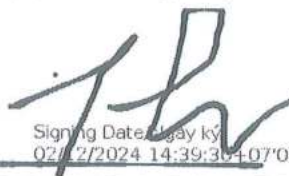


45



**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO BÊN B**

(Ký tên, đóng dấu)

  
 Signing Date/ Ngày ký  
 02/12/2024 14:39:36+07'00

Họ và tên: ông **LÊ PHƯỚC PHÚC**

Chức vụ: Giám Đốc

CÔNG AN TỈNH QUẢNG TRỊ  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03  
Ban hành kèm theo Thông tư số  
66/2014/TT-BCA,  
Ngày 16/12/2014

Số: 1717/TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 30/HPVC-DA ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico.

Người đại diện là ông: **Trần Trường Vũ**, Chức danh: **Tổng Giám đốc**

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ  
CHỨNG NHẬN**

Công trình: Nhà máy sản xuất tấm calcium silicate.

Địa điểm xây dựng: xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico.

Đơn vị lập thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Quảng Thành chi nhánh Đông Hà và Công ty TNHH PCCC Miền Trung.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Khoảng cách PCCC giữa nhà và công trình, đường và lối thoát nạn;
2. Giao thông dành cho phương tiện chữa cháy; bình chữa cháy xách tay;
3. Hệ thống điện cấp cho hệ thống PCCC; hệ thống chống sét;
4. Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
5. Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà; hệ thống sprinkler tự động;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2./.

(Thay thế giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1426/TD-PCCC ngày 13/11/2018 và số 457/TD-PCCC ngày 17/4/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Trị)

**Nơi nhận:**

- Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (báo cáo);
- Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico;
- Đội Công tác phòng cháy;
- Lưu: VT, PCCC.

Quảng Trị, ngày 11 tháng 11 năm 2019

**TRƯỞNG PHÒNG**



*[Handwritten signature]*

**Đại tá Lê Văn Tiền**

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT  
THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**  
(Kèm theo giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy  
số 1717/TD-PCCC, ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Phòng Cảnh sát  
PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Trị)

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công		02 bộ
-	Mặt bằng tổng thể	KT-01	
-	Hạng mục Xưởng sản xuất tấm calcium silicate và tấm đá	KT-01 đến KT-10; KC-01 đến KC-31; Đ-01 đến Đ-05; CS-01 đến CS-03	
-	Hạng mục Nhà đặt máy phát điện dự phòng	KT-01 đến KT-05; KC-01 đến KC-03; Đ-01	
-	Hạng mục Nhà khí nén	KT-01 đến KT-12; KC-01 đến KC-09; Đ-01	
-	Hạng mục Nhà nồi hơi khí nóng	KT-01 đến KT-14; KC-01 đến KC-11; Đ-01; Đ-02	
-	Hạng mục Khu nhà hành chính	KT-01 đến KT-14; KC-01 đến KC-08; Đ-01 đến Đ-05	
-	Hạng mục Khu nhà phụ trợ trong nhà xưởng	KT-01 đến KT-06; Đ-01 đến Đ-04	
-	Hạng mục Nhà nghỉ lái xe và nhà bảo vệ khu nhà máy calcium	KT-01 đến KT-05; KC-01 đến KC-06; Đ-01	
-	Hạng mục hàng rào, sân bê tông, rãnh thoát nước	KT-01 đến KT-05; KC-01	
-	Hạng mục Bể nước sinh hoạt + PCCC	KT-01 đến KT-04; KC-01 đến KC-04; Đ-01; Đ-02	
-	Hạng mục Nhà để xe công nhân	KC-02	
-	Hạng mục Trạm cân	KC-01; KC-02	
-	Hạng mục Đường dây 220kV & Trạm biến áp	MBC-01; SDNL-01; DZTA-1 đến DZTA-19; HR-01; MC-01; HTD-01	
2	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (hạng mục PCCC)		02 bộ
-	Hệ thống báo cháy	TMBC; BC-01 đến BC-07	
-	Hệ thống chữa cháy	CH-01/5 đến CH-04/5; CHT-01/9 đến CH-09/9	

Số: 257/TD-PCCC

Quảng Trị, ngày 27 tháng 8 năm 2021

V/v thẩm duyệt thiết kế về PCCC công trình  
Nhà máy sản xuất tấm calcium silicate  
(điều chỉnh một số hạng mục về PCCC)

Kính gửi: Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1717/TD-PCCC ngày 11/11/2019 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) - Công an tỉnh Quảng Trị;

Xét hồ sơ, văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/HPVC ngày 17/8/2021 của Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico;

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Trị đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

### I. Thông tin về nội dung điều chỉnh

1. Cột thép và khung kèo thép nhà xưởng được sơn chống cháy 90 phút.
2. Thay đổi vị trí: kho giấy; kho vật liệu khô ướt; nhà khí nén; bể nước PCCC; bể lắng nước thu hồi.
3. Thay đổi kiến trúc, kết cấu của Nhà điều hành, khu phụ trợ nhà xưởng.
4. Bổ sung: khu chứa gas; khu chứa oxy; nhà hút bụi; nhà bentonite.
5. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1717/TD-PCCC ngày 11/11/2019.

### II. Nội dung thẩm duyệt

1. Bậc chịu lửa của nhà và công trình;
2. Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống Sprinkler tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà; hệ thống chống sét; bình chữa cháy xách tay và bình chữa cháy tự động theo các tài liệu, bản vẽ ghi tại trang 2./29

#### Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (báo cáo);
- Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico;
- Đội Công tác phòng cháy;
- Lưu: PCCC (Đ1).



TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Lê Văn Tiền

**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ  
ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

*(Kèm theo Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy  
số 257/TĐ-PCCC, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Phòng Cảnh sát  
PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Trị)*

TT	NỘI DUNG		GHI CHÚ
I	<b>QUY MÔ CÔNG TRÌNH</b>		
-	Nhà xưởng sản xuất tấm calcium silicate và tấm đá có diện tích 12.933,6m <sup>2</sup> ; khu chứa gas có diện tích 32m <sup>2</sup> ; khu chứa oxy có diện tích 15m <sup>2</sup> ; nhà hút bụi có diện tích 3932m <sup>2</sup> ; nhà bentonite có diện tích 47m <sup>2</sup> ; kho vật liệu khô ướt có diện tích 53m <sup>2</sup> ; nhà khí nén có diện tích 50,8m <sup>2</sup> .		
II	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ</b>		
	<b>TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ</b>	<b>KÝ HIỆU</b>	
1	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công		01 bộ
-	Mặt bằng tổng thể	01-2021/A0:01/05	
-	Xưởng sản xuất tấm calcium silicate và tấm đá	01-2021/A1:01/07 đến 01-2021/A1:07/07; 01-2021/A1a:01/03 đến 01-2021/A1a:03/03; 01-2021/A1b:01/01; 01-2021/A1c:01/01; 01-2021/A1d:01/01; 01-2021/S1:01/07 đến 01-2021/S1:07/07; 01-2021/S1A:01/06 đến 01-2021/S1A:06/06; 01-2021/S1b:01/01; 01-2021/S1d:01/01	
-	Nhà khí nén	01-2021/A2:01/01; 01-2021/S2:01/03 đến 01-2021/S2:03/03	
-	Nhà vật liệu khô, ướt	01-2021/A8:01/01; 01-2021/S8:01/04 đến 01-2021/S8:04/04	
-	Nhà bentonite	01-2021/A9:01/02; 01-2021/A2:02/02; 01-2021/S9:01/02 đến 01-2021/S9:02/02;	
-	Nhà hút bụi	01-2021/A10:01/03 đến 01-2021/A10:03/03; 01-2021/S10:01/11 đến 01-2021/S10:11/11	
-	Nhà chứa bình gas	01-2021/A11:01/01; 01-2021/S11:01/02; 01-2021/S11:02/02	
-	Nhà chứa bình oxy	01-2021/A12:01/01; 01-2021/S12:01/01	
-	Nhà chứa rác	01-2021/A13:01/02; 01-2021/A13:02/02; 01-2021/S13:01/02; 01-2021/S13:02/02	
-	Nhà điều hành	01-2021/A18:01/02; 01-2021/A18:02/02	
2	Hệ thống PCCC		01 bộ
-	Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn	BC-01 đến BC-05	
-	Hệ thống cấp nước trong và ngoài nhà; hệ thống spinkler tự động; bình chữa cháy xách tay và bình chữa cháy tự động	CC-01 đến CC-21	
-	Hệ thống chống sét	CS-01 đến CS-05	

**Lưu ý:** Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./ 24

Số: 317/TD-PCCC

Quảng Trị, ngày 14 tháng 10 năm 2021

V/v thẩm duyệt thiết kế về PCCC công  
trình Nhà máy sản xuất tấm calcium silicate  
(hạng mục điều chỉnh vị trí bể chứa dầu)

Kính gửi: Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1717/TD-PCCC ngày 11/11/2019 và văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 257/TD-PCCC ngày 27/8/2021 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) - Công an tỉnh Quảng Trị.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về phòng cháy và chữa cháy số 03/HPVC ngày 08/10/2021 của Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico.

## I. THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

1. Điều chỉnh vị trí bồn chứa dầu;
2. Lắp đặt bổ sung hệ thống chữa cháy tự động bằng bọt khu vực bồn chứa dầu;
3. Lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy khu vực bồn chứa dầu;
4. Điều chỉnh hệ thống chống sét, nối đất, chống tĩnh điện.

## II. NỘI DUNG THẨM DUYỆT

1. Khoảng cách PCCC giữa nhà và công trình; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
2. Giao thông dành cho phương tiện chữa cháy;
3. Công nghệ xuất nhập dầu;
4. Hệ thống nối đất, chống tĩnh điện; hệ thống chống sét;
5. Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy tự động bằng bọt;
6. Bình chữa cháy có bánh xe.

Quy mô công trình và danh mục tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh phòng cháy và chữa cháy được kèm theo văn bản này. /s/

### Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (báo cáo);
- Như trên;
- Đội Công tác phòng cháy;
- Lưu: VT, PCCC.

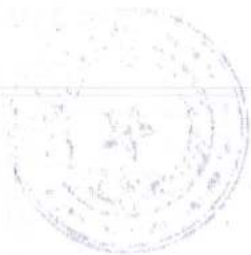
TRƯỞNG PHÒNG  
  
Đại tá Lê Văn Tiền

**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

(Kèm theo Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 317/TD-PCCC, ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Trị)

TT	NỘI DUNG		GHI CHÚ
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH		
-	Bể chứa dầu 35m <sup>3</sup> , hình trụ nằm ngang, đặt nổi; để ngăn tràn dầu diện tích 60m <sup>2</sup> .		
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ		
	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	
1	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công		
-	Mặt bằng báo cháy	BC BD	
-	Mặt bằng chữa cháy	CC BD	
-	Mặt bằng chống sét	CS BD	
-	Chi tiết bồn dầu	KT BD	

**Lưu ý:** Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./*Er*



Số: 348/NT-PCCC

Quảng Trị, ngày 28 tháng 10 năm 2021

V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC  
công trình Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate

Kính gửi: Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số số 1717/TD-PCCC ngày 11/11/2019, văn bản thẩm duyệt số 257/TD-PCCC ngày 27/8/2021, số 317/TD-PCCC ngày 14/10/2021 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH), Công an tỉnh Quảng Trị;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 01/ĐNKY ngày 21/10/2021 của Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico (người đại diện là ông: Nguyễn Trường Hải; chức vụ: Tổng Giám đốc);

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 25/10/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Quảng Trị;

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Quảng Trị chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của công trình Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate với các nội dung sau:

**Địa điểm xây dựng:** xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

**Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico.

**Đơn vị tư vấn giám sát:** Công ty TNHH tư vấn thiết kế Hoàn Cầu và Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Trường Vĩnh Thịnh.

**Đơn vị thi công:** Công ty TNHH Tiên Phong Quảng Trị và Công ty cổ phần cơ điện và phòng cháy chữa cháy Sao Việt.

**Quy mô công trình:** Nhà xưởng sản xuất tấm Calcium Silicate có diện tích 12.933,6m<sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.

**Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:**

1. Khoảng cách PCCC giữa nhà và công trình, đường và lối thoát nạn; giao thông dành cho phương tiện chữa cháy; bậc chịu lửa; bình chữa cháy xách tay; bình chữa cháy có bánh xe; bình chữa cháy tự động; hệ thống điện cấp cho hệ thống PCCC; hệ thống chống sét;

2. Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà; hệ thống sprinkler tự động;

3. Công nghệ xuất nhập dầu; hệ thống nổi đất, chống tĩnh điện; hệ thống chữa cháy tự động bằng bọt.

**Các yêu cầu kèm theo:**

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thời hạn sử dụng của sơn chống cháy GH-Paint kể từ khi sơn lên kết cấu thép là 20 năm (sau ngày 15/9/2041 phải sơn lại các cấu kiện xây dựng chính bằng sơn chống cháy bảo đảm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định);

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất hoạt động của công trình, hạng mục công trình phải bảo đảm theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định;

- Cung cấp hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình cho đơn vị quản lý, vận hành khi đưa công trình vào sử dụng để xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC là một trong những căn cứ để cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa công trình vào sử dụng, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- C07 - Bộ Công an (báo cáo);
- Đội Công tác phòng cháy;
- Lưu: VT, PCCC.

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Lê Văn Tiền

Số: 1421/QĐ-PC07

Quảng Trị, ngày 22 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy

**TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY  
VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

- Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ kết quả lớp huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- Theo đề nghị của đồng chí Đội trưởng Đội Công tác phòng cháy.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho 43 học viên thuộc lực lượng phòng cháy chữa cháy cơ sở Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico và một số cơ sở trên địa bàn tỉnh có nhu cầu huấn luyện đã được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy từ ngày 18/12/2021 đến ngày 19/12/2021 (Có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy có giá trị sử dụng trên phạm vi cả nước trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

**Điều 3.** Đội trưởng Đội Công tác phòng cháy, Đội trưởng đội Tham mưu và các cá nhân có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: PC07.



**TRƯỞNG PHÒNG**

**Đại tá Lê Văn Tiên**

**DANH SÁCH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐUÀN LUYỆN NGHIỆP VỤ PHÒNG CHÁY, CHỨA CHÁY**  
(Kèm theo Quyết định số: 1421/QĐ-PCCC ngày 22/12/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)



TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Ngày cấp	Nơi làm việc/thường trú	Ghi chú
1	Nguyễn Trần Sơn	1988	205449145	13/12/2020	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
2	Vũ Duy Lý	1981	141921087	05/07/2010	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
3	Nguyễn Văn Tiến	1994	197275943	14/12/2019	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
4	Trần Hữu Lam	1985	197187505	19/06/2019	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
5	Phạm Văn Quốc	1985	046085006101	17/07/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
6	Nguyễn Lâm Ngọc	1992	197295475	11/08/2009	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
7	Hoàng Văn Huy	1983	191461318	04/07/2011	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
8	Trần Minh Nhật	1985	19715 8816	17/04/2017	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
9	Võ Văn Quốc	1989	197196580	16/05/2006	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
10	Cáp Hữu Hoàng	1990	197248257	07/01/2008	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
11	Hồ Xuân Vinh	1984	197124715	31/01/2012	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
12	Nguyễn Trung Hương	1984	1971 844 86	08/11/2011	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	
13	Võ Công Kỳ	1983	1971 14954	12/02/2008	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo	



14	Nguyễn Quang Bảo Thi	1992	1972 97830	10/05/2020	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
15	Phạm Quý Trung	1997	1973 58138	13/09/2016	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
16	Hoàng Phát Đạt	1992	197285836	20/05/2014	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
17	Đỗ Ngọc Đức	1990	044090002636	21/08/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
18	Nguyễn Minh Chánh	1992	197270970	16/07/2019	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
19	Đặng Bá Quang	1986	197155158	25/09/2009	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
20	Nguyễn Chí	1994	197299903	30/08/2016	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
21	Lê Chí Ca rô	1989	197254227	18/06/2013	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
22	Nguyễn Văn Tiên	1993	197312313	03/02/2017	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
23	Nguyễn Gia Trãi	1990	19728 1180	19/08/2008	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
24	Lê Thanh Thông	1987	19717 4926	28/03/2014	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
25	Trần Thanh Rô	1993	1973 10787	11/02/2020	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
26	Lê Hữu Thời	1985	1971 753 64	23/04/2019	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
27	Lê Quang Trung	1990	19722 1058	07/02/2020	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
28	Đào Sĩ Đình Nguyễn	1993	045093003020	07/06/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
29	Cao Văn Quảng	1996	044096006644	14/08/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
30	Trần Thị Kiều Loan	1995	045195009157	07/9/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo

31	Nguyễn Thị Tuyền	1998	197411412	15/05/2015	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
32	Lê Thị Nguyễn	1993	197 271788	25/10/2008	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
33	Nguyễn Thị Thúy Vân	1994	044194000759	07/01/2000	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
34	Lê Phước Nghĩa	1967	191046971	11/12/2012	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
35	Lê Quang Hân	1968	045068009417	25/6/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú-ViCo
36	Đào Quang Minh	27/12/1991	045091007926	27/8/2021	Diên Sanh, Hải Lăng, Quảng Trị
37	Nguyễn Hữu Lành	28/8/1963	197149833	16/02/2016	Phường 3, Đông Hà, Quảng Trị
38	Nguyễn Đức Huấn	13/9/1984	197149550	10/7/2017	Phường 3, Đông Hà, Quảng Trị
39	Nguyễn Thị Phương Dung	01/01/1985	197134050	25/4/2014	TT Cam Lộ, Cam Lộ, Quảng Trị
40	Lê Văn Thọ	06/3/1993	045093008424	27/6/2021	Thị trấn Gio Linh, Gio Linh, Quảng Trị
41	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	28/6/1989	197210744	30/01/2012	Hiên Thành, Vĩnh Linh, Quảng Trị
42	Hoàng Ngọc Thùy	14/3/1972	045072010915	25/6/2021	Triệu Tài, Triệu Phong, Quảng Trị
43	Nguyễn Đức Hạnh	01/11/1992	197301205	09/10/2018	Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị



Số: 57/QĐ-PC07

Quảng Trị, ngày 13 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ**

**TRƯỞNG PHÒNG  
CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

Căn cứ kết quả lớp huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ theo Kế hoạch số 1779/KH-PC07 ngày 27/12/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Đội trưởng Công tác phòng cháy.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ cho 35 học viên là lực lượng PCCC cơ sở của Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico đã được huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ từ ngày 30/12/2023 và ngày 04, 05, 06/01/2023 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ có giá trị 05 năm và có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Đội trưởng Đội Công tác phòng cháy, Đội trưởng Đội Tham mưu và các cá nhân có tên ghi ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, PC07 (Đ2).

**TRƯỞNG PHÒNG**  
  
Thượng tá Lê Văn Hoàng

**DANH SÁCH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ CỨU NẠN, CỨU HỘ**  
(Kèm theo Quyết định số: 57/QĐ-PCCC ngày 13/01/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)



TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/CCCD	Ngày cấp	Nơi làm việc/thường trú	Ghi chú
1	Nguyễn Trần Sơn	1988	205449145	13/12/2020	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236773
2	Vũ Duy Lý	1982	141921087	05/12/1982	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236774
3	Nguyễn Văn Tiến	1994	197275943	29/6/1994	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236775
4	Trần Hữu Lam	1985	197187505	19/6/2019	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236776
5	Hoàng Văn Huy	1982	046083007691	10/5/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236777
6	Trần Minh Nhật	1985	197158816	17/4/2017	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236778
7	Võ Văn Quốc	1989	197196580	31/8/2014	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236779
8	Cáp Hữu Hoàng	1990	197248257	31/8/2014	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236780
9	Hồ Xuân Vinh	1984	045084004476	21/6/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236781
10	Nguyễn Trung Hương	1984	045084004782	25/6/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236782
11	Võ Công Kỳ	1983	045083006966	27/8/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236783
12	Nguyễn Quang Bảo Thi	1992	045092003509	21/6/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236784
13	Trần Đình Thụ	1992	197265570	6/3/2018	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236785
14	Hoàng Phát Đạt	1992	045092010630	21/9/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236786

15	Đỗ Ngọc Đức	1990	044090002636	7/11/2022	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236787
16	Nguyễn Minh Chánh	1992	19720970	16/7/2019	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236788
17	Nguyễn Chí	1994	197299903	30/8/2016	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236789
18	Lê Chí Ca Rô	1989	19725427	13/6/2013	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236790
19	Nguyễn Văn Tiên	1993	197312313	3/2/2017	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236791
20	Nguyễn Gia Trãi	1990	197281180	31/8/2014	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236792
21	Lê Thanh Thông	1987	045087009150	25/6/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236793
22	Trần Thanh Rô	1993	0450930008363	25/6/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236794
23	Lê Hữu Thời	1985	045085001061	23/04/2019	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236795
24	Lê Quang Trung	1990	197221058	31/8/2014	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236796
25	Đào Sĩ Đình Nguyễn	1993	045093003020	27/6/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236797
26	Cao Văn Quảng	1996	194562383	13/07/2014	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236798
27	Nguyễn Thị Dương	1990	0451900008300	21/8/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236799
28	Nguyễn Thị Tuyền	1998	1977411412	15/5/2015	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236800
29	Lê Thị Nguyễn	1993	197271787	25/10/2008	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236801
30	Lê Phước Nghĩa	1967	191046971	11/12/2012	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236802
31	Lê Quang Hân	1968	045068009417	25/6/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236803

32	Nguyễn Tuấn Vũ	1994	197339058	8/10/2011	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236804
33	Lê Nam Định	1966	191308669	11/12/2012	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236805
34	Lê Văn Diễn	1991	045091006223	25/6/2021	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236806
35	Nguyễn Hoàng Quân	1995	049095002437	27/7/2022	Công ty Cổ phần Hiệp Phú Vico	0236807



## QUYẾT ĐỊNH

Từ: Ông PHẠM VĂN HÙNG

Số: HPVC/DEC/001/2025

Ngày: 01/04/2025

Hiệu lực: 01/04/2025

Chủ đề: THÀNH LẬP ĐỘI PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY CƠ SỞ

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001 và Luật phòng cháy, chữa cháy sửa đổi ngày 22/11/2013.
- Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi ngày 24/11/2020.
- Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.
  - Căn cứ vào tình hình thực tế tại công ty.
  - Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Nhà máy Hiệp Phú - Vico.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Nay quyết định thành lập Đội Phòng cháy và chữa cháy cơ sở tại Công ty CP Hiệp Phú-Vico

Gồm có: 25 người (Có danh sách kèm theo).

- Ban chỉ huy đội phòng cháy cơ sở bao gồm:

Ông: Phạm Văn Hùng	- Giám đốc Nhà máy	: Phụ trách chung
Ông: Nguyễn Hoàng Quân	- Giám sát EHS &WCM	: Đội trưởng
Ông: Nguyễn Văn Tiến	- Trưởng bộ phận sản xuất	: Đội phó
Ông: Trần Hữu Lam	- Trưởng ca sản xuất	: Đội phó
Ông: Lê Chí Ca Rô	- Trưởng ca sản xuất	: Đội phó

- Danh sách các thành viên theo danh mục đính kèm.

CÔNG TY TNHH SAINT-GOBAIN VIỆT NAM

Tầng 8, Tòa nhà SOFIC, 10 Mai Chí Thọ, P.Thủ Thiêm, Tp. Thủ Đức, Hồ Chí Minh  
ĐT: (028) 3930 7273 - Fax: (028) 3930 7274 - Website: www.saint-gobain.com.vn





**Điều 2:** Ban chỉ huy Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở có trách nhiệm:

- Lập kế hoạch tập huấn, diễn tập, theo dõi, giám sát việc chấp hành nội qui về phòng cháy và chữa cháy của các phòng ban trong công ty.
- Trực tiếp chỉ đạo đội viên và toàn nhân viên nhà máy tiến hành dập tắt đám cháy khi có sự cố cháy nổ xảy ra tại cơ sở.
- Báo cáo định kì về công tác Phòng cháy và chữa cháy của công ty đến ban lãnh đạo.

**Điều 3:** Ban chỉ huy và các ông/bà có nêu trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Điều 4:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày: 01/04/2025.

Nơi nhận:

- Các phòng ban của công ty SGPCV
- Các thành viên ban quản lý hệ thống môi trường
- Lưu VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ – VICO**  
**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ – VICO**  
Thôn Trà Trì, xã Hải Hưng  
huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị  
**MST: 3 200 693 283**

**PHẠM VĂN HÙNG**

**CÔNG TY TNHH SAINT-GOBAIN VIỆT NAM**

Tầng 8, Tòa nhà SOFIC, 10 Mai Chí Thọ, P.Thủ Thiêm, Tp. Thủ Đức, Hồ Chí Minh  
ĐT: (028) 3930 7273 - Fax: (028) 3930 7274 - Website: www.saint-gobain.com.vn





**DANH SÁCH ĐỘI PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY NĂM 2025**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ VICO**

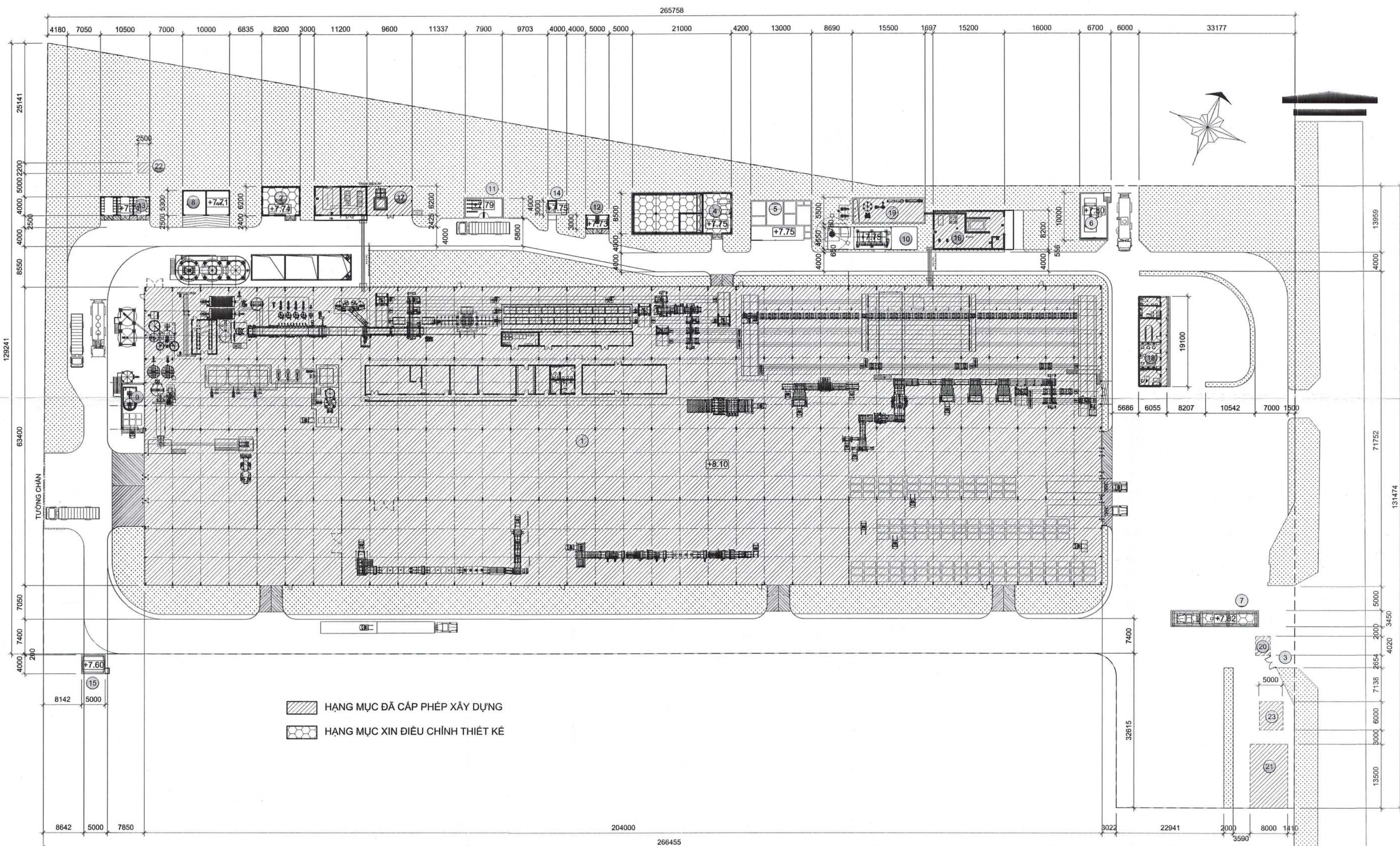
(Đính kèm quyết định thành lập đội PCCC Cơ sở  
số HPVC/DEC/QĐ.../2025, Ngày Đ.../04.../2025)

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Chức danh
1	Nguyễn Hoàng Quân	Giám sát EHS &WCM	Đội trưởng
2	Nguyễn Văn Tiến	TBP sản xuất	Đội phó
3	Trần Hữu Lam	Trưởng Ca SX	Đội phó
4	Lê Chí Ca Rô	Trưởng Ca SX	Đội phó
5	Trần Minh Nhật	Kỹ sư dự án	Đội viên chữa cháy
6	Võ Văn Quốc	Nv Kho	Đội viên chữa cháy
7	Cáp Hữu Hoàng	Nv Kho	Đội viên chữa cháy
8	Hồ Xuân Vinh	Nv vận hành	Đội viên chữa cháy
9	Đào Sĩ Đình Nguyên	Nv vận hành	Đội viên chữa cháy
10	Võ Công Kỳ	Nv vận hành	Đội viên chữa cháy
11	Hoàng Phát Đạt	Nv vận hành	Đội viên chữa cháy
12	Đỗ Ngọc Đức	Bảo trì	Đội viên chữa cháy
13	Nguyễn Minh Chánh	Trưởng ca SX	Đội viên chữa cháy
14	Nguyễn Chí	Bảo trì	Đội viên chữa cháy
15	Nguyễn Văn Tiên	SUP Bảo trì	Đội viên chữa cháy
16	Nguyễn Gia Trãi	Nv QC	Đội viên sơ cấp cứu
17	Lê Thanh Thông	Nv QC	Đội viên sơ cấp cứu
18	Trần Thanh Rô	Nv vận hành	Đội viên sơ cấp cứu
19	Lê Hữu Thời	Nv vận hành	Đội viên sơ cấp cứu
20	Cao Văn Quảng	Nhân Sự	Đội viên sơ cấp cứu
21	Nguyễn Thị Tuyền	Kỹ sư PQC	Đội viên sơ tán, điểm danh
22	Lê Thị Nguyên	Thống kê	Đội viên sơ tán, điểm danh
23	Lê Phước Nghĩa	Bảo vệ	Đội viên (thông tin đến PCCC, SCC)
24	Lê Quang Hân	Bảo vệ	Đội viên (thông tin đến PCCC, SCC)
25	Trần Thị Kiều Loan	Nhân viên Kho	Đội viên sơ tán, điểm danh

**CÔNG TY TNHH SAINT-GOBAIN VIỆT NAM**

Tầng 8, Tòa nhà SOFIC, 10 Mai Chí Thọ, P.Thủ Thiêm, Tp. Thủ Đức, Hồ Chí Minh  
ĐT: (028) 3930 7273 - Fax: (028) 3930 7274 - Website: www.saint-gobain.com.vn





HẠNG MỤC ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG  
 HẠNG MỤC XIN ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH**  
 Theo văn bản thẩm định số: 2.110./SXĐ  
 Ngày: 11/11/2021  
 Cán bộ chủ trì thẩm định ký tên

MẶT BẰNG TỔNG THỂ - TỶ LỆ : 1/600

**BẢNG THÔNG KẾ SỬ DỤNG ĐẤT**

Ký hiệu	Loại đất	Nội dung xin điều chỉnh theo giấy phép 69/GPXD và 47/DCGPXD	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
I	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH		14.286,0	47,20
1	- XƯỞNG SẢN XUẤT TÂM CALCIUM SILICATE VÀ TÂM ĐÁ	ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG	12.933,6	
2	- NHÀ KHÍ NÉN (KHÔNG KHÍ)	XIN ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ	50,8	
3	- CÔNG PHỤ	XIN PHÉP XÂY DỰNG MỚI	178,5	
4	- BỂ NƯỚC SINH HOẠT+PCCC	XIN ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ	107,5	
5	- XỬ LÝ NƯỚC THẢI	XIN PHÉP XÂY DỰNG MỚI	60,0	
6	- BÓN ĐẦU	XIN ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ	64,3	
7	- TRẠM CÁN	XIN PHÉP XÂY DỰNG MỚI	53,0	
8	- NHÀ VẬT LIỆU KHÔ ƯỚT	XIN PHÉP XÂY DỰNG MỚI	47,0	
9	- NHÀ BENTONITE	XIN PHÉP XÂY DỰNG MỚI	36,4	
10	- NHÀ HỤT BỤI	XIN PHÉP XÂY DỰNG MỚI	32,0	
11	- KHU CHỨA GAS	XIN PHÉP XÂY DỰNG MỚI	15,0	
12	- KHU CHỨA OXY	XIN PHÉP XÂY DỰNG MỚI	42,0	
13	- NHÀ CHỨA RÁC	XIN PHÉP XÂY DỰNG MỚI	12,0	
14	- BỂ NƯỚC TỰƠI CÂY(BỂ NGÂM)	XIN PHÉP XÂY DỰNG MỚI	20,0	
15	- BỂ CHỨA NƯỚC THẢI SÂU XỬ LÝ (BỂ NGÂM)	XIN PHÉP XÂY DỰNG MỚI	124,6	
16	- NHÀ NỒI HƠI KHÍ NÓNG	ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG	129,0	
17	- NHÀ ĐÁT MÁY PHÁT ĐIỆN	ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG	115,7	
18	- KHU NHÀ HÀNH CHÍNH	ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG	109,0	
19	- BẾ LANG THU HƠI	ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG	12,0	
20	- NHÀ BẢO VỆ KHU CALCIUM SILICATE	ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG	108,0	
21	- NHÀ BẾ XE KHU NHÀ MÁY CALCIUM SILICATE	ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG	5,5	
22	- ĐAI NƯỚC	ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG	30,1	
23	- NHÀ NGHỈ LAI XE	ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG	6.054,0	20,00
II	CÂY XANH		9.927,0	32,80
III	SÂN BALU/ƯƠNG NỘI BỘ		30.267,0	100,00
	Tổng cộng			

CHỦ ĐẦU TƯ (INVESTOR)

**DURaflex**  
SAINT-GOBAIN

CTY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ - VICO

REVISION	DATE

LOẠI HỒ SƠ (ISSUE FOR)

THAM KHẢO  REFERENCE

THIẾT KẾ CƠ SỞ  PRELIMINARY

TRÌNH DUYỆT  YOUR APPROVAL

THI CÔNG  CONSTRUCTION

HIỆU CHỈNH  REVISED

HOÀN CÔNG  AS-BUILT

THẨM TRA THIẾT KẾ (DESIGN EXAMINATION OF CONSULTANT)

THỎA THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ (APPROVAL OF EMPLOYER)

GLOBAL DESIGNING CONSULTING Co., Ltd.

**GDCC**  
PROFESSIONAL CONSULTANT

ADD: 19th floor, Indochina Park Tower  
 4 Nguyễn Đình Chiểu Street, District 1 - HCMC  
 Tel: (84 - 9) 3865776 Fax: (84 - 8) 38637304

GIÁM ĐỐC (Director)  
 K.S. TRẦN ĐÌNH THÁI  
 CHỮ TÊN (Issued by)

KTS. HOÀNG NGUYỄN THỊ  
 THIẾT KẾ (Design by)

KTS. HOÀNG NGUYỄN THỊ  
 VẼ (Drawn by)

K.S. PHAN MINH CHÁNH TRIẾT  
 KÈM (Checked by)

K.S. TRẦN ĐĂNG LÂM

TÊN CÔNG TRÌNH (Project name)  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÂM CALCIUM SILICATE

THÔN TRÀ TRÍ, XÃ HẢI HƯNG, HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC (Item)

**TỔNG THỂ**

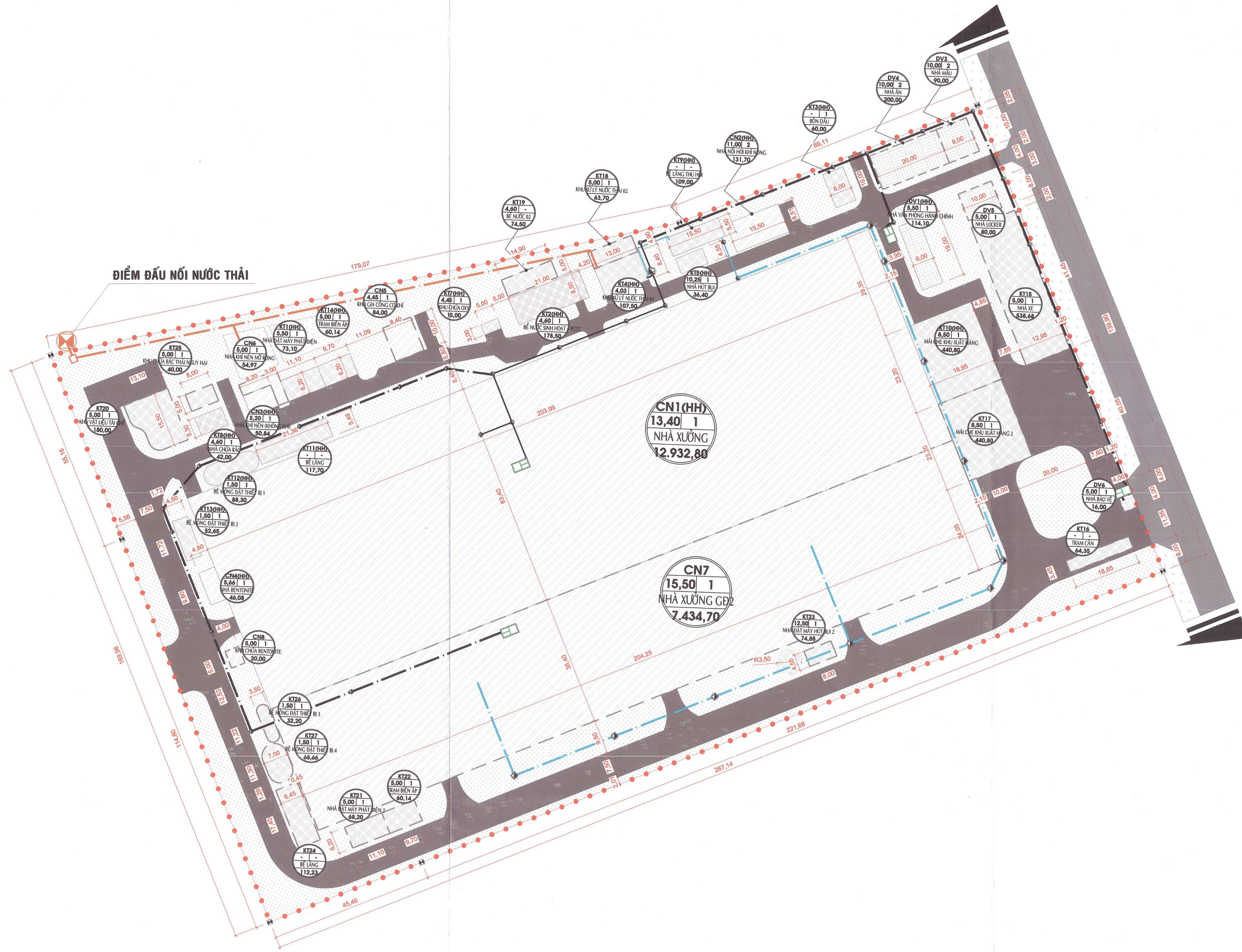
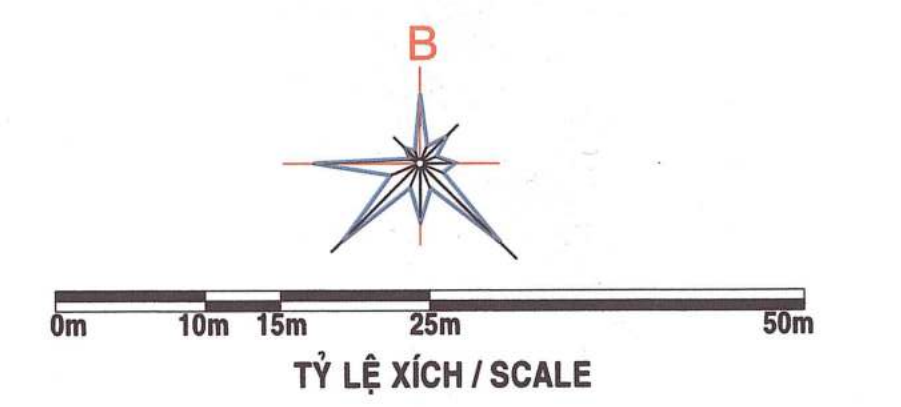
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)  
**MẶT BẰNG TỔNG THỂ**

TỶ LỆ SCALE	TỔNG BẢN VẼ DWG.TOTAL	03

SỐ BẢN VẼ DWG.No 01-2021/A0:01/03

NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE

QUY HOẠCH CHI TIẾT RÚT GỌN (QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG) TỶ LỆ 1:500  
 1:500 SCALE SHORT DETAILS PLANNING ( THE MASTER PLAN GROUND)  
**XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẮM CALCIUM SILICATE**  
 ĐỊA ĐIỂM: THÔN TRÀ TRÌ PHÚ, XÃ HẢI HƯNG, HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ  
 ADDRESS: TRA TRI PHU HAMLET, HAI HUNG COMMUNE, HAI LANG DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE  
**BẢN VẼ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI**



**BẢNG THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG HIỆN TRẠNG**

STT	VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
<b>HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI</b>			
1	CÔNG HDPE 150	m	253,60
2	CÔNG HDPE 200	m	456,60
3	HỐ GA THU NƯỚC THẢI	cái	29,00
4	HẦM TỰ HOẠI	cái	3,00

**BẢNG THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG XÂY MỚI**

STT	VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
<b>HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI</b>			
1	CÔNG HDPE 150	m	289,30
2	CÔNG HDPE 200	m	318,80
3	HỐ GA THU NƯỚC THẢI	cái	12,00
4	HẦM TỰ HOẠI	cái	1,00

KÍ HIỆU	CHỨC NĂNG
	ỐNG NGẮM THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT HIỆN HỮU
	ỐNG NGẮM THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT HIỆN HỮU
	ỐNG NGẮM THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT XÂY MỚI
	ỐNG NGẮM THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT XÂY MỚI
	ỐNG NGẮM THOÁT NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ
	HỐ GA THU NƯỚC THẢI
	BỂ TỰ HOẠI - THU NƯỚC THẢI

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / APPROVED AUTHORIZER:  
 ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG  
 THE PEOPLES COMMITTEE OF HAI LANG DISTRICT

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / TERIFIED AUTHORIZER:  
 PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG - ĐÔ THỊ  
 DIVISION OF ECONOMIC INFRASTRUCTURE AND URBAN DEVELOPMENT

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / TERIFIED AUTHORIZER:  
 CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ-VICO  
 HIỆP PHÚ-VICO JOINT STOCK COMPANY

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUẢN LÝ / ORGANIZATION OF PLANNING:  
 CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ-VICO  
 HIỆP PHÚ-VICO JOINT STOCK COMPANY

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:  
**BẢN VẼ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI**

SỐ BẢN VẼ / DRG NO. | GHÉP / PAPER: 1A0 | TỶ LỆ / SCALE: 1:500 | NGÀY / DATE: 2025

THIẾT KẾ / DRAWN BY: KS. PHAN THANH LOAN | PHAN THANH LOAN ENGINEER

CHỦ TRÌ DỰ ÁN / PROJECT PRINCIPAL: KS. PHAN THANH LOAN | PHAN THANH LOAN ENGINEER

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT MANAGER: KTS. TRẦN VĂN GIÀU | TRẦN VĂN GIÀU ARCHITECT

TRƯỞNG PHÒNG / MANAGER: KTS. LÊ NGUYỄN THỊ THANH TRÚC | LÊ NG TH THANH TRUC ARCHITECT

Q.L.KỸ THUẬT / CHECKER: KS. ĐINH TẤT VŨ | ĐINH TẤT VŨ ENGINEER

VIÊN TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ) / DIRECTOR:

LE THANH CHUNG / LE THANH CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ĐÔNG NAI  
 DONAI INDUSTRIAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY

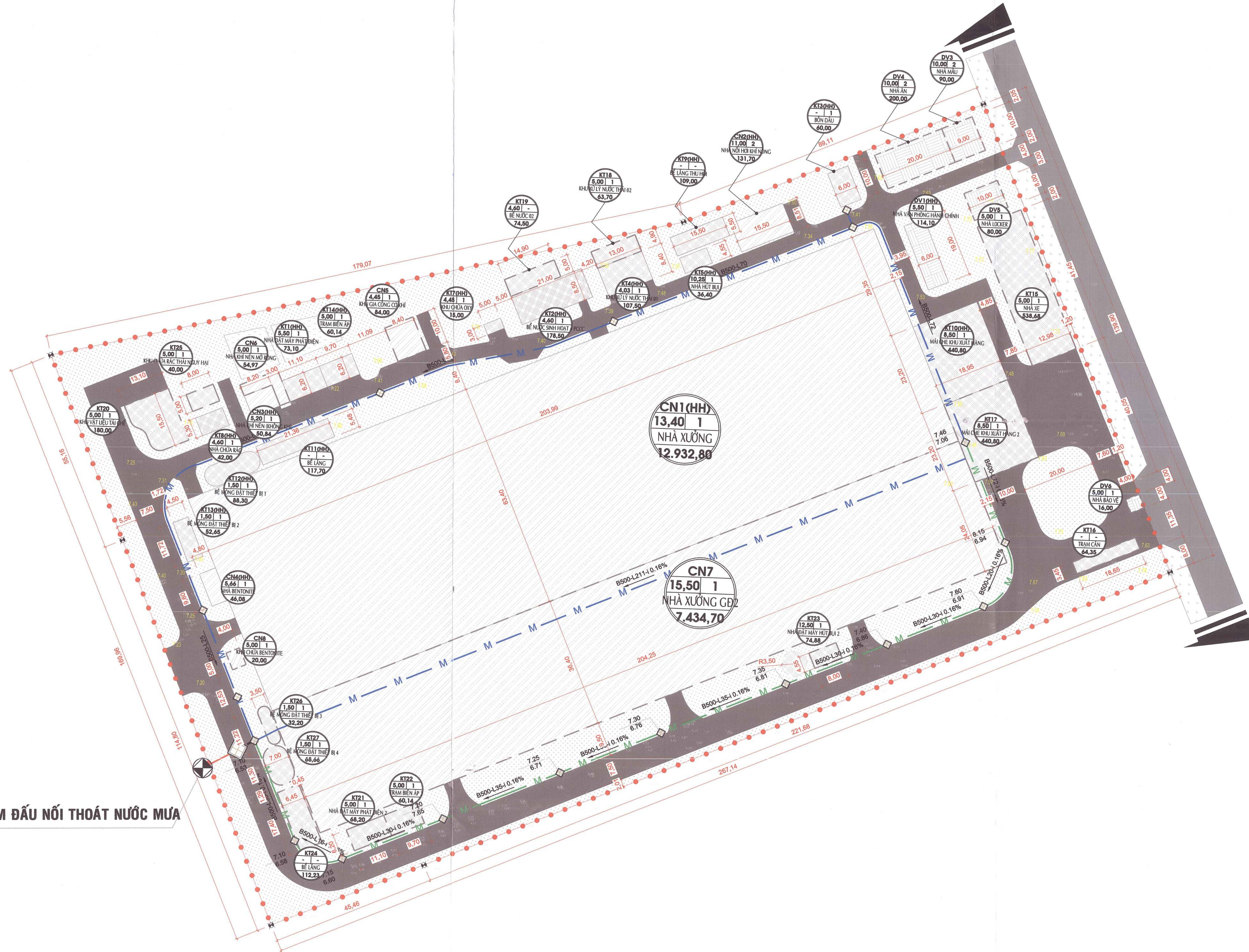
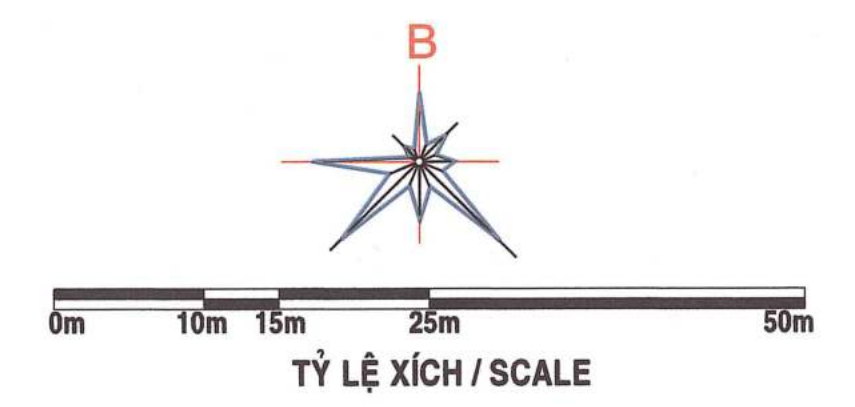
QUY HOẠCH CHI TIẾT RÚT GỌN (QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG) TỶ LỆ 1:500  
1:500 SCALE SHORT DETAILS PLANNING ( THE MASTER PLAN GROUND)

# XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CALCIUM SILICATE

ĐỊA ĐIỂM: THÔN TRÀ TRÌ PHÚ, XÃ HẢI HƯNG, HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

ADDRESS: TRA TRI PHU HAMLET, HAI HUNG COMMUNE, HAI LANG DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE

## BẢN VẼ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA



**KÝ HIỆU / LEGENDS:**

- CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TÀNG / CHƯA XÂY DỰNG. (New Construction Factory)
- CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ / CHƯA XÂY DỰNG. (New Construction Administrative - services)
- CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT, PHỤ TRỢ / CHƯA XÂY DỰNG. (New Infrastructure)
- CÂY XANH - CẢNH QUAN (Landscape)
- CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TÀNG / HIỆN TRẠNG. (Current status quo of Warehouse Factory)
- CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ / HIỆN TRẠNG. (Current status quo of Construction Administrative - services)
- CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT, PHỤ TRỢ / HIỆN TRẠNG. (Current status quo of Infrastructure)
- ĐẤT GIAO THÔNG KHU CÔNG NGHIỆP (Industrial Zone Traffic Land)
- GIAO THÔNG NỘI BỘ KHU QUY HOẠCH (Traffic for Container Car)
- VIA HÈ (Footpath)
- SÂN BÃI ĐÓ XE (Container Yard)
- RANH QUY HOẠCH (Boundary Planning)

**KÍ HIỆU LỖ - Slot Symbol**  
CN, DV, KT... (New Construction Land Symbol)  
CN, (HH), DV, (HH), KT, (HH) (Existing Land Symbol)

**CHIỀU CAO XÂY DỰNG TỐI ĐA (m)**  
37 | 2 | 2 (Tầng Cao Xây Dựng Tối Đa (Tầng) / The Highest Building Layer (Floor))  
Van phòng 4.000.0 (Diện Tích Xây Dựng Tối Đa (m<sup>2</sup>) / Area (m<sup>2</sup>))

**BẢNG THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG HIỆN TRẠNG**

STT	VẬT TƯ	ĐƠN VI	SỐ LƯỢNG
<b>HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA</b>			
1	CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA B500	m	523,42
2	HỐ GA THU NƯỚC MƯA	cái	9,00

**BẢNG THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG XÂY MỚI**

STT	VẬT TƯ	ĐƠN VI	SỐ LƯỢNG
<b>HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA</b>			
1	CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA B500	m	265,93
2	HỐ GA THU NƯỚC MƯA	cái	9,00
3	CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA D1200	cái	10,90

KÍ HIỆU	CHỨC NĂNG
→	HƯỚNG THOÁT NƯỚC MƯA
□	HỐ GA THU NƯỚC MƯA
i-0,3%	ĐỘ DỐC (%)
— M —	CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA NGẦM D1200
— M —	CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA NGẦM XÂY MỚI
— M —	CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA NGẦM HIỆN HỮU

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / APPROVED AUTHORITY:  
**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG**  
THE PEOPLE'S COMMITTEE OF HAI LANG DISTRICT

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / TERIFIED AUTHORIZES:  
**PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG - ĐÔ THỊ**  
DIVISION OF ECONOMIC INFRASTRUCTURE AND URBAN DEVELOPMENT

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT (BÊN D) / AGREE AUTHORIZES (CONDITOR):  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ-VICO**  
HIỆP PHÚ-VICO JOINT STOCK COMPANY

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP DỰ ÁN / ORGANIZATION OF PLANNING:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ-VICO**  
HIỆP PHÚ-VICO JOINT STOCK COMPANY

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM / PROJECT - LOCATION:  
QUY HOẠCH CHI TIẾT RÚT GỌN (QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG) TỶ LỆ 1:500 / 1:500 SCALE SHORT DETAILS PLANNING (THE MASTER PLAN GROUND)  
XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CALCIUM SILICATE

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:  
**BẢN VẼ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA**

SỐ BẢN VẼ / DRG NO. / GHEP / PAPER: 1A0 TỶ LỆ / SCALE: 1:500 NGÀY / DATE: 2025

THIẾT KẾ / DRAWN BY: K.S. PHAN THANH LOAN  
PHAN THANH LOAN ENGINEER

CHỦ TRƯỞNG DỰ ÁN / PROJECT PRINCIPAL: K.S. PHAN THANH LOAN  
PHAN THANH LOAN ENGINEER

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN / PROJECT MANAGER: K.T.S. TRAN VAN GIU  
TRAN VAN GIU ARCHITECT

TRƯỞNG PHÒNG / MANAGER: K.T.S. LÊ NGUYỄN THỊ THANH TRÜC  
LÊ NG TH THANH TRUC ARCHITECT

Q.L.KÝ THẬT / CHECKER: K.S. ĐINH TẤT VŨ  
ĐINH TAT VU ENGINEER

VIÊN TRƯỞNG GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DIRECTOR: (Signature)

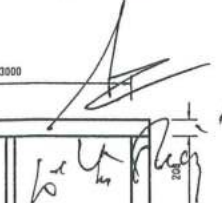
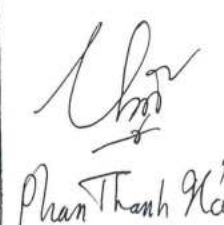
LE THANH GIANG / LE THANH GIANG

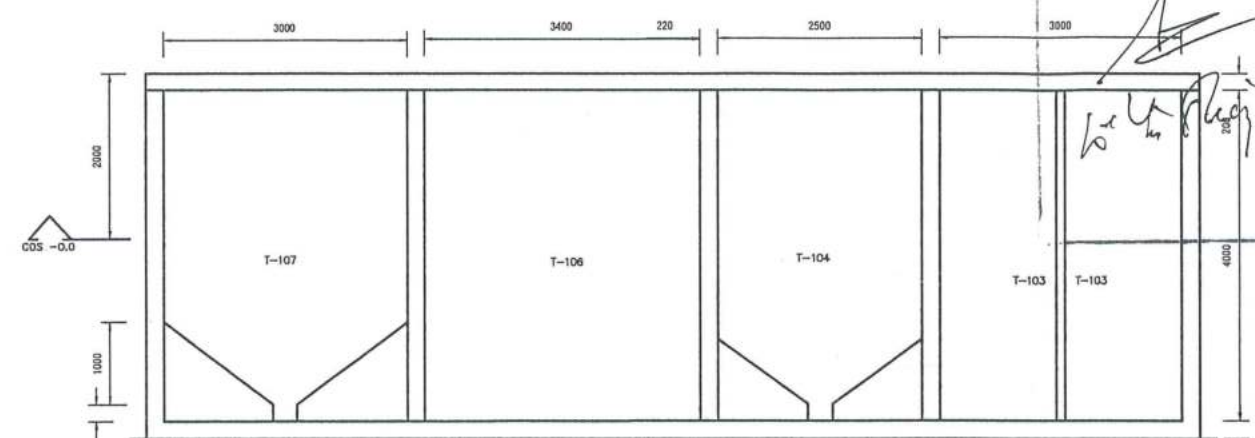
ĐƠN VỊ MÃN DƯỠNG DỰ ÁN / PROJECT CONSULTANT:  
**DONIS** CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ĐÔNG NAI  
DONIS INDUSTRIAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY



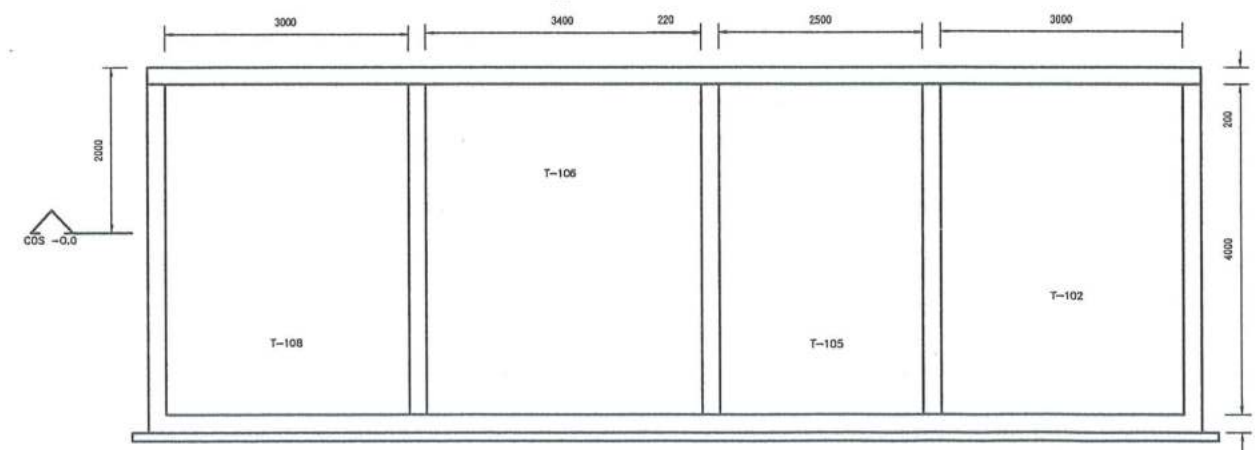
# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 10 năm 2021

<b>Người lập</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) 	<b>Chỉ huy trưởng công trình</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) 	<b>Tư vấn giám sát</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	<b>Chủ đầu tư</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) BNSKH - Chủ đầu tư CÔNG TY CỔ PHẦN HEP PHU VICO Ông Lê Văn X. Mã Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Số điện thoại: 0913 875 786/079
---	---	--	---



MẶT CẮT 1 - 1



MẶT CẮT 2-2

DESIGNER PARTY - ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHAU  
 ACHAU TECHNOLOGY AND CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Office Văn phòng:  
 Số nhà 17B, T.4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội  
 Mail: achau@achau.vn

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - DỰ ÁN  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ MƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM  
 LOCATION - ĐỊA ĐIỂM  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÁP CACLUM SILICAT  
 THÔN TRÀ TRƯ, HẢI LƯƠNG, HẢI LƯƠNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

ITEM - HÀNG LẠC  
 CUNG CẤP, LẮP BẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ  
 CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HEP PHU VICO

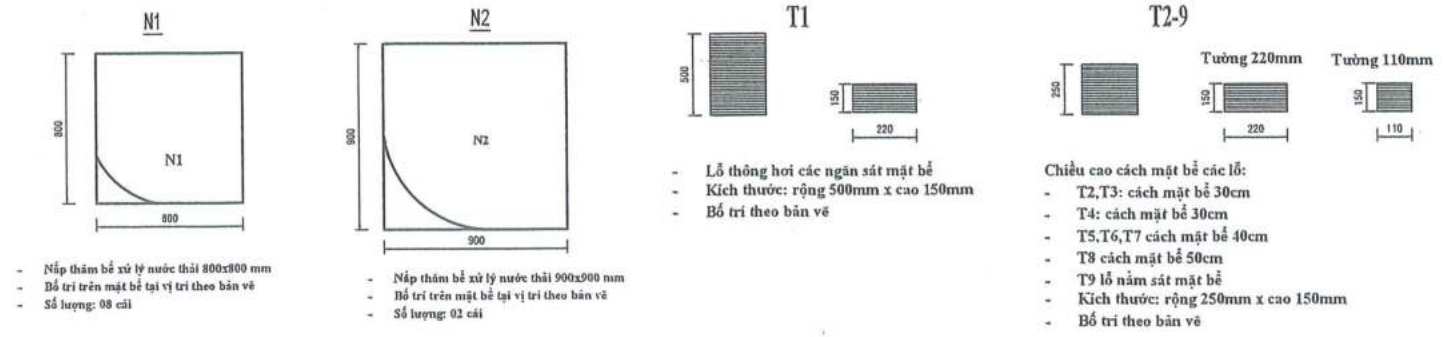
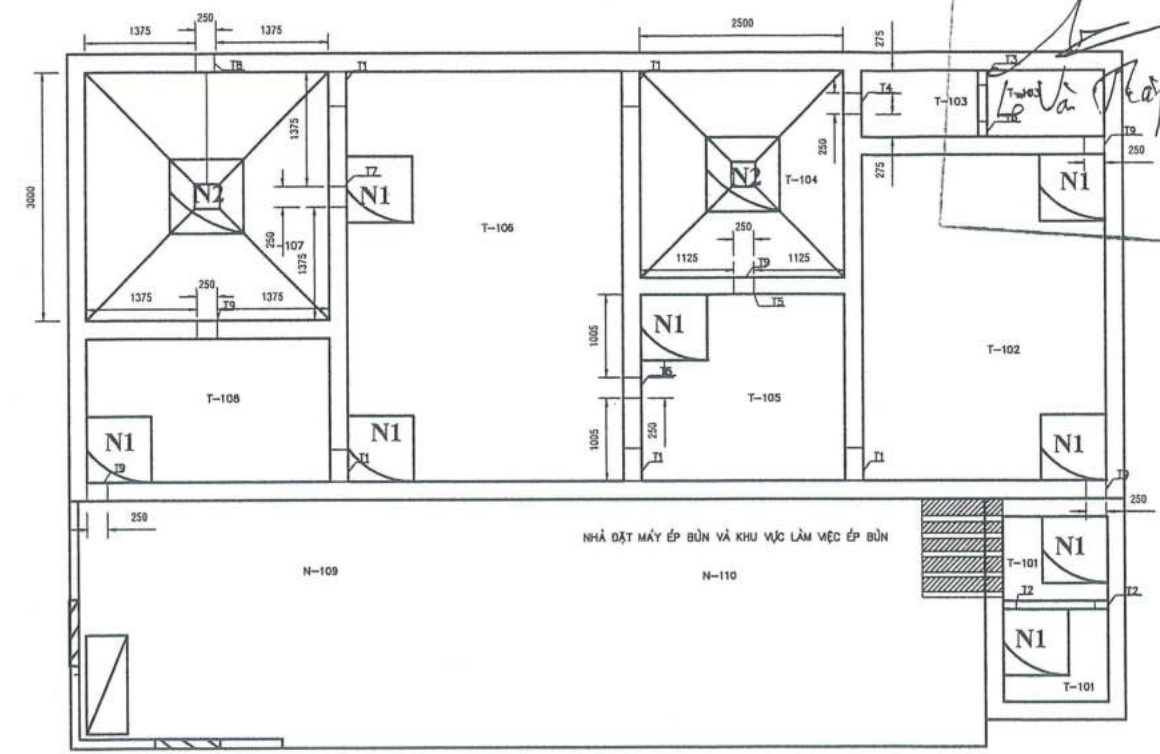
ERRANDS - TÊN BẢNG  
 MẶT CẮT

MANAGER DESIGNER - CHỦ THÌ THIẾT KẾ	
DESIGNER - THIẾT KẾ	
ERRANDS - VE	
CHECKER - KIỂM TRA	

DATE	08/2021	P. STAGE
SCALE	---	T. TEXT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ... 01 ... tháng ... 10 ... năm 20... 21

MẶT BẰNG BỐ TRÍ NẮP THĂM, LỖ CHỜ HỆ THỐNG



- Nắp thăm bề xử lý nước thải 800x800 mm
- Bố trí trên mặt bể tại vị trí theo bản vẽ
- Số lượng: 08 cái
- Nắp thăm bề xử lý nước thải 900x900 mm
- Bố trí trên mặt bể tại vị trí theo bản vẽ
- Số lượng: 02 cái

- Lỗ thông hơi các ngăn sát mặt bể
- Kích thước: rộng 500mm x cao 150mm
- Bố trí theo bản vẽ

- Chiều cao cách mặt bể các lỗ:
- T2, T3: cách mặt bể 30cm
- T4: cách mặt bể 30cm
- T5, T6, T7 cách mặt bể 40cm
- T8 cách mặt bể 50cm
- T9 lỗ nằm sát mặt bể
- Kích thước: rộng 250mm x cao 150mm
- Bố trí theo bản vẽ

Người lập  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Chỉ huy trưởng công trình  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Tư vấn giám sát  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Chủ đầu tư  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

PROJECT MANAGER  
Nguyễn Văn Uy

**ACHAU**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU  
 ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT SERVICES COMPANY

Địa chỉ Văn phòng:  
 Số nhà 17B, Tờ 4, Phường Hòa Hưng, Quận Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh  
 Mail: achau.vn@proton.com

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - DỰ ÁN  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM  
 (CƠ SỞ - ĐÀ BÈNH)  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CACLIUM SILICAT  
 THÔN TRÀ TRÌ, HƯNG HƯƠNG, HẢI LĂNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

ITEM - HÀNG HÓA  
 CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ  
 CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HÉP PHẾ VICO

CRANING NAME - TÊN BÀN VẼ  
 NẮP THĂM VÀ LỖ CHỜ

MANAGER DESIGNER - CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
DESIGNER - THIẾT KẾ	
CRANING - VẼ	
CHECKER - KIỂM TRA	

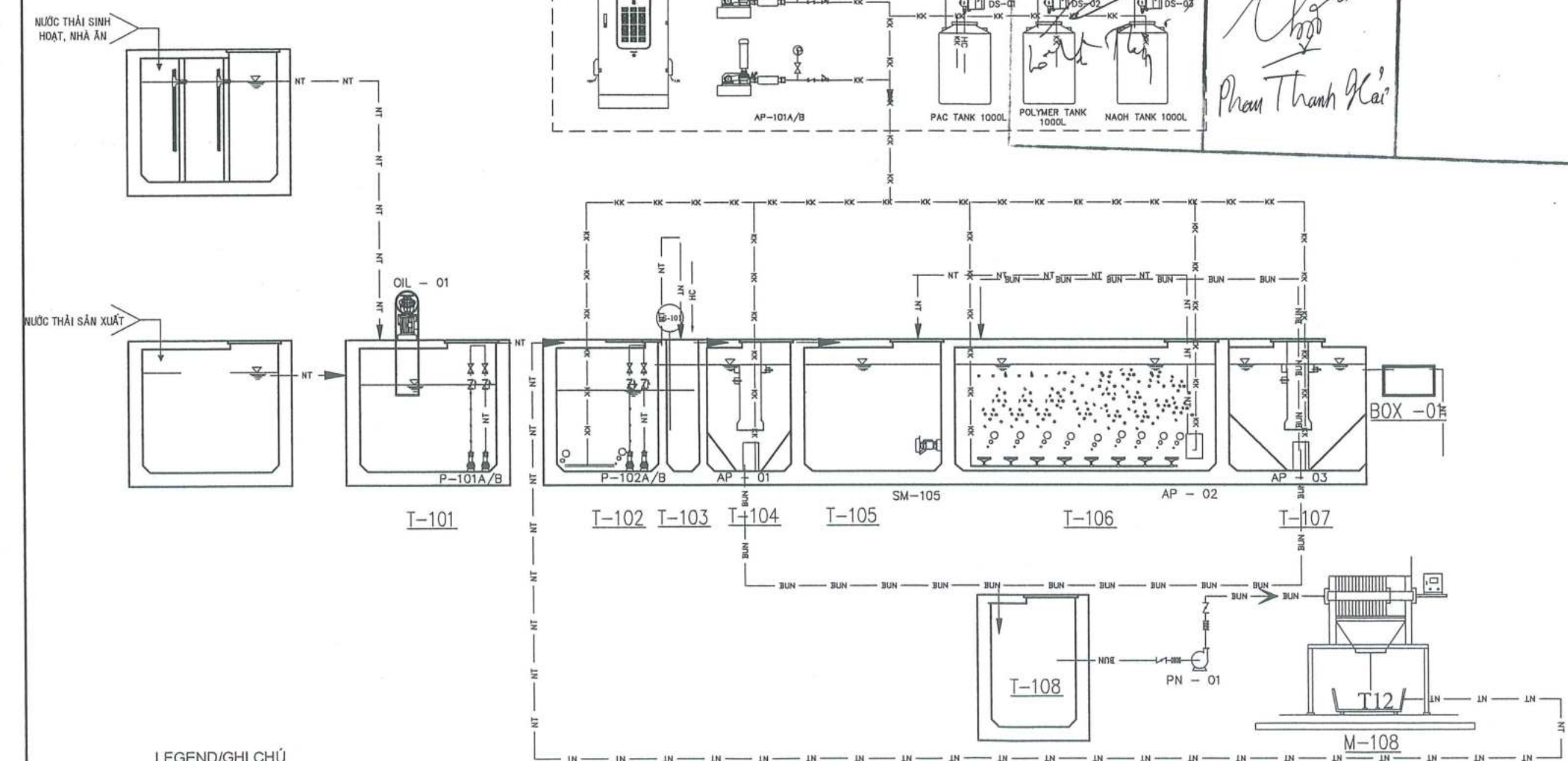
DATE	06/09/21	P. STAGE
SCALE		TEXT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN ÁCHAU

# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... 07 ... tháng ... 10 ... năm 20... 21

<b>Người lập</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  <i>Phạm Thanh Hải</i>	<b>Chỉ huy trưởng công trình</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	<b>Tư vấn giám sát</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	<b>Thiết kế</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
---	--	--	---



LEGEND/GHI CHÚ

SYMBOL	DESCRIPTION	SYMBOL	DESCRIPTION	SYMBOL	DESCRIPTION
LS-101	PH MEASURING DEVICE/THIẾT BỊ ĐO PH	T-101	COLLECTING TANK/BỂ GOM	NT	WASTEWATER LINE/DƯỜNG NƯỚC THẢI
P-101A/B	SUBMERSIBLE PUMP/BƠM CHÌM NƯỚC THẢI	T-102	AIR CONDITIONING TANK/BỂ ĐIỀU HÒA	HC	CHEMICAL LINE/DƯỜNG HÓA CHẤT
P-102A/B	SUBMERSIBLE PUMP/BƠM CHÌM NƯỚC THẢI	T-103	PHYSICAL AND CHEMICAL TANK/BỂ HOA LÝ	N	WATER LINE/DƯỜNG NƯỚC CẤP
AP-01	SUBMERSIBLE PUMP/BƠM CHÌM NƯỚC THẢI	T-104	CLARIFIER TANK/BỂ LẮNG	KK	AIR LINE/DƯỜNG KHÍ
SM-105	SUBMERSIBLE MIXER/MÁY KHUẤY CHÌM	T-105	ANOXIC TANK/BỂ THIỂU KHÍ	BUN	SLUDGE LINE/DƯỜNG Bùn
AB-101A/B	AIR BLOWER/MÁY THỔI KHÍ DẶT CẠN	T-106	AEROBIC TANK/BỂ HIẾU KHÍ	OIL - 01	MÁY VỚT DẦU MỠ
DS-01,02,03	DOSING PUMP/BƠM ĐỊNH LƯỢNG	T-107	CLARIFIER TANK/BỂ LẮNG		
BOX - 01	WASTE WATER STERILIZATION BOX/HỘP KHỬ TRUNG	T-108	SLUDGE STORAGE TANK/BỂ CHỨA Bùn		
PN - 01	BƠM MĂNG Bùn KHÍ NÉN	M-108	MÁY ÉP Bùn THẢI		

DESIGNER: NINES - THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN ÁCHAU  
ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT ASIA STOCK COMPANY

Office địa chỉ:  
Số nhà 17B, T2-4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội  
Email: achau@achau.vn

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - GIẢI THÍCH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM  
 LOCATION - ĐỊA ĐIỂM  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CACCLUM SILICAT  
 THÔN TRÀ TRẠI, HẢI HANG, HẢI LĂNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

TEAM - THÀNH VIÊN

CUNG CẤP, LẮP BẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ  
 CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HÉP PHỤ VICO

GRABING NAME - TÊN BẢN VẼ

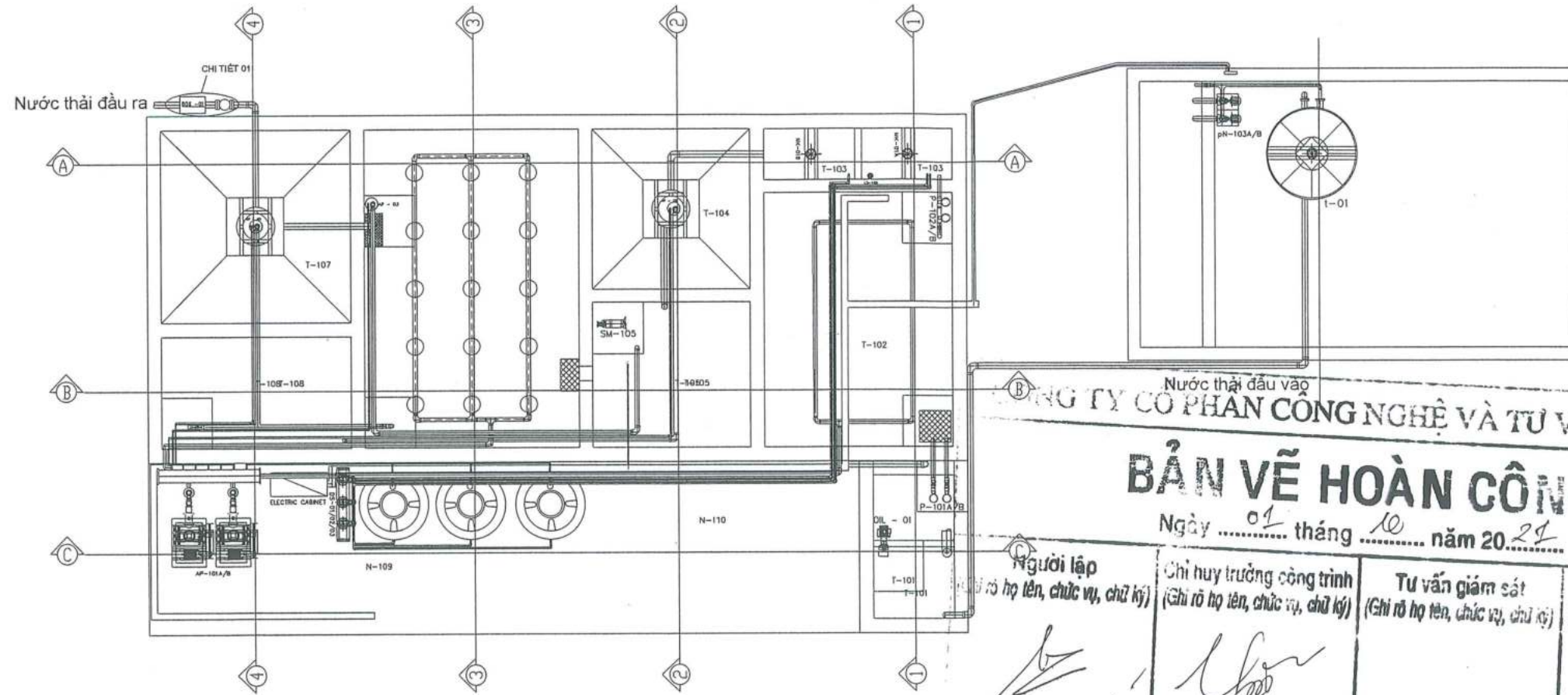
BẢN VẼ SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

MANAGER DESIGNER - CHỦ THÌ THIẾT KẾ	
DESIGNER - THIẾT KẾ	
GRABING - VẼ	
CHECKER - KIỂM TRA	

DATE	06/01	P. STAGE
SCALE		TOT



# MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ



**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày 01 tháng 10 năm 2021

Người lập: *B. Văn Phú*  
 Chỉ huy trưởng công trình: *Phan Thanh Hải*  
 Tư vấn giám sát: *Nguyễn Văn Tý*  
 Chủ đầu tư: *Nguyễn Văn Tý*

## GHI CHÚ

ký hiệu	mô tả	ký hiệu	mô tả
ap-101a/b	Máy thổi khí a/b	ls-01	Thiết bị đo pH
T-01	Tháp giải nhiệt	ap-01	Bơm bùn hóa lý
Pn-103a/b	Bơm trục ngang a/b	ap-02	Bơm nội tuần hoàn
Oli-01	Máy tách dầu	ap-03	Bơm bùn sinh học
p-101 a/b	Bơm gom nước thải a/b	ds-01/02/03	Bơm hóa chất OBL
p-102 a/b	Bơm điều hòa a/b	sm-105	Máy khuấy chìm
mk-01a/b	Máy khuấy đặt cạn a/b	box-01	Hộp khử trùng

GENERAL NOTES - CHỈ DẪN CHUNG

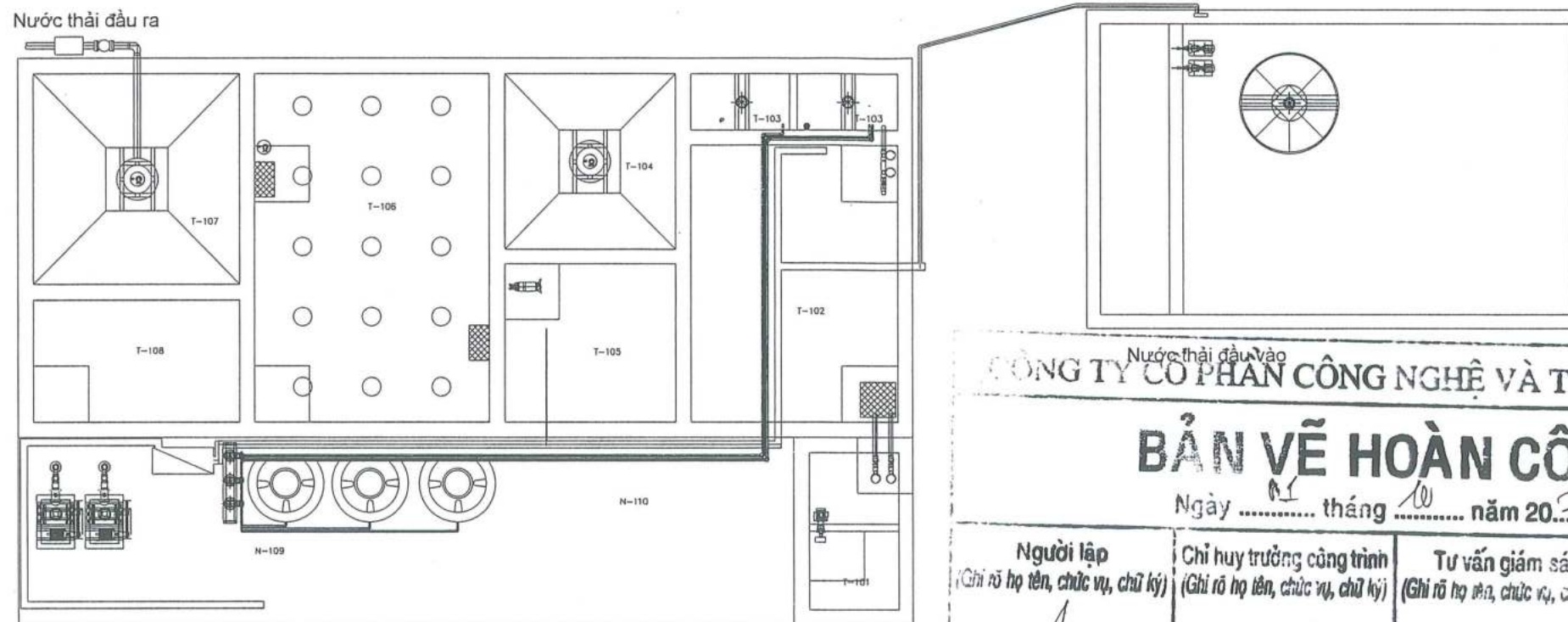
INVESTOR - CHỦ ĐẦU TƯ  
 CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP PHỤ VIÇO

DESIGNER - THIẾT KẾ  
 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN ÁCHAU

PROJECT MANAGER  
 Nguyễn Văn Tý

DATE: 01/10/21 P. STAGE: TXXI  
 SCALE: 1:100

# MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG ĐIỆN ĐỘNG LỰC, ĐƯỜNG HÓA CHẤT



Nước thải đầu vào

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN A CHAU**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

<b>Người lập</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	<b>Chỉ huy trưởng công trình</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	<b>Tư vấn giám sát</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
<i>Nguyễn Văn Thủy</i>	<i>Phan Thanh Hải</i>	

**Chủ đầu tư**  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

DATE: \_\_\_\_\_ VER: \_\_\_\_\_

PROJECT: QUẢN LÝ HỆ THỐNG XỬ LÝ MÀNG THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐỀ NI

**PROJECT MANAGER**  
**Nguyễn Văn Uy**

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐỀ NI - NHÀ MÁY HÉP PHÚ VICO

GHI CHÚ		
STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH
1	Máng điện chính	Sơn tĩnh điện kích thước 100x100 mm
2	Ống luồn giầy điện chính	Ống ppr cam D50
3	Ống luồn giầy điện nhánh	Ống nhựa pvc trắng D20
4	Ống phân phối hóa chất	Ống nhựa pvc D27

**GENERAL NOTES - CHỈ DẪN DUNG**

**INVESTOR - CHỦ ĐẦU TƯ**  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÉP PHÚ VICO

**Location**  
Đà Nẵng, Quận Ngũ Hành Sơn, Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

**DESIGNER - CHỦ THI THIẾT KẾ**  
**A CHAU**  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN A CHAU  
ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

**Office/Địa điểm:**  
Số nhà 17B, T.4, Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng  
Mail: acauchau@gmail.com

**MANAGER DESIGNER - CHỦ THI THIẾT KẾ**  
Nguyễn Văn Uy

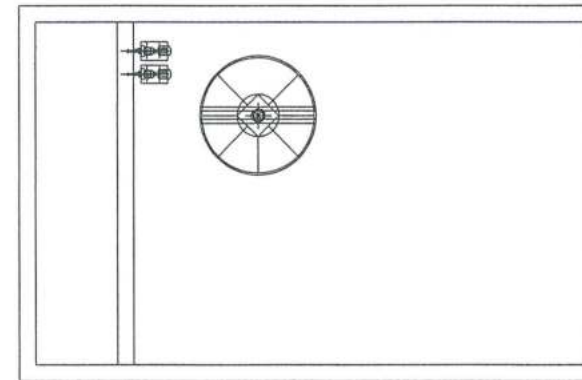
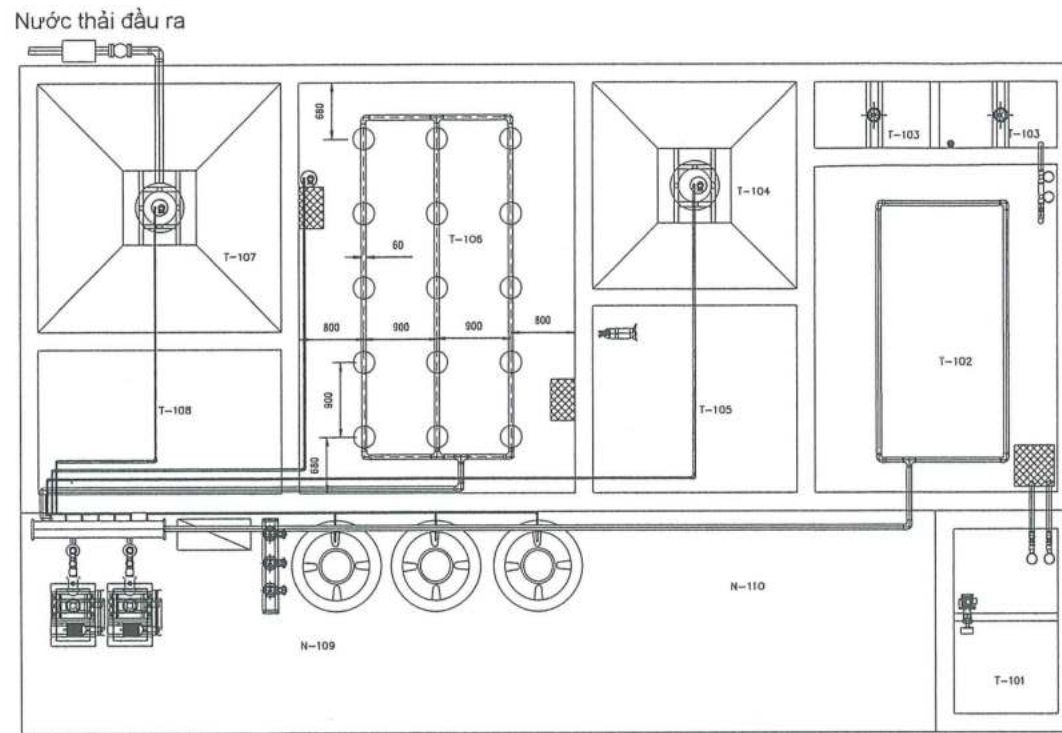
**DESIGNER - THIẾT KẾ**  
phan thanh hải

**CADRAWING - VẼ**  
phan thanh hải

**CHECKER - KIỂM TRA**  
phan thanh hải

**DATE** / **ISSUE** / **STAGE**  
SCALE: 1:100

# MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ



Nước thải đầu vào

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU

## BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 10 năm 20...

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  
---	---	---	--

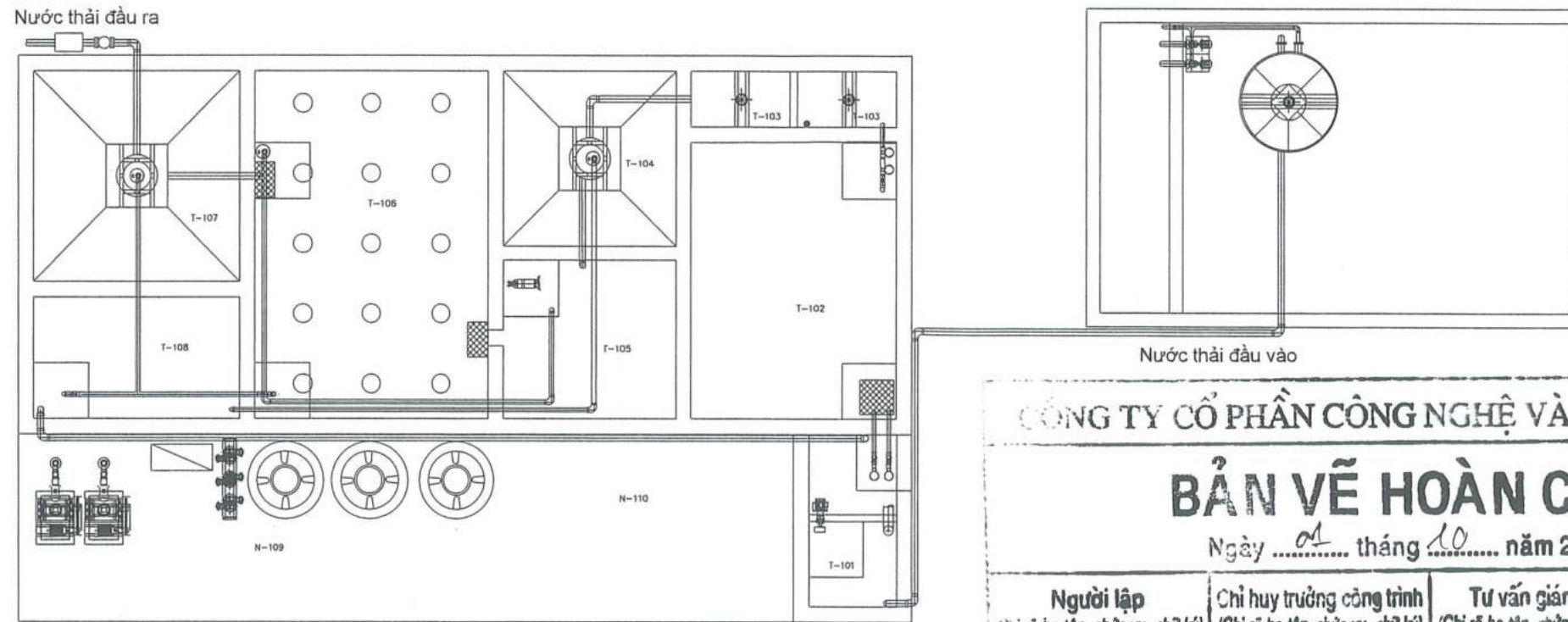
GHI CHÚ		
STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH
1	Ống phân phối chính	Ống inox 304 D150
2	Ống phân phối khí bể điều hòa	Ống D60
3	Ống Phân phối khí bể hiếu khí	Ống D60
4	Ống phân phối khí nhánh bơm	Ống D20

### LƯU Ý:

- Ống phân phối khí trên cạn là ống inox 304
- Ống phân phối khí dưới nước là ống pvc class3

GENERAL NOTES - CHÚ Ý THIẾT KẾ		
INVESTOR - CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP PHỤ VICO		
Location: Đường Tô Tê, X. Hội Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Điện thoại: 0243 875 7867		
DESIGNER - THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU ASIA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JINT STOCK COMPANY		
PROJECT MANAGER Nguyễn Văn Uy		
DATE: / / P. STAGE: / / SCALE: / /		

# MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI NƯỚC



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CH

## BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 10 năm 2021

<b>Người lập</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	<b>Chỉ huy trưởng công trình</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	<b>Tư vấn giám sát</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	<b>Chủ đầu tư</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
<i>Nguyễn Văn Uy</i>	<i>Phan Thanh Lại</i>		

### GHI CHÚ

STT	NỘI DUNG	QUY CÁCH
1	Ống phân phối nước từ bơm	Ống pvc D60
2	Ống phân phối bồn	Ống pvc D60
3	Ống thoát nước	Ống nhựa pvc D90
4	Ống phân phối nước bơm thấp giải nhiệt	Ống PPR D50 chịu nhiệt

GENERAL NOTES - CHỈ DẪN QUANG

INVESTOR - CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÉP PHÚ VICO

Địa chỉ:

Thôn Tân Xã, Hới Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 0243 475 786/79

DESIGNER PARTY - ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

ACHAU

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CH  
ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JINTI STOCK COMPANY

Office Văn phòng:

Số nhà 17B, T. 4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Mail: asatech@proton.com

PROJECT MANAGER

PROJECT MANAGER  
Nguyễn Văn Uy

ITEM - HANG LUC

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ

CÔNG SUẤT 100 M3/NGÀY ĐEN - NHÀ MÁY HÉP PHÚ VICO

ORANING DRAW - TÊN BẢN VẼ

BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC

MANAGER DESIGNER - CHỦ TRƯ THIẾT KẾ

Nguyễn Văn Uy

DESIGNER - THIẾT KẾ

phan thanh lai

GRABING - VẼ

phan thanh lai

CHECKER - KIỂM TRA

phan thanh lai

DATE: 08/2021

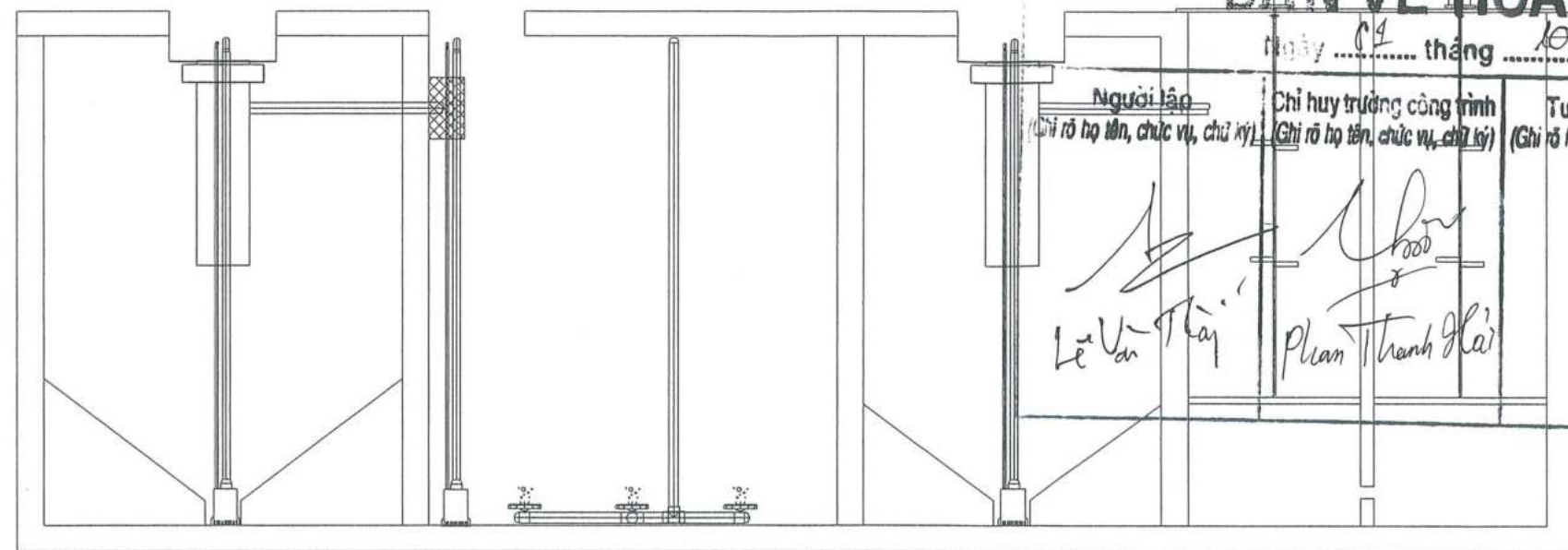
SCALE: 1:100

P. STAGE: TKT

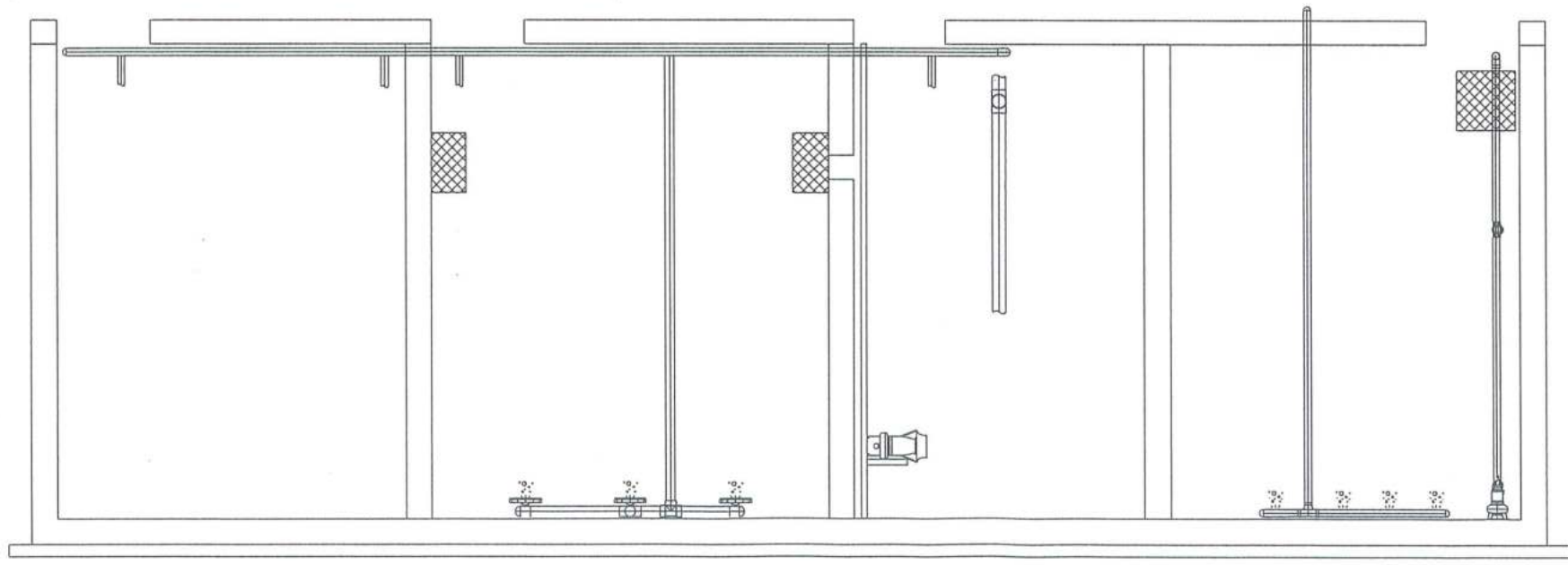
# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Lê Văn Hải	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Phan Thanh Hải	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  PROJECT MANAGER Nguyễn Văn Uy
---	---	---	--



## MẶT CẮT A - A



## MẶT CẮT B-B

GENERAL NOTES - CHÚ Ý CHUNG

INVESTOR - CHỦ ĐẦU TƯ  
 CÔNG TY CỔ PHẦN HEP PHU VICO  
 Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Hòa Bình, Huyện Hòa Bình, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam  
 Điện thoại: 0243 475 785/79

DESIGNING PARTY - ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

**ACHAU**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHAU  
 ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JINT SECO COMPANY

Office Văn phòng:  
 Số nhà 17B, T.4, Phường Hòa Hưng, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh  
 Email: achau.vn@pro.com

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ MƯC THẢI CÔNG SUẤT 100 NGÀY ĐÊM  
 LOCATION - ĐỊA ĐIỂM  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CACBAM SILICAT  
 THÔN TRÀ THỊ, HÃNH HƯNG, HẢI LĂNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

TIÊU CHUẨN - HẠNG LỤC

CUNG CẤP, LẮP BẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ  
 CÔNG SUẤT 100 NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HEP PHU VICO

DRAWING NAME - TÊN BẢN VẼ

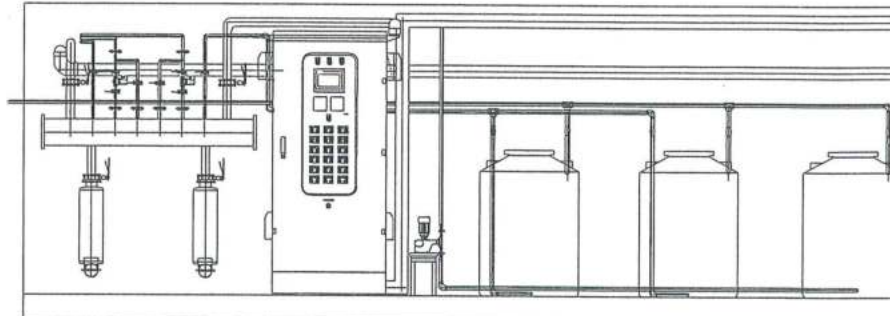
**MẶT CẮT 1**

MANAGER DESIGNER - CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
DESIGNER - THIẾT KẾ	
BRANING - VẼ	
CHECKER - KIỂM TRA	

DATE	06/2021	P.STAGE	
SCALE			TOT

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày ... 01 ... tháng ... 10 ... năm 20... 21



Người lập  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  
*Ki Văn Thủy*

Chỉ huy trưởng công trình  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  
*Chợ Phan Thanh Hải*

Tư vấn giám sát  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

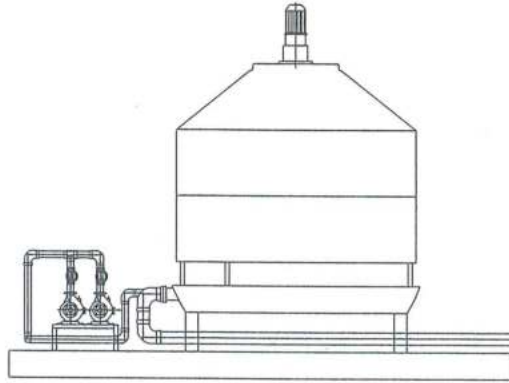
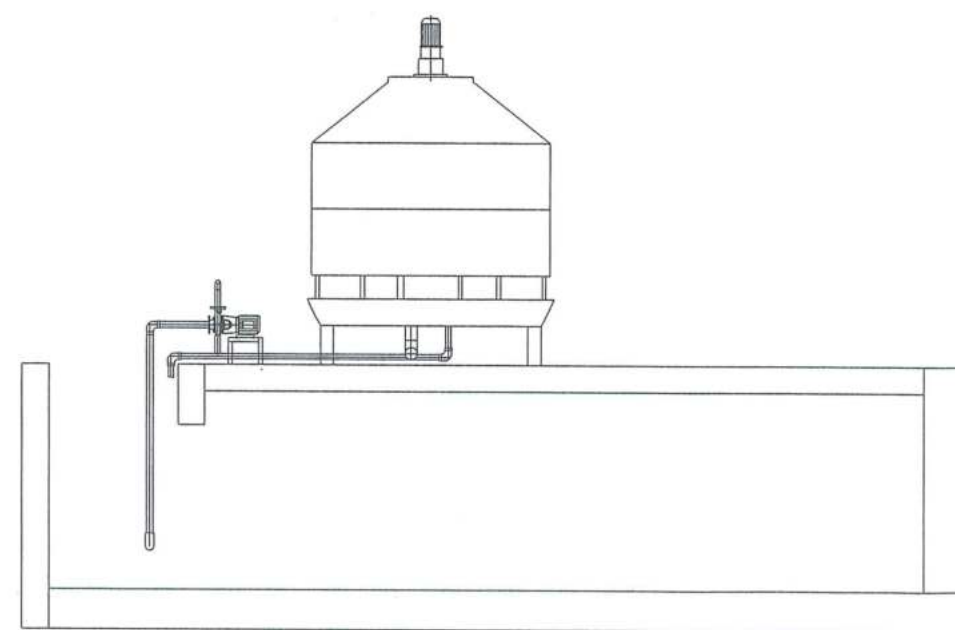
Chủ đầu tư  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  
PHU VICO

Địa chỉ:  
Thôn Trà Tr, xã Hùng, Huyện Hòa L, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 0912 111 111

**PROJECT MANAGER**  
Nguyễn Văn Uy

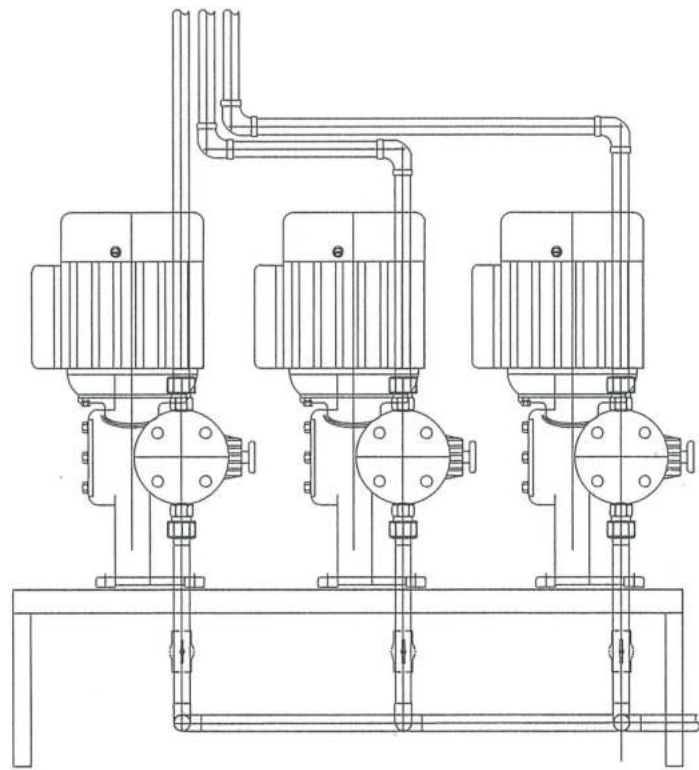
**MẶT CẮT C-C**



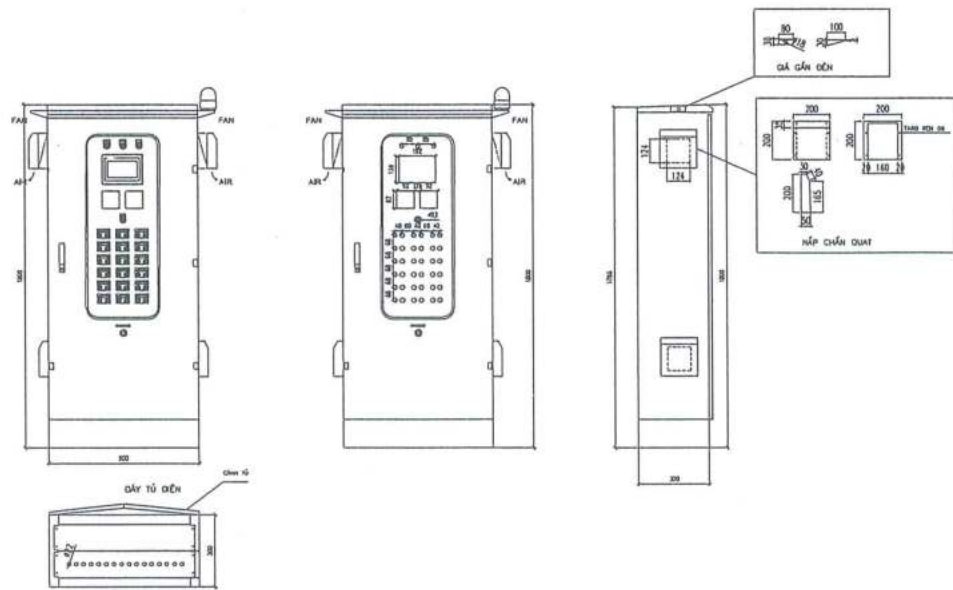
**CHI TIẾT THÁP GIẢI NHIỆT**

GENERAL NOTES - CHÚ Ý CHUNG		
<p>CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN CHAU ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY</p> <p>Office địa chỉ: Số nhà 17B, T. 4, Phường Xuân Hòa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội Email: achen@achau.vn</p>		
DATE	DESCRIPTION	VER
PROJECT - DỰ ÁN		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐỀM		
LOCATION - ĐỊA ĐIỂM		
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÁM CACBON SILICAT		
THÔN TRÀ TR, H. HÙNG, H. H. L., TỈNH QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM		
ITEM - HÀNG DẶC		
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ		
CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐỀM - NHÀ MÁY HÉP PHU VICO		
DRAWING NAME - TÊN BẢN VẼ		
<b>MẶT CẮT 2</b>		
MANAGER DESIGNER - CHỦ THÌ THIẾT KẾ		
Nguyễn Văn Uy		
DESIGNER - THIẾT KẾ		
phạm thanh hải		
FOR MANAGER - VẼ		
phạm thanh hải		
CHECKER - KIỂM TRA		
phạm thanh hải		
DATE	06/2021	P. STAGE
SCALE	1:1	TEXT

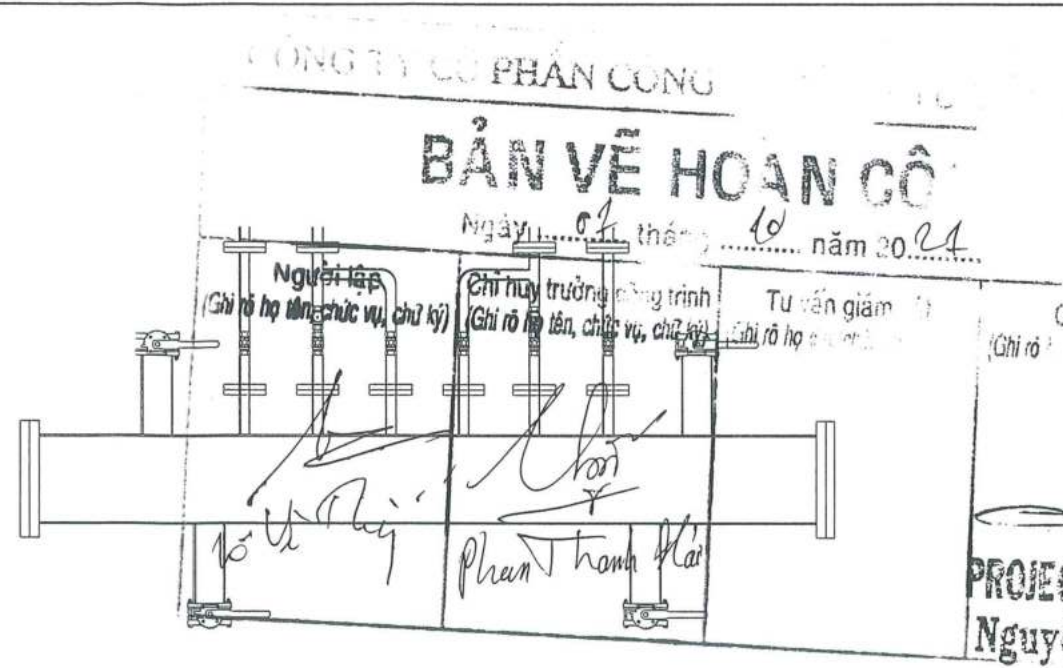




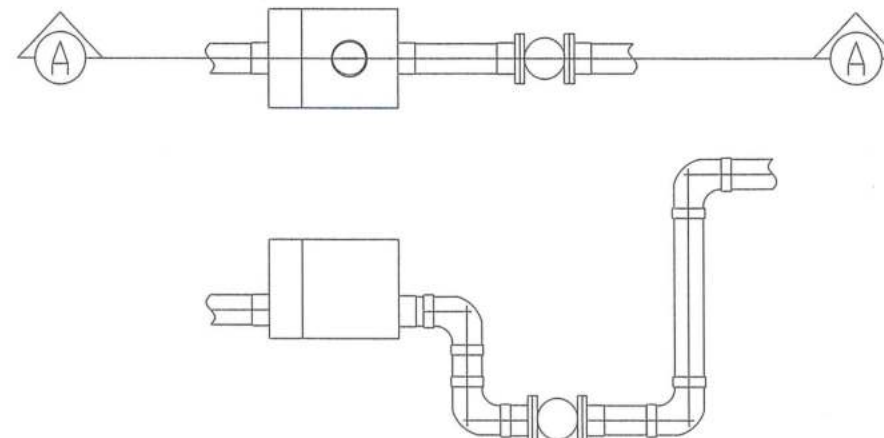
CỤM BƠM HÓA CHẤT



TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



CHI TIẾT 01



MẶT CHIẾU A-A

CHI TIẾT 01

GENERAL NOTES - CHÚ Ý CHUNG		
MASTER - CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN HEP PHU VICO (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Địa chỉ: Thôn Trà Trù, xã Hòa Hưng, Huyện Hòa Lai, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Điện thoại: 0243 875 9897		
PROJECT MANAGER Nguyễn Văn Uy		
DESIGNER PARTY - ĐƠN VỊ THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN KACHAU KHA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY Office Văn phòng: Số nhà 17B, T.4, Phường Xuân Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội Email: kachau@pro.com		
DATE	DESCRIPTION	VER
PROJECT - DỰ ÁN HỆ THỐNG XỬ LÝ MÀC THỦ CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐEM LOCATION - ĐỊA ĐIỂM NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÁM CACLIAM SILICAT THÔN TRÀ TRÙ, HÒA HƯNG, HÒA LAI, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM		
ITEM - HÀNG LẮC CUNG CẤP, LẮP BẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐEM - NHÀ MÁY HEP PHU VICO		
DRAWING NAME - TÊN BẢN VẼ BẢN VẼ CHI TIẾT		
MANAGER / DESIGNER - CHỦ TRƯ THIẾT KẾ Nguyễn Văn Uy		
DESIGNER - THIẾT KẾ Phạm Văn Hải		
DRAWING - VẼ Phạm Văn Hải		
CHECKER - KIỂM TRA Phạm Văn Hải		
DATE	06/01/24	P. STAGE
SCALE	1:1	TITLE

# SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC HTXLNT

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày: 01 tháng 10 năm 2011

Người lập Lê Văn Tây	Người duyệt Phan Thanh Hải	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
-------------------------	-------------------------------	---	--

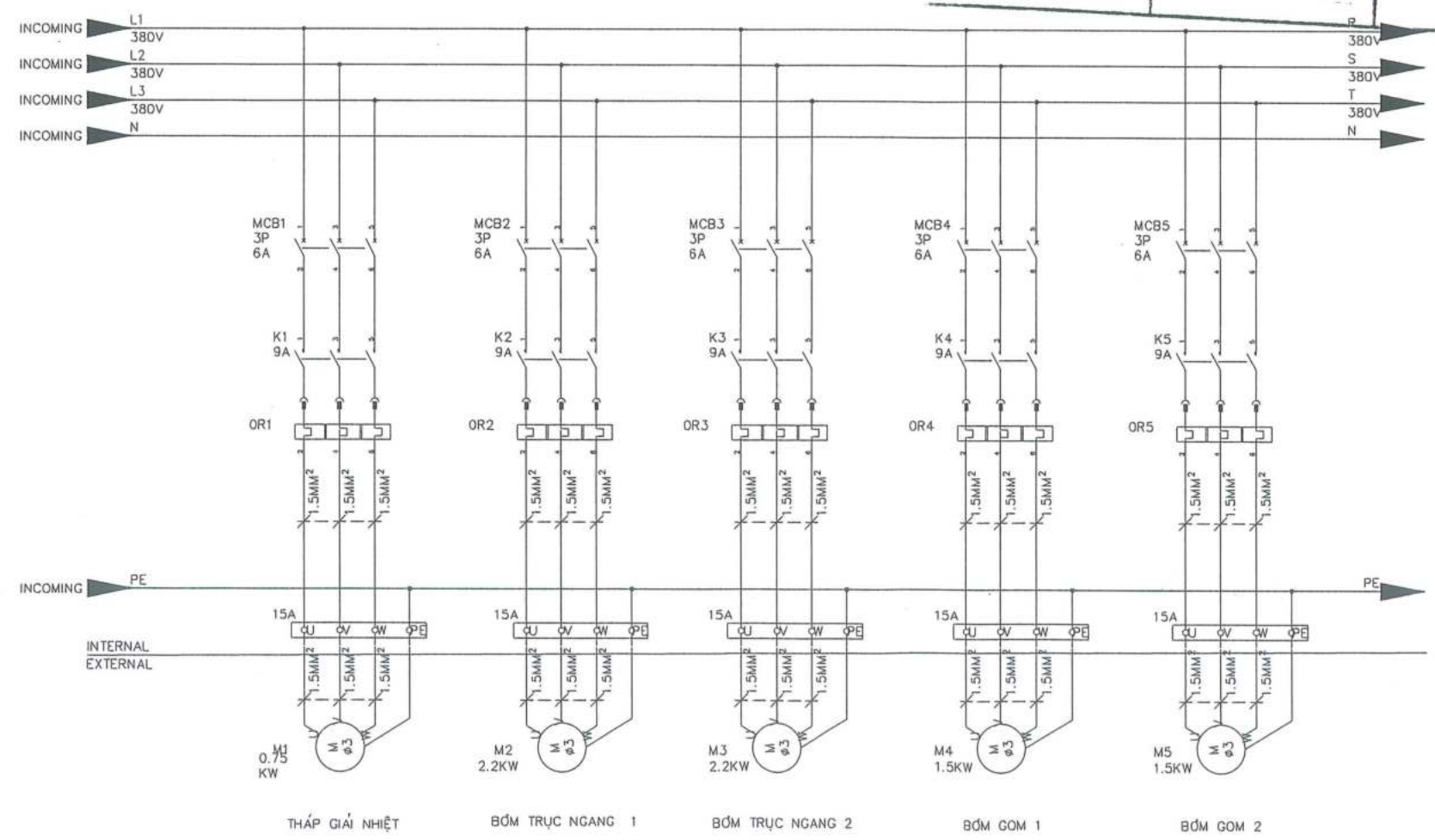
GENERAL NOTES - CHÚ Ý CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP PHÚ VICO

Địa chỉ: Phố Tô Thị, Phường Hòa Hưng, Quận Hồ Chí Minh, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0234 475 788/79

**PROJECT MANAGER**  
Nguyễn Văn Uy



DESIGNING PARTY - ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

**ACHAU**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN ÁCHAU  
ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JSC INNOVATION COMPANY

Office/Văn phòng:  
Số nhà 17B, T14, Phường Hòa Hưng, Quận Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh  
Email: achau@achau.com

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM  
 "ACHAU" - "ĐÀ NẴNG"

NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CACBON SILICAT  
 THÔN TRÀ TRƯ, HÃNH HƯNG, HẢI LĂNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

ITEM - HÀNG SẠC

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XLNT  
 CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HỢP PHÚ VICO

DRAWING NAME - TÊN BẢN VẼ

**BẢN VẼ MẠCH ĐIỆN 1**

MANAGER DESIGNER - CHỦ THÌ THIẾT KẾ		Nguyễn Văn Uy	
DESIGNER - THIẾT KẾ		Phan Thanh Hải	
DRAWING - VẼ		Phan Văn Sơn	
CHECKER - KIỂM TRA		Phan Văn Sơn	
DATE	08/01	P. STAGE	
SCALE		TEXT	

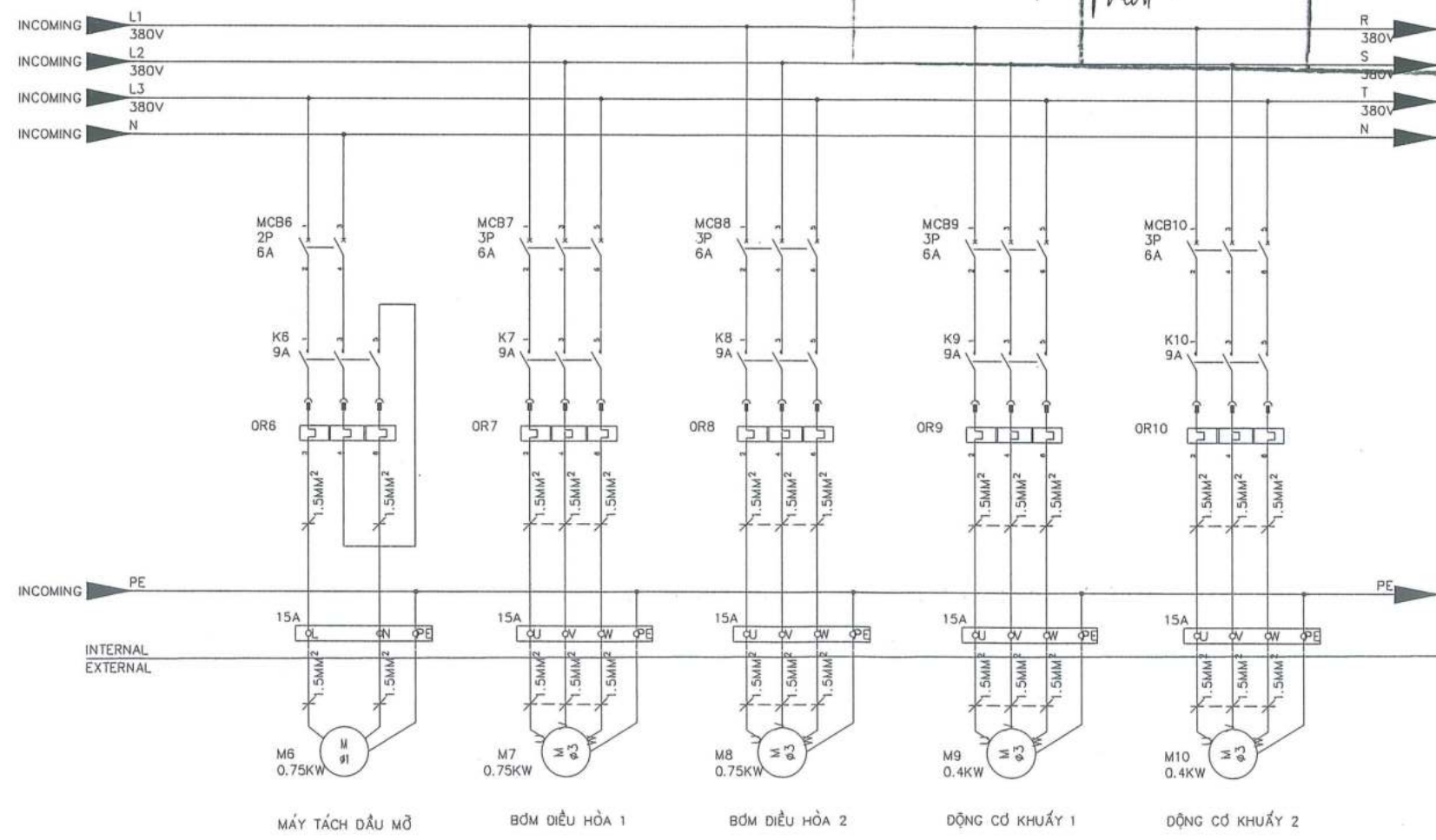
# SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG HTXLNT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHAU

## BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 10 năm 2021

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Lê Văn Thủy	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Phan Thanh Hải	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  CÔNG TY CỔ PHẦN HEP PHU VICO Địa chỉ: Thủ Đức, X. Hi Hưng, Huyện Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh Điện thoại: 028 4 730 785/76  PROJECT MANAGER Nguyễn Văn Uy
--	---	---	--



GENERAL NOTES - CHÚ Ý CHUNG

DATE	06/2021	P. STAGE
SCALE	---	T. TEXT

PROJECT - DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM  
 (LOCATION - ĐỊA ĐIỂM)  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÁN CACBON SILICAT  
 THÔN TRÀ TRƯ, H. HƯNG, H. THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH

ITEM - HÀNG LẠC

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ  
 CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HEP PHU VICO

DRAWING ISSUE - TÊN BÀI VẼ

### BẢN VẼ MẠCH ĐIỆN 2



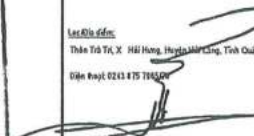
MANAGER DESIGNER - CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
DESIGNER - THIẾT KẾ	
CHECKER - KIỂM TRA	

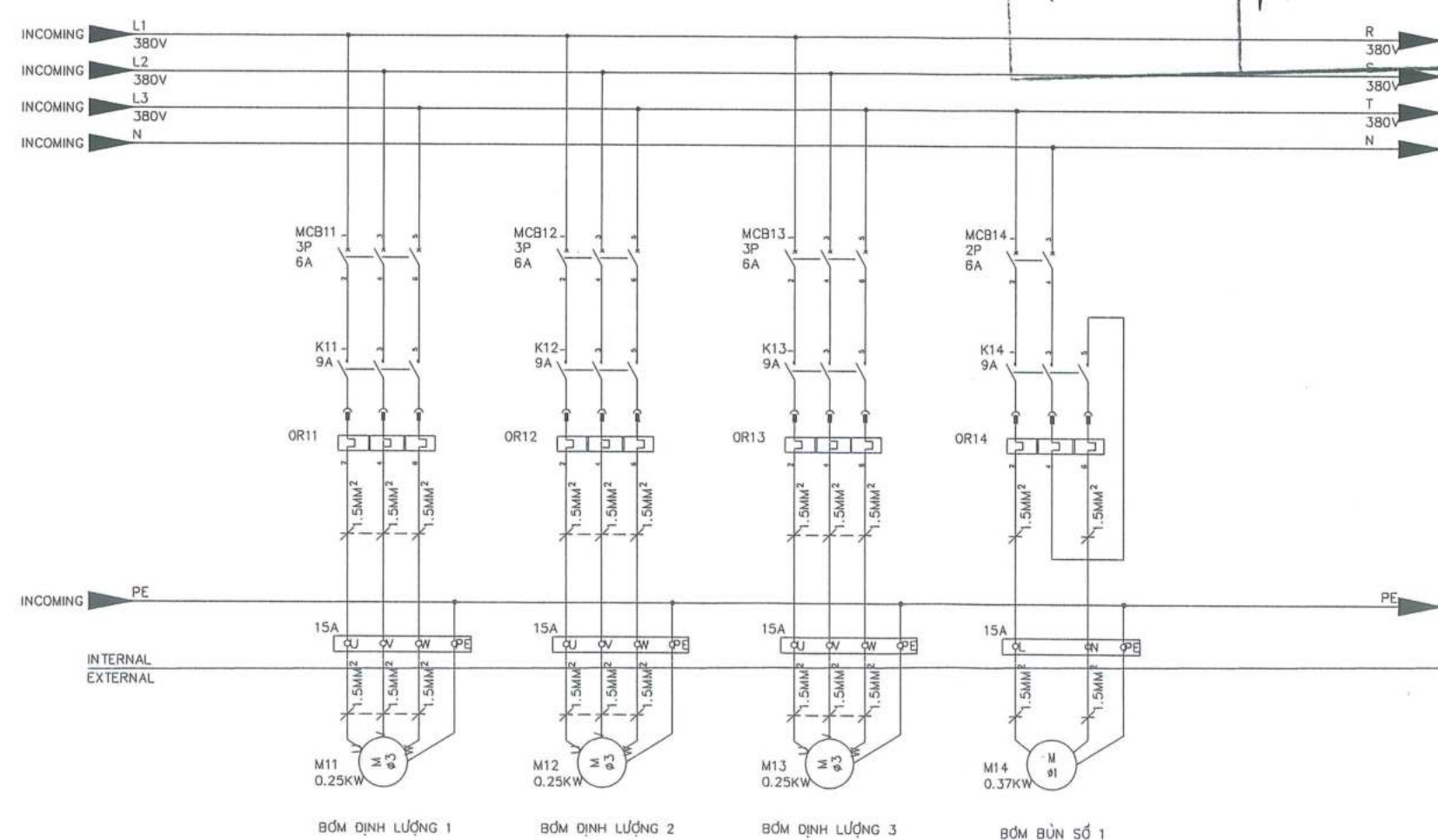
# SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC HTXLNT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU**

## BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 10 năm 2024

<b>Người lập</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Lê Vai Phay	<b>Chủ trì/Trưởng công trình</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Phan Thanh Khai	<b>Tư vấn giám sát</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	<b>Chủ đầu tư</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) CÔNG TY CỔ PHẦN HEP PHU VICO Địa chỉ: Thôn Trà Tr, xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Điện thoại: 0243 875 7840  <b>PROJECT MANAGER</b> Nguyễn Văn Uy
--	--	--	--



**ACACHAU**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU  
 ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Office/ Văn phòng:  
 Số nhà 17B, T4 4, Phường Kế Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội  
 Mail: asatech@proton.com

DATE	DESCRIPTION	VER

**PROJECT - DỰ ÁN**  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ MƯC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐEM  
 (LOCATED - ĐỊA ĐIỂM)  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CACLUM SILICAT  
 THÔN TRÀ TR, HẢI HƯNG, HẢI LĂNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

**ITEM - HỒNG MỤC**  
 CUNG CẤP, LẬP BẢNG HỆ THỐNG XỬ LÝ  
 CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐEM - NHÀ MÁY HEP PHU VICO

GRADING - TÊN BẢN VẼ

### BẢN VẼ MẠCH ĐIỆN 3

<b>MANAGER DESIGNER - CHỦ THỊ THIẾT KẾ</b> nguyen tan on	
<b>DESIGNER - THIẾT KẾ</b> phan thanh khai	
<b>GRADING - VẼ</b> phan thanh khai	
<b>CHECKER - KIỂM TRA</b> phan thanh khai	

DATE	NO/01	PI/STAGE
SCALE	---	T/TEXT

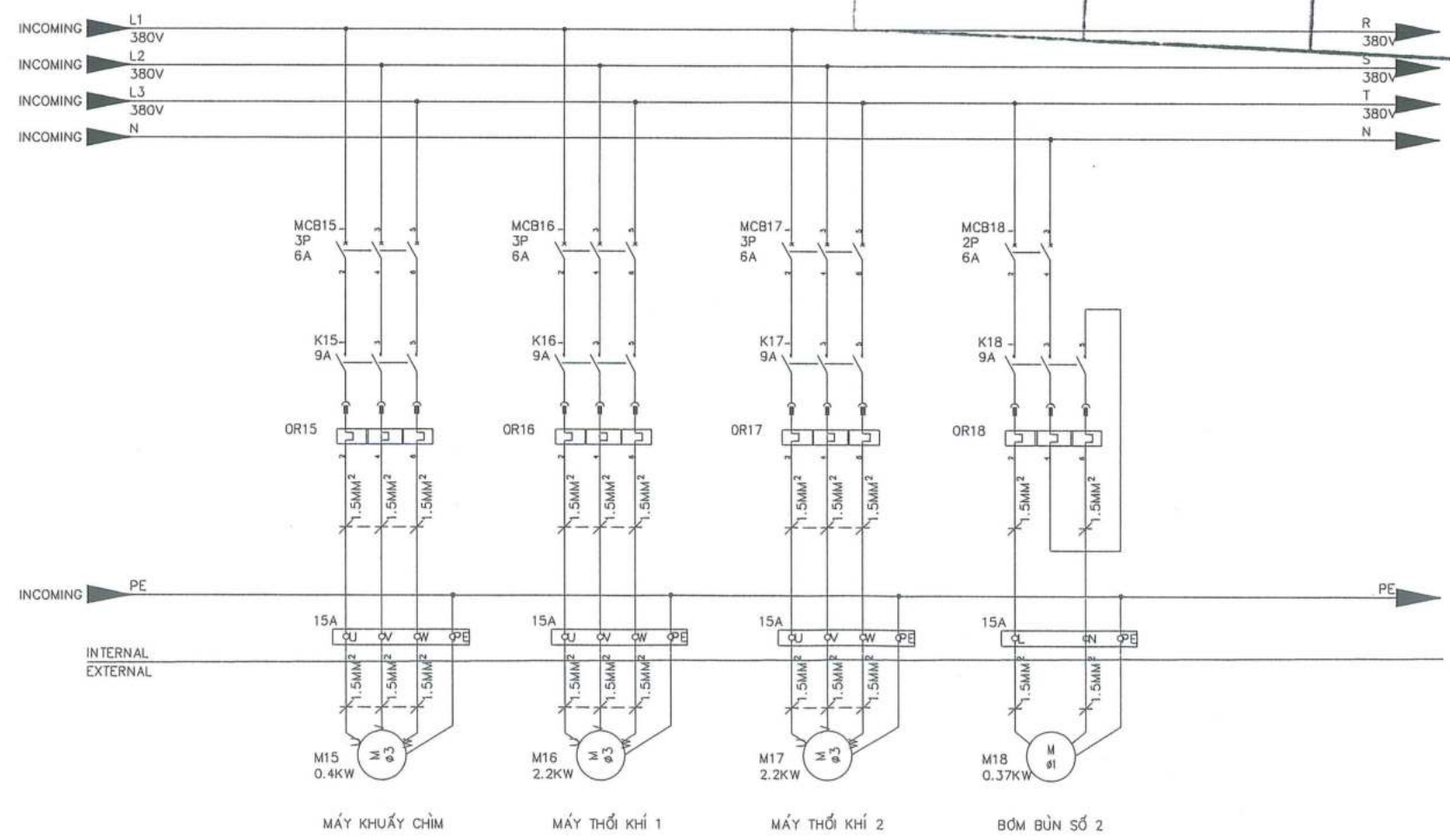
# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 04 tháng 10 năm 2022

## SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG HTXLNT

Người lập: Lê Văn Dũng	Chỉ huy trưởng công trình: Phan Thanh Hải	Tư vấn giám sát: (Chờ ký)	Chủ đầu tư: (Chờ ký)
---------------------------	--	------------------------------	-------------------------

PROJECT MANAGER  
Nguyễn Văn Uy



GENERAL NOTES - CHÚ Ý THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHAU  
ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Office Văn phòng:  
Số nhà 17B, T.4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội  
Số điện thoại: 0912 345 678

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM  
 (LOCATION - ĐỊA ĐIỂM)  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÂN CACLUM SILICAT  
 THÔN TRÀ TRÌ, HƯNG HỮU LĂNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

ITEM - HÀNG MỤC

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XLNT  
 CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HEP PHU VICO

GRADING NAME - TÊN BẢN VẼ

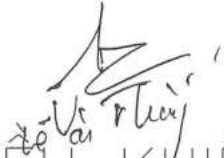
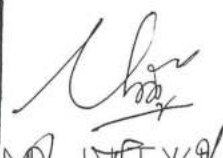
### BẢN VẼ MẠCH ĐIỆN 4

MANAGER DESIGNER - CHỦ THỦ THIẾT KẾ	
DESIGNER - THIẾT KẾ	
DRAWING - VẼ	
CHECKER - KIỂM TRA	

DATE	04/10/2022	P.STAGE	
SCALE		TITLE	

# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

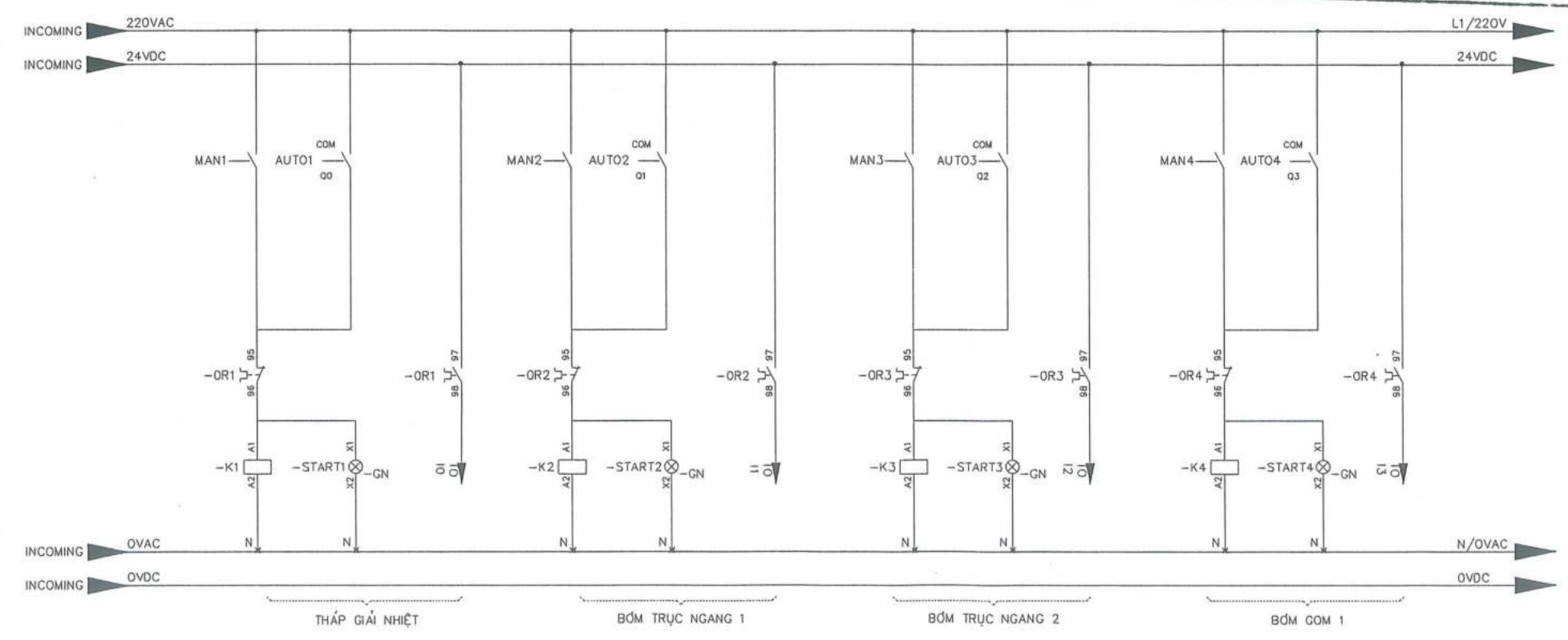
Ngày ..... 04 tháng 10 năm 2021

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Nguyễn Văn Uy	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Phan Thanh Kiên	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
---	---	---	--

Địa chỉ: Thôn Trà Trại, xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam  
 Điện thoại: 0210 475 1880

**PROJECT MANAGER**  
Nguyễn Văn Uy

## SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN TỦ ĐIỀU KHIỂN



GENERAL NOTES - CHÚ Ý CHUNG		
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY		
Office Văn phòng: Số nhà 179, T4 4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội Email: asatech@asatech.com		
DATE	DESCRIPTION	VER
PROJECT - DỰ ÁN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM LOCATION - ĐỊA ĐIỂM NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÁM CACERIN SUCIAT THÔN TRẠI TRẠI, HẢI HƯNG, HẢI LĂNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM		
ITEM - HÀNG HÓA CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HÉP PHỤ YẾU		
DRAWING NAME - TÊN BẢN VẼ BẢN VẼ MẠCH ĐIỆN 5		
MANAGER DESIGNER - CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	Nguyễn Văn Uy	
DESIGNER - THIẾT KẾ	Phan Thanh Kiên	
DRAWING - VẼ	Phan Văn Lợi	
CHECKER - KIỂM TRA	Phan Văn Lợi	
DATE	06/02/21	P.STAGE
SCALE	1:1	TEXT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU

# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 10 năm 2021

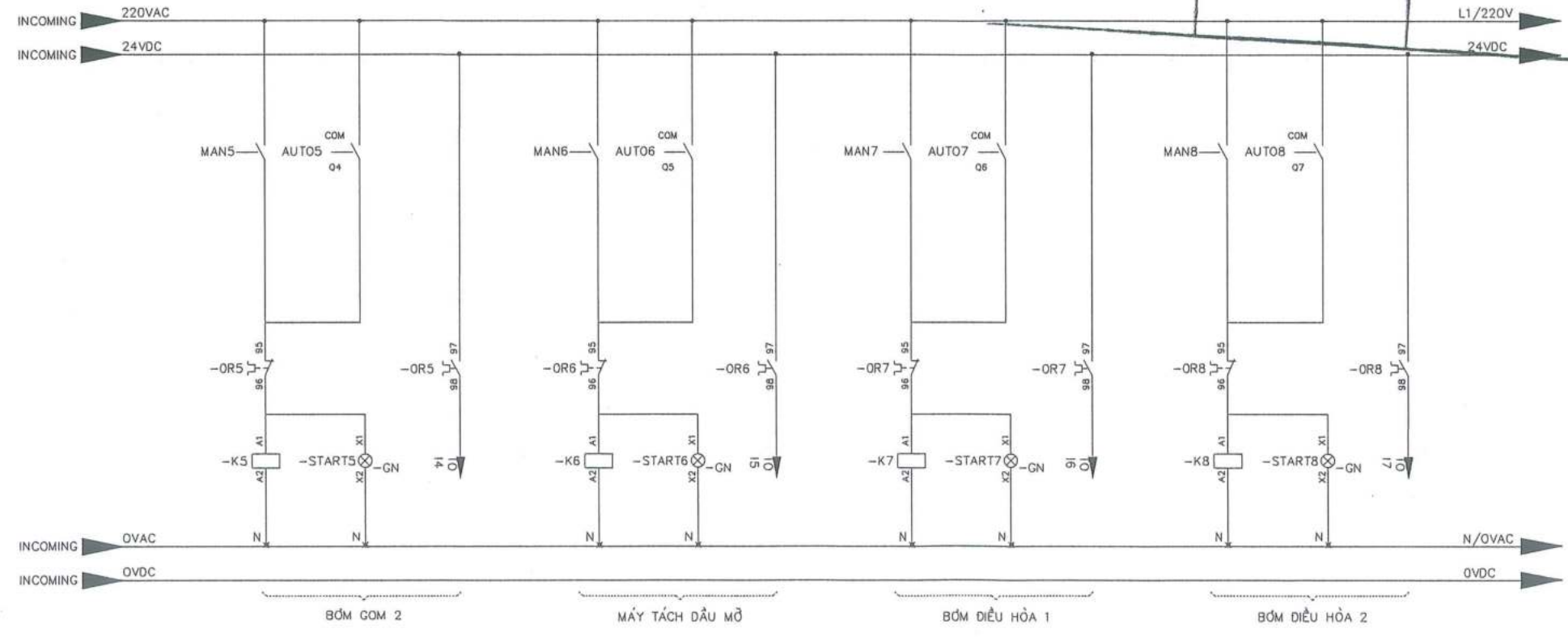
Người lập  
bộ Văn Phòng

Chỉ huy trưởng công trình  
Phan Thanh Hải

Tư vấn giám sát

Chủ đầu tư  
Nguyễn Văn Uy

## SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN TỦ ĐIỀU KHIỂN HXLNT



PROJECT MANAGER  
Nguyễn Văn Uy



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU  
ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Office Văn phòng:  
Số nhà 17B, T14, Phường Hiệp Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội  
Số: 20200000000000000000

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - D1/11  
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 NGÀY ĐÊM  
LOCATION - ĐỊA ĐIỂM  
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CACBAM SILICAT  
THÔN TRÀ TRÌ, HẢI HƯNG, HÀ LƯƠNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

ITEM - HUNG IAC  
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ  
CÔNG SUẤT 100 NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HÉP PHỤ VICO

DRAWING NAME - TÊN BẢN VẼ

### BẢN VẼ MẠCH ĐIỆN 6

MANAGER DESIGNED - CHỦ THÌ THIẾT KẾ Nguyễn Văn Uy	
DESIGNER - THIẾT KẾ phần trình hồ	
DRAWING - VẼ phần trình hồ	
CHECKER - KIỂM TRA phần trình hồ	

DATE	06/2021	P.STAGE	
SCALE		TITLE	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU

# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

Người lập  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  
*L. Văn Thắng*

Chỉ huy trưởng công trình  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  
*Phan Thanh Hải*

Tư vấn giám sát  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

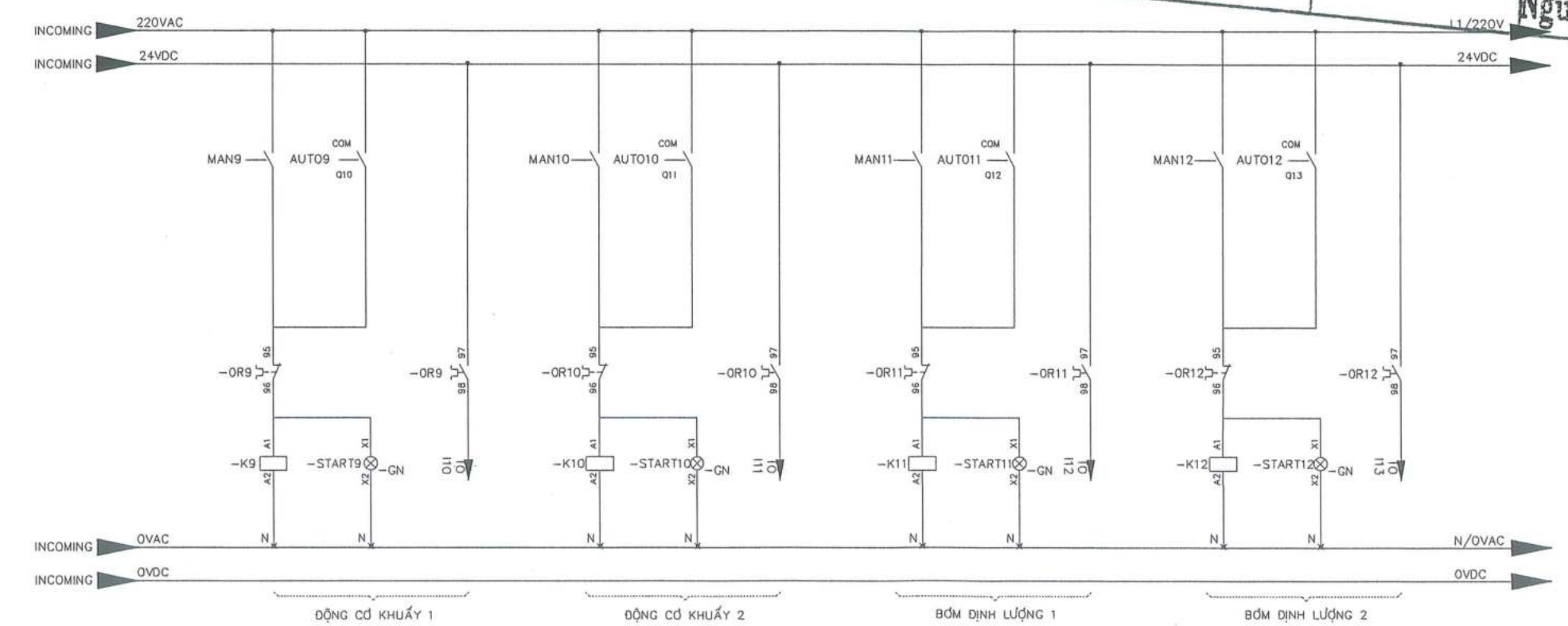
Chủ đầu tư  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  
*Nguyễn Văn Uy*  
PROJECT MANAGER

GENERAL NOTES - CHÚ CHỈNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP PHỤ VICO  
Thôn Trà Trì, xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam  
Điện thoại: 0231 475 788/79

DESIGNING PARTY - ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

## SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN TU ĐIỀU KHIỂN HTXLNT



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU  
ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT XINH STOCCOMpany

Office Văn phòng:  
Số nhà 17B, T.4, Phường Kien Hưng, Quận H.Đ.Đ.Đ., Thành phố Hồ Chí Minh  
Email: anhanhach@pro.com

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - DỰ ÁN  
HỆ THỐNG XỬ LÝ MƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3/M NGÀY ĐỀM  
LOCATION - ĐỊA ĐIỂM  
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CACBAM SILICAT  
THÔN TRÀ TRÌ, HẢI HƯNG, HẢI LĂNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

TEAM - HẠNG LỰC  
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ  
CÔNG SUẤT 100 M3/M NGÀY ĐỀM - NHÀ MÁY HỢP PHỤ VICO

DRAWING NAME - TÊN BẢN VẼ

### BẢN VẼ MẠCH ĐIỆN 7

MANAGER DESIGNER - CHỦ TRÌ THIẾT KẾ Nguyễn Văn Uy	
DESIGNER - THIẾT KẾ phạm thanh hải	
DR - TRÌNH - VẼ phạm thanh hải	
CHECKER - KIỂM TRA phạm thanh hải	

DATE	04/10/2021	P. STAGE	
SCALE		TEXT	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN A CHAU

# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

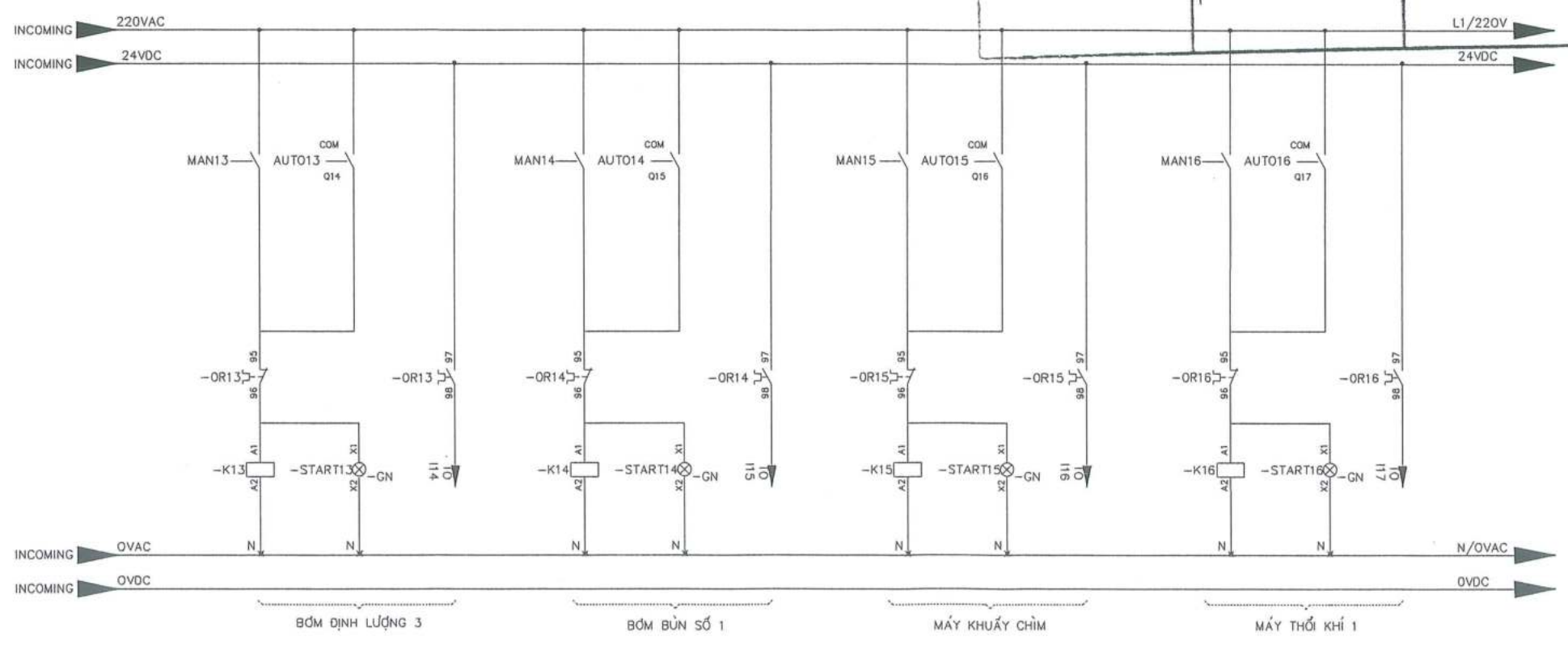
Ngày 01 tháng 10 năm 2021

Người lập: Lê Văn Hoàng  
 Chủ trì trưởng công trình: Phan Thanh Hải  
 Tư vấn giám sát: (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN HEP PHU VICO  
 (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  
 Địa chỉ: Thôn Trà Trì, xã Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam  
 Điện thoại: 0233 435 385/70

## SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN TỦ ĐIỀU KHIỂN HTXLNT

PROJECT MANAGER  
 Nguyễn Văn Uy



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN A CHAU  
 AIN TECHNOLOGY AND CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Office Văn phòng:  
 Số nhà 17A, T.4, Phường Kien Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội  
 Email: achau@achau.com.vn

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - DỰ ÁN  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ MƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3/M NGÀY ĐÊM  
 LOCATION - ĐỊA ĐIỂM  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CACBON SİLICAT  
 THÔN TRÀ TRÌ, HẢI HƯNG, HẢI LĂNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

TIÊU CHUẨN - HẠNG MỤC  
 CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XLT  
 CÔNG SUẤT 100 M3/M NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HEP PHU VICO

DRAWING NAME - TÊN BẢN VẼ

### BẢN VẼ MẠCH ĐIỆN 8

MANAGER DESIGNER - CHỦ TRÌ THIẾT KẾ  
 Nguyễn Văn Uy  
 DESIGNER - THIẾT KẾ  
 Phan Thanh Hải  
 CALIBRATOR - VẼ  
 Phan Văn Sơn  
 CHECKER - KIỂM TRA  
 Phan Văn Hải

DATE	09/02/21	P.STAGE
SCALE	1:1	T/01

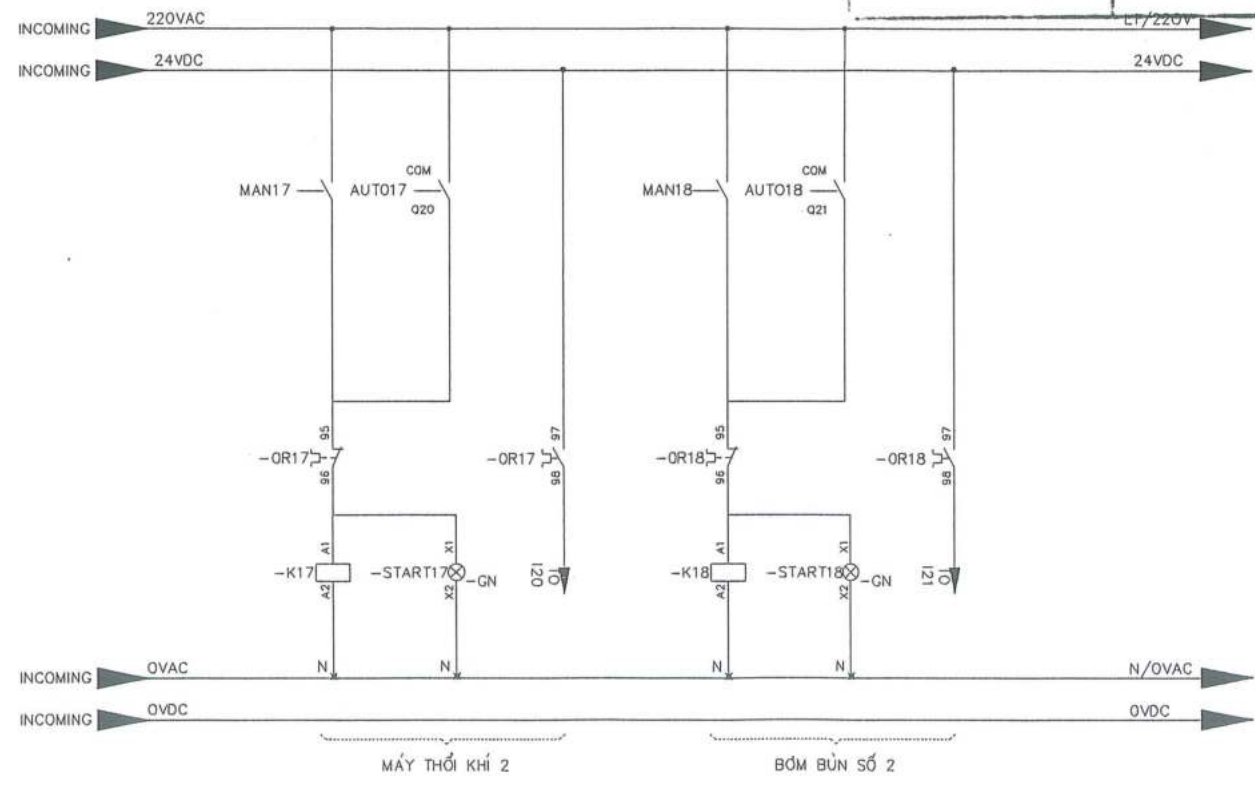
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU

# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày: 01 tháng 10 năm 2021

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Lê Văn Thanh	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Phan Thanh Hải	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Thiết kế (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Nguyễn Văn Uy <b>PROJECT MANAGER</b>
--	--	---	--

## SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN TỦ ĐIỀU KHIỂN HTXLNT



GENERAL NOTES - CHÚ Ý CHUNG

GENERAL PART - PHẦN THIẾT KẾ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU  
 ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Office Văn phòng:  
 Số 178, T. 4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội  
 Email: [info@kachau.com](mailto:info@kachau.com)

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ MƯC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM  
 LOCATION - ĐỊA ĐIỂM  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CACIUM SILICAT  
 THÔN TRÀ TRÌ, HẢI HƯNG, HẢI LĂNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

ITEM - HÀNG MẠC

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ  
 CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HÉP PHỤ VIỆC

DRAWING NAME - TÊN BẢN VẼ

**BẢN VẼ MẠCH ĐIỆN 9**

MANAGER DESIGNER - CHỦ TRƯ THIẾT KẾ	
DESIGNER - THIẾT KẾ	
DRAWING - VẼ	
CHECKER - KIỂM TRA	

DATE	01/10/2021	P.STAGE	
SCALE		TITLE	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU

# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 10 năm 2021

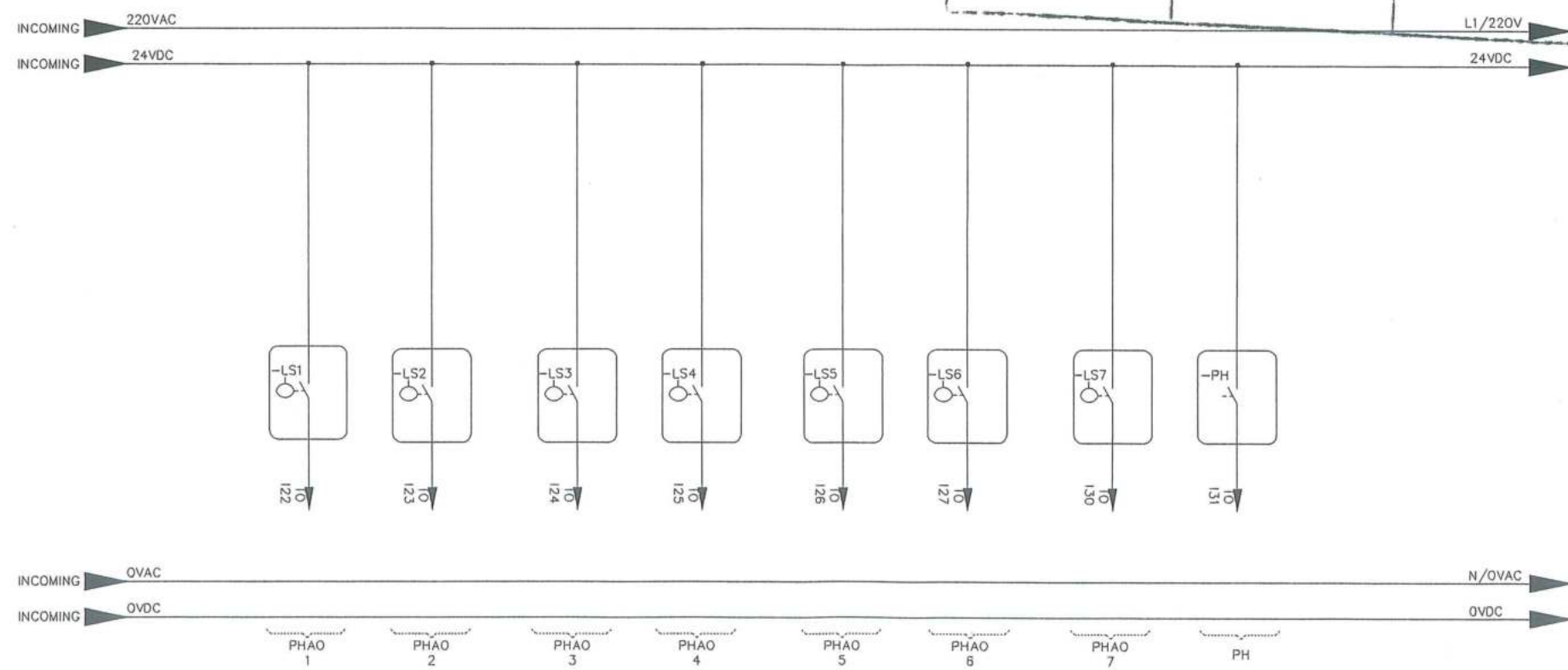
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Lê Văn Thành	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Phan Thanh Hòa	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
---	---	---

GENERAL NOTES - CHÚ Ý CHUNG

CHỦ ĐẦU TƯ  
 CÔNG TY CỔ PHẦN HẸP PHỤ VICO  
 (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  
 Trần Tô X, Hải Hưng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam  
 Điện thoại: 0233 8 75 799570

PROJECT MANAGER  
 Nguyễn Văn Uy

## SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN TỬ ĐIỀU KHIỂN HTXLNT



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU  
 ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JINTI STOCC COMPANY

Office/ Văn phòng:  
 Số nhà 17B, T.4, Phường Hải Hưng, Quận Hải Đông, Thành phố Hải Phòng  
 Email: asatech@protonmail.com

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - DỰ ÁN  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ MƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM  
 LOCATION - ĐỊA ĐIỂM  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÍN CẶC LỄ HỘI SUCAT  
 THÔN TRÀ TRƯ, HẢI HƯNG, HẢI LĂNG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

ĐIỂM - HẠNG TẠC  
 CUNG CẤP, LẬP DÂY HỆ THỐNG XỬ LÝ  
 CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐÊM - NHÀ MÁY HẸP PHỤ VICO

GRABING NAME - TÊN BẢN VẼ

### BẢN VẼ MẠCH ĐIỆN 10

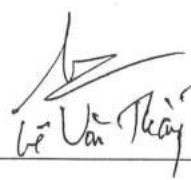


MANAGER/ CHẾ NHẠC - CHỦ TRÌ THIẾT KẾ nguyen thien on	
DESIGNER - THIẾT KẾ phan thanh hoa	
CHECKING - KIỂM TRA phan thanh hoa	

DATE	06/02/21	P.STAGE	
SCALE		T.YOT	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU

# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ..... 01 tháng 10 năm 2021.....

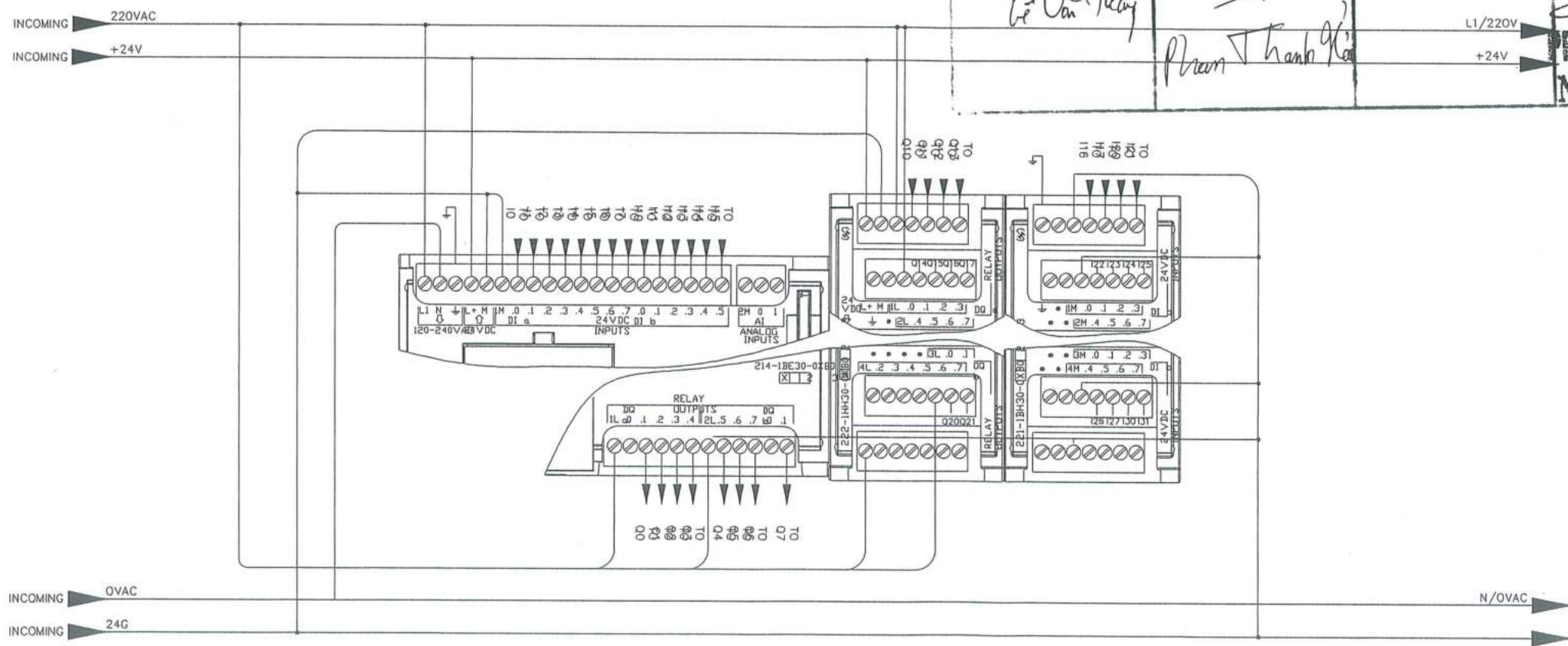
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Lê Văn Thành	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Phạm Thanh Hải	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên)  Nguyễn Văn Uy
--	--	---	---

GENERAL NOTES - CHÚ Ý CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU  
 CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP PHỤ VICO

Địa chỉ: Thôn Trà Trù, xã Hùng, huyện Hùng Lĩnh, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam  
 Điện thoại: 0913 737 788

PROJECT MANAGER  
 Nguyễn Văn Uy



DESIGNING PARTY - ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

**ACHAU**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN Á CHÂU  
 ASA TECHNOLOGY AND CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Office địa phương:  
 Số nhà 17B, T.4, Phường Khe Hong, Quận Hố Đông, Thành phố Hồ Chí Minh  
 Email: achen@achau.com

DATE	DESCRIPTION	VER

PROJECT - DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ MƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐỀM  
 LOCATION - ĐỊA ĐIỂM  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CẶC LAM SILICAT  
 THÔN TRÀ TRÙ, HỮNG HANG, QUẢNG TRỊ, VIỆT NAM

ITEM - HÀNG MỤC

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ  
 CÔNG SUẤT 100 M3 NGÀY ĐỀM - NHÀ MÁY HỢP PHỤ VICO

DRAWING NAME - TÊN BẢN VẼ

**BẢN VẼ KHÔI PLC**

MANAGER DESIGNER - CHỦ THÌ THIẾT KẾ  
 Nguyen Van Uy

DESIGNER - THIẾT KẾ  
 Phan Thanh Hải

DRAWING - VẼ  
 Phan Văn Uy

CHECKER - KIỂM TRA  
 Phan Thanh Hải

DATE	06/2021	P.STAGE
SCALE	---	TEXT

CHỦ ĐẦU TƯ (INVESTOR)



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ - VICO

REVISION	DATE
LOẠI HỒ SƠ (ISSUE FOR)	
THAM KHẢO	<input type="checkbox"/> REFERENCE
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/> PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/> YOUR APPROVAL
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/> CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> REVISED
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/> AS-BUILT

THẨM TRA THIẾT KẾ (DESIGN EXAMINATION OF CONSULTANT)

THỎA THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ (APPROVAL OF EMPLOYER)

GLOBAL DESIGNING CONSULTING Co., Ltd.



ADD: 19th floor - Indochina Park Tower 4 Nguyen Dinh Chieu Street, District 1 - HCMC. Tel: (84 - 8) 3885775 Fax: (84 - 8) 3837354

GIÁM ĐỐC (Director)

KS. TRẦN DUYỄN HẢI

CHỦ TRƯ (Presided by)

KS. BÙI BỒU QUỐC

THIẾT KẾ (Design by)

KS. BÙI BỒU QUỐC

VẼ (Drawn by)

KS. NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG

KIỂM (Checked by)

KS. NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG

TÊN CÔNG TRÌNH (Project name)

NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÂM CALCIUM SILICATE

THÔN TRÁ TRỊ, XÃ HẢI HƯNG, HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC (Item)

NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

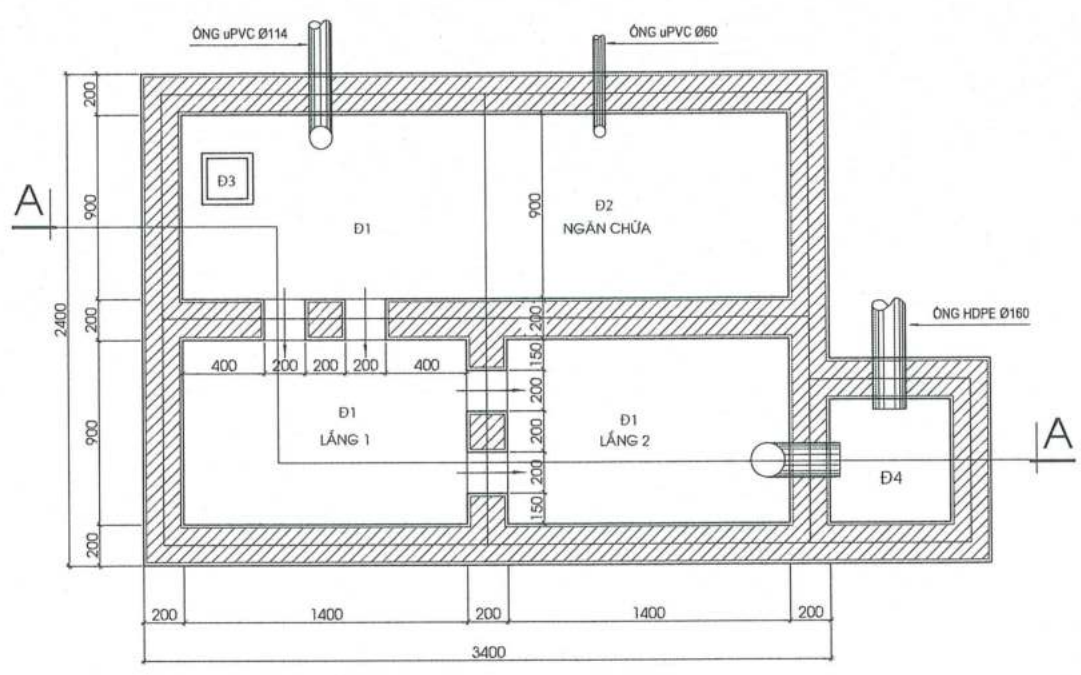
CHI TIẾT HẦM PHÂN TỰ HOẠI

TỶ LỆ SCALE

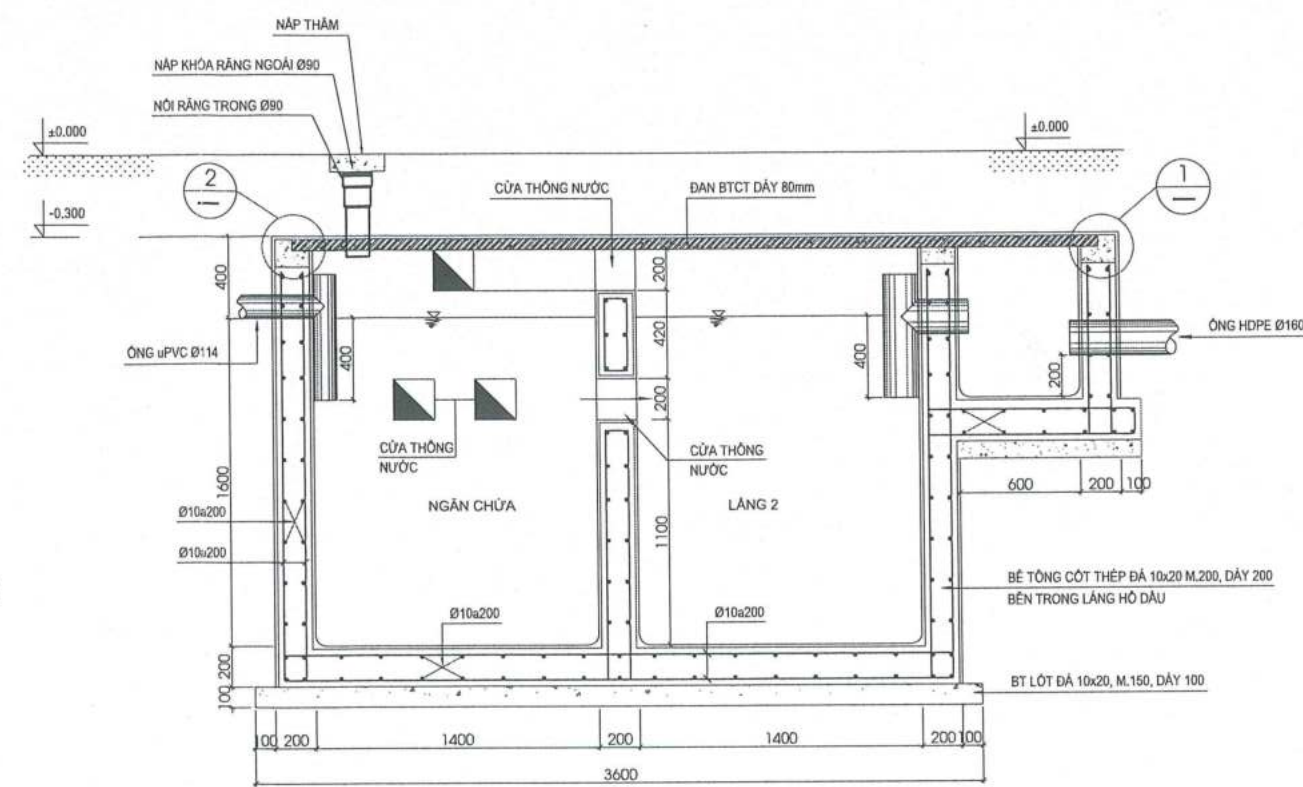
TỔNG BẢN VẼ DWG. TOTAL 07

SỐ BẢN VẼ DWG. No 01-2021/W1-06/07

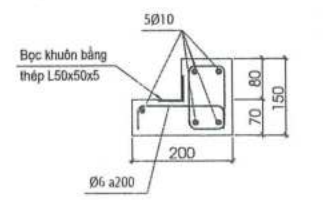
NGÀY P.HÀNH ISSUE DATE



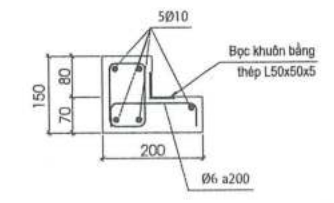
MẶT BẰNG HẦM PHÂN TỰ HOẠI 2400x3400x2000 TL : 1/25



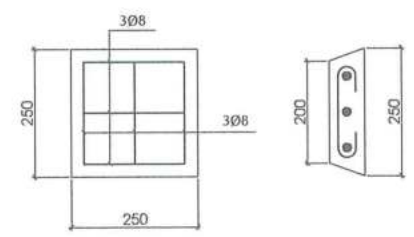
MẶT CẮT A-A TL : 1/25



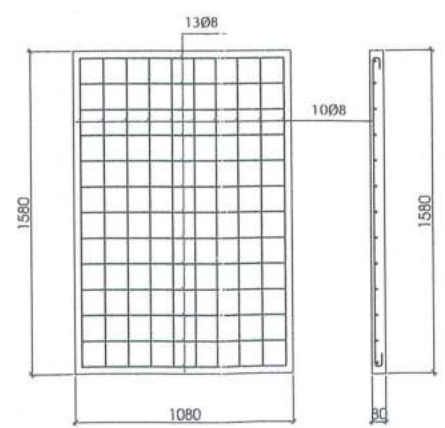
CHI TIẾT TL : 1/10 1



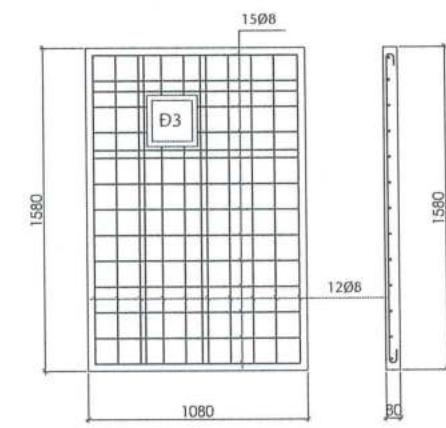
CHI TIẾT TL : 1/10 2



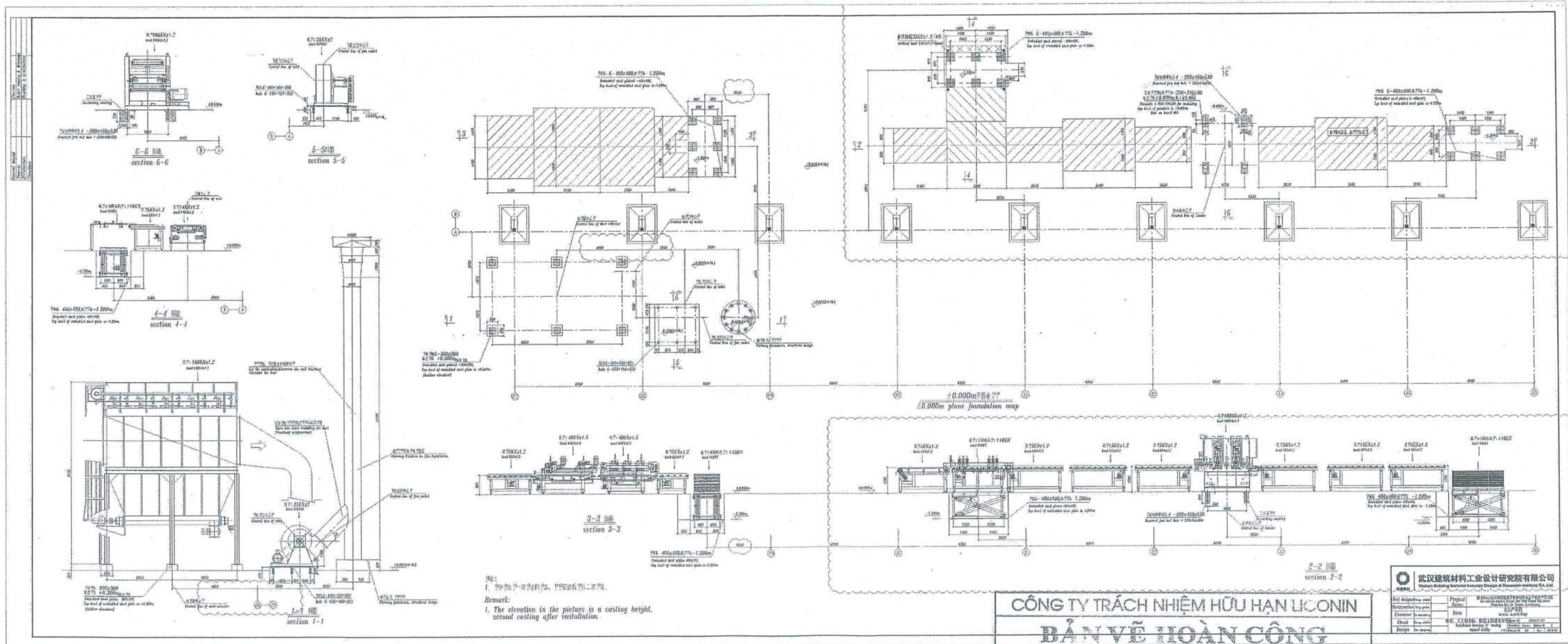
CHI TIẾT ĐAN Đ3 TL : 1/10 ĐAN KT 250x250x80 SL : 1TẤM



CHI TIẾT ĐAN Đ1 TL : 1/25 ĐAN KT 1080x1580x80 SL : 3TẤM



CHI TIẾT ĐAN Đ2 TL : 1/25 ĐAN KT 1080x1580x80 SL : 1TẤM



1. 标高为浇筑高度，安装后二次标高。  
 Remark:  
 1. The elevation in the picture is a casting height,  
 second casting after installation.

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LICONIN**

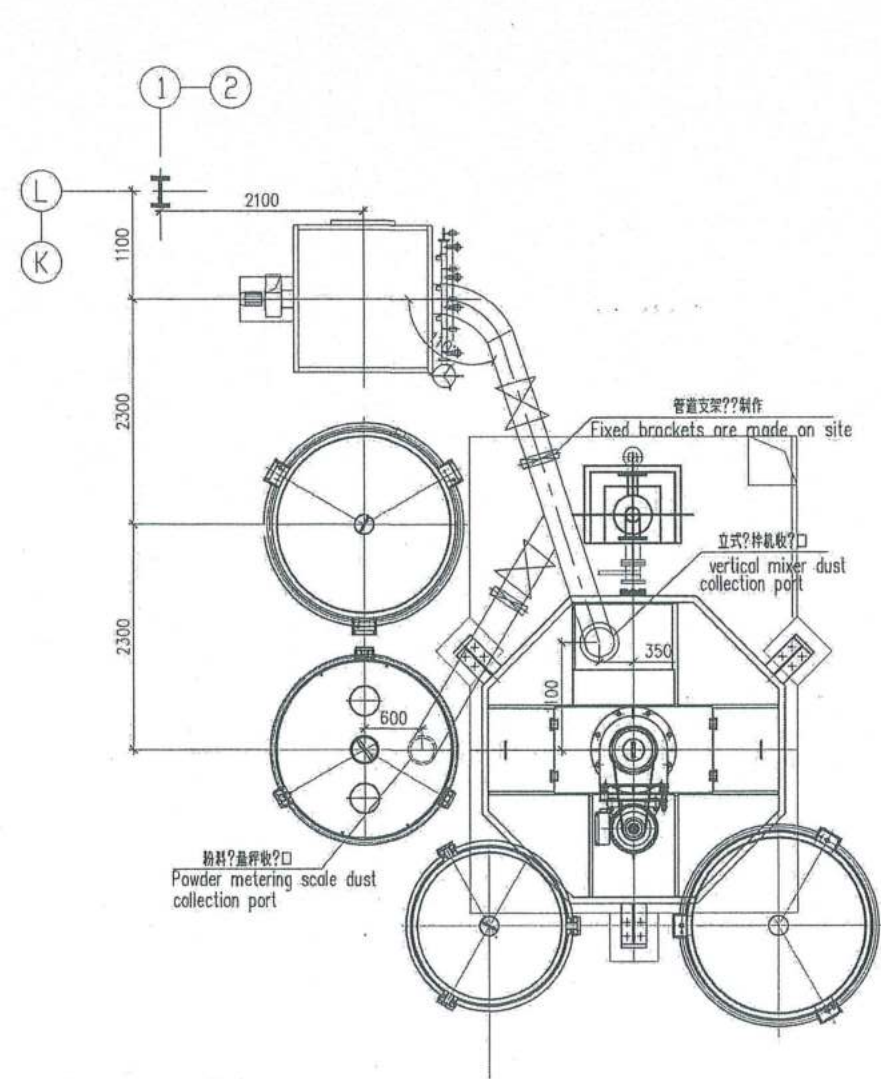
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng	Chủ đầu tư
Trần Xuân Linh	Lý Tất Thành	Nguyễn Văn Uy	PROJECT MANAGER

<b>武汉建筑材料工业设计研究院有限公司</b> Wuhan Building Material Industry Design & Research Institute Co., Ltd.	
Project Name	PROJECT NAME
Client	CLIENT
Design	DESIGN

Electric
Water supply & drainage
Heating & ventilation
General layout
Process
Architecture
Structure



收?管道平面布置?  
Dust collection pipe plan

?明:

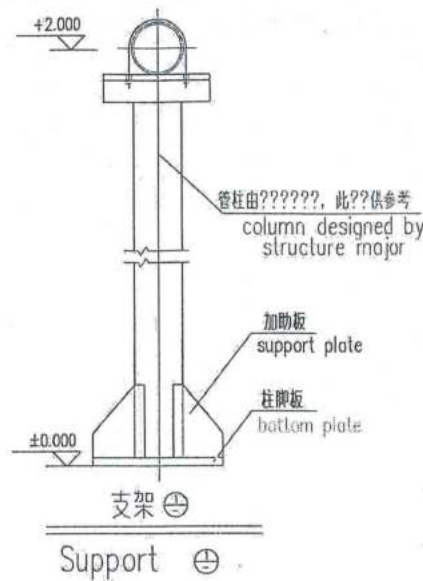
1. ?中所示?高?管中心?高;
2. 管道除?后, 表面刷防?漆一遍, ?和漆?遍;
3. 材料表中所?用管径与材料数量?供参考;
4. 管道支??制作, 固定自行?理, 由安装公司??;

Instruction:

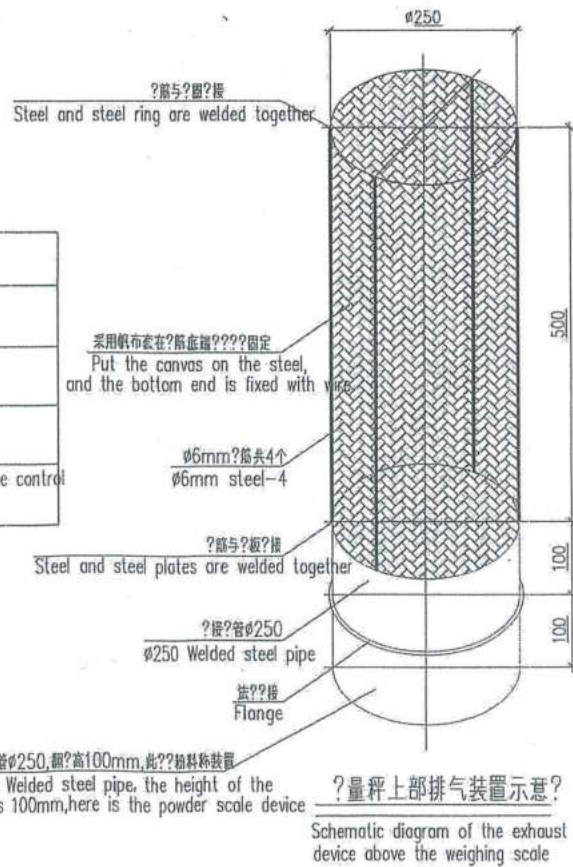
1. In the drawing, all elevations are pipe center elevation;
2. After the pipe is derusted, the surface is brushed with anti-rust paint and brushed twice with bleaching paint;
3. The pipe diameter and material quantity selected in the material table are for reference only;
4. Pipe bracket on-site production, the installation company is responsible;

?例 Legend

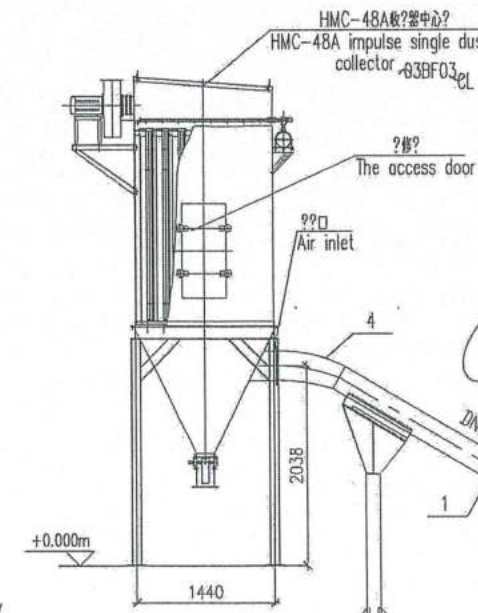
直管	—	Straight pipe
弯?	∩	Bend
支?	⊥	Support
管道??接	⊞	Canvas
手??量???	⊞	Manual air volume control valve



支架 ⊕  
Support ⊕



?管?管φ250, 高?高100mm, 此??粉料称装置  
φ250 Welded steel pipe, the height of the flange is 100mm, here is the powder scale device  
?量秤上部排气装置示意?  
Schematic diagram of the exhaust device above the weighing scale



收?管道系??  
Dust collection pipe system plan

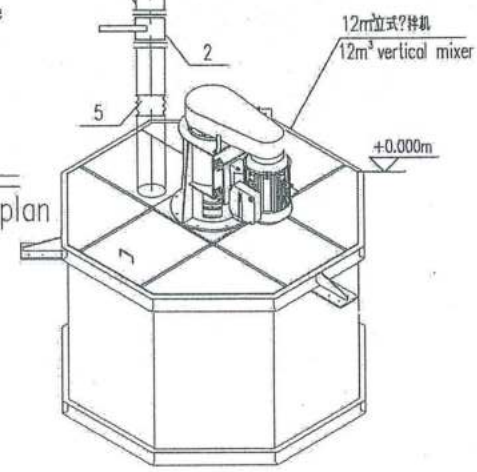
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LICONIN

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng	Chủ đầu tư
<i>Trần Xuân Lê</i>	<i>Ly Sát Thành</i>		<i>Nguyễn Văn Uy</i>

PROJECT MANAGER  
Nguyễn Văn Uy



No.	名称 ?格 型号	Name Type Specification	Unit	Qty	Remark
5	加厚工?帆布	Thick industrial canvas	m <sup>2</sup>	1	
4	Bend	110°弯? DN300	set	1	
3	Bend	90°弯? DN300	set	1	
2	STF-1手??量???	Manual air volume control valve DN300	set	1	
1	直管	DN300 Straight pipe DN300	m	4.5	

**武汉建筑材料工业设计研究院有限公司**  
Wuhan Building Material Industry Design & Research Institute Co., Ltd.

Chief designer	Cheng zhibin	Project Name	越南Vico无石棉硅酸钙纤维水泥平板生产线项目 Non-asbestos Calcium Silicate And Fiber Cement Flat Sheets Production Line for Vietnam Vico Company		
Reexamine	Ding yabin	Item	料浆制备工段收? main workshop		
Examine	Li xiangxing	Design No.	XC18027-EP		
Check	Cheng zhibin	Speciality	Process		
Design	Kong linglong	Edition No.	C		
		Drawing No.	409	Date	2019.08

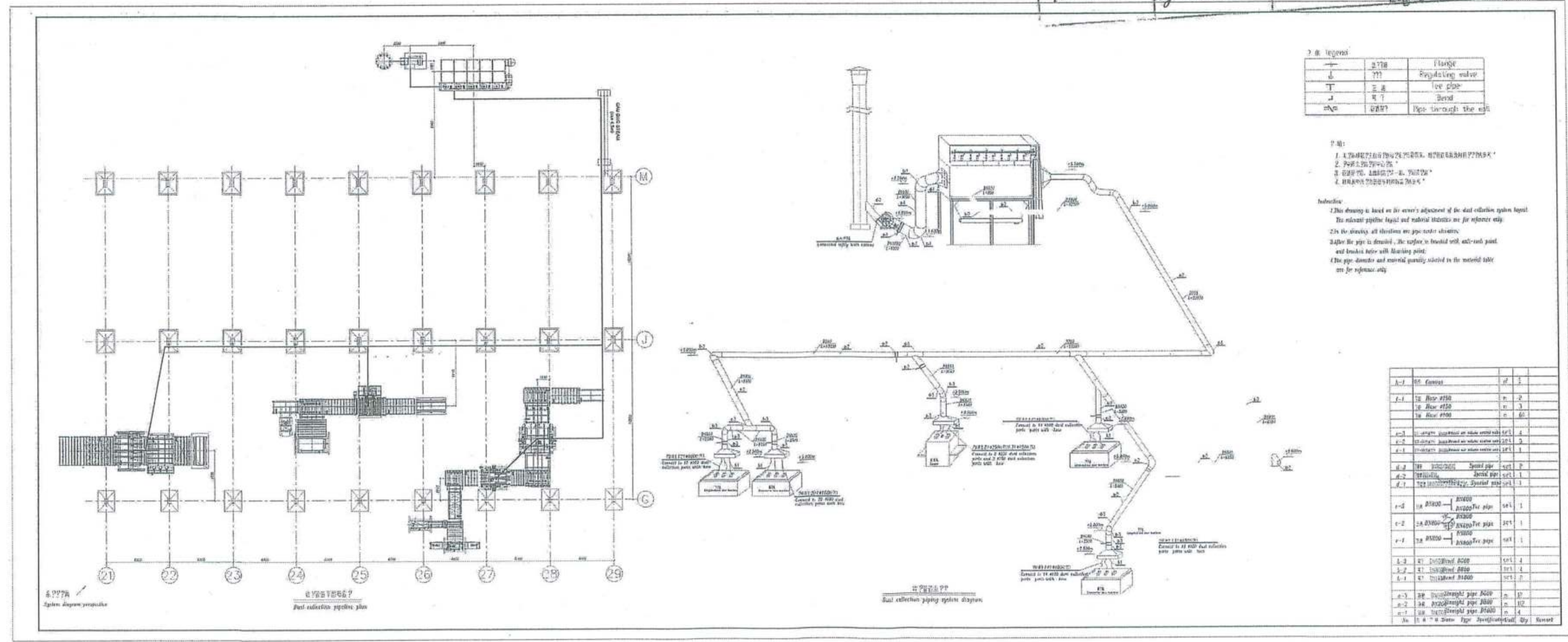
**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LICONIN**

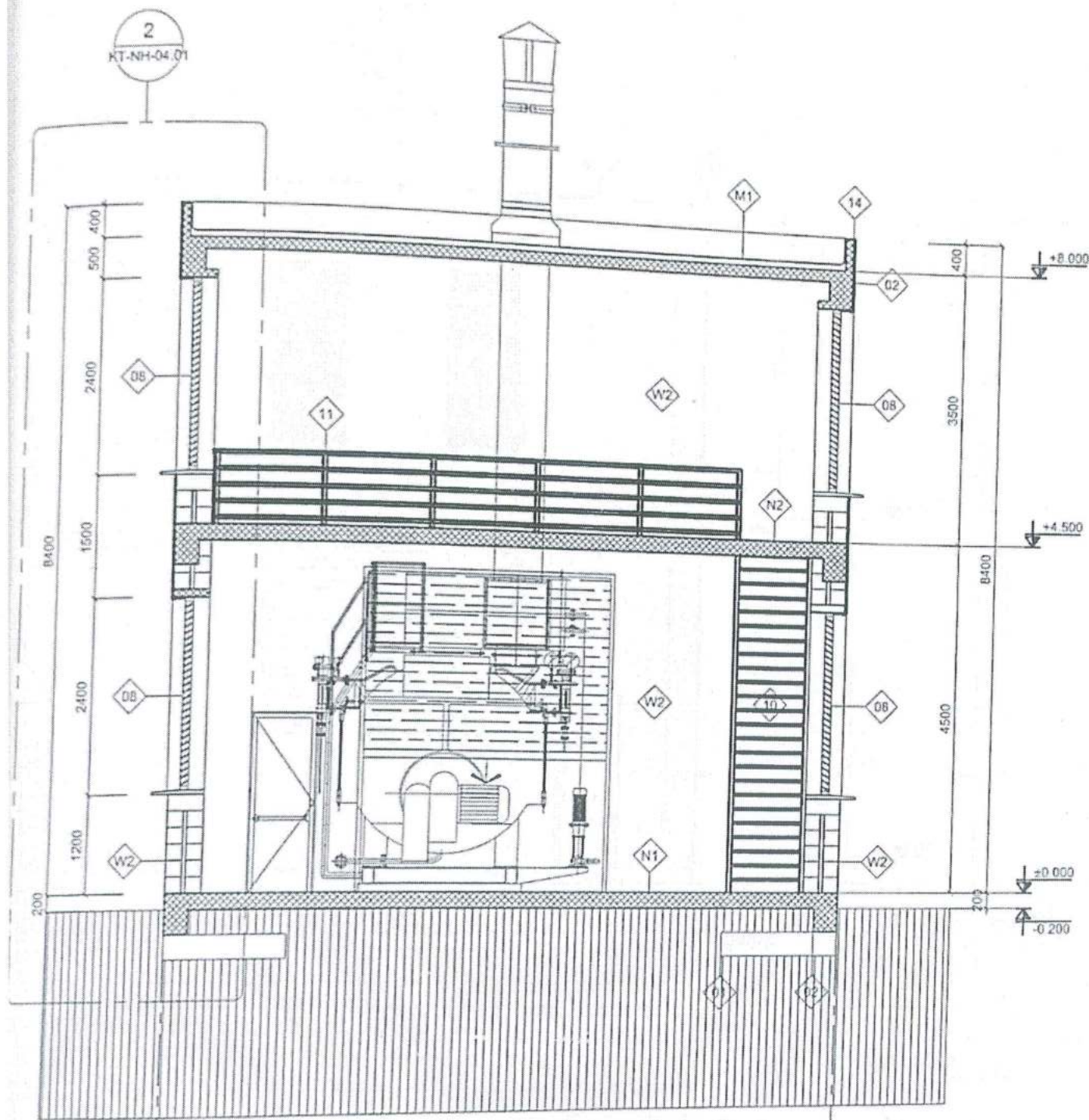
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng	Chủ đầu tư
Trần Xuân Linh	Lý Tất Thành	Vu Văn Uyên	PROJECT MANAGER Nguyễn Văn Uy

Nguyễn Tuấn Chanh





1 MẶT CẮT B - B  
TL: 1/50

CÔNG AN TINH QUẢNG TRỊ  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH  
ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ  
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY  
Số:.....TD-PCCC ngày.../.../...

KH	KÝ HIỆU VẬT LIỆU
N1	NỀN BTCT, XEM BV KC - HARDENER - XOA MẶT HOÀN THIÊN - LỚP NYLON DÂY 0.2mm - ĐÁT LƯ LÊN CHẤT
N2	SÀN BTCT, XEM BV KC - HARDENER - XOA MẶT HOÀN THIÊN
N3	QUÉT (3) BA LỚP CHỐNG THẤM - VỮA XI MĂNG MẠC 100, TẠO ĐỐC VÊ RÓN BÉ - NỀN BTCT, XEM BV KC - PHỤ GIA CHỐNG THẤM CẤP BB - LỚP NYLON DÂY 0.2mm - ĐÁT LƯ LÊN CHẤT
M1	MÁI BTCT - XEM BV KẾT CẤU - VỮA XI MĂNG MẠC 1% - PHỤ GIA CHỐNG THẤM - QUÉT 2 LỚP CHỐNG THẤM - VỮA XI MĂNG TRẮNG 10mm - BẢ MATIC - SƠN NƯỚC
M2	MÁI ĐUA TÓN MÁ MÀU DÂY 0.5mm - XÀ GỖ THÉP-C 100 MẠ KÉM - KẾT CẤU THÉP, XEM BV KẾT CẤU
W1	3 LỚP SƠN NGOẠI THẤT- TƯỜNG BTCT, XEM BV KC - PHỤ GIA CHỐNG THẤM CẤP BB - QUÉT 3 LỚP CHỐNG THẤM MẶT TRONG
W2	VÁCH XÂY GẠCH, 80X120 - VỮA XI MĂNG MẠC 75 DÂY 15mm HAI BÉ MẶT- BẢ MATIT - SƠN NƯỚC HOÀN THIÊN 3 LỚP
W3	VÁCH KÍNH AN TOÀN DÂY 8mm - HÉ KHUNG NHÓM, SƠN TÍNH ĐIỆN
O1	MÓNG BTCT, XEM BV KẾT CẤU
O2	KẾT CẤU BTCT, XEM BV KẾT CẤU
O3	CỘT BTCT, XEM BV KC - VỮA XI MĂNG - SƠN NƯỚC
O4	SẾ-NỒ BTCT - XEM BV KẾT CẤU - VỮA XI MĂNG MẠC 1% - PHỤ GIA CHỐNG THẤM - QUÉT 2 LỚP CHỐNG THẤM - VỮA XI MĂNG TRẮNG 10mm - BẢ MATIC - SƠN NƯỚC
O5	ỐNG DẪN THOÁT NƯỚC MÁI UPVC VÀ ĐẠI THÉP MẠ KÉM XEM BV NƯỚC
O6	CỬA CUỐN LAM THÉP SƠN TÍNH ĐIỆN - MOTOR VẬN HÀNH - XEM BẢNG THÔNG KẾ VẼ CHI TIẾT CẤU TẠO

KH	KÝ HIỆU VẬT LIỆU
07	CỬA 2 CẢNH RA VÀO BỌC THÉP, SƠN TĐ - XEM BẢNG THÔNG KẾ VẼ CHI TIẾT CẤU TẠO
08	CỬA SỔ THÔNG GIÓ LAM THÉP CỐ ĐỊNH, SƠN TĐ - XEM BẢNG THÔNG KẾ VẼ CHI TIẾT CẤU TẠO
09	CỬA SỔ KÍNH AN TOÀN DÂY 8mm VÀ KHUNG NHÓM CỐ ĐỊNH, SƠN TĐ - XEM BẢNG THÔNG KẾ VẼ CHI TIẾT CẤU TẠO
10	CẦU THANG THÉP SƠN CHỐNG GỈ - BẠC CHỐNG TRƯỢT
10'	THANG THÉP CHỐNG GỈ - BẠC CHỐNG TRƯỢT
11	LAN CÁN VÀ TAY Vịn THÉP ỚNG Ø49 SƠN CHỐNG GỈ
12	ỐNG KHÔI THÉP MẠ KÉM, XEM BÀN VẼ CÔNG NGHỆ - HÉ CHỐNG NƯỚC XÂM NHẬP MÁI
13	DIÊM - GỖ TÓN CHỐNG NƯỚC XÂM NHẬP, DÂY 0.4mm
14	GỖ ĐẦU TƯỜNG, LÁT GẠCH MEN - ĐỐC 1% VÊ MÁI VÀ SẾ NỒ
15	ĐẠN BÊ TÔNG CHẶN NƯỚC - ĐỐC RA 1%
15'	RAM ĐỐC BÊ TÔNG - 11%
16	HỆ THỐNG CẤP THUẬT NƯỚC, XEM BV CTN
17	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG, XEM BV ĐIỆN
18	VỈA HÉ BÊ TÔNG - HOÀN THIÊN NHẢM, CHỐNG TRƯỢT
19	MẶT ĐÁT HOÀN THIÊN

CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY CỔ PHẦN HẸP PHÚ - VICO  
ĐỊA CHẾ HẢI XUÂN - HẢI LĂNG - QUẢNG TRỊ  
CÔNG TRÌNH  
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẮM  
CALCIUM SILICATE  
ĐỊA ĐỂM XD HẢI XUÂN - HẢI LĂNG - QUẢNG TRỊ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ  
  
CÔNG TY CP TV&XD QUẢNG THÀNH  
CHI NHÁNH ĐÔNG HÀ  
ĐỊA CHẾ 66-ĐOÀN HỮU TRUNG-ĐHÀ-GTR  
ĐT: 02333.555.108, FAX: 02333.666.068  
GIÁM ĐỐC

K.S. PHẠM TRƯỜNG SƠN  
TRƯỞNG PHÒNG THIẾT KẾ

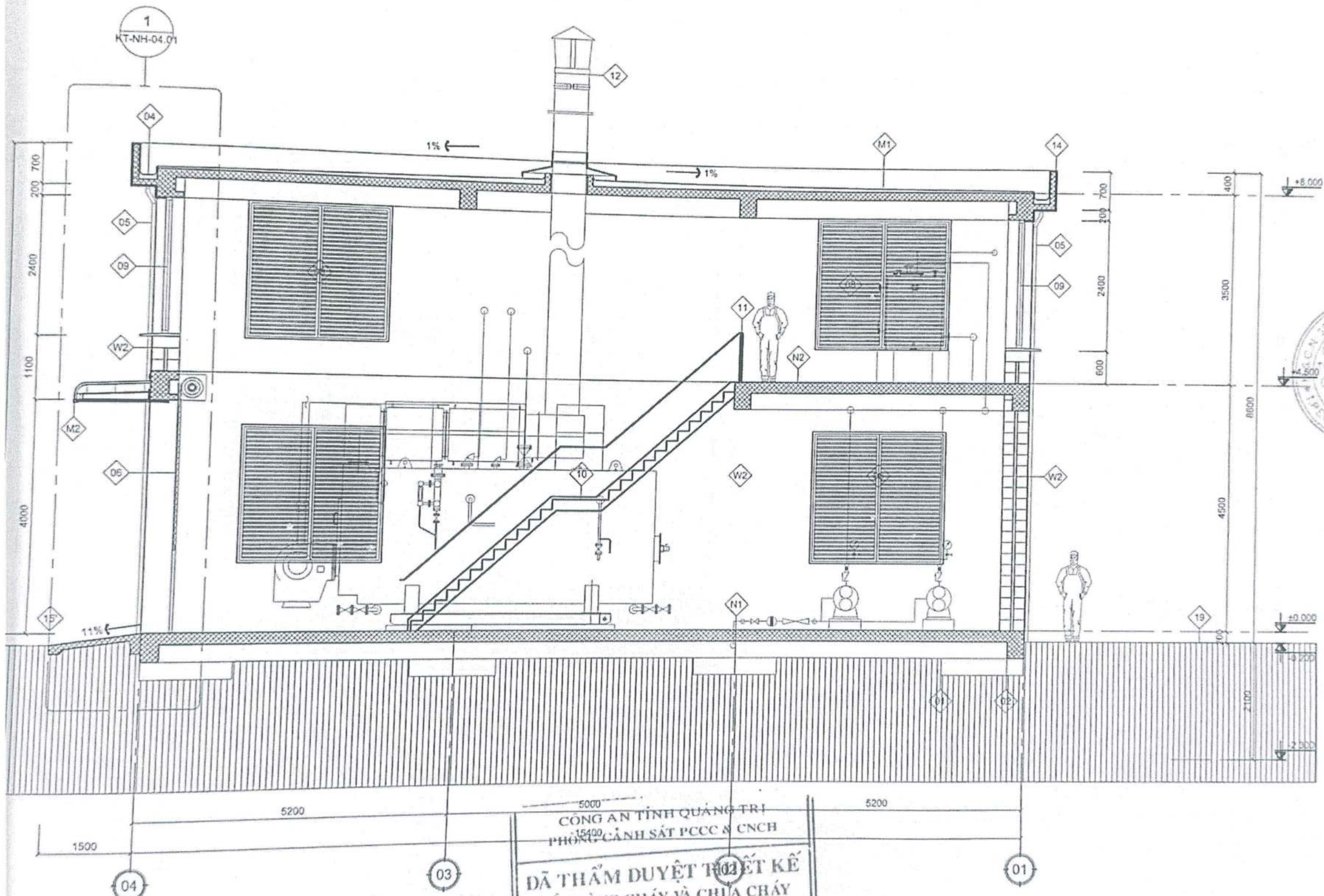
K.S. NGUYỄN THÀNH TRÌ  
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

K.T.S. NGUYỄN TRUNG NGHĨA  
CHỦ TRÌ

K.T.S. NGUYỄN TRUNG NGHĨA  
THIẾT KẾ - VẼ

K.T.S. NGUYỄN TRUNG NGHĨA  
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ  
MẶT CẮT B-B  
BỘ HỒ SƠ: HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC  
NGÀY PHÁT HÀNH 2019  
SỐ HIỆU BẢN VẼ KT - 08





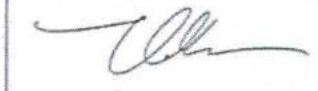
1 MẶT CẮT A - A  
TL: 1/50

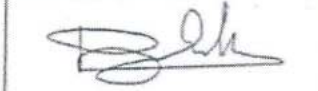
XEM BẢN VẼ KT-NH-03.02  
CHO CÁC KÝ HIỆU CẤU TẠO VÀ VẬT LIỆU

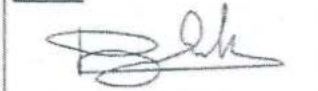
CÔNG AN TỈNH QUẢNG TRỊ  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH  
ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ  
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY  
TĐ PCCC ngày .../.../...


CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY CỔ PHẦN HIEP PHU - VICO  
ĐỊA CHẾ HẢI XUÂN - HẢI LĂNG - QUẢNG TRỊ  
CÔNG TRÌNH  
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẮM  
CALCIUM SILICATE  
ĐỊA ĐIỂM XD HẢI XUÂN - HẢI LĂNG - QUẢNG TRỊ

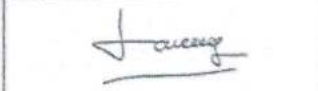
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ  
  
CÔNG TY CP TV&XD QUẢNG THÀNH  
CHI NHÁNH ĐÔNG HÀ  
ĐỊA CHẾ 66 ĐOÀN HỮU TRUNG ĐÀ - QTRỊ  
ĐT: 02333.555.158, FAX: 02333.666.068  
GIÁM ĐỐC  
  
KS. PHẠM TRƯỜNG SƠN  
TRƯỞNG PHÒNG THIẾT KẾ

  
KS. NGUYỄN THÀNH TRÍ  
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

  
KTS. NGUYỄN TRUNG NGHĨA  
CHỦ TRÌ

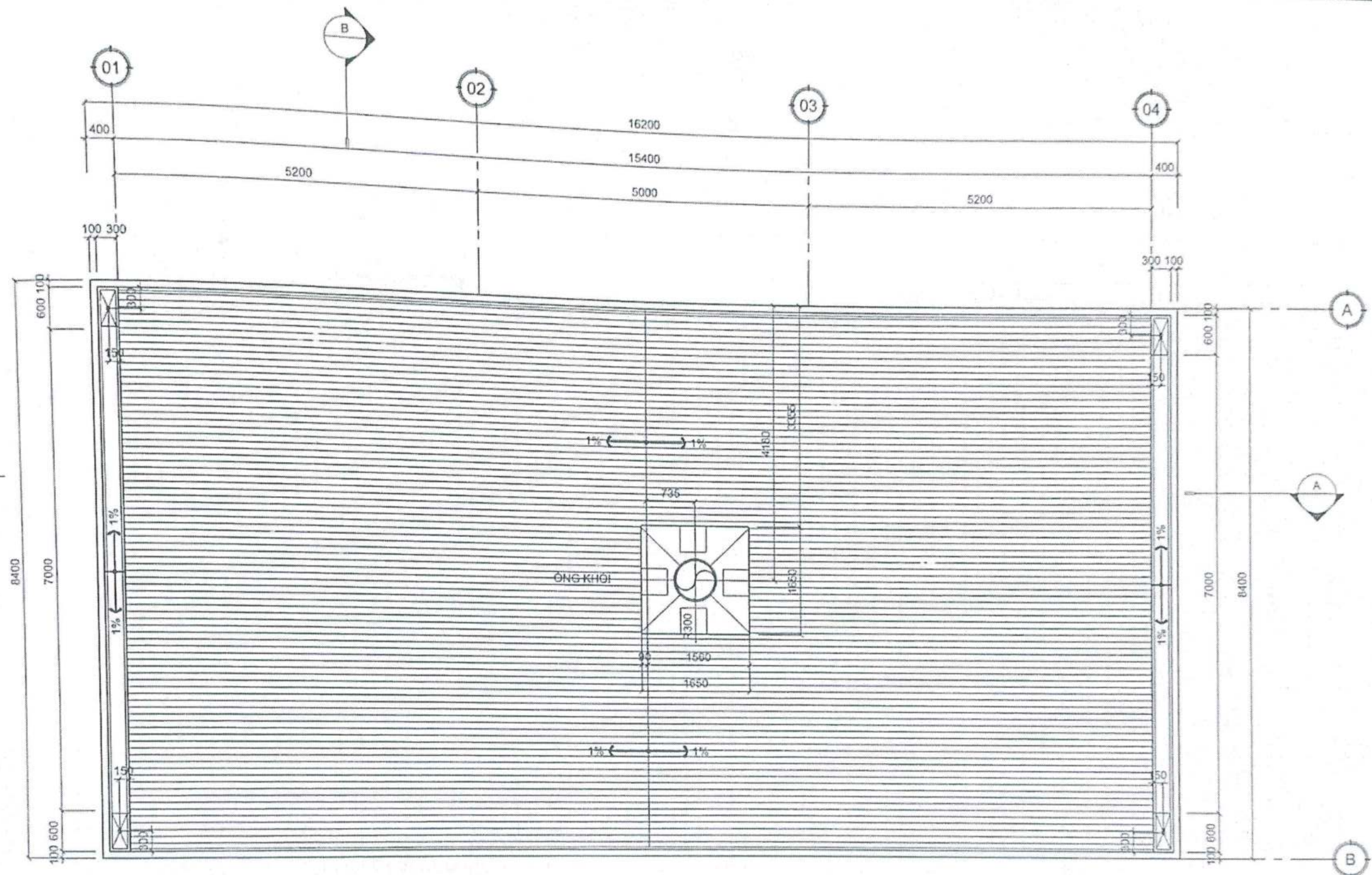
  
KTS. NGUYỄN TRUNG NGHĨA  
THIẾT KẾ - VẼ

  
KTS. NGUYỄN TRUNG NGHĨA  
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

  
KTS. LÊ VĂN LONG  
TÊN BẢN VẼ


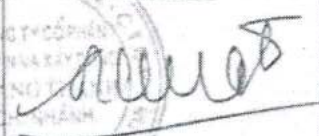
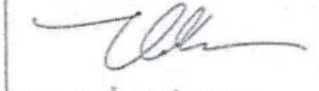


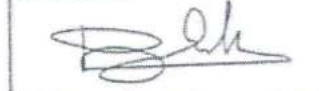
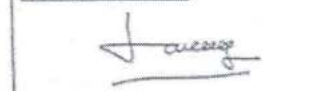
MẶT CẮT A-A

BỘ HỒ SƠ: HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC  
NGÀY PHÁT HÀNH 2019  
SỐ HIỆU BẢN VẼ KT - 06



1 MẶT BẰNG MÁI, +8.000  
TL: 1/50

CÔNG AN TỈNH QUẢNG TRỊ  
PHÒNG CẢM PHÁP PCCC & CNCH  
ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ  
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY  
Số:.....TD-PCCC ngày.../.../...

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY CỔ PHẦN HIEP PHU - VICO	
ĐỊA CHỈ: HẢI XUÂN - HẢI LĂNG - QUẢNG TRỊ	
CÔNG TRÌNH	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM CALCIUM SILICATE	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: HẢI XUÂN - HẢI LĂNG - QUẢNG TRỊ	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	
	
CÔNG TY CP TV&XD QUẢNG THÀNH CHI NHÁNH ĐỒNG HÀ	
ĐỊA CHỈ: 66-ĐOÀN HỮU TRUNG-ĐHÁ-QTR	
ĐT: 02333.555.168. FAX: 02333.666.058	
QUẢN ĐỐC	
	
KS PHẠM TRƯỜNG SƠN TRƯỞNG PHÒNG THIẾT KẾ	
	
KS NGUYỄN THÀNH TRÍ CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	
	
KTS NGUYỄN TRUNG NGHĨA CHỦ TRÌ	
	
KTS NGUYỄN TRUNG NGHĨA THIẾT KẾ - VẼ	
	
KTS NGUYỄN TRUNG NGHĨA QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
	
KTS LÊ VĂN LONG TÊN BẢN VẼ	
<b>MẶT BẰNG MÁI</b>	
BỘ HỒ SƠ: HỒ SƠ THIẾT KẾ BVTC	
NGÀY PHÁT HÀNH	2019
SỐ HIỆU BẢN VẼ	KT - 04